

Thánh dao dai nguyên luóc
giai / Đuc Cha Jeanningros
(Đuc Cha Vi) và Cha Chinh đã
don

Jeanningros, Constant-Philomène (1870-1921). Auteur du texte.
Thánh đạo đại nguyên lược giải / Đức Cha Jeanningros (Đức Cha Vi) và Cha Chính đã don. 1935.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

m. la suite

16°
Indoch.
92 (1)

THÀNH ĐẠO
Đại Nguyên

CUỐN THỨ NHẤT

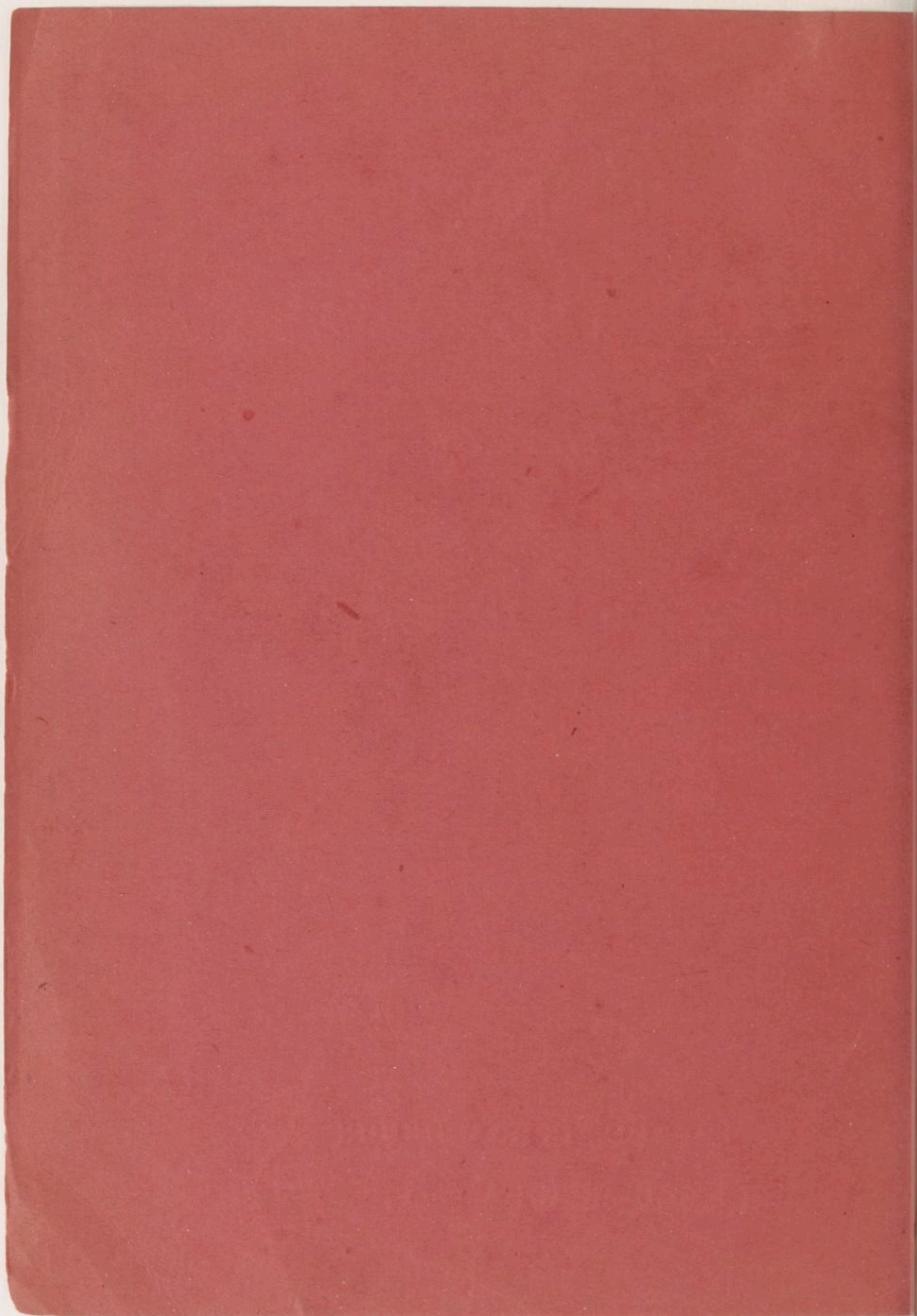


In lần thứ ba

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 21096



IMPRIMERIE DE QUINHON
QUINHON (Annam)



THÀNH ĐẠO ĐẠI NGUYÊN

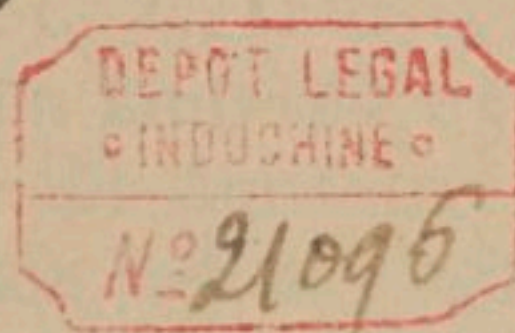
Lược giải

TRẦN ĐẠO TÀI NGUYỄN

Trước giải

THÁNH ĐẠO Đại. Nguyên

LƯỢC GIẢI



ĐỨC CHA Jeanningros (ĐỨC CHA VI)

và Cha CHÍNH

đã dọn

In lần thứ ba



IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (Annam)

160 Indoch.

92

THANH BAO
Bai. Nguyen

LƯU C GIẤY

Imprimatur

✠ A. TARDIEU

Vic. Apost.

Quinhon, die 1 Maii, 1935



TIỂU DẪN

Đ. C. T. dựng-nên loài người có trí-khôn, để *cứ lẽ* mà *nhìn biết sự thật trên hết*, là Đ. C. T., là đảng sanh-dưỡng cai-trị mọi loài, đáng yêu-mến kính-thờ trên hết mọi sự. Nhưng-mà trí người-ta đã ra tối-tăm u-trệ, phần thì *nhhiêm-lấy lẽ đối-trá dị-đoan*, lại tâm tình hay *ngiên-g chịu về đảng trái*, ham mê những sự xác thịt *ura-hạp* : nên lấy đạo thánh Chúa làm khó tin, khó giữ, chẳng màng xét tới, mà lại bắt-bẻ đều nọ sự kia.

Vì vậy phải có ơn riêng Chúa ban, người-ta mới có *sức trở-về đảng chánh* mà tin, giữ đạo thánh *sốt-sắng bền-đồi*.

Nhưng-mà cho được ơn ấy, thì Đ. C. T. dùng kẻ giảng-dạy mở lòng người-ta trước. Như xưa Đ. C. T. sai môn-đệ đi giảng thành nọ chỗ kia trước, đoạn Người đến sau ; lại Người dạy rằng : *Bay hãy đi giảng cho muôn dân thiên-hạ : ai tin mà chịu phép Rửa tội, thì đặng rồi*. Ấy vậy ơn giữ đạo bởi đức tin, tin bởi nghe hiểu. Cho nên phải có kẻ thông biết lẽ đạo *dành-rành*, cùng biết phân-giải rõ-rời minh-bạch ; dùng những sự thấy đặng mà đem đến việc *thiên-liêng* ; mượn lấy lẽ *tâm-thường* mà suy đến đều cao sâu *mầu-nhiệm*, thì người-ta mới dễ nể mùi đạo thánh. Vì trí-khôn thấy sự gì có *chứng-cớ minh-bạch*, có lý sự *vững-vàng*, mới lấy làm chắc thật.

Bởi đó kẻ muốn giảng rao danh thánh Chúa, giúp phần rồi người-ta, phải *gia công tập-luyện* cho đầy lòng

mến Chúa yêu người, cùng gấn sức học-hành cho thông-minh đạo lý. Chẳng những phải thuộc mấy điều cần-kip như bốn-đạo thường ; mà lại phải biết lấy lẽ chắc-chắn làm chứng vững-vàng : biết dùng ví-dụ ám-hạp, cắt-nghĩa rõ-ràng ; biết phân-giải, đối-đáp những điều người-ta nghi-nan, bắt-bẻ ; thì mới sáng danh đạo thánh, và làm ích cho người-ta.

Nhơn vì sự ấy, đã đặt lấy những điều đại-cái trong đạo, lựa những lẽ dễ hiểu trong sách lý-đoán, sách thánh hiền cắt-nghĩa, cùng giải một hai điều kẻ ngoại hay cơ hỏi bắt-bẻ, mà đón làm một bốn, đặt hiệu là **Thánh đạo đại nguyên lược giải** : phân làm hai cuốn, chia phần, đoạn văn dài tùy việc ; có ý cho vừa sức học-trò dễ hiểu dễ nhớ.

Cuốn nhất tóm lại và giải những **sự phải biết, phải tin**, là lẽ thật soi-sáng cho ta bỏ đảng lạc, trở-về đảng chính, mà vững-giữ lẽ-luật Đ. C. T.. Cho nên trước hết giảng chung cho biết *đạo nào đáng giữ, đạo nào chẳng* ; đoạn cứ thứ theo KINH TIN KINH mà phân giải.

Cuốn nhì chỉ những **việc phải làm, những điều phải lánh**, và **phương-phép** giúp ta làm lành lánh dữ, cùng **cách-thể cầu-xin** cho được ơn trọn-lành bền-đỗ, hầu dâng lãnh phần thưởng toàn công. Cho nên sẽ cứ theo MƯỜI GIẢI RĂN Đ. C. T. ; SÁU ĐIỀU RĂN HỘI THÁNH ; BẢY MỐI TỘI ĐẦU ; BẢY PHÉP BÍ-TÍCH.

Vốn kẻ dạy người-ta, phải học nhiều, mới biết dạy ít. Nên đây dọn vừa đủ cho thầy-giảng học, hầu biết phân-giải mấy điều mình muốn dạy. Ấy vậy thầy-giảng phải biết *lựa mấy điều chính gốc, đều cần hơn* : sự gì người-ta phải biết trước, thì dạy trước cho vừa sức kẻ

nghe. Cứ sự dễ lần tới sự khó, bậc thấp men lên bậc cao. Cũng như kẻ lên thang, phải qua bậc cần, bậc dưới trước hết, đoạn mới lần lên mấy bậc trên đặng.

Giáo-hữu cũng đặng nhờ sách này mà thêm rõ những sự mình phải tin, phải giữ. Vì nhiều người chưa nghe giảng-day lẽ đạo cho đủ đầu đuôi ; lại dầu đã nghe, cũng hay quên mau lảng ; có năng coi sách, mới dễ nhớ dễ thuộc hơn. Vì lời nói mau bay, mà chữ biên thì bền lâu. Lại được nhờ đây cho biết giảng-giải lẽ đạo, giúp kẻ ngoại trở về đảng chính ; vì Đ. C. G. cũng đã đổ hết máu mình mà cứu chuộc phò kẻ ấy.

Ấy vậy chớ chi mỗi người có đạo nên mỗi tông-đồ trong xứ mình : vì Đ. C. T. ban ơn cho mình biết đạo thánh Chúa trước, âu-là cũng có ý dạy kẻ chưa biết, nhứt là trong bà-con thân-tộc mình. Vì vậy dám khuyên coi xét sách này cho rõ đạo lý.

Làm tại nhà-trường ĐẠI-AN.

ngày lễ Đ. C. T. T. hiện xuống 1907.

S. CHÍNH.

M U C L Ệ



Sách này chia ra mười phần : đây cứ từ phần mà kể điều mục, phần nào số ấy, như sau này.

1 — Cho được nên người, thì **phải có đạo** ; mà trong thế-gian có đạo chính đạo tà. Ấy vậy trước hết phải xét phải tìm cho ra đạo chính mà noi-giữ. Vì có một đạo chính là cần-kíp can-hệ cho mỗi người, và đáng vưng-giữ mà-thôi.

Vậy cứ chính lý mà xét, thì có một đạo Thiên Chúa, phần thì Đ. C. T. đã ghi tạc trong lương-tâm mọi người, phần thì đã truyền, đã giữ từ tạo thiên lập địa, phần thì chính Đ. C. T. Ngôi Hai đã xuống thế giảng truyền cho thiên-hạ noi-giữ xưa nay khắp miền thế-giới. Lại mọi đều đạo dạy rất xứng tình cao-trọng Đ. C. T., rất nên có ích cho loài người-ta ; đủ phương đủ sức làm cho ta nên lành nên thánh ở đời này, và đời sau được thanh-nhân vinh-biễn trên trời. Cho nên có một đạo Thiên Chúa là chính đạo thật, mọi người phải giữ mà-thôi.

Vả đạo Thiên Chúa là đạo chính, thì các đạo khác là đạo tà : vì trong một trời đất, một loài người, một Chúa sinh dưỡng cai-trị, ắt phải có một đạo chính mà-thôi. Cũng như một nhà-nước, một vua cai-trị, thì phải có một lễ-luật mà-chớ.

Nhưng-mà trong nước này nhiều người theo đạo Nhu, đạo Phật, đạo ông bà, nên phải xét qua cho biết gốc-tích ba đạo ấy vốn bởi người thế-gian mới bày ra ; dầu có dạy nhiều điều phải lẽ, nhưng-mà cũng dạy nhiều

đều nghịch lý tổ-tường, lại thiếu nhiều điều cần-kíp...
Cho nên hẳn thật là đạo dị-đoan, chẳng ai nên giữ.



2 — Đã rõ đạo Thiên Chúa là đạo trọn-tốt trọn-lành, thì phải tin mọi điều đạo dạy. Vậy những điều đại-cái đã tóm lại trong kinh Tin kính, cho nên cứ thứ tự ấy mà phân-giải.

Trước hết **phải tin có Đ. C. T.**, vì là điều thứ nhất đạo thánh dạy. Nhưng-mà xem các vật trong trời đất, xét bôn-tính loài người, cũng biết đặng phải có một đấng trên hết thiêng-liêng, quờn-phép, vô-thỉ vô-chung, trọn-tốt trọn-lành, làm Chúa cả muôn vật, đáng yêu-mến kính-thờ trên hết mọi sự.

Người đã truyền cho ta biết thánh tính Chúa rất cao-sang mẫu-nhiệm : có Ngôi Cha, Ngôi Con, Ngôi Thánh Thần ; ba Ngôi khác nhau, mà đồng một tính một thể, cho nên thật là một Chúa mà-thôi.

Người gồm no mọi sự tốt-lành vinh-hiễn, song muốn thông sự tốt-lành tài-phép ra bề-ngoài, thì đã dựng nên trời đất muôn vật, cùng gìn-giữ quản-trị, vì một ý cho sáng danh Người, cùng cho ta được nhờ.

Trong mọi vật Đ. C. T. đã dựng-nên, trên trời có chín phẩm Thiên-thần, thiêng-liêng cao-trọng, châu-chực vãng lịnh Đ. C. T.. Có phần trung-nghĩa cùng Chúa luôn, thì đã đặng thưởng thanh-nhân muôn đời ; còn một phần phản-ngụy, đã phải phạt đời-đời, hoá-ra ma-quỉ.

Dưới đất có loài người-ta, là vật trọng hơn hết, có linh-hồn thiêng-liêng hằng sống, cai-trị trong mình, hiểu-biết việc nên hư phải trái, muốn chọn-lựa mặc ý mình, để mà lập công lãnh phần thưởng muôn đời.

Đầu hết Đ. C. T. đã dựng-nên ông Adong, bà Evà, cho làm nguyên-tổ cả-và loài người ta. Mà rỗi nguyên-tổ phạm lệnh Đ. C. T. mất nghĩa cùng Chúa, cho nên người cùng dòng-dõi thấy-thấy mất phước đời-đời, lại phải án phạt vô cùng. Song Đ. C. T. rất nhơn-từ lấy lòng thương-xót, phán hứa ngày sau có Chúa ra đời cứu chuộc, thì mới trông khỏi tội đặng phước.



3 — Đ. C. T. cứ lời đã hứa mà cho **Ngôi Hai xuống thế cứu chuộc loài người.**

Trước hết Đ. C. T. sai thánh thiên-thần truyền lệnh cho thánh Nữ đồng-trình Maria, dặng hay Đ. C. T. đã chọn người làm mẹ Chúa Cứu-thế. Đoạn Đ. C. T. Ngôi Hai, bởi phép Đ. C. T. T., mà xuống thai trong lòng rất thánh Nữ đồng-trình, mặc lấy tính loài người, sinh-ra ở thế ; đặt tên là Giêsu, nghĩa là Cứu-thế.

Ấy vậy Đ. C. G. có một ngôi mà hai tính : một là tính Đ. C. T. ; hai là tính người-ta. Tính Đ. C. T. thì tự hữu hằng có đời-đời ; tính người-ta, thì là Con một Đ. Mẹ, mới sinh-ra đời trung-cổ, có linh-hồn có xác như ta. Hai tính ấy hiệp thành một Vị Cứu-thế, ở giữa thế-gian ba mươi ba năm, giảng truyền đạo thánh, làm gương các nhơn-đức, làm muôn vạn phép-lạ, lập các phương linh phép thánh trong đạo, gánh hết tội muôn dân, chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, đền tội cho cả-và loài người ta. Chịu chết đoạn ba ngày sống lại, khỏi bốn mươi ngày thăng thiên.

Đ. C. G. đã khắng chịu gian nan chịu chết mà cứu chuộc loài ta, thì biết lòng Chúa thương-yêu ta quá bội là ngần nào !

Bởi ta phạm tội, thì xúc phạm đến Đ. C. T., là đáng

cao-trọng vô cùng, cho nên tội cũng ra nặng vô cùng, chẳng có thể đền cho cân-xứng phép công-thắng Chúa, một đáng phạt đời-đời mà-thôi.

Nhưng-mà nhờ công-nghiệp vô cùng Chúa Cứu-thế, thì chẳng những ta khỏi vòng tội lụy, khỏi làm tội ma-quỉ; mà lạiặng phần phước đời-đời. Ấy vậy ai-nấy phải gắng công ra sức vâng-giữ luật Chúa Cứu-thế cho trọn, thì mới được nhờ ơn trọng Người dường ấy.

Vả Đ. C. T. đã chọn rất thánh Nữ Maria làm Mẹ Chúa Cứu-thế, nên đã ban cho Đ. Mẹ đầy-dẫy mọi phước, cùng cho giúp việc cứu-chuộc loài người. Đến chừng Đ. Mẹ đầy phước-đức công-nghiệp, thì Đ. C. T. rước linh-hồn và xác ngự về trời, phong quờn Nữ-Vương cai-trị trên trời dưới đất, làm Mẹ bảo-hộ các giáo-nhơn. Nên đã đáng cho ta yêu-mến kính-thờ Đ. Mẹ dưới Đ. C. T., và trên hết các thần thánh.



4. — Đ. C. G. ngự về trời khỏi mười ngày, có Đ. C. **Thánh Thần** hiện xuống soi-sáng, mở-mang **Hội-thánh Đ. C. G. mới lập**, cùng gìn-giữ cho đến rày, và cho đến tận thế.

Đ. C. T. T. là Đ. C. T. Ngôi thứ Ba, tuy ở khắp mọi nơi, ở cách riêng trong linh-hồn kẻ có ơn-nghĩa thánh, cùng hiện hình ra nhiều lần; nhưng-mà lần này là chính việc Ngôi Ba làm cho trọn việc Ba Ngôi một Chúa. Cũng như Ngôi Cha gây dựng, Ngôi Con cứu-chuộc, thì Ngôi Ba xuống soi-sáng cho ta nhờ trọn ơn sinh thành cứu-chuộc. Ấy là việc mẫu-nhiệm Ba Ngôi một Chúa tỏ ra cho ta thấy ít nhiều, hầu biết thờ-phượng, tạ-ơn, khẩn-cầu Ngôi thứ Ba, cũng như Ngôi thứ Nhất, Ngôi thứ Hai vậy. Vì ta nhờ đủ việc ba Ngôi một Chúa, mới rồi linh-hồn.

Ấy vậy Chúa đã lập một Hội-thánh để giảng truyền, và phân-phát các ơn phép cho người-ta được rồi ; nên ai muốn rồi linh-hồn, phải vào cùng vâng-phục Hội-thánh Người.

Chính Hội-thánh Chúa đã lập thì có Đức Giáo-tông nối quờn ông thánh Phêrô, thay mặt Đ. C. G., ngự tại thành Rôma, cai hết các giáo-nhơn trong cả-và thế-gian. Có các giám-mục thay mặt người mà coi-sóc giáo-hữu các nước các xứ. Lại dưới hàng giám-mục, có chức linh-mục, cùng nhiều phẩm trật khác để giúp việc Hội-thánh ; còn dân-sự là những hội-hữu ở tứ phương thiên-hạ.

Cho nên Hội-thánh là một nước thiêng-liêng rất rộng lớn, có phần ở trên thiên-dàng ; có phần đương đền tội trong luyện-ngục ; có phần còn ở giữa trần-gian, là giáo-hữu khắp phương thế-giới. Các phần ấy được thông công với nhau, thương nhau, giúp nhau, nhờ nhau, khác nào con một nhà vậy.

5 — Ấy vậy mọi điều đạo thánh Chúa dạy, ai tin giữ, thìặng thưởng đời-đời, ai chẳng tin thì phải phạt vô cùng.

Nhưng-mà đời này là nơi tạm ngụ, là trường lập công, chưa thưởng phạt cho trọn. Đ. C. T. đã định cho mỗi một người chết đoạn, linh-hồn phải đến toà Chúa phán-xét riêng, hầu lãnh phần trả công tùy việc.

Song phần xác còn phải hư-nát cho đến ngày tận thế mới sống lại chịu phán-xét chung, mà đồng chịu thưởng phạt với linh-hồn.

Vốn Đ. C. T. dựng nên loài có trí-khôn cho đặng kính-thờ Chúa, và thưởng phước muôn đời. Nhưng-mà bởi trên trời đã có thần dữ đã phản ngụy cùng Chúa, dưới đất có

kẻ xấu chẳng vưng-giữ luật Chúa, nên Đ. C. T. đã lập một ngục rất sâu-thẳm đầy hoả hào, mà phạt chúng nó muôn đời cho đáng tội.

Lại có kẻ phạm tội nhẹ, hay-là khi chết đã dặng ơn tha-thứ khỏi tội nặng rồi, song chưa đền tội đủ, thì Chúa nhơn-từ công-bình, cũng lập một ngục tạm riêng cho phò kẻ ấy vào chịu khốn-khổ đền cho đủ, đoạn mới được lãnh phần phước thanh-nhàn.

Còn những thiên-thần trung-nghĩa, những người làm con thảo tội ngay, là tin giữ trọn lẽ-luật Chúa, khi chết đã sạch tội sạch vạ trong linh-hồn, thì đã có thiên-đàng, là nơi Đ. C. T. tỏ ra mọi sự thanh-nhàn vinh-hiển, cho phò đấng ấy dặng hưởng phước hăng sống, hăng vui, hăng trị cùng Chúa muôn đời.

6 — Đ. C. T. là đấng sinh dưỡng cai-trị, đã truyền những sự phải tin, lại chỉ việc phải làm mà thờ-phượng Chúa, cùng ở với người-ta, cho có phép-tắc thứ-tự : cho nên chẳng những phải tin, mà lại phải làm y như lệnh Chúa dạy.

Mà luật Chúa đã tóm lại trong mười điều, gọi là **Thiên Chúa thập giới**.

Cũng như các luật nhà-nước tóm lại được hai điều : một là chỉ về vua ; hai là chỉ về dân ; thì mười điều răn Đ. C. T. cũng vậy : ba điều trước chỉ về Chúa ; bảy điều sau về người-ta.

Luật nhứt trong nhà-nước là dạy giữ lòng trung với vua, chẳng dám phò vua nào khác ; sự thứ nhì là phải kiêng cử, đừng có lời gì xúc-phạm đến oai-quờn vua ; sự thứ ba là phải làm việc vua trong những ngày đã chỉ định. Luật Đ. C. T. cũng vậy, trước hết phải giữ lòng trung-nghĩa

cùng Chúa, nên tóm lại rằng : *Kính chuộng một Đ. C. T. trên hết mọi sự.* Điều thứ hai phải cung kính thánh danh Chúa, cho nên tóm lại rằng : *Chớ lấy tên Đ. C. T. mà thề dối.* Điều thứ ba cũng phải làm việc Chúa trong ngày đã chỉ định, cho nên rằng : *Giữ ngày Chúa-nhật.* Ấy là ba điều luật Đ. C. T. dạy ta phải lấy tâm tình lời nói, việc làm, mà thờ-phượng một Đ. C. T. trên hết mọi sự.

Còn về phần người-ta, chẳng ai thân-nghĩa với nhau cho bằng con-cái với cha mẹ, vợ với chồng, tôi-tớ với quan-thầy, dân-sự với vua-chúa ; cho nên trước hết tóm lại rằng : *Thảo kính cha mẹ.*

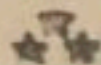
Đã dạy làm lành, thì cũng cấm làm dữ, kẻ hại đến người-ta và khốn cho mình. Mà sự hại người-ta có ba thể : Nhứt là việc làm ; hai là lời nói ; ba là ý muốn. Ấy vậy hại mạng-sống người-ta là điều nặng hơn hết : cho nên trước hết cấm rằng : *Chớ giết người.*

Và đức trinh-khiết trọng như của-cải : cho nên cấm rằng : *Chớ làm tà-dâm ; chớ ăn-trộm cướp.* Ấy là ba điều cấm việc làm.

Lại lời nói cũng hại người-ta nhiều cách : cho nên cấm rằng : *Chớ làm chứng dối.*

Sau nữa ý muốn cũng làm hại người-ta dặng : cho nên cấm rằng : *Chớ muốn vợ chồng người ; chớ tham của người.*

Hết thấy các lẽ-luật thì Đ. C. G. đã tóm lại làm hai điều này : Một là kính chuộng một Đ. C. T. hết lòng hết sức, trên hết mọi sự ; hai là yêu người-ta như mình vậy. Ấy vậy ai vưng-giữ cho trọn, thì dặng phước đời-đời.



7 -- Nhưng mà Đ. C. T. cai-trị phần hồn cũng như phần xác : Về phần xác Người dùng vua-chúa quan-thầy

chỉ-dẫn cho biết luật lý ở với nhau cho nhắm thứ-tự. Còn phần hồn Người lập một Hội-thánh và ban quờn cai-trị thay mặt Người, mà dạy cho biết phải giữ lẽ-luật Đ. C. T. khi nào, cách nào làm những sự gì mà giữ cho trọn điều răn Chúa.

Vì vậy **Hội-thánh** đã cứ theo ý **Chúa** mà lập **nhieu lẽ-luật** : có luật chung cho mọi người giáo-hữu ; có luật riêng cho mỗi một **đấng bậc**.

Lẽ-luật chung cho mọi người hội-hữu thì có sáu điều. Bởi Hội-thánh muốn cho con cái bắt-chước gương lành các thánh, thờ-phượng Chúa cách chung cách trọng-thể, cũng có khi phải nghỉ việc xác mà lo việc hồn : nên chỉ định có *ngày lễ cả, ngày Chúa nhật*, để mà làm những việc ấy cách riêng.

Lại dầu người nhơn-đức cũng hay sa-sảy lỗi-lầm, nhơn vì sức mình yếu-đuối, mà ba thù rất dữ ; phải năng dùng thuốc mầu chữa bệnh, ơn thiêng bổ sức, mới giữ trọn điều răn ; cho nên dạy *hội-hữu phải xưng tội rước lễ*, mỗi năm ít là một lần.

Mà trong ba thù, thì xác-thịt là giặc nội-công, bằng muốn dắc-díu linh-hồn theo đảng tội-lỗi, trể bỏ việc lành. Nếu chẳng hãm khớp gò cương, dùng phương chế-trị, thì lòng thú chẳng khỏi lạng loạn, mà lòng thần phải thua sút : cho nên dạy rằng : phải cứ ngày đã định mà *ăn chay, kiêng thịt*.

Ấy là lẽ-luật chung buộc mọi người hội-hữu phải giữ vừa sức mình.



8 — Đ. C. T. đã ra lẽ-luật, đã lập Hội-thánh giảng truyền, đã cho mỗi người có trí-khôn biết suy phải

trái, ban quyền chủ-trương chọn-lựa mặc ý, để làm lành có công đáng thưởng ; ban lương-tâm làm thầy riêng dẫn-bảo, để khi gặp việc quyết đoán phải làm hay là phải lành. Chúa ban bấy nhiêu ơn ấy, chẳng qua là cho mọi sự trong ngoài ta hằng hiệp với thánh ý Chúa luôn, hầu nên công-đức đời này, mà lãnh thưởng đời sau.

Mà khốn thay ! tính người ta đã ra yếu-đuối hư-hèn : theo khuôn-phép thì khó, ở buông-tuông thì dễ, cho nên phạm luật Chúa. *Bởi phạm luật thì sinh ra tội.*

Có tội chung, tội riêng : tội chung là tội tổ-tông ai-ai đều mắc như nhau, nhờ ơn phép Rửa-tội thì đặng khỏi. Còn tội riêng là lòng lo, miệng nói, mình làm đều gì phạm lệnh Chúa. Bởi phạm luật nhiều cách nhiều thế, cho nên tội có nhiều giống nhiều hạng : có tội nặng làm cho mình mất nghĩa cùng Chúa. Có tội nhẹ làm cho ta bớt ơn nghĩa Chúa.

Có bảy mối tội đầu là cội rễ sinh ra các tội khác ; cũng như bảy tật truyền thi trong mình người ta, hay sinh các chứng-bệnh trong linh-hồn. Nhổ được cội-rễ, mới hết nẩy chồi ; trị được chứng gốc, mới hết các bệnh tùy. Ấy vậy chứng nào có thuốc nấy : bệnh nhiệt thuốc hàn, bệnh hàn thuốc nhiệt, mới trừ đặng : cho nên dạy rằng : Khiêm nhường chớ kiêu ngạo ; rộng rãi chớ hà tiện.....

Vậy biết cội-rễ tội-lỗi, biết tội hại ta dường nào, cùng biết dùng phương-thế xứng-hạp, thì mới dễ khử-trừ đặng.



9 — Nhưng mà phải có ơn riêng Đ. C. T. xuống cho, thì ta mới khỏi vòng tội-lỗi, giữ trọn điều răn, rồi linh-

hồn dặng. Vì chưng bởi tội tổ-tông, loài người đã mất hết mọi ơn siêu-tánh, cho nên chẳng có sức làm dặng sự gì cho đáng nhờ phước siêu-tánh, là phần thưởng thiên-đàng. Như cây đã khô-héo, chẳng còn sức gì, phải có nước rưới, mới sống lại mà trở sinh bông trái. Cũng một lẽ ấy, nhờ lòng nhơn-từ Đ. C. T., vì công-nghiệp Chúa Cứu-thế, rưới ơn thánh xuống trong linh-hồn ta cho sống lại, đoạn mới lập công đáng thưởng dặng.

Ấy vậy cho dặng rồi linh-hồn, phải giữ trọn điều răn Chúa dạy ; giữ trọn điều răn, Phải có ơn thiêng Đ. C. T. rưới xuống. Mà cho được ơn ấy, phải nhờ phép *Bí-tích* ; vì Đ. C. G. đã lập bảy phép màu-nhiệm, nên như bảy mạch thiêng-liêng để xuống ơn cho linh-hồn ta dặng nên thánh.

Linh-hồn ta mắc tội tổ-tông, hoá ra tội-tà ma-quỉ, thì Đ. C. G. đã lập phép *Rửa-tội* mà ban ơn tẩy-trừ cho thanh-sạch, dặng sinh lại làm con Đ. C. T.

Tính ta yếu-đuối bề đạo-đức, thì Chúa lập phép *Thêm-sức*, thêm ơn cho ta mạnh-mẽ.

Ta ở giữa ba thù vây-bọc, thì Chúa đã lập phép *thánh-Thẻ* làm lương-thực bổ-dưỡng linh-hồn, cho có sức thắng trận toàn công.

Khi sa cơ mắc phải vít-tích trong linh-hồn, lại có phép *Giải-tội* chữa chuyên cho lành đã.

Kỳ lâm-chung mạng-một, đã có phép *Xức dầu thánh* cứu-giúp cho qua-khỏi biển hiểm thế-gian.

Phép Truyền chức thánh để ban phẩm-trật cho có kẻ xứng-dáng mà xem-sóc, giảng-truyền, phân-phát ơn thánh cho giáo-nhơn.

Phép Hôn-phối để ban ơn thánh cho sinh-sản nối dòng kẻ thờ-phượng Đ. C. T. cho đến tận-thế.

Ấy là bảy phương linh-diệu Đ. C. G. đã lập, cho mọi người khỏi tội, mà đặng rồi linh-hồn. Cho nên ai thật lòng tin cậy kinh mền dùng phương-phép ấy nên, thì mới nhờ ơn cứu-chuộc mà đặng phần phước trên thiên-dàng.



10 — Đ. C. T. lòng lành vô cùng, đã dựng nên đủ của nuôi phần xác, lập đủ ơn phép cho linh-hồn ta, chẳng đợi phải có công-nghiệp gì ta ; nhưng-mà **phần ta phải xin lãnh mới đặng**. Vậy phần xác phải ra công trâu giữ, mới có mà ăn ; thì phần hồn cũng phải gấn sức xin lãnh, mới đặng ơn lành Chúa hứa. Ví-như có kẻ cho, mà ta chẳng tỏ lòng muốn lấy, thì cũng chẳng đặng phần nào.

Vì vậy Đ. C. G. muốn cho ta nhờ-thừa ơn Chúa, nên dạy ta phải cầu xin luôn, cùng chỉ cách-thức phải xin cho nhằm khuôn-phép ; như đã tóm lại trong kinh Lạy Cha.



Ấy vậy Đ. C. G. là Chúa rất nhơn-từ đã dạy đủ phương, lập đủ phép, chỉ luật thánh cho ta giữ, truyền sự thật cho ta tin, ban mọi ơn cho ta đặng rồi.

Phước cho kẻ tin và làm theo lời Chúa truyền dạy.



PHẦN THỨ NHẤT

NÓI VỀ ĐẠO

Đoạn I : Nói chung về Đạo thánh Đ C T.

... *II* : Luận riêng về Đạo Chúa Kirixitô.

... *III* : Xét ba đạo dị-đoan trong nước này.

ĐOẠN THỨ NHẤT

NÓI CHUNG VỀ ĐẠO THÁNH Đ. C. T.

1 — Hỏi — Đạo là đi gì ?

Thưa. — Đạo là tóm lại những lễ-luật lễ-nghi buộc người-ta phải cứ trong việc thờ-phượng, cùng dạy cách ở cho xứng bậc làm người.

H. — Sao rằng : lễ luật lễ nghi trong việc thờ-phượng ?

T. — Đ C T. ban bổn-tính cho người-ta biết yêu-mến cha mẹ, kính-phục vua quan ; thì Đ. C. T. là Cha chung sanh-thành dưỡng-dục, là Vua cả quản-trị linh-hồn và xác, nên phải yêu-mến kính-phục Người. Vậy việc yêu-mến kính-phục Đ. C. T., cho trúng phép-tắc lễ-nghi, theo luật Chúa dạy, ấy là đạo.

H. — Sao rằng : dạy cách ở cho xứng bậc làm người ?

T. — Con người-ta sinh giữa thế-gian : dưới có các loài-vật, trên có thiên-thần, trên nữa có Đ. C. T., xung-quanh có người-ta, trong mình có linh-hồn và xác, có

lòng thần lòng thú. Vậy chẳng những là biết cách ở với Đ. C. T. ; mà lại phải biết cách ở với người-ta, cách ở với mình, cho nhằm khuôn-phép thứ-tự ; nên lẽ-luật dạy đủ các điều ấy, thì kêu là chính đạo

2 — H. — *Chính đạo bởi đâu mà ra ?*

T. — Bởi Đ. C. T. mà ra. Vì có một mình Người ban tri-khôn cho ta biết phân-biệt phải trái ; ban lòng muốn cho ta đừng ham lạnh ghét dữ ; ban quyền chủ-trương cho ta thông-thả, muốn đi đường chánh nẻo tà mặc ý, để mà định thưởng công phạt tội. Vậy có một mình Đ. C. T. là chính Đấng sanh-dưỡng cai-trị ta phần hồn phần xác. Nên có một mình Người là chính Đấng ra lẽ-luật buộc linh-hồn và xác ta.

3 — H. — *Chúa ban đạo cho loài người thế nào ?*

T. — Một là, Người phú lương-tâm cho mọi người biết phân-biệt sự thật giả, phải trái, cùng có sức mà chịu lấy những điều Chúa truyền thêm. Cũng như phần xác ban con-mắt có sức thấy dạng, để nhờ yếng-sáng mặt-trời mà thấy vật cho tường-tận. Vậy lương-tâm này, thì kêu là Tánh-Giáo, hay là Đạo Tự-nhiên.

HAI là, Chúa truyền thêm những điều loài người phải biết, mà làm theo ý Chúa định. Cũng như vua muốn dạy thêm dân-sự điều gì, thì có chỉ-dụ mới. Vậy những điều Chúa truyền thêm thế ấy, thì gọi là Siêu tánh Giáo, hay là Đạo Chúa Truyền.

4 — H. — *Cứ Tánh-Giáo mà làm lành lánh dữ có đủ chăng ?*

T. — Chẳng đủ. Vì một là, Chúa đã định cho ta lên

bậc cao trọng quá trí loài người. Như lời Sách thánh dạy rằng : *Phần phước Chúa để-dành cho kẻ kính-sợ Người, thì mắt chưa hề thấy, tai chưa từng nghe, trí-khôn người-ta suy không thấu.* Nên phải có lời Chúa truyền, mới biết đặng.

HAI là, những ơn phép Chúa ban cho loài người, theo thì, theo việc ; bằng chẳng có lệnh Chúa phán truyền, thì ai hầu biết đặng.

BA là, bởi tội-lỗi cùng thói xấu, nên lương-tâm người ta ra bại-hoại tối-tăm ; dầu lẽ tự-nhiên, thì cũng hay lầm-lạc. Cho nên kẻ chẳng biết đạo Chúa truyền, rất dối là quân-tử, mà còn tin thờ vợ-vững, phương-chỉ phạm dân.

5 — H. — *Bởi đâu mà biết đặng có đạo Chúa truyền ?*

T. — Ta có nghe tổ-phụ lưu-truyền, hay là coi trong sách-vở, thì mới biết được chuyện đời xưa. Cũng một lẽ ấy, đạo Chúa truyền đã lâu đời, mà ta là kẻ hậu sanh, thì nhờ có lời di-truyền chắc-chắn, có sách-vở chứng-cớ minh-bạch, mới biết đặng mà thôi.

6 — H. — *Đạo Chúa truyền phân ra mấy khoản ?*

T. — Phân ra ba kỳ. Kỳ thứ nhất, kể từ ông nguyên-tổ đầu hết cho đến ông Môisen, thì gọi là ĐẠO TỔ-TÔNG, hay là NGÔN-GIÁO : Vì việc đạo đời ấy, thì Chúa phán truyền cho tổ-tiên, mà tổ-tiên truyền lại cho con cháu noi-giữ.

Kỳ thứ hai, kể từ ông Môisen cho đến Chúa ra đời, thì kêu là ĐẠO MÔISEN, ĐẠO GIUDÊU, hay là THƠ-GIÁO : Vì khỏi mấy ngàn năm, người ta sút lòng đạo, chẳng còn mấy kẻ tuân-giữ Tánh-giáo, cùng lời tổ-phụ di-truyền, thì Chúa tạc mười điều răn vào hai bìa đá, ban cho ông Mói-

sen ; cùng dạy các lễ-luật Chúa truyền vào sách, mà rao cho dân Giudêu tuân-cứ.

Kỳ thứ ba, kể từ Chúa ra đời cho đến rày, thì gọi là ĐẠO THÁNH Đ. C. T., ĐẠO KIRIXITÔ, hay là THÂN-GIÁO : Vì 1934 năm trước này, thì Đ. C. T. Ngồi Hai xuống thế chuộc tội muôn dân ; cùng rao truyền lễ-luật Chúa cho trọn-vẹn ; và làm gương cho ta học-đòi bắt-chước.

Vậy hai kỳ trước, thì rày kêu là ĐẠO CŨ.

Còn kỳ thứ ba này, thì kêu là ĐẠO MỚI.

7 — H. — *Đạo cũ Đạo mới khác nhau thế nào ?*

T. — Đạo là lễ-luật, lễ-nghi, thói-phép : nên có phần chính gốc, có phần phụ-tùy : Phần chính gốc, thì cả ba như nhau, vì là đạo một Chúa. Còn phần phụ-tùy, thì khác nhau xa lắm, vì đã thêm bớt đổi-dời, theo ơn Chúa ban, theo đời, theo việc.

Vả đạo cũ là như hình bóng, như đang đưa tới đạo mới. Nên khi đã có thật sự, đã tới nơi, là đạo mới, thì còn lo đến hình bóng, lo đến đang-sá làm chi nữa. Vì vậy người đời nay chẳng còn được giữ đạo cũ nữa.

8 — H. — *Có buộc hết mọi người phải giữ đạo thánh Chúa chăng ?*

T. — Có. Một là, vì Đ. C. T. làm Vua cả cai-trị mọi loài ; nên có phép bắt mọi người kinh-tôn khâm-phục ; Người là đấng sanh-thành dưỡng-dục, nên mọi người phải tạ-ơn ; Người là đấng tốt-lành vô-cùng, nên mọi người phải yêu-mến. Mà cho được thờ-phượng, tạ-ơn, yêu-mến, nhằm thể-thức, thì phải cứ lệnh Chúa truyền ; cho nên mọi người phải biết mà tuân-cứ.

Hai là, đạo dạy cách-thế mọi người phải ở với nhau

cho nhằm luật Chúa. Vậy ai chẳng biết đạo, thì cũng chẳng biết cách ở với nhau theo luật Chúa ; nên buộc hết mọi người phải tuân-giữ đạo thánh.

Ba là, ai ai trong trời đất này, đều là con-cái thần dân Đ. C. T. ; nên phải giữ luật Người hết, chẳng trừ ai.

Bốn là, có lẽ-luật, thì có thưởng phạt : Chúa đã ra lẽ-luật cho loài người, chẳng qua là có ý cho ta vâng-giữ. Vậy ai tuân giữ, thì được thưởng ; ai chẳng, thì phải phạt. Như lời Chúa phán rằng : *Bây đi giảng đạo cho muôn dân thiên-hạ. Ai tin mà chịu phép Rửa tội, thì đặng rồi ; ai chẳng tin, thì phải phạt.* Cứ đó mà xét, thì biết Chúa buộc mọi người phải giữ đạo thánh Chúa.

9 — H. — *Ở xứ nào, giữ đạo riêng xứ ấy, cũng thờ Chúa hết lòng, ăn ở với nhau tử-lễ, thì đã đủ, còn phải tìm đạo nào nữa làm chi ?*

T. — Thờ Chúa là vâng-giữ luật Chúa : Vậy kẻ chẳng biết vâng-giữ luật Đ. C. T. truyền, thì chẳng phải là thờ Chúa đâu.

Ai không tuân luật nước, mà theo đảng nguy, ấy là kẻ nghịch cùng vua ; cũng một lẽ ấy, kẻ theo đạo người đời bày đặt, mà chẳng lo đến đạo Chúa truyền, thật là kẻ nguy-nghịch cùng Chúa mà chớ.

Hai là đạo Chúa đã định phép thờ-phượng ; dạy cách ăn-ở ; lập phương pháp linh-nghiệm, cho người ta được rồi linh-hồn. Như chẳng biết đạo Chúa, thì phép thờ-phượng sai lầm ; ăn ở thất cách ; không phượng rồi linh-hồn được. Cho nên mọi người phải cứ đạo Chúa truyền mà noi-giữ.

10 — H. — *Như Chúa muốn cho mọi người phải giữ,*

thì sao chẳng truyền cho tứ phương thiên-hạ ; một truyền cho dân Giudêu mà thôi ?

T. — Luật vua chẳng cần vua phải rao bảo giáp mặt mọi người trong nước ; một giao cho triều-thần, lục tống, ra tỉnh, phủ, tổng, lý, thì đã đủ buộc mọi người trong nước phải tuân. Cũng một lẽ ấy, Chúa truyền đạo thánh cho dân Giudêu, là dân riêng Chúa đã chọn các thánh Tông-tông, các thánh Tiên-tri, các thánh Tông-dồ, các thánh Sứ ; để mà giảng truyền cho thiên-hạ, thì đã đủ mà buộc mọi người phải vâng giữ.

Vả đạo Chúa truyền, là luật rất trọng rất thánh, nên đã chọn một nước nhứt trong thiên-hạ, để mà giữ chính bốn luật thánh ấy : Đời xưa chọn nước Giudêu ; đời Trung-cổ chọn nước Rôma, mà lập Toà-thánh Người, cho đến rày.

Ấy mọi việc Chúa làm, đều có phép-tắc, thứ-tự, ý-chỉ ; ai suy cho thấu ! Kia Chúa đặt mặt-trời mọc phía đông, lần-lần soi phía tây, nam bắc : Kẻ ở phía tây chẳng đặng trách mặt trời không mọc phía mình. Đạo Chúa truyền cũng vậy : có chỗ trước, có nơi sau, song đâu đó cũng đều nhờ được.

11 — H. — *Bởi đâu thế-gian bày ra nhiều đạo làm vậy ?*

T. — Trong một nước, một vua một dân, thì phải có một lẽ-luật : Trong một trời đất, một Chúa cai trị, một loài người ta, thì phải có một đạo mà thôi, ấy là chính lý. Nhưng mà tại cơ này, nên sinh nhiều đạo :

Một là, bởi tổ tông loài người có đạo, di-truyền cho con cháu. Đến sau con cháu tản ra ở khắp bầu thế-giới, lần-lần quên đều nọ, sai đều kia, lâu-lâu thành tam sao thất bản.

HAI là, bởi Tánh-giáo trong lòng người ta đều biết, ai nấy phải có đạo : mà thấy ông bà giữ đạo nào, thì mình giữ đạo ấy, tưởng là nhằm, không còn suy-xét nữa. Vì dầu các đạo lầm lạc, thì cũng còn nương theo Tánh-giáo một hai đều lành đều tốt, nên người ta dễ lầm.

BA là tính người ta, phần thì kiêu-ngạo, phần thì ham việc mới lạ : thấy đạo ông cha truyền không được vừa ý thì thêm đều nọ, bày chuyện kia ; ma quỷ cũng nương đó giục thêm đều quấy-quá, làm chuyện dị-kỳ, cho người ta lấy làm linh thánh mà noi-giữ.

Ấy là cơ thường hay sinh ra trăm ngàn thứ đạo, đều bởi lạc gốc, là mất đạo chính mà ra.

12 — H. — Đạo nào cũng xưng là đạo chính, vậy biết đâu là chính, đâu là tà ?

T. — Luật nào có bửu-ấn, ấy là chính luật vua ; đạo nào có ấn-tích Chúa, ấy là đạo Chúa. Vậy đạo nào có đủ các điều sau này, thì mới kể là có ấn-tích Chúa :

1) Mọi lễ-luật lễ-nghi rất cao rất thánh, xứng-đáng tính Chúa, hiệp bốn-tính loài người.

2) Đừng có pha trộn đều gì bày, sự gì nghịch lý.

3) Có sức làm cho người-ta nên lành nên thánh đời này, và đời sau được an-nhàn từ-tại.

4) Có nhiều phép-lạ, nhiều lời tiên-tri làm chứng.

5) Có muôn vàn kẻ sẵn lòng chịu chết mà làm chứng.

6) Kẻ giảng truyền đạo ấy, xứng-đáng kẻ Chúa sai.

7) Có đầu đuôi minh-bạch, là từ tạo thiên lập địa bền-đỗ cho đến rày và cho đến tận thế.

8) Chung cả-và thiên-hạ.

Ấy là những điều đại-cái cho ta xét biết đạo chính đạo tà ; sẽ thấy rõ từ khoản trong điều thứ 2 sau.

(Sách là gốc việc đạo, nên phải nói qua ít lời : Hễ là biết việc đạo dạy trong Sách thánh, là nguyên lĩnh Chúa truyền ; vì dầu có đến gì quá trí, cũng phải cúi đầu tin phục.)

13 — H. — *Sách nào chép đạo Chúa truyền ?*

T. — Sách Sấm Truyền Cũ, Sấm Truyền Mới.

Sấm Truyền Cũ biên việc đạo từ nguyên-tổ cho đến Chúa ra-đời, chép những lời tiên-tri chỉ về Chúa Cứu-thế, về dân Giudêu sẽ phải phạt, về đạo mới.

Sấm Truyền Mới chép tánh-hạnh Chúa Cứu-thế, chép việc đạo mới, từ Chúa ra-đời cho đến hết đời các thánh Tông-dồ.

14 — H. — *Việc đạo trong Sấm Truyền Cũ có chắc là lĩnh Chúa truyền chăng ?*

T. — Chắc. Vì các đấng chép sách ấy không viết sai-lầm, hay-là dối-trá dặng.

Một là, chép luật phép dân Giudêu đời ấy đương giữ đương làm, những điều tai nghe Chúa phán. Những việc thể ấy, không lẽ làm được.

Hai là, chép những lời tiên-tri chỉ trước đôi ba ngàn năm : như sự Chúa Cứu-thế ra-đời, chịu nạn, chịu chết, sống lại, việc hủy-hoại nước Giudêu, v. v. ; thì đến sau có thật nhắm năm nhắm chỗ, trúng-dịch mọi điều, như lời chỉ trước. Nên phải luận rằng : là lời Chúa phán, vì trí loài người không biết tới chừng.

Ba là, ông Môisen và kẻ chép sách ấy, là người Chúa chọn cách riêng, rất đối khiêm-nhượng thật-thà, đã nói tiên-tri trúng, đã làm phép-lạ chứng sự mình chép là lĩnh Chúa truyền ; nên chẳng dám nghi các đấng thánh thể ấy dối-trá việc đại sự làm vậy.

BỐN là, giả-như muốn đặt đều đối thiên-hạ, cũng chẳng đáng : vì trong sách ấy chép việc thờ-phượng, biên luật-lệ nhà-nước, kể sự bình-an thanh-trị, cùng tội-lỗi thói xấu dân Giudêu. Mà sách ấy dân Giudêu hằng đọc hằng nghe, trong nhà chung nhà riêng ; như có bày-đặt đều gì đối-trá, thì lẽ nào dân-sự cả nước đành lòng chịu vậy, mà chẳng chống-cãi, chẳng phi đi sao.

15 — H. — Về sau người-ta có thêm bớt ít nhiều chẳng ?

T. — Chẳng khi nào thêm bớt đáng.

Một là, khi các đấng ấy còn sống, đã biết đạo mình chép là nguyên đạo Chúa truyền, ắt là chẳng để cho ai thêm bớt.

HAI là, từ kẻ ấy qua-đời về sau, thì sách đã phát ra các dòng các tỉnh. Cả nước Giudêu đều kính giữ sách ấy, như của quý-trọng bởi tay Đ. C. T. trao cho. Hằng đọc trong các nhà chung mỗi ngày thứ bảy. Vậy như có thêm bớt, thì chẳng còn một khuôn-rập như nhau được.

BA là, như vua đời còn đương trị vì, thì chẳng để cho ai thêm bớt luật người. Ất là Vua cả trời đất, không chịu cho người ta thêm bớt luật Người đâu. Như lời Người phán rằng : *Trời đất qua đi được, mà luật Chúa dầu một chữ một nét, cũng chẳng sai đi đáng.*

16 — H. — Các đều trong Sấm Truyền Mới có đích-thật hết chẳng ?

T. — Đích-thật lắm. Như chẳng thật, thì hoặc là kẻ chép lầm, hoặc là có ý dối. Nhưng mà :

Một là, không đoán cho kẻ ấy lầm được, vì chép

những sự tai nghe mắt thấy, và thiên-hạ đời ấy nhiều người thấy, biết : Như việc ông Ladarô sống lại ; kẻ căm đắng nói ; kẻ què đắng đi, v. v.

HAI là, chẳng nói đắng kẻ chép có ý dối phỉnh-phờ người ta, vì phò đắng ấy là người thật thà, nhơn-đức, là người thánh, đã làm nhiều phép lạ làm ích cho người ta.

Lại chép chỗ nơi tên tuổi rõ-ràng, kẻ năm tháng ngày giờ minh-bạch. Không nói minh mông khống lộn; như kiểu kẻ đặt chuyện gian-phi.

Vả chẳng ai cố tình nói dối cho được hại mình. Vậy các đắng ấy đã biết phải chịu gian-nan khổn-khó, vì đạo mình chép, song cũng đành lòng. Nên không lẽ mà đoán các đắng ấy nói dối.

BA là, dầu cho muốn dối, cũng không đắng :

1) là vì chép những sự nhần tiền ; kẻ tai nghe mắt thấy còn sống : dân Giudêu, dân ngoại, kẻ thù nghịch, nhiều người đã thấy đã hay. Như có bày đều dối trá, thì sao cho khỏi lậu.

2) là kẻ chép sách ấy là người tầm thường, không có văn-học. Nên chẳng có thể bày được những điều cao-trọng, lớp-lang thứ-tự làm vậy được.

17 — H. — Về sau người ta có thêm bớt điều gì vào sách ấy chẳng ?

T. — Chẳng : Vì khi các thánh Tông-đồ, thánh Sử còn sống, thì chẳng dám cho ai thêm bớt. Đến chừng phò thánh ấy qua đời sắp về sau, thì sách đã phát ra tứ phương thiên hạ ; xứ nọ nước kia, đã đọc đã nghe, đã kính giữ làm của thánh, như ta giữ bây giờ. Nên không thể gì thêm bớt được nữa. Như có thêm bớt, ắt là chẳng rập một kiểu như nhau đắng.

Sau nữa cả và Hội-thánh, các đấng thánh hiền, kẻ thông-minh thượng trí, đã sánh so nghiệm xét tường-tận, thấy đều đoán rằng : Sấm Truyền Cũ, Mới, là Sách thánh Chúa, chơn-thật, nguyên-vẹn ; chẳng ai dối-trá, thêm bớt chút nào ; dầu kẻ rối đạo, lạc đạo, nghịch đạo, cũng đã phải chịu là sách thật, sách nguyên-vẹn. Vậy ta chẳng vịn lẽ gì mà nghi-nan được.

Lại Toà thánh đã ra vạ dứt phép thông công những kẻ cả lòng chống cãi, chẳng tin chẳng nhận mấy sách, như lệnh Toà thánh đã dạy.

ĐOẠN THỨ II

LUẬN RIÊNG VỀ ĐẠO CHÚA KIRIXITÔ

18 — H. — Đạo Kirixitô là đạo nào ?

T. — Là đạo Chúa Giêsu Kirixitô đã lập, cho ta được rồi linh-hồn. Mà Chúa Kirixitô là Đ. C. T. thật ; cho-nên kêu là Đạo thánh Đ. C. T.. Cũng kêu là Đạo Mới, vì Chúa mới ra-đời truyền đạo gần hai ngàn năm nay.

Vậy hễ Đấng lập đạo là Đ. C. T. ; thì đạo Người lập là chính đạo Chúa Trời. Và đạo nào có ấn-tích Chúa minh-bạch, ấy là đạo Chúa.

Nên đoạn này phân ra hai điều :

I — Nói về Đấng lập đạo.

II — Giảng những dấu riêng Đ. C. T. làm chứng đạo Người.

ĐIỀU THỨ NHẤT

VỀ ĐĂNG LẬP ĐẠO

19 — H. — *Đăng lập Đạo Kirixitô, có phải là Đ. C. T. chăng ?*

T. — Thật là Đ. C. T.. Vì có những lời tiên-tri trong Đạo cũ, đã chỉ nhiều đời trước. Lời tiên-tri Người phán, phép-lạ Người làm, đạo Người dạy, cùng những lời nói việc làm, thấy đều làm chứng Người là Chúa cả trời đất.

(Đây nói qua ít điều đại-cái đủ biết; sẽ thấy rõ hơn trong Phần thứ 3.)

20 — H. — *Lời tiên-tri Đạo cũ chỉ làm sao ?*

T. — Chỉ ngày sau có Chúa ra-dời cứu-thế, dạy đạo cho muôn dân đăng rồi : « Người sinh-ra bởi đức Nữ đồng-trinh, về dòng vua Đavít : sinh tại thành Bêlem. Người cho kẻ điếc đăng nghe, kẻ què đăng đi, kẻ chết đăng sống lại. Người sẽ chịu nạn, chịu chết, sống lại, thăng thiên... » Thì Chúa Kirixitô đã sinh-ra bởi thánh Nữ đồng-trinh, về dòng Đavít, tại thành Bêlem. Đã cho kẻ điếc đăng nghe, kẻ què đăng đi, kẻ chết đăng sống lại. Cùng chịu nạn, chịu chết, sống lại, thăng thiên... Các việc nhắm năm nhắm chỗ, trúng thì trúng cách, y như các lời tiên-tri chỉ mấy đời trước, Cho nên đích-thật Người là Đ. C. T..

(Trong Sử Hội-thánh đã có khoản riêng giải rõ các lời tiên-tri về Chúa Cứu-thế ; lấy xem đó.)

21 — H. — *Chúa Kirixitô nói tiên-tri là làm sao ?*

T. — Người phản trước về việc Người chịu nạn chịu chết ; Giuda bán ; sự Người sống lại ; nước Giudeu phải phạt ; những điều kín-nhiệm trong lòng người-ta ; cùng nhiều sự khác, như đã chép trong sách Ê-vang. Mà các điều ấy đã có ứng-nghiem như lời Người đã phản trước thấy thấy.

22 — H. — *Người làm phép lạ thế nào ?*

T. — Khi Người mới sinh, lúc ở thế 33 năm, hồi chịu nạn chịu chết, từ sống lại cho đến khi thăng thiên, thì đã làm phép-lạ vô ngần vô số, khôn-kể cho cùng. Chẳng những một mình Người làm, mà lại ban phép cho các môn-đồ làm muôn vàn phép-lạ, cho sáng danh Chúa, cho thiên-hạ được nhờ.

(*Coi trong sách Ê-vang và truyện các thánh Tông-đồ.*)

23 — H. — *Có nhiều đấng thánh nói tiên-tri, làm phép-lạ : vậy biết ai là Chúa, ai là người ?*

T. — Tuy rằng nhiều thánh nói tiên-tri, làm phép-lạ ; song chẳng có đấng nào có lời tiên-tri thuở trước chỉ dòng-dõi, nơi sinh chỗ ở, cùng việc làm cả đời. Không có đấng nào chết khỏi ba ngày sống lại vinh-hiến thăng thiên. Chẳng có đấng nào có lời tiên-tri chỉ phải nhận người là Chúa trời đất. Chẳng có đấng thánh nào xưng mình là Đ. C. T. Có một mình Đấng Kirixitô có các lời tiên-tri chỉ mọi việc cả đời Người. Có một mình Người chết rồi ba ngày sống lại thăng thiên. Có một mình Người có lời tiên-tri chỉ là Chúa cả trời đất. Có một mình Người xưng mình là Chúa trời mà-thôi. Nên đã đủ lẽ cho ta biết rõ Người là Chúa trời đất. Thì đạo Người lập là đạo thánh Đ. C. T.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ ẨM TÍCH ĐỨC CHÚA TRỜI TRONG
ĐẠO KIRIXITÔ

24 — H. — Ẩn-tích Đ. C. T. là làm sao ?

T. — Là thấy trong đạo những việc có một mình Đ. C. T. khôn-ngoaan phép-tắc vô-cùng làm dặng mà-thôi ; người dương thế, dầu ai khôn-ngoaan tài-trí, cũng chẳng hề làm dặng. Cũng như thấy bửu-ấn, liền biết là dấu riêng vua ; vì phàm dân không ai có dặng.

Những dấu riêng làm chứng đạo Đ. C. T., thì có tám, như đã kể trước ; đây tóm lại làm bốn khoản, mà giải qua từ đều cho dễ hiểu :

- Vậy : 1) những dấu trong lẽ-luật lễ nghi ;
2) trong việc giảng truyền ;
3) trong kẻ giữ đạo ;
4) trong việc vững-bền.

§ I — Về lẽ-luật lễ-nghi.

25 — H — Đạo Kirixitô dạy những điều gì ?

T. — Một là, dạy cho biết có một Đ. C. T. và Chúa ở với loài người làm sao.

Hai là, loài người bỡi đâu mà ra ; ở đời này phải làm sự gì ; chết rồi sẽ ra làm sao. Dạy mọi điều rất chơn-chánh, rất cao-trọng, xứng-đáng tính Đ. C. T., và ăn-hiệp đấng bậc loài người-ta.

(Những điều đại-cái trong đạo, đã tóm lại trong kinh Tin kinh, Mười Điều răn Đ. C. T., Sáu điều răn Hội-thánh, Bảy phép Bí-tính, cùng kinh Lạy Cha. Đây đón tất làm hai điều cho mau thấy hơn.)

26 — H. — *Dạy về Chúa làm sao, mà rằng : xứng đáng bốn tính Đ. C. T. ?*

T. — Dạy trong cả trời đất có một Chúa Ba Ngôi, vô-thỉ vô-chung, phép-tắc vô-cùng, đã tạo thành muôn vật thấy-thấy. Người thiêng-liêng sáng-láng, thông-biết mọi sự, quản-trị gìn-giữ mọi loài. Công-bình vô-cùng, thưởng kẻ lành phạt kẻ dữ. Nhơn-từ vô-cùng, đã dựng nên trời đất muôn vật, để dưỡng-nuôi ta. Hay thương vô-cùng, đã xuống thế làm người cứu-chuộc ta ; cùng ban những ơn trọng cho ta được phần phước đời-đời. Người là Đấng cao-trọng, tốt-lành vô-cùng đáng cho mọi loài mọi vật yêu-mến kính-chuộng trên hết mọi sự.

(Sẽ thấy trong Phần thứ 2, thứ 3.)

27 — H. — *Dạy về loài người làm sao ?*

T. — Một là, dạy cho biết loài người-ta có linh-hồn hằng sống, làm chủ-trương trong mình, được chọn lựa mặc ý thích-tình.

Hai là, Chúa dựng-nên loài người, có ý cho được thờ-phượng kính-mến Chúa, và hưởng-phước đời-đời.

Ba là, bởi tội tổ-tông, nên đã mất phước ấy ; phần hồn ra tối-tăm, phần xác phải chết.

Bốn là, có Chúa Ngôi hai đã ra-đời cứu-chuộc loài người cho khỏi tội, được phước lại, và thêm vinh-hiến hơn nữa.

Năm là, Chúa Cứu-thế đã rao truyền lẽ-luật mới ; cùng đã lập phương-pháp linh-nghiệm cho ta nhờ, mà được phước trọng-vọng ấy.

(Sẽ giải trong Phần thứ 2, thứ 3, và cuốn thứ II Phần thứ 5.)

28 — H — *Dạy những lễ-luật nào ?*

T. — Tóm lại ba điều này : một là, cung-cách phải thờ-phượng Đ. C. T.. Hai là, thói-phép phải ở với người-ta. Ba là, cách-thức phải ở với mình.

H. — *Dạy thờ-phượng Đ. C. T. cách nào ?*

T. — Dạy phải kính-chuộng một Đ. C. T. hết lòng hết sức trên hết mọi sự : là phải tin, cậy, mến-yêu, tôn-phục Người : các tâm tình tài-năng sức-lực, mọi việc làm, lời nói, phần hồn phần xác, mọi việc bề-trong bề-ngoài, đều phải dùng mà thờ-phượng Chúa hết : vì hết-thảy là của Chúa ban cho ta, để mà thờ-phượng ngợi-khen Người. Chẳng những là phải làm việc thờ-phượng bề-trong, cách riêng, cách thường mà-thôi ; lại phải làm bề-ngoài, cách chung, cách trọng-thể : vì những ơn Người ban cho ta, phần hồn có, phần xác có ; có ơn riêng, ơn chung, ơn thường, ơn cả-thể.

(Coi cuốn thứ II về điều răn thứ 1, 2, 3, cùng về việc tế-lễ.)

29 — H — *Dạy ở với người-ta làm sao ?*

T. — Dạy hễ sự gì mình chẳng muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai ; điều gì mình muốn người-ta làm cho mình, thì mình tùy sức mà làm cho người-ta. Nghĩa-là phải yêu người-ta như mình vậy ; phải giúp-đỡ người ta phần hồn phần xác, như đã chỉ trong 14 mối thương người ; phải làm ơn cho kẻ làm khổn ta. Lại dạy những luật riêng về vua-chúa quan dân, cha mẹ,

chủ-nhà, con-cái, tôi-tớ, kẻ bề-trên, bề-dưới ; dạy đủ các bậc các bôn-phận, đặng ở với nhau cho phải phép.

(Sẽ thấy trong cuốn thứ II,)

30 — H. — *Dạy ở với mình làm sao ?*

T. — Dạy ta chẳng những phải lánh sự kiêu, tham, sắc-dục, tội-lỗi bề-ngoài bề-trong mà-thời ; lại còn phải tu nhưn tích đức cho phần linh-hồn nữa. Dạy khi rui lỗi luật, thì phải ăn-năn thống-hối, cải quá tự tân, cho khỏi phạt. Chẳng phải là dạy lánh dữ làm lành trống mà-thời ; lại chỉ đủ phương đủ cách, cho ta làm lành lánh dữ được ; như đã dạy trong CẢI TỘI BẢY MỐI. Lại dần dần chỉ nẻo cho ta được lên bậc trọn-lành, như trong TÁM MỐI PHƯỚC THẬT.

31 — H. — *Dạy giữ luật đạo cho được ích gì ?*

T. — Chẳng phải là ra luật buộc ta phải giữ không mà thời ; mà lại đã hứa phần thưởng cho kẻ giữ nên, thì đặng phước thật đời này và đời sau ; đời này hằng đặng an lòng toại chí ; các sự khốn-khó thế-gian chẳng làm cho phiền lòng rối dạ được. Như lời ông thánh Phao-lô chứng rằng : *Ta càng bị gian-nan khốn-khó, thì càng vui lòng toại chí.* Mà đời sau đặng phước lộc vinh-hiến trên thiên-đàng vô-cùng vô-tận. Ấy là phần ích riêng cho kẻ giữ đạo Chúa nên.

Còn ích chung, thì đời này được an nhà trị nước, mọi người đều thương-yêu giúp đỡ nhau. Nói tắt một lời, phải chi mọi người đều nhìn biết và giữ đạo Chúa cho chín chắn, thì chẳng còn ai kiêu, tham, kinh-dịch, kiện-cáo, giặc-giã cùng trăm ngàn sự dữ khác như vậy ; như đã thấy bôn đạo đời các thánh Tông-đồ. Đời sau thì

đặng sum-vầy một chỗ với nhau trên trời, hằng vui hằng hưởng với nhau muôn kíp chẳng cùng.

32 — H. — *Phương-pháp giúp ta giữ đạo nên, cho chắc được phần thưởng, là phương-pháp nào ?*

T. — Là những phương linh-nghiệm bề-trong và bề-ngoài.

BỀ-TRONG, là các ơn Chúa ban, các phép Bí-tích : khi mới sinh, đã có phép làm cho ta khỏi tội tổ-tông, khỏi phép quỷ-ma, hoá-nên con riêng Chúa. Rồi lại có phép làm cho ta mạnh đạo, có phép bổ sức thiêng-liêng. Rủi phạm luật, có phép tẩy-trừ bổ-thực, mà được cải quá tự tân. Khi liệt-lào, có phép giúp-dỡ chữa-chuyên, hồi lâm-tử lại ban lương thiêng hành lý. (*Coi cuốn II, Phần 5*) Nói tắt một lời, từ khi sinh cho đến giờ chết, chẳng có hồi nào mà chẳng có ơn phép riêng cho ta nhờ.

BỀ-NGOÀI, thì có muôn vàn gương lành gương thánh, cho ta học-đòi bắt-chước. Đã có gương Chúa Cứu-thế ; lại có gương các Thánh, đủ các đẳng bậc, các thứ người, cho ta dễ bắt-chước. (*Coi trong sách Gương-phước, sách Hạnh các Thánh.*) — Lại chỉ rõ-ràng sự thưởng công phạt tội, là hứa phần phước thiên-đàng vô-cùng cho kẻ giữ đạo nên ; hình phạt đời đời trong hoả-ngục cho kẻ lỗi đạo. (*Thấy trong Phần 5*) Ấy là những phương linh-diệu Chúa đã lập, để giúp ta giữ đạo nên, cho chắc đặng phước vô-cùng.

Vậy những lễ-nghi cao-trọng, lễ-luật tốt-lành, lớp-lang thứ-tự, chính lý hiệp tình, làm cho sáng danh Chúa, cho người ta đặng phước thật muôn đời. Đạo đã dạy cho biết thánh tính Thiên Chúa ; rõ đẳng bậc loài người đã biết việc phải làm đời này ; lại chắc phước sẽ được

đời sau. Nào người đời có bày đặt đạo thể ấy sao ? Ất là có một mình Đ. C. T. thông-minh tri-huệ vô-cùng, mới dạy được làm vậy mà thôi. Nên đã rõ là đạo Đ. C. T., chẳng còn lẽ gì nghi-nan được nữa.

§ II — Về việc Giảng truyền.

33 — H. — *Giảng truyền làm sao, mà chứng được đạo này là đạo thánh Đ. C. T. ?*

T. — Là thấy rõ ràng phép Đ. C. T. làm cho thiên-hạ vâng giữ đạo này mau đông quá lẽ : vì sau khi Đ. C. T. T. hiện xuống, ông thánh Phê-rô ra giảng, thì nội ngày ấy, kẻ trở lại đạo đặt ba ngàn người. Đoạn càng ngày càng thêm số bôn đạo đông lắm. Khỏi ít lâu đã tràn ra các nước các xứ. Như có lời ông thánh Phao-lô gởi thư cho bôn đạo Rôma rằng : *Đạo ta giữ, thì đã rao truyền cho thiên hạ khắp miền thế giới noi giữ*. Vậy ta xét rằng :

Thứ NHẤT, kẻ giảng đạo đầu hết, là các thánh Tông-dồ, vốn là người nghèo khó dốt nát ; không có của mà cho ai, hay là nói văn-hoa lợi khẩu đặt, hầu lấy lòng người ta. Cũng không ép-uổng ai đặt, vì chẳng có chức-quờn thần-thể gì ; mà lại bị chúng bắt-bớ giam-cầm đánh-khảo. Cũng chẳng làm mưu-gian chước-dối gì được, vì các đấng ấy rất thật-thà hơn-đức, lại giảng trống trải trước mặt đô-hội người ta. Vậy tại đâu thiên-hạ theo đạo đông dường ấy ? Ất tại phép Chúa khiến nên vậy mà thôi.

Thứ HAI, đạo này cũng chẳng phải là dễ : vì dạy sự phải tin, là những điều mâu-nhiệm quá trí, hiểu không đặt. Dạy việc phải làm thì nhiều điều rất khó : dạy phải ăn-chay, hãm mình, đền tội, làm ơn cho kẻ làm khốn....

Dạy sự phải lánh, là những điều xác-thật tra-hạp : dạy đừng ham của-cải, chức-quần, danh-vọng, vui-sướng đời này... Dạy bỏ đạo cha ông mà vào đạo mới... Dạy những ơn phước ta sẽ đặng, là việc thiên-liêng, xa vời, chẳng phải là điều mắt thấy tai nghe, miệng lưỡi cắt-nghĩa đặng, hay-là những sự gì ta sẽ đặng ở đời này. Ấy đạo rất khó, mà ý sao người-ta mau theo dòng dưng ấy ? Ất là có một mình Đ C T. đổi lòng người-ta, mới được vậy mà-thôi.

THỨ BA, biết là bao-nhiều điều ngăn-trở ! Những vua quan, dân Giudêu, dân khác đạo, ngoại đạo, đều đua nhau cấm-ngăn, bắt-bớ sát-phạt, đã ba trăm năm : quyết trừ cho tuyệt đạo này. Kể rồi đạo lạc đạo cũng hằng chầu lại mà phá. Mà coi, càng giết, càng mau đông, càng phá, càng thêm thanh : đến đời ray năm phương thiên-hạ, khắp bầu thế-giới, đều có người giữ đạo này. Như thấy trong Sử Hội thánh và sử các nước. Mà lại thấy rõ-ràng trong nước Annam đời ta đây : mới năm Ất Dậu, (1885) giết phá đạo đã hồng tận-tuyệt. Mà rày (1935) thấy thêm đông bầy-đạo xấp ba xấp bảy. Thật như lời tục-ngữ Tây rắng : Máu kẻ tử-vì-đạo, là hột giống sinh-ra người có đạo. Coi đạo bị cấm-cách trăm bề, mà cứ sao mau đông thế ấy ? Ất là tại phép mẫu-nhiệm Đ C T. mà chớ.

Ấy kẻ giảng đã khó-khăn có thể ; dạy đạo khó tin khó giữ ; lại bị mọi quyền-thế cấm-ngăn ; mà chóng đông chóng thanh dưng ấy, thì ai-ai cũng phải chịu là phép-tắc Đ C T. rõ-ràng. Nên cũng phải chịu đạo này là thật đạo Chúa Trời mà-chớ.

34 — H. — Phải là đạo Chúa, sao Chúa để cho người thế-gian cấm phá đời nọ đến đời kia ?

T. — Lửa thét mới biết tuổi vàng. Ấu là Chúa để vậy

cho sáng danh Chúa ; cho dễ phân-biệt đạo chính đạo tà ; cho kẻ có đạo đặng lập công, kẻ phá-phách phải thua buồn hổ-thẹn. Chẳng khác nào nhiều khi Chúa đề kẻ dữ hung-hầu hiếp-đáp kẻ lành ở đời này. Phải biết ở thế này, ai làm lành dữ mặc ý, Chúa không ép ; và việc thưởng phạt mỗi một người, thì Chúa đã định có thì.

§ III — Về kẻ giữ đạo

35 — H. — *Kẻ giữ đạo làm sao, mà làm chứng được là Đạo thánh Đ C T. ?*

T. — Thấy kẻ giữ đạo này cho thiệt, thì hoá-nên người công-bình đức-hạnh, hay thương giúp phần hồn phần xác người-ta ; kẻ thì giúp công giúp của, để dạy-dỗ thiên-hạ cho biết đảng lành. Kẻ thì cùng-thí cho đặng lập nhà nuôi kẻ mồ-côi cô-độc, chứa kẻ khó-khăn tàn-lật. Người thì già cha mẹ anh em, từ chức-quờn của-cải, bỏ quê-hương xứ-sở, sang nước nọ nước kia, chịu gian-nan tân-khổ ; chẳng phải là cầu danh dục lợi, một có ý đi dạy-dỗ người-ta cho biết đảng chính. Kẻ đồng-trinh, người thủ-tiết, vào dòng nọ hội kia, mà chuyên bề tu-thân tấn đức. Kia đạo Nhu đạo Phật có bấy-nhiều sự ấy đâu ?

Ta thấy trái tốt, liền biết bởi cây lành : thấy bòn-đạo tốt, thì cũng luận được là bởi đạo tốt đạo chính.

Hoặc có kẻ bắt rằng : Tuy nhiều người lành mà cũng chẳng thiếu chi người hoang-đàng ngang-ngược, thì sao ?

Muốn biết nghề nào lợi hại, thì coi kẻ chí-thú chuyên nghề ; chẳng sá chi kẻ biết nghề mà biếng-nhát. Cũng một lẽ ấy, đừng lo chi đến một ít người lỗi đạo. Những kẻ ấy tiếng có đạo, mà chẳng phải là người giữ đạo ; vì đạo ra đạo, người ra người, chẳng ăn-hiệp vào đâu. Lại như luật nước cũng công-minh ; mà thiếu chi đũa phạm

ngũ hình thập ác. Gié lúa cũng phải có hạt lép, chẳng khỏi đặng.

36 — H. — *Kẻ tử-vi-đạo làm chứng Đạo thánh làm sao ?*

T. — Kẻ bằng lòng chịu chết vì đạo này, phần thì đông chẳng biết là mấy trăm ức triệu. Nội ba bốn trăm năm sau Chúa giáng-sinh, thì đã hơn một trăm mười ức; còn từ đó đến rày biết là mấy trăm ức triệu nữa ! Đủ các thứ người, các nước các xứ, các đời, các bậc, nam phụ lão ấu, cũng đều có chịu chết vì đạo.

Phần thì các kẻ ấy rất sẵn lòng chịu chết vì một sự đạo mà-thôi. Dầu trăm hình-khổ dữ-dẫn độc-ác, cũng cam chịu cho đến chết, chẳng than-van nan-trách ; mà lại xin Chúa tha tội cho kẻ làm khốn mình.

Phần thì khi phô đặng ấy chịu tử-hình, thì có nhiều phép-lạ kẻ chẳng xiết. Đến đổi nhiều khi kẻ-ngoại, và chính quan đương bắt đạo, liền trở-nên người có đạo, mà xin chịu mọi hình-khổ, cho được làm chứng đạo Chúa. (*Coi hạnh các thánh tử-vi-đạo.*)

Kìa bấy-nhiều đời, bấy-nhiều nước, bấy-nhiều phép-lạ, bấy-nhiều người đã cam lòng chịu chết, mà làm chứng một điều cho ta tin. Mà còn nghi-nan chưa lấy làm chắc, thì còn sự gì đáng tin hơn nữa sao ?

Vậy đạo này đã làm cho người-ta nên lành nên thánh ; lại có nhiều phép-lạ cùng muôn vàn người liễu sự sống mình mà làm chứng. Nên ta phải tin phải chịu là đạo thánh Đ C T. ; cùng hết lòng vâng giữ, cho được thông-công phần phước cùng các đấng thánh ấy muôn đời.

§ IV — Về đạo vững-bền.

37 -- H. — Đạo vững-bền thế nào, mà làm chứng được là đạo thánh Đ C T. ?

T. — Chẳng có đạo nào hằng bị kẻ thù nhiều-hại tư bề, cho bằng đạo này, như đã nói trong khoản thứ 2 trước. Mà lễ-luật, lễ-nghi, quờn-tước, đâu đó hằng cứ một thế như xưa ; bôn-đạo mỗi năm mỗi thêm số. Dầu chỗ này có điều, thì nơi khác lại đông xấp bội ; chẳng khác chi mặt-trời hằng soi-sáng thiên-hạ : tối bên tây, lại soi bên đông, chẳng khi nào ngớt.

Đã có Đức Giáo-tông ở thành Rôma, thay mặt Chúa Cứu-thế, làm vua đạo, thống-trị cả-và thiên-hạ. Từ xưa đến nay biết là mấy đấng đã bị soán quờn cướp vị, phải lưu-day, chịu chết vì đạo. Nhưng-mà đấng này chết liền tôn đấng khác, kế tiếp luôn cho đến rày ; đều cứ một lễ-lối thói-phép như luật Chúa truyền, chẳng hề sai-chạy.

Các đấng Giám-mục thừa lệnh Đức Giáo-tông, mà cai-trị địa-phận mình. Đấng này qua đời, lại phong đấng khác cũng hằng cứ một lễ-luật, chẳng chút sai-ngoa.

Nơi toàn đạo, thì có các Giám-mục chính toà, cùng các hàng Linh-mục thừa phép người, coi-sóc dạy-dỗ bôn-đạo luôn. Nước còn ngoai, thì có các Giám-mục khâm-sai, cùng linh-mục các dòng đi giảng rao mở-mang đạo thánh. Lớp này chết, có lớp khác tới đông hơn ; hằng cứ một lễ-luật mà rao-truyền cho thiên-hạ. Coi việc đạo trong nước Annam ta, thì cũng phỏng được các nước khác ít nhiều ; chẳng lựa là coi sử sách mới biết.

Vậy hãy coi đạo chẳng dùng khí-giới mà đánh-trả kẻ thù. Song chầy ngày phò kẻ ấy qua đi đường khói ; mà đạo thánh hằng đứng-sừng giữa thế-gian, chẳng hề nao-

núng. Chẳng dùng binh-cơ súng-ống mà mở-mang ; song nước đạo thánh một ngày một thêm rộng. Chẳng lấy ngũ-hình mà cai-trị ; song bốn-đạo mọi nơi, mọi đời, mọi bậc, đều vâng-phục một lễ-luật, một quờn-phép như nhau thấy-thấy.

Bởi đó phải luận rằng : chẳng những là bền-đỗ cho đến rày ; mà lại hằng bền-đỗ, hằng thanh-trị cho đến tận thế. Ấy là dấu rõ-ràng cho ta nhìn-biết Đạo thánh Đ. C. T. mà vâng-giữ.

Nay thấy đạo rất chính rất thật, xứng-hạp tinh Thiên Chúa, đại ích cho loài người, phần hồn phần xác, đời này đời sau ; lại có đủ các khoản ấn-tích Đ. C. T. làm chứng đạo thánh Người rõ-ràng minh-bạch. nên phải tin chắc-chắn là luật bởi trời ban xuống cho thiên-hạ : ai kinh tin vâng-giữ, thìặng phước vô-cùng ; ai chẳng, thì phải phạt đời-đời mà-chớ.

ĐOẠN THỨ III.

VỀ CÁC ĐẠO DỊ ĐOAN TRONG NƯỚC NÀY. (¹)

38 - H - Đạo dị-đoan là làm sao ?

T. Là những đạo chẳng đủ 8 điều đã kể trong số 12, chẳng phải là chính luật linh Đ. C. T., một bởi người đời lập ra mà-thôi, thì gọi là dị-đoan, là đạo tà.

Có biết lẽ phải, mới thấy lẽ chẳng ; thấy đạo chánh, mới biết đạo tà. Đã hay rằng trong thế-gian này phải có một đạo chánh ; mà đã tra-xét đạo Thiên Chúa thật là đạo

(1) Đoạn này có ý đề mà coi, chẳng cần phải học.

chánh ; thì các đạo khác ắt phải tà. Nhưng-mà coi cho thấy tà, mới thêm chuộng chánh, cũng như thấy tối, mới hay sáng quí.

Vậy đây xét qua ba đạo trong nước này, cho rõ bề tà chánh :

Điều I — về đạo Nhu.

» » II — về đạo Phật.

» » III — về đạo Ông bà.

ĐIỀU THỨ NHẤT.

VỀ ĐẠO NHU

39 — A. — *Kể lập đạo.* — Nhà Nhu rằng : Ông Khổng-phu-tử góp lời cổ nhơn truyền làm sách-vở, lập đạo Nhu. Ông Khổng là con ông Thúc-lương-Hột và bà Nhan-thị, sinh ra trong nước Lỗ, xứ Sơn-Đông, đời nhà Châu vua Linh-vương trị vì ; trước Chúa ra đời chừng 551 năm.

Vả ông Khổng tuy là người thông-minh, chữ-nghĩa, khẩu thiết, đã học nhiều điều, trôi xa mọi người trong nước ; nhưng-mà cũng là người dương-thế, chẳng phải là chúa thiên-hạ. Đã chẳng biết chẳng thờ Thiên Chúa, lại dạy lầm-lạc nhiều điều ; nên chẳng phải là kẻ Chúa sai giảng truyền đạo thánh Người cho thiên-hạ.

B — *Sách Nhu.* — Sách đạo Nhu là Ngũ-kinh, Tứ-thơ. Phần nhiều là Khổng-tử chép ; có sách Đại-học, sách Trung-dụng, thì ông Tuân-tử, Châu-tử chép những điều đã nghe Khổng-tử dạy. Sau ông Mạnh-tử làm thêm một

pho, hiệu là sách Mạnh-tử. Ấy là những sách nhà Nhu kê làm sách thánh.

Đến đời nhà Tần, vua Thi-hoàng nghe lời người Lý-tư, dạy đốt hết các sách ấy ; để sách thuốc, sách bói-khoa, sách dạy nghề-nghiệp lại mà-thôi. Qua đời nhà Hán, vua Văn-đế mới góp những sách còn sót lại, hay-là biên những điều người-ta còn nhớ thuộc lòng, như bộ sách Thơ-kinh. Đến đời vua Võ-đế còn sửa lại một lần nữa.

Vì vậy người nhà Nhu xưng rằng : Sách Nhu đã bị Tần hoả thiêu diệc, lại bị Hán nho xuyên tạc : chỉ còn mảnh mún lời tiên hơn mà-thôi. Cho-nên ông Mạnh-tử rằng : Không nên tin sách cho hết : Tận tin thơ, bất như vô thơ. » Vậy sách càng chẳng đáng tin, thì đạo càng ra óp.

C — *Cội rễ mọi sự.* — Trong sách Dịch-kinh Khổng-tử nói âm dương lý khí sanh ngũ hành, rồi hoá sanh muôn vật. Còn chính Đấng Tạo-hoá là Chúa cả trời đất muôn vật, thì không thấy nói đến. Nhiều nơi nói Thượng đế, Chúa tể, thiên mạng, thiên sanh, thiên giáng tường, giáng ương... Ra như có ý nói đến Thiên-Chúa mơ-màng ; mà quân-tử Nhu cắt-nghĩa là lý, là tánh, là đạo : nên chẳng biết Đấng cội-rễ mọi sự là ai.

D — *Việc thờ-phượng.* — Dạy thờ vua kinh cha ; thờ quỷ-thần cùng là tiên-tổ ; kể tích cổ như thờ thần nọ bụt kia : mà không chỉ phải thờ đấng nào trên hết cho minh-bạch. Vì vậy người Nhu thờ ông bà, trời đất, kẻ thờ Khổng-tử, Văn-xương, người thờ quỷ-thần, thần sông, thần núi, thần gió, thần mưa... Thờ đủ no mọi món, là những giống thọ sanh, chẳng đáng thờ ; Có một Thiên Chúa là chính vị chí thần, đáng thờ-phượng trên hết mọi sự, thì đạo Nhu không biết tới.

E — *Về thần linh.* — Dạy qui-thần là bậc thiêng-liêng linh-tinh, vô hình-tượng. Mà quân-tử Nhu cất-nghĩa quỷ-thần là tài đức trong khí âm-dương ; là đầu tạo-hoá, là hồn phách kẻ chết ; là khí sống khí chết loài vật. Giải thể ấy, thì lộn vật vô hình với vật hữu hình ; như cứ theo sách Nhu, thì đổ biết quỷ-thần là vật gì. Nhưng vậy nhà Nhu cũng dạy kính-thờ cúng-tế.

F — *Nguyên tổ loài người.* — Nhà Nhu nhận ông Bàn-cổ làm nguyên-tổ. Trong sách sử rằng : ông ấy bởi không mà sinh-ra, rồi người mới phân trời đất. Dịch-kinh rằng : Có trời đất rồi mới có người nam người nữ. Thi-kinh rằng : Trời sinh chúng dân... Kìa luận một điều, mà trước sau chẳng hiệp ; không rõ thì-chung bởi đâu mà ra.

G — *Luật phép người-ta ở đời.* — Dạy giữ tam cương, ngũ thường, ngũ luân ; dạy sự gì không muốn cho mình, thì chớ làm cho ai ; dạy tu nhưn tích đức, có ý cho đặng :

Một là, tề gia trị quốc ; hai là, đặng tước-lộc danh-vọng ở đời này ; ba là, hoặc dễ phước cho con cháu, hoặc dễ danh-tiếng hậu lai ; bốn là, cho thuận thiên tâm, thiên mạng ; năm là, cho khỏi tai-nạn đời này. Dạy làm lành lánh dữ, cho được phước khỏi hoạ đời này mà-thôi.

Dạy những điều theo Tánh-giáo, thật tốt-lành. Nhưng mà còn sút-kém đạo Thiên Chúa ngàn trùng, còn khiếm khuyết nhiều thế :

Một là, chẳng nhìn biết có Thiên Chúa rất thông-minh công thẳng, hay thấu-soi mọi sự, hay thưởng phạt vô-cùng, Người đã dạy làm lành lánh dữ, cùng hứa thưởng phạt đời-đời : nên khó nôi lành dữ làm lành.

Hai là, không biết thưởng phạt hồn xác đời sau vô-cùng : nên kẻ lành mắc nạn, hết trông, liền thối chí ; kẻ dữ được vinh-hoa, càng đắc chí hành-hung hơn nữa.

Ba là, thiếu các phương-pháp hiệu-nghiệm, giúp người ta giữ trọn đạo, cùng chữa chuyên khi rủi lỗi đạo. Vì vậy học Nhu, khen nhu khoe nhu thì nhiều, mà giữ theo nhu không mấy kẻ.

Bốn là, chẳng những là thiếu mấy đều cần kíp can-bộ ; mà lại dạy bói-khoa, quẻ, số, là những việc dị-đoan phi-lý tở-tường.

Cho nên kẻ chẳng học-hành, một giữ theo lương-tâm Tánh-giáo, thì còn hơn kẻ giữ đạo Nhu nhiều phần.

H — *Cùng sau hết người ta.* — Dạy người ta có hồn thiêng, qui hơn mọi vật ; chết đoạn, phách về đất, hồn bay lên ; hoặc hoá ra thần, hay là biến ra quỷ ; hoặc tan ra khi, không còn gì nữa. Nhưng vậy Người Nhu cũng thờ cúng hồn ông bà cha mẹ.

Kìa nhà Nhu thông thiên đạt địa, luận đến trăm đời trước, ngàn đời sau, mà chính gốc loài người bởi đâu mà ra, ai tạo hoá, sinh ra ở đời này làm chi, chết đoạn ra thể nào, thì dạy không rõ, luận không nhằm ; lại pha nhiều đều nghịch lý ; nên phải kể là đạo tà, đạo dị-đoan mà chớ.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ ĐẠO PHẬT.

40 — A — *Kẻ lập đạo* là Thích-ca, hiệu là Nhân-nhục, sinh ra tại thành Kapita, nước Thiên-trúc, đời nhà Châu, vua Chiêu-vương, năm 24, tháng 4, ngày mồng 8. Cha Phật là Tịnh-phạm-vương, mẹ là Madathi, theo đạo dị-đoan Brahma. Đến 16 tuổi Phật cưới 3 vợ : là Gopha.

Ôphala và Đathì ; sinh được một con trai, tên là Lahhula. Chừng 19, 20 tuổi, sắc dục đã ngán, bỏ vợ con nhà-cửa, lên ở với sãi Brahma, tại núi Tuyết-sơn. Ít lâu bỏ đạo Brahma mà đi lập đạo mới. Dạy luân hồi thác sanh ; qui tập được một ít môn-đệ, bèn cất chùa. Đến 56 tuổi, bị uug độc mà chết khốn-nạn. Ấy là những điều đại-cái về tích Phật, đã chép trong sách Thần-tiên-thông-giám, và sách Kim-cang-kinh ; còn những điều dị-kỳ, lộng-ngôn, phi-lý, chẳng kể đây làm chi ; đã có trong sách Hội-đồng-tứ-giáo.

B — *Sách đạo.* — Phật chẳng làm sách nào. Chết rồi, môn-đệ mới chép 3 cuốn :

Một là, sách Soutra, kể những lời Thích-Ca dạy việc hư vô, việc hãm mình, việc trông-ước tây phương lạc thổ. Hai là, sách Vinada, thuật những chuyện dị-kỳ, cùng dạy những lẽ-luật lễ-phép bề-ngoài ; cũng có một hai điều mĩa-mai đạo Thiên Chúa. Ba là, sách Abbidarma cắt-nghĩa đạo Phật.

Sau nhiều sư thấy Phật dạy chưa vừa ý, thì mượn thêm đạo Nhu, đạo Lão-Tử trộn vào, mà đặt ra chẳng biết là mấy thứ sách. Như sách Tâm-đăng, sách Bí-truyền, v. v. Vì vậy đạo Thích-ca phân ra nhiều môn, nhiều thứ khác nhau.

C — *Về đấng tạo thành.* — Thích-ca dạy rằng : Đầu hết có một hột sương, bởi không mà ra, rồi hoá sinh trời đất muôn vật. Mà hột sương ấy là Phật tánh ; cho-nên Phật là Nguyên-thỉ tạo thành vạn vật, quản-tri mọi sự, chỉ tôn vô-đối.

Ấy Phật là một người phạm thế, mới sinh đời nhà Châu, sống không danh vị gì, chết khốn-nạn ; mà kiêu-

căng đến đối xung mình là chúa chí tôn, sinh thành quản-trị mọi loài mọi vật : thật là một tên tội-ác lộng-lược quái-gở trên đời.

D — *Về loài người* — Rằng số PHẬN loài người sinh-ra đều phải khổ-nạn, bất câu lành dữ. Có một kẻ tuân-giữ đạo Phật, cho được minh tâm kiến tánh, nghĩa-là suy-nghĩ sự không-không, làm cho mất tính người, mới khỏi khổ-nạn, mới thành Phật thành thần, mới an-nhàn tự-tại

Kìa Phật lấy sự HƯ KHÔNG làm cội-rễ, dạy thiên-hạ làm mất tính người, mới được an-nhàn siêu-độ : ấy là điều rất phản thường nghịch lý. Nên Như chê Phật là phát tri hơn sự, thì thậm phải.

E — *Về linh hồn*. — Hồn người-ta hằng sống ; xác chết đoạn, hồn lộn ra kiếp khác ; hoặc đầu thai sinh-ra người khác, hay-là cầm-thú côn-trùng ; hoặc xuống âm-phủ thọ hình, hay-là thành Phật thành thần, tiêu-diêu khoái-lạc ; mặc đời thuở sống có giữ đạo Phật cũng chẳng.

Ai chẳng biết tính thần khác, tính người khác, hồn người này chẳng phải hồn người kia, tính con người khác tính con trâu con chó, khác tính cỏ tính cây. Mà Phật dạy đồng tính đồng hồn, lộn qua lộn lại ; lộn tính thần tính người, lộn linh hồn, giác hồn, sinh hồn, đồng bậc với nhau, làm cho con người hoá-ra con trùn, con kiến... Thật là điều quái-gở nghịch lý. Cho-nên Như chê Phật vô quân vô phụ.... Hại ư Dương, Mặc, thì đã đáng.

F — *Luật phép ở đời*. — Có 3 điều cần nhứt cho được rồi ; một là, tin Phật ; hai là, giữ giới Phật ; ba là, vào chùa, không ở luôn, thì ở ít lâu.

Có ngũ giới : Một là, chớ sát sanh ; hai là, chớ ăn-trộm ; ba là chớ tà-dâm ; bốn là, đừng nói-dối ; năm là, đừng uống rượu. Lại có luật riêng cho sãi, vãi ; cùng dạy bốn-đạo phải cúng-cấp cho các sư.

Có ngũ đức : Một là cúng-thí, hai là giữ chay, ba là nhịn-nhục, bốn là trinh-đức, năm là thật-thà.

Bấy-nhiều là những việc nhơn-đức bề ngoài, cho dễ đỗ-dành thiên-hạ. Song cang thường luân lý, còn thua kém đạo Nhu, phương-chỉ đạo Thiên Chúa.

G — *Việc thưởng phạt.* — Ai giữ đạo Phật, thì chết rồi được thưởng thành phật thành thần ; hay-là đầu thai sinh người khác, được phú-quới khôn-ngõ. Ai chẳng tuân phép Phật, thác rồi phải phạt lộn ra loài vật : thành heo, chó, rắn-rít v. v. ; hoặc đoạ vào hoả-ngục chịu gia-hình, cho đến khi có sư nào làm lễ phá ngục cho, mới được ra ; hay-là hồn ấy cứ niệm kinh Phật, cũng được ra. Như có ca rằng : « Sống làm lành dữ mặc thân ta, thác rồi trừ-khử nghiệp gian tà. Hồn thiêng hãy nhớ kinh niệm Phật ; dầu vào địa-ngục cũng được ra. »

Kìa coi dạy những chuyện dị-kỳ, dối-trá, phi-lý là dường nào ! Nếu có như lời, ắt thế-gian rày thiên-hạ các nước đã ra cầm-thủ hết rồi, còn ít tên tu chùa mà-thôi. Cớ sao thiên-hạ càng ngày càng đông?—Lại ai lập ngục, ai giam, ai phạt, mà thầy chùa muốn phá hồi nào thì đăng hồi nấy ? Làng trên xóm dưới, không xứ nầy thì nơi khác, rước thầy làm chay phá ngục, chẳng ngày nào ngớt, thì còn gì là ngục, còn gì là phạt ? Nếu vậy sắm ít quan đề-dành, chết rồi rước thầy sãi phá ngục, thì đã đủ ; chẳng cần phải làm lành lánh dữ làm chi. Xem qua đã hiểu là đạo dị-đoan phi-lý, chẳng cần phải biện bạch chi nữa.

Nhưng vậy ma-quỉ hay làm cho người ta mê tâm, tin giữ đạo thể ấy, cho được làm tới nó đời này, và đời đời trong hoả-ngục. Ôi ! khốn-nạn là dường nào !

ĐIỀU THỨ BA

VỀ ĐẠO ÔNG BÀ.

41 — Đạo này không có sách vở, chỉ có lời tục rằng : *Xưa bà nay làm* ; ông cha thờ vì nào, con cháu thờ vì nấy. Chẳng vậy sợ thất hiếu với ông bà.

Bởi đó kẻ ngoại đều thờ ông bà, vái trời đất thần phật, làm mấy món dị-đoan theo tổ-phụ lưu-truyền. Lại nghe đầu linh, liền vái đó ; chẳng xét vì mình kính vái là ai, có đáng thờ cùng chẳng.

Vậy đây ta phân-giải ít điều về ông bà, giấy tiền vàng bạc, trời đất, thần phật.

42 — A. — *Việc cúng-tế ông bà.* — THỨ NHẤT, con người-ta chết đoạn, xác ra phân ra đất ; còn linh-hồn, như lành, Chúa thưởng lên thiên-đàng, hưởng phước-lộc vô-cùng ; hồn dữ phải phạt xuống hoả-ngục, giam cầm khổ-não đời-đời. Vậy trên không thêm xuống dưới chẳng được lên, thì ai ăn mà cúng-quải ?

THỨ HAI, của có hình nuôi vật có hình mà-thôi ; lại thứ nào có của ăn riêng thứ nấy ; trâu bò không chịu ăn cá thịt ; trùn dế không ăn lúa gạo. Vậy linh-hồn thiêng-liêng, không hình-vóc, thì ăn của có hình làm sao dặng ?

Nên xưa nay cúng rồi bưng xuống, hãy còn nguyên- vẹn, thấy kẻ sống ăn với nhau mà-thôi.

THỨ BA, ta phải ăn cho khỏi chết đói. Như hồn ông bà phải ăn, mà một năm quải mấy lần, sao cho khỏi chết đói ?

Hoặc rằng : *Không ăn song cũng hưởng hơi : nên cúng rồi, đồ ăn ra nhẹ.*

THỨ NHẤT, vật gì không ưa thì hưởng hơi không được ; nên chẳng ai chịu hơi bùn, vì bùn chẳng phải là vật người-ta ăn. Vậy hồn vô-hình không chịu ăn của có hình, thì cũng chẳng chịu hơi nó nữa.

THỨ HAI, vốn hơi là nước : như thấy nước sôi trong nồi bay hơi lắm, thì mau cạn. Vậy đồ-ăn còn nóng thì nặng ; chừng nguội đã bay hết hơi, nên đã bớt hết nhiều nước : tự-nhiên phải nhẹ hơn hồi còn nóng. Của cúng, của không, cũng vậy ; nào có ai hưởng gì đó, mới nhẹ đâu.

Hoặc rằng : *Không ăn không hưởng, sao nhiều khi về quăng ném khuấy-phá trong nhà bắt đĩa kia đĩa nọ ; có cúng một đôi lần mới yên ?*

Vốn cha mẹ thương con, như có về được, ắt vui-mừng phới-phở, hủ-hỉ với nhau ; có muốn ăn, dạy một tiếng, thì con-cái sẵn lòng sẵn dọn. Cớ sao mấy năm mấy tháng chẳng về ; chừng về lại khuấy-phá, bắt đĩa nọ đĩa kia đau-dớn điên-khờ ? Tinh cha mẹ ở với con thể ấy có được sao ? Con thảo đâu dám nghi cho cha mẹ làm bậy thể ấy ? Kẻ biết điều, ăn nên đọi, nói nên lời, không đòi ăn kiêu ấy đâu. Đó là ma-quỉ khuấy-khuất phỉnh-phờ người-ta mà-chớ.

43 — B — *Giấy tiền vàng bạc* — Vã tiền-bạc chỉ dùng mà sắm đồ ăn mặc ; linh-hồn thiêng-liêng vô-hình, không

phải ăn mặc như xác, thì dùng tiền-bạc làm chi. — Giả-như có dùng, ắt phải có tiền thiệt bạc thiệt. Cớ sao dâng chút tro giấy, mà nói là tiền bạc áo xống? Cha mẹ còn sống, con-cái có dám khinh-suất, đến đổi đem chút tro giấy mà phỉnh là tiền bạc áo xống sao? Hay-là rằng: mình thấy là tro, mà quỷ-thần lấy làm tiền bạc; nếu vậy quỷ-thần khờ-dại biết là đường nào! Kia đốt rồi, tro còn đó, có biến hoá chi đâu.

Hoặc rằng: Tuy không ăn, không hưởng, không dùng, nhưng vậy đạo làm con, CŨNG PHẢI CÚNG-TẾ, MÀ TỔ TÌNH BÁO-HIỆU.

Việc hiếu-thảo là ở cho xứng đạo làm con; cứ chính lý mà kính-thờ cha mẹ cho nhằm phép, như điều răn thứ bốn dạy. Còn việc đốt-giấy tiền vàng bạc, cúng-tế quải-lay, là chuyện đối-trá vô-ích, chẳng phải là hiếu với cha mẹ, mà lại tiếm lễ lạm quyền, mắc tội với Đ. C. T.; vì có một Đ. C. T. là Đấng thượng-phụ sanh-thành quản-trị mọi loài, cầm quờn tử sanh hoá phước; phải tế-tự cầu phước một mình Người mà-thôi. Còn cha mẹ là bậc hạ-phụ, là loài thọ-sanh: con-cái có tế-tự, ắt là tiếm lễ; có cầu phước, ắt là lạm quyền. Cha mẹ có quờn gì, mà tế-lễ như tế-lễ Thiên Chúa! Có phép gì mà ban ơn xuống phước cho con cháu? Kia hồi còn sống, thấy con-cái đau chết trên tay mà chẳng làm chi cho khỏi được, phương-chỉ khi cha mẹ đã chết rồi. Phải như bảo-hộ được, thì các vua ông cha đã phù-trì cho con cháu khỏi mất nước mất dòng.

Vì các lễ ấy, đạo thánh Chúa cấm chẳng cho con cái cúng-tế ông bà cha mẹ.

44 — C — TRỜI ĐẤT. — Tục rằng: *Trời sinh trời dưỡng. Sống thác nhờ trời*; nên nhiều người khăn-vái. Vả loài nào sinh loài nấy, vật hèn chẳng sinh được vật trọng; vì

vậy chó ngựa một sinh chó ngựa, chẳng sinh được người-ta bao-giờ. Vậy trời là vật không có sự sống, không có trí khôn sinh dựng vật có sự sống, có trí-khôn làm sao đặng. Hễ vật có sự sống, có trí-khôn, muốn đi đâu, làm việc gì, thì không ai biết trước được. Mà trời xây đi vận lại, độ số, nhật-thực, nguyệt-thực, thì người-ta tính trước biết trước đặng ; nên trời chẳng phải là vật sống, chẳng có trí-khôn ; hầu biết ai khăn-vái mà ban ơn xuống phước cho nó.

Vốn Chúa dựng-nên trời làm nhà, đất làm nền, nhật nguyệt tinh thần làm đèn-đuốc, để che-chở soi-sáng cho ta. Vậy kẻ chẳng nhìn biết thờ-phượng Chúa là chính Đấng tạo-thành, mà kính-thờ khăn-vái trời đất, thì chẳng khác nào đưa con kia thờ lạy nhà-cửa đèn-đuốc, mà chẳng màng đến cha mẹ, là kẻ đã cất nhà, đã lập gia-nghiệp cho nó nhờ.

Lời rằng : *Trời sinh, trời dưỡng. Sống thác nhờ trời.* Ấu là lời tiên nhân nói tắt, có ý hiểu rằng : có Đấng trên trời sinh-dưỡng ; Đấng trên trời che sống thác. Cũng như quen nói rằng : *Tỉnh dạy, Huyện cho.* Thì tự-nhiên biết là quan tỉnh dạy, quan huyện cho ; chẳng cầu ai cất-nghĩa nữa.

45 — D — *Thần-phật.* — Những thần phật người-ta quen cúng-vái, là những người đã chết, mà vua phong cho làm thần ; hay-là ma-quỉ mượn tên kẻ chết ấy, mà làm một hai điều mị-mộng, liền kêu là thần linh. Kẻ thì e-sợ bắt-bớ khuấy-khuất ; kẻ thì có bụng trông ơn phước chi đó, nên đua nhau cúng-vái.

Phải biết có một Đ. C. T. cầm quờn sanh sát, hoá phước mà-thôi. Những kẻ ấy thươ sống không thờ Chúa Cả ; chết rồi, hồn ắt phải chịu giam phạt trong hoả ngục

đời-đời, xác thì ra phân ra đất : còn gì mà phù-trì, hay-là bắt-bớ ai đặng. Dầu ma-quỉ lấy tên nó, cũng chẳng làm phước làm hại ai, trái ý Đ. C. T. đặng. Quan nào chẳng phải là quan nhà-nước, ấy là quan ngục, chẳng được phép gì trong nhà-nước ; cũng một lẽ ấy, thần nào chẳng phải là thần Đ. C. T. sai, ắt là thần ngục, chẳng có phép vâng-hộ, bắt-bớ ai.

46 — E — *Phong thần.* — Vua có quờn cai dàu, thì mới nấy cho kẻ bề-dưới cai đó được. Vậy vua đã chẳng có quờn cai trị trời đất, khiến nắng mưa, phù-trì cho khỏi tai-ương bịnh-hoạn, thì phép gì mà trao cho kẻ chết làm thần quản hay các việc ấy đặng ? Vua cai dân, không có phép cai thần ; cai xác, không phép cai hồn ; nên hồn kẻ chết, vua muốn đòi, muốn bắt, muốn phạt, muốn phong chức gì cũng chẳng đặng nữa.

Vua mượn tiếng *phong thần*, mà trả ơn cho những kẻ hồi còn sống, đã ra công phò vua vực nước ; cũng có ý cho quan dân còn sống thấy vậy thêm lòng giúp nước phò vua ; chẳng phải có ý phong cho thành thần, cho được phù-trì bảo-hộ dàu. Bằng có ý ấy, âu là đã phong cho tổ-tiên vua làm thần, để phù-trì con cháu thanh trị muôn đời, khỏi hư nhà mất nước, chẳng hay hơn sao ? Có vậy, vua đã khiến những thần mình phong làm mưa hoà gió thuận, khỏi mất mùa, khỏi bịnh-hoạn, cùng mọi sự tai-ương.

Cho nên các vị ấy chẳng phải là thần linh gì, thật là những người đã chết trước ta mà-thôi : chẳng còn làm ích làm hại ai được nữa.

47 — F — *Khử tà qui chánh.* — Hoặc rằng : Bỏ đạo cha ông mà theo đạo khác, là điều thất biểu. Đáp rằng : Như tổ-tiên dạy đạo chính, con cháu có bỏ, mới kẻ là thất hiếu. Bằng đạo ông bà là tà, con cháu khử tà qui chánh,

thì chẳng có điều gì thất hiếu. Vả đạo chánh là luật Đ. C. T., là Đấng thượng-phụ, buộc hết mọi người phải tuân-giữ ; cha mẹ là bậc hạ-phụ, không có phép cấm con cái giữ luật Đấng thượng-phụ buộc chung mọi người. Dầu cấm con cái cũng chẳng nên tuân ; chẳng vậy, mắc tội với Thiên Chúa. Ví-dụ cha mẹ có cấm chẳng cho con tuân-giữ luật chính vua trong nước, ắt cha con đều mắc tội bị án chẳng sai.

Hễ biết tà, phải bỏ ; biết chánh, phải theo, mới thuận ý cha mẹ. Vì giả-như cha mẹ còn sống, biết đạo Thiên Chúa chánh ; ắt khử tà qui chánh, và lo cho con cái noi-giữ. Vậy rày thấy con cái tìm đảng đảng chánh, khỏi lầm-lạc như mình, phỏng tình cha mẹ mừng cho con là đường nào. — *Bỏ tà qui chánh*, chẳng phải thất hiếu, mà lại làm cho rạng danh tiên-tổ ; vì *con sang, sang cả mẹ cha*. Ví dụ cha mẹ xưa chuyên nghề nông-phu dốt nát, nay con đổi-nghiep, học-hành, nên người văn vật tri tài, lên quờn cao chức trọng, thì rạng danh cho cha mẹ tổ-tiên. Nào ai nói cải nghiệp là đều thất hiếu. Xưa khác nay khác : xưa ăn sống, ở hang, rày con cháu không dám ăn chín, ở nhà sao ? *Lầm khác, biết khác* : cha lầm sa vực, con biết cũng phải sa theo sao ? Chẳng lẽ làm vậy. Hễ biết đạo chánh Chúa Trời truyền cho mọi người phải giữ, thì mình phải bỏ hết nẻo tà tiên-tổ, mà noi giữ, mới khôn, mới thuận ý cha mẹ, mới khỏi phạt mà được phước vô-cùng.

Ấy là ít điều đại-cái về thần phật. Còn những tông tích riêng từ môn đi-đoan người ta tin thờ phi-lý, thì đã giải rõ trong sách *Biện phân chánh tà*, sách *Thánh giáo lý chứng*, *Chơn đạo giảng giải*. Chẳng phải nói đây làm chi nữa.

PHẦN THỨ HAI

NÓI VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Đoạn I — Về sự có Đ. C. T.

« *II — Về bản-tính Đ. C. T.*

« *III — Về Đ. C. T. Ba Ngôi.*

« *IV — Về sự Đ. C. T. dựng nên mọi sự.*

ĐOẠN THỨ NHỨT

VỀ SỰ CÓ ĐỨC CHÚA TRỜI.

1 — H. — *Lấy lẽ gì mà biết chắc có Đ. C. T. ?*

T. — Bối Đạo thánh dạy có Đ. C. T., ấy là điều đích-thật phải tin, chẳng có lẽ mà nghi-hoặc. Nhưng mà xét theo bản tính loài người, coi mọi loài mọi vật trong thế-giới, thấy những sự tốt-lành thứ-tự trong trời đất, cũng biết đặng phải có Đấng trên hết làm Chúa cả muôn vật.

2 — H. — *Xét bản-tính loài người làm sao mà biết có Chúa ?*

T. — Hễ cả và thiên-hạ rập một ý cùng nhau mà quả-quyết có điều gì, thì có thật chẳng sai ; vì muôn dân muôn nước khác nhau, chẳng lẽ làm một kiểu như nhau đặng. Vậy các dân các nước đều tin đều nhận có Đấng thiêng-liêng cao-trọng phép-tắc, hay bảo-hộ, hay sửa phạt. Bởi đó nước nào, xứ nào cũng có cúng-tế, thờ-phượng, khẩn-cầu, kinh sợ ; tuy chẳng biết tên Đấng ấy cho rõ-

ràng, song cũng nói đến cách trồng. Như kẻ-ngoại An-nam quen nói rằng : Có Đấng trên đầu trên cổ. Như rằng : Duy Hoàng Thượng Đế giảng trung vụ hạ dân... Dư úy Thượng Đế. Là Vua cả trên trời xuống tánh lành cho người ta... Ta sợ Vua cả trên trời.

Lại tự-nhiên ai nấy có làm sự gì vậy, dầu biết chẳng ai thấy ai hay, song cũng hồi hộp nhơn sợ ; dường như có Đấng nào thiêng-liêng thấy tội mình vậy. Gặp hồi nguy-hiểm ngặt nghèo, liền vụt miệng vái-van, như thể kêu Đấng nào phép-tắc cứu-chữa. Dầu nước này nhận tên này, nước khác kêu tên khác, lăm-lạc nhiều cách ; mà chính ý đều chỉ về Đấng cao-trọng quờn-phép trên loài người. Ấy là dấu muôn dân thiên-hạ đều biết trồng có Chúa ; nên hẳn-thật có Chúa chẳng sai.

3 — H. — *Coi mọi loài mọi vật làm sao mà luận rằng có Đ. C. T. ?*

T. — Cây có gốc, nước có nguồn : vật nọ thứ kia, bởi có kẻ sinh ra làm ra mới có, chẳng phải khi không mà có đặng. Như thấy nhà, thấy người, liền biết có kẻ đã cất, đã sinh. Vậy thấy trời đất muôn vật, thì biết phải có Đấng nào đã tạo thành mới có ; mà Đấng ấy thật là Chúa phép-tắc vô-cùng, mới sinh thành muôn vật đặng. Như lời ông thánh BASILIO rằng : « Mỗi một vật đều làm chứng có Chúa dựng nên mình. »

4 — H. — *Thấy sự tốt-lành thứ-tự trong trời đất, thì làm sao mà luận rằng có Chúa ?*

T. — Hễ đâu có lớp-lang thứ-tự, thì đó đã có kẻ sắp-đặt an-bài. Toà nào tốt-lành rực-rỡ, ắt đã có kẻ sửa-soạn trau-giỏi ; thấy nước nào dân-sự an-hoà, liền

biết có vua-chúa cai-trị. Vậy cả-và thế-giới là một nước minh-mông ; trời đất là một toà nguy-nga rực-rỡ ; mọi vật đều lớp-lang thứ-tự ; nên phải có Đấng khôn-ngoan tài-trí gây-dựng sửa-sang, mới đặng tề-chỉnh như vậy.

5 — H. — *Có buộc mọi người phải biết có Đ. C. T. chăng ?*

T. — Lễ tự-nhiên con-cái phải thảo-kính cha mẹ ; kẻ bề-dưới phải tôn-phục kẻ cai-trị mình ; mọi người phải biết nghĩa kẻ làm ơn cho mình. Vậy Đ. C. T. là Cha chung sinh-dưỡng mọi người ; là Vua cả quản-trị thiên-hạ ; là Chúa nhơn-lãnh hăng xuống ơn cho mọi người. Cho-nên buộc hết mọi người phải biết Đ. C. T., mà mến-yêu, tôn-phục, tạ ơn Người. Bởi đó kẻ có trí-khôn mà chẳng nhìn-biết Chúa cả trời đất, thì mắc tội thất-hiếu thất-trung vong-ân bội-nghĩa, phải án phạt vô-cùng trong hoả-ngục.

ĐOẠN THỨ II

VỀ BỒN TÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

6 — H. — *Đ. C. T. là Đấng thế nào ?*

T. — Đ. C. T. là đấng vô-thỉ vô-chung — vô hình-tượng, chẳng hề thay-đổi — tốt-lành vô-hạng — trí-huệ vô-song — phép-tắc vô-cùng — nhơn-từ, công-bình — chơn-thật vinh-phước vô-ngần — chí-tôn vô-đối — hăng ở khắp mọi nơi.

Ấy là một ít điều về tính Đ. C. T.. Bởi Đạo thánh Chúa đã dạy, ắt là điều rất đích-thật, ta phải tin vững-vàng. Bằng cứ lẽ mà xét, cũng phân-biệt được ít nhiều mà-thôi. Muốn hiểu cho tường-tận, thì chẳng đáng, vì trí loài người hèn-hạ có cùng, muốn xét tính cao-trọng vô-cùng Đ. C. T., khác nào lấy ngao lường biển, trợn mắt nhìn mặt-trời, thì càng thêm ngao-ngán mịt-mù, luống-công vô-ích mà-chớ. Vậy đây cứ lẽ mà giải qua từ điều, cho biết Đ. C. T. cao-trọng quá khỏi tính-trí mọi loài, lưỡi khen chẳng xiết, bút ngòi không cùng, trí suy không thấu.

7 — H. — *Vô-thỉ nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là, Đ. C. T. *tự-hữu hằng có đời-dời*. Từ thuở đời-dời có một mình Đ. C. T., chẳng có đấng nào trước Chúa, chẳng có đấng nào sinh ra Chúa ; có một mình Chúa là đầu trước hết sinh ra muôn loài muôn vật mà-thôi. Dầu trí loài người xét lên cho đến vô-cùng chẳng đáng, nhưng-mà cứ chính lý, thì mọi sự phải có đầu có đuôi ; nên cũng hiểu đấng trong trời đất muôn vật phải có một Đấng làm đầu trên hết, không có đấng nào trước Đấng ấy nữa. Đấng ấy phải có từ trước vô-cùng, làm căn-bản mọi sự, cho-nên kêu là Đ. C. T.. *Ví-dụ* : Trong số đếm, số một đứng đầu các số khác, cho đến muôn vàn ức triệu ; không có số nào trước số một ấy nữa ; vì số một khi-đầu trước hết. Vậy muốn xét ai sinh ra Đ. C. T., chẳng khác gì muốn kiếm số nào đứng trước số một. Ất là không còn số nào trước nữa, tới đó, cùng rồi. Cũng một lẽ ấy, tới Đ. C. T. đã cùng rồi, không còn đấng nào trước Chúa nữa ; cho nên kêu rằng vô-thỉ.

8 — H. — *Vô chung là làm sao ?*

T. — Nghĩa là Đ. C. T. hằng có từ đời-dời cho đến đời-dời, chẳng hề khi nào suy-sút, hay-là chết mất dạng. Vì Đ. C. T. là Đấng rất thiêng-liêng, tự-hữu, gồm no phước-lộc vô-cùng ; cho-nên hằng có một mực, trước sau vậy, chẳng suy-sút chết mất dạng.

Một là, vì sự mòn yếu chết mất, chẳng xứng tinh cao-trọng vô-cùng Chúa.

HAI là, vật gì có hình có phần-phía, đến khi các phần trong بدن-thể mòn-mỏi hay-là rã ra, mới suy và chết mất dạng. *Vi-dụ* : vóc mình người-ta có suy phần nào trong ngũ tạng lục phủ, tứ chi bá hải, mới yếu-dau bịnh chết. Còn بدن-thể Đ. C. T. rất thiêng-liêng, không hình-vóc phần-phía ; nên lấy đâu mà suy-sút hao-mòn, hầu chết mất dạng ?

BA là, gốc cầm mình chẳng còn, nên phải tan-mất. *Vi-dụ* : mặt-trời lặn, sự sáng phải mất theo ; vì mặt-trời là gốc cầm giữ sự sáng. Vậy Đ. C. T. là Đấng tự hữu hằng có bởi mình, chẳng phải nhờ ai mới có ; nên chẳng hề mất theo ai dạng, một phải còn hoài cho đến đời-dời kiếp-kiếp.

BỐN là, có vật khác trời hơn phá-hại, nên vật này phải hư mất. *Vi dụ* : nước nhiều làm tắt lửa, cá lớn ăn cá nhỏ. Vậy Đ. C. T. là đấng phép-tắc vô-cùng, chỉ tôn vô-đối ; còn Đấng nào trời hơn Chúa nữa, hầu làm cho Chúa hư mất dạng, cho-nên kêu là Chúa vô-chung, đời-dời hằng có.

9 — H. — *Vô hình-tượng nghĩa-là làm sao ?*

T. — Nghĩa là بدن-thể Chúa rất thiêng-liêng, không

hình sắc, con-mắt xác-thịt chẳng thấy đặng. Vì sự có hình thì hèn hơn sự thiêng-liêng, chẳng xứng tính vô-cùng Đ. C. T.. Vậy loài người bởi có tính thiêng-liêng nên trọng hơn loài vật ; mà loài thần bởi không có xác không hình, nên trọng hơn loài người. Mà Đ. C. T. là đấng rất trọng vô-cùng, nên cũng rất thiêng-liêng sáng-láng vô-cùng, chẳng có hình con-mắt ta thấy đặng.

10 — H. — *Chẳng hề thay-đổi là làm sao ?*

T. — Là từ trước vô-cùng cho đến sau vô-cùng, thì Đ. C. T. hằng có một mực luôn ; trước sao, sau cũng vậy. Mọi sự trong Đ. C. T. là một đều vô-cùng cả, không thêm được hay-là bớt được đều gì ; nên không có thể mà đổi-dời đặng.

Những vật đổi được, thì:

Một là, đổi hình thể ; như những vật có hình có sắc, mà sau hao-mòn rã-ra, hay-là phai màu đổi sắc, cho-nên mới ra khác. Mà Đ. C. T. thì rất thiêng-liêng, không hình không sắc, cho-nên không đổi đặng.

Hai là, đổi chỗ, rày đây mai đó. Thiên-thần dầu thiêng-liêng, khi ở chỗ này, thì không có chỗ khác. Nhưng-mà bốn-thể Đ. C. T. thì vô-lượng vô-biên, hằng có khắp mọi nơi, chẳng chỗ nào mà bốn-thể Đ. C. T. chẳng thấu đến, cho-nên chẳng đổi-dời đặng.

Ba là, đổi-việc : như trước vui sau buồn ; trước dốt sau thông ; trước làm sau nghỉ.... Mà các tài-đức phước-lộc Đ. C. T. là một đều vô-cùng cả : mọi việc thì Người đã biết từ đời-dời, đã định từ đời-dời, đã có từ đời-dời ; không phải là mới biết thêm, định thêm, có thêm đều gì mới, hầu thay-đổi, cho-nên nói rằng : Đ. C. T. chẳng hề thay-đổi.

H. — Khi ta phạm tội, thì Đ. C. T. ghét ; đến chừng ta ăn-răn thống-hối, Chúa lại thương. Kìa khi thương khi ghét làm vậy, thì đã đổi ý rồi, mà sao nói rằng không đổi ?

T. — Đổi là tại việc ta : khi ta lành thì được thương ; khi ta dữ, thì bị ghét mà-thôi. Song sự Đ. C. T. thương lành ghét dữ, thì hằng có một mực từ trước vô-cùng, chẳng hề thay-đổi. Cũng như ta coi trong mặt gương, trong bản-tĩnh Đ. C. T. thì không có việc gì nghịch nhau khác nhau.

Ví-dụ : phơi sấp và bùn, thì bùn khô, mà sấp chảy. Kìa ướt ra khô, khô lại ra nước, là hai công-hiệu nghịch nhau ; mà khí nóng mặt-trời thì có một. Cũng một lẽ ấy, sự thương lành ghét dữ, là chính công-hiệu bởi một đức công-bình vô-cùng Đ. C. T. mà ra ; chẳng phải là trong Chúa có thương ghét phân hai như trong trí ta đâu.

Vì vậy trong sách nói Đ. C. T. giận phạt, oán trả, buồn, tiếc..., thì có ý nói công-hiệu bề-ngoài theo việc loài người, cho ta hiểu đặng ; mà chẳng phải là trong Đ. C. T. có bấy-nhiều sự khác nhau thế ấy.

11 — H. — Tốt-lành vô-hạng là làm sao ?

T. — Người là Đấng gồm no hết mọi sự tốt, là chính mạch mọi sự lành. Các vật một thứ với nhau, thì đều bởi một gốc chung mà ra.

Ví dụ : mặt-trời là chính gốc chung sự sáng ; cho nên những yển sáng cả-và thế-giới đều thì có trong mặt-trời hết. Ấy vậy Đ. C. T. là chính gốc chung sinh ra mọi loài mọi tính ; cho nên các sự tốt lành trong mọi loài mọi tính, dầu thiên-thần, dầu loài người-ta, có nghĩ ra

được bao-nhiều sự tốt-lành nữa, thì đều có trong Đ. C. T. thấy-thấy, cho nên rằng tốt-lành vô-cùng.

H. — *Đ. C. T. tốt-lành vô-cùng, còn sinh-ra những vật xấu, giống dữ ở đời này làm chi ?*

T. — Có vật xấu mới giới vật tốt : có sỏi-sạn xấu-hèn, mới biết ngọc vàng tối-quí ; có sự tối, thì sự sáng mới quý. Còn những giống độc vật dữ ; hoặc thành vị thuốc hay : như mã-tiên, thạch-tín ; hoặc cho kẻ dữ biết sợ : như cọp hùm, rắn độc ; hay-là làm ích cho vật khác. Hoặc có đủ đều cho tốt trong thế-gian, mà bởi ta không hiểu cho hết ý, nên lấy làm xấu làm dữ. — Cũng như thấy đồng máy đồng hồ, cái thì cong, cái thì khuyết. Kẻ không biết thì lấy làm xấu làm vụng, nhưng-mà cái nào cũng có ích, xúng-hạp nhau, cùng nương nhờ nhau thấy thấy. Ấu là mọi vật trong trời đất cũng vậy.

12 — H. — *Thông-minh vô-cùng là làm sao ?*

T. — Là biết hết mọi sự. Những điều đã qua, các việc bây giờ, mọi sự hậu lai, mọi điều kín-nhiệm, thì Đ. C. T. xem-thấy tỏ-tường trước mặt thấy-thấy ; không có sự gì khuất ần Người được. Đ. C. T. gồm no mọi sự tốt-lành vô-cùng ; mà việc biết mọi sự, là một điều tốt-lành nhất ; cho-nên Đ. C. T. phải có, mới gọi là tốt-lành vô-cùng.

Lại những việc Chúa làm, đều làm chứng Người biết hết mọi sự :

Một là, Người đã dựng nên muôn vật, cho-nên đã phải biết hình-thể bốn-tính từ vật, mới dựng-nên đặng.

Hai là, Người gìn-giữ mọi loài mọi vật, mà trong mọi vật thấy có nhiều vật nghịch nhau, hại nhau, như

nước với lửa ; Người gìn-giữ cho còn, thì đã phải biết hết cách-thế, mọi đều nó sẽ hại nhau phá nhau, mà phân-định chế-chăm phòng-ngừa trước, thì mới dặng. Ấy là chứng tỏ-tường Người biết hết các sự hậu-lai.

BA là, bởi Người công-bình vô-cùng, nên phải biết hết mọi đều kín-nhiệm trong lòng mọi người, thì thường phạt mới chi công được.

BỐN là, bởi bốn-thể Chúa ở khắp mọi nơi, nên chẳng còn sự gì ngoài Đ. C. T., mà Người chẳng biết.

13 — H. — *Phép-tắc vô-cùng là làm sao ?*

T. — Nghĩa là chẳng có việc gì mà Đ. C. T. làm chẳng dặng. Chúa muốn sao thì nên vậy ; bởi không mà Người phán một lời, liền có trời đất muôn vật. Giả-như Người có muốn hủy đi, thì trong một nháy mắt muôn vật trời đất liền tận-tuyệt ra không tức-thì. Mà giả-như Người lập mấy muôn thế-giới nữa, thì trong một nháy mắt, liền có đủ tức-thì.

Hề tài-năng thì xứng theo bốn-tính ; tính càng cao, thì tài càng trỗi. Loài Người trỗi hơn loài vật, vì tính người trọng hơn tính vật. Loài thần tài hơn loài người, vì bốn-tính thần cao-trọng hơn tính người. Vậy bốn-tính Chúa cao-trọng vô-cùng, nên tài-phép Chúa cũng vô-cùng.

Lại xét các việc Chúa làm trong trời đất này, thì cũng biết Chúa phép-tắc vô-cùng.

14 — H. — *Nhơn-từ vô-cùng là làm sao ?*

T. — Là hay thương giúp cứu-chữa ta cho khỏi khổ. Vậy sự thương-xót là công-hiệu bởi lòng tốt-lành mà ra ; như nóng bởi lửa mà ra, hề lửa càng nhiều thì nóng càng hung. Ấy vậy Chúa tốt-lành vô-cùng, cho-nên cũng hơn-

từ vô-cùng. Lại ơn sanh-thành, ơn cứu-chuộc, đều làm chứng lòng nhơn-từ vô-cùng Chúa.

15 — H. — *Công-bình vô-cùng là làm sao ?*

T. — Nghĩa là thưởng công phạt tội, rất dích-đáng ; và phân-định mọi việc rất nhằm rất xứng ; không thiên-tư, không lầm-lỗi chút nào. Bởi-vì Chúa là đấng tốt-lành vô-cùng, nên không thiên-tư tây-vị đặng.

Lại Chúa thông-minh vô-cùng, biết hết mọi sự, nên chẳng hề lầm được. Bởi đó phải công-bình vô-cùng. Người phân-định muôn vật, loài nào tính nấy, đều xứng-hạp mà làm theo bốn-phận riêng mình.

Vả sự thưởng thiên-đàng, phạt hoả-ngục, cũng việc cứu-chuộc, càng làm chứng Đ. C. T. công-bình vô-cùng.

H. — *Nhiều khi thấy kẻ lành khổ đến chết, kẻ dữ sướng già đời, dường-như không thưởng lành phạt dữ, thì sao cho thấy công-bình ?*

T. — Đời này chẳng phải là nơi thưởng phạt cho trọn. Chúa đã định thưởng lành phạt dữ cho công-thắng về kiếp sau. Đã lập thiên-đàng thưởng kẻ lành, hoả-ngục phạt kẻ dữ đời-đời. Mà bởi Chúa rất công-thắng, chẳng chút lành nào mà chẳng thưởng, chẳng chút dữ nào mà chẳng phạt. Kẻ dữ hoặc cũng có làm một hai việc lành, thì Chúa thưởng cho được chút phước tạm đời này ; xong rồi, phạt xuống hoả-ngục cho xứng tội dữ nó. Còn kẻ lành, sao cho khỏi vương-vấn một hai chút dữ, thì Chúa phạt phải chịu khổ tạm đời này ; xong rồi, thưởng thiên-đàng cho xứng công-nghiệp kẻ ấy.

Lại sự khổ đời này là phương-thế cho đặng tích đức lập công đáng thưởng đời sau, như lời tục-ngữ rằng :

gian-nan thử đức... Có khó mới có công. Bởi đó kẻ lành thật thì cũng ham chịu khổ, mà lành bề sung-sướng. Vậy sự khốn-khó thế-gian, hoặc là phần phạt tạm đời này ; hoặc là thêm phần thưởng đời sau ; chẳng phải là thật tai-nạn cho kẻ lành đâu.

16 — H. — *Chơn-thật vô-cùng là làm sao ?*

T. — Nghĩa là chẳng hề lằm đặng, hay-là dối ai đặng. Bởi Đ. C. T. là đấng rất thông-minh duệ-tri, mọi sự trước, sau, bây-giờ đều thấu biết nhần tiền tường-tận thấy-thấy; cho-nên chẳng hề lằm-lỡ được. Chúa là đấng tốt-lành vô-cùng ; nên không hề phỉnh-phờ ai đặng ; ắt là phải chơn-thật vô-cùng.

17 — H. — *Vinh-phước vô-cùng là làm sao ?*

T. — Là hằng hưởng mọi sự tốt-lành, hằng đặng phỉ lòng toại chí ; chẳng có sự gì trái ý. Phước-lộc những vì thiêng-liêng, là tại trí hiểu-biết những sự tốt-lành, rồi ý muốn sinh yêu-chuộng sự tốt lành ấy, lấy làm phỉ tình toại chí. Vậy Đ. C. T. thông-minh vô-cùng, hằng thấy mọi sự tốt-lành vô-cùng mình ; nên hằng yêu-chuộng, hằng hưởng mọi sự tốt-lành vô-cùng ấy, mà phỉ tình toại chí luôn.

Chúa phép-tắc vô-cùng, muốn sao nên vậy ; dầu dựng nên muôn vật, quản-trị mọi loài, cũng chẳng phải lo-lắng khó-nhọc chút nào sốt ; nên hằng an lòng an trí luôn.

Vả phước-lộc người đời, là tại những sự ngoài mình : như phú-quới, chức-quòn, danh-vọng..., cho-nên thêm bớt tùy các việc ngoài ấy thanh hay-là suy. Mà sự vinh-hiến Đ. C. T. thì bởi mọi sự tốt-lành cao-trọng vô-cùng

trong mình Chúa, và hằng có đời-dời ; cho-nên Đ. C. T. hằng vinh-phước một mực vô-cùng luôn, chẳng thêm chẳng bớt, cũng chẳng can gì đến việc bề-ngoài. Vì vậy dầu muôn vật đều khâm-phục ngợi-khen, cũng chẳng thêm vinh-phước, dầu các kẻ dữ khinh-dễ xúc-phạm, cũng không bớt vinh-hiến cho Chúa chút nào sớt.

18 — H. — *Chí-tôn vô-đối là làm sao ?*

T. -- Nghĩa là một mình Đ. C. T. cao-trọng trên hết, không ai sánh bằng. Cho được gọi chí-tôn, thì phải có một mà-thôi. Như có hai, thì hoặc một đấng cao, một đấng kém ; hoặc hai đấng bằng nhau. Bằng có đấng cao, đấng kém, thì đấng kém ấy, chẳng phải là Chúa chí-tôn. Như hai đấng bằng nhau, thì phải có tính ý khác nhau, việc làm khác nhau, mới gọi rằng hai.

Vậy việc đấng này muốn, hoặc đấng kia không muốn cũng được, và việc đấng kia làm, đấng này có muốn phá cũng được ; cho-nên không có đấng nào là phép-tắc vô-cùng hết ; mà hoá-ra trong trời đất không có Chúa nào trên hết ; ấy là đều nghịch lý tổ-tường.

Kìa một nước hai vua, thì sao cho yên ; một nhà hai chủ, sao cho hoà ; một người hai cái đầu, sao cho xứng. Ấy vậy trong trời đất đôi ba Chúa làm sao đặng ? Ất thì phải có một Chúa chí-tôn, vô-đối mà-thôi.

19 — H. — *Ở khắp mọi nơi là làm sao ?*

T. — Nghĩa là chẳng có nơi nào Đ. C. T. chẳng thấu đến.

Một là, bởi Đ. C. T. đã dựng-nên, và hằng gìn-giữ mọi loài mọi vật. Nếu chẳng có phép Chúa trong mọi sự mà gìn-giữ, thì mọi vật biến ra không tức-thì. Vì vốn trời đất muôn vật là không, Đ. C. T. dựng-nên mới

có, gìn-giữ mới còn. Ví-dụ : hòn đá vốn chẳng ở trên không, muốn để nó trên không, phải đỡ luôn, bằng có thả ra, thì liền rớt-xuống cho đến đất mới thôi.

HAI là, bởi Chúa cai-trị mọi sự mọi nơi ; cho-nên quyền Chúa thấu khắp mọi sự mọi nơi ; cũng như quyền vua thấu khắp trong cả nước vua trị.

BA là, bởi bản-thể Chúa là một sự vô-cùng, cho-nên đâu-đâu cũng đều có Chúa hết.

H. — Đ. C. T. ở khắp mọi nơi làm vậy, có lộn cùng vật khác, có ra nhẹ thể chẳng ?

T. — Bản-thể Đ. C. T. thiêng-liêng cao-trọng quá khỏi mọi loài mọi vật ngàn trùng ; cho-nên dầu ở trong mọi vật, cũng chẳng lộn cùng tính vật ; dầu ở khắp mọi nơi, cũng chẳng đúng đều gì hèn-hạ được. Cũng như linh-hồn ở khắp trong xác, mà chẳng lộn với xác ; như yếng-sáng mặt-trời soi khắp mọi nơi, dầu nơi thú-hồi lấm-láp, cũng chẳng làm cho yếng-sáng mặt-trời đúng phải bợn-nhờ chút nào.

H. — Đ. C. T. ở khắp mọi nơi, mà sao ta không thấy ?

T. — Con-mắt ta là vật có hình, chỉ thấy được vật có hình vừa sức con-mắt mà-thôi ; còn những vật thiêng-liêng vô hình, thì thấy chẳng đặng. Thần, quỉ, linh-hồn người-ta, đã thấy được chưa ? phương-chỉ là bản-thể Đ. C. T. rất thiêng-liêng, muốn thấy làm sao đặng ? Nhưng-mà ta lấy con-mắt thiêng-liêng, là trí-khôn suy-xét, cũng thấy cũng biết có Đ. C. T. ở khắp mọi nơi ; nên phải hết lòng khâm-sùng kính-sợ, cho ngày sau đặng xem-thấy Chúa vinh-hiễn tường-tận trên thiên-đàng.

ĐOẠN THỨ III.

VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI BA NGÔI



20 — Đây nhắc tích ông thánh Augutinô thánh Sư. Có một lần người đi dạo ngoài bãi biển cho thanh-vắng, mà suy-nghĩ bỗn-tính Chúa cho tường-tận, hầu chép sách dạy thiên-hạ. Tình-cờ người thấy một con-trẻ moi lỗ bên mé nước, rồi lấy ngao múc nước biển đổ vào đó, thì người lại mà hỏi rằng : « Con làm chi đó ? » Con trẻ thưa rằng : « Tôi tát vào đây cho cạn biển . » Người cười mà rằng : « Khờ quá ! Kia nước biển minh-mông, ngao nhỏ múc đâu rồi ? lỗ hẹp chứa sao hết ? » Trẻ ấy đáp rằng : « Đã vậy, bỗn-tính Đ. C. T. vô-cùng, trí loài người chứa đâu hết ? Sách thế-gian chép nào cùng ? Ông rán sức mà xét những việc quá sức mình, làm chi vô-ích. » Nói đoạn, liền biến đi. Người biết Chúa sai thiên-thần quở dạy, thì kính-sợ và tạ-ơn Chúa ; mà chẳng còn dám xét việc Chúa Ba Ngôi nữa.

Kia những việc ta thường thấy trước con-mắt, mà xét không ra, biết không hết ; muốn hiểu cho hết thánh linh vô-cùng Đ. C. T. làm sao đặng ? Một phải tin phục mọi điều Chúa dạy, các sự Hội-thánh truyền, ấy là đều chắc-chắn đích-thật mà-thôi. Vậy ta cứ ý thánh hiền cắt-nghĩa mà giải qua ít điều.

21 — H. — Đ. C. T. Ba Ngôi là làm sao ?

T. — Có một Chúa, mà Người có ba Ngôi : Ngôi thứ Nhất là CHA ; Ngôi thứ Hai là CON ; Ngôi thứ Ba là THÁNH THẦN. Ba Ngôi đồng một thể, không Ngôi nào

lớn, mọn, trước, sau. Ngôi tuy khác, mà tính đồng : cho-nên Ba Ngôi thật là một Chúa. Ấy là đều mẫu-nhiệm Chúa đã dạy, và Hội thánh truyền cho ta tin.

22 — H. — *Sao rằng : Ngôi thứ Nhứt là Cha ?*

T. — Bởi vì Ngôi thứ Nhứt sinh-ra Ngôi thứ Hai từ trước vô-cùng ; cho-nên nói theo thứ-tự thì rằng : Ngôi thứ Nhứt là Cha, Ngôi thứ Hai là Con. Song chẳng phải Ngôi Cha có trước, hay-là lớn hơn Ngôi Con, như các loài thọ-sanh đâu ; một bằng nhau, có một trật với nhau : hễ Ngôi thứ Nhứt có khi nào, thì Ngôi thứ Hai có khi nấy. Mà Ngôi thứ Nhứt hằng có từ đời-dời, cho-nên Ngôi thứ Hai cũng hằng có từ đời-dời. Cũng mĩa-mai như lửa sinh sáng, mà hễ vừa có lửa thì có sáng liền, ra như có một trật với nhau.

23 — H. — *Ngôi Con sinh-ra bởi Ngôi Cha từ trước vô-cùng, nghĩa là sao ?*

T. — Nghĩa là Đ. C. T. tốt-lành và thông-minh sáng-láng vô-cùng ; bởi đó từ đời-dời Người hằng thấy mọi sự tốt-lành vô cùng mình, cho-nên sinh-ra một hình ảnh tốt-lành vô-cùng ; mà hình ảnh ấy là Ngôi thứ Hai, đồng thể đồng tính với Ngôi thứ Nhứt. Ví dụ : khi ta nghĩ thấy một vật gì, thì liền sinh-ra hình vật ấy trong trí ta. Mà bởi ta là loài có cùng, cho-nên hình sinh-ra trong trí, ấy là hình tạm, hình không mà-thôi ; chẳng thành sự thật. Mà thánh tính Đ. C. T. vô-cùng, cho-nên hình-ảnh sinh-ra trong Người, thì thật, và thành một Ngôi vô-cùng, cũng một tính một thể, như Ngôi thứ Nhứt ; nên thật là một Chúa mà-thôi.

21 — H. — *Ngôi thứ Ba là làm sao ?*

T. — Ngôi thứ Ba bởi Ngôi thứ Nhất và Ngôi thứ Hai mà ra, song chẳng nhỏ hơn, hay-là sau hơn Ngôi Cha, Ngôi Con : ba Ngôi cũng bằng nhau, và hằng có từ đời-đời. Vậy nói theo thứ-tự, thì Ngôi Con sinh bởi Ngôi Cha ; và Ngôi Thánh Thần bởi Ngôi Cha cùng Ngôi Con mà ra. Mà chẳng dặng nói Ngôi Cha cùng Ngôi Con sinh-ra Ngôi Thánh Thần ; vì sinh-ra thì khác, mà phát ra thì khác.

25 — H. — *Ngôi thứ Ba bởi Ngôi thứ Nhất và Ngôi thứ Hai mà ra, nghĩa là làm sao ?*

T. — Bởi Ngôi thứ Nhất, Ngôi thứ Hai đồng thể tốt-lành vô-cùng, và hằng chiếu hăng thấy tính tốt-lành vô-cùng nhau, nên phát ra một sự yêu nhau vô-cùng trong bản-thể Đ. C. T. Mà sự yêu nhau vô-cùng ấy là chính Ngôi Ba trong bản-thể Đ. C. T. Ví dụ : Khi ta nghĩ đến sự gì tốt-lành, chẳng những sinh hình sự tốt ấy trong trí, mà lại tự-nhiên phát ra lòng yêu sự lành ấy.

Song bởi tính ta có cùng, nên sự yêu ấy là tạm, là hình không, chẳng thành sự thật. Còn về Đ. C. T. bởi Ngôi thứ Nhất, Ngôi thứ Hai đồng thể vô-cùng, nên sự yêu-nhau ấy, là sự thật vô-cùng, thành một Ngôi đồng thể với Ngôi Cha, Ngôi Con. Cho-nên thật là ba Ngôi, mà ba Ngôi, cũng thật là một Chúa.

26 — H. — *Ba Ngôi đồng thể nghĩa là làm sao ?*

T. — Nghĩa là chẳng phải trước một, rồi chia ra làm ba, hay-là trước ba rồi hiệp lại làm một ; song một Chúa là ba Ngôi từ trước vô-cùng, ba Ngôi là một Chúa từ trước vô-cùng ; nên không nói dặng là phân ra hay-là hiệp lại.

Nói theo thứ-tự, thì có Ngôi Nhứt, Ngôi Hai, Ngôi Ba, và sinh-ra, phát ra ; còn nói về bản-tính thì có một thể một tính một phép mà-thôi ; cho-nên kêu rằng : đồng thể, là một Chúa mà-thôi.

27 — H. — *Sự Đ. C. T. ba Ngôi có phải là sự mâu-nhiệm chăng ?*

T. — Thật là sự mâu-nhiệm cả trong đạo thánh. Thấy nhiều việc Chúa làm ra trong trời đất, thì luận được phải có Chúa phép-tắc vô-cùng. Còn những việc riêng về bản-thể Chúa, thì ta xét sao đặng ? Cũng như thấy chánh-sự trong nước, thì biết được có vua ; còn những việc riêng trong đền vua, như vua không truyền ra, thì lấy đâu mà biết đặng ?

Vả những vật có môn loại, hình sắc, chừng hạng, thì ta phân loài thứ, coi hình sắc đó, đếm, cân-xét, so-sánh với nhau, mà biết được ít nhiều. Còn bản-thể Đ. C. T. vô hình-tượng, vô lượng-biên, chí-tôn vô-đối, thì lấy loài gì, cách gì, lẽ gì mà so-sánh cân-xét được ? Chúa truyền bao-nhiêu, ta biết bấy-nhiêu mà-thôi.

28 — H. — *Sự Chúa ba Ngôi có nghịch lẽ thường chăng ?*

T. — Chẳng phải là đều nghịch lý ; vì hề đều gì ta biết cho tường-tận, thì mới đoán được là thuận lý nghịch lý. Vả bản-thể Đ. C. T. vô-cùng, quá trí khôn-lường, biết đâu cho tường-tận, hầu đoán rằng nghịch lý ? Vả như có nói rằng : một Chúa mà ba Chúa, ba Ngôi là một Ngôi, thì mới thấy nghịch lý ; song một nói rằng : một Chúa mà ba Ngôi, ba Ngôi là một Chúa, thì không thấy đều gì nghịch lý, một thấy quá trí khôn lường mà-thôi.

Vã thiếu chi việc nhân tiền, ta thấy ta tin, song chẳng hiểu đặng : như đá và sắt là vật lạnh, mà đánh nhau sinh lửa nóng ; đồ-ăn vô ti-vị sinh đặng máu thịt ; cây bụt kia sao bông đỏ, cây bụt này sao hoa trắng ? trái chanh nọ sao chua luôn, trái cam này sao non chua, chín ngọt ? Nào ai giải đặng cho đành-rành ?

29 — H. — *Có ví-dụ nào mĩa-mại về Chúa ba Ngôi chẳng ?*

T. — Chúa là Đấng chí-tôn vô-đối, thì chẳng có sự gì sánh ví được. Còn những đều hình-bóng mĩa-mại Chúa tỏ trong mọi vật thì nhiều. Đây kể ra một hai chuyện để thấy hơn mà-thời ; như trong một linh-hồn người-ta, có tam tư : là hiểu, muốn, nhớ. Ba tư ấy biệt nhau khác nhau đành-rành, mà thật là một linh-hồn. — Cái đèn tam tinh, ba bên ba ngọn khác nhau rõ-ràng ; mà cũng là một cái đèn, một yếng-sáng chung nhau trong nhà. — Cái thước vuông ba góc, tuy ba góc riêng nhau, mà phải có ba góc mới thành một thước. — Lại như chữ (卅) thì chỉ ba mà một ; là trong ba ngang (三) có một sđ (丨) mới thành chữ Chúa (主)... Ấy cũng là hình-bóng mĩa-mại dễ hiểu.

30 — H. — *Cò buộc phải biết phải tin sự một Chúa ba Ngôi chẳng ?*

T. — Buộc mọi người có đạo phải tin, phải kính-thờ như đã dạy tỏ tường trong kinh TIN KÍNH ; Tôi TIN KÍNH Đ. C. T. là Cha phép-tắc vô-cùng, dựng-nên trời đất... tôi lại TIN KÍNH Con một Đ. C. Cha, là Đ. C. G. Kirixitô, là Chúa chúng tôi... Tôi TIN KÍNH Đ. C. T. Thần. Cho nên phải biết, mới tin kính-thờ được.

Lại có biết ba Ngôi mới biết mới tin ơn Cứu-chuộc và các ơn Đ. C. T. Thần đấng. Cho-nên buộc mọi người vừa có trí-khôn phải biết phải tin có một Chúa ba Ngôi.

Vi vậy : Một là, các thầy phải ra công dạy-dỗ người-ta cho thuộc-biết có một Chúa ba Ngôi và thật lòng tin cậy kính-mến Người ;

HAI là, phải thúc-bảo cha mẹ lo dạy-dỗ con-cái khi còn thơ-bé, cho biết một Chúa ba Ngôi, và tập tành nó biết tin-kính cậy-trông Người ;

BA là, khi dạy về việc Ba Ngôi, thì cũng phải lấy lẽ, lấy thí-dụ cho biết mà tin, theo lời Hội-thánh dạy ; song đừng lấy ý riêng mà xét việc Ba Ngôi, kéo hoặc xét bậy, mà phạm đến thánh tính Đ. C. T. vì là sự mầu-nhiệm quá trí loài người chẳng ai hiểu đấng.

ĐOẠN THỨ IV.

VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI DỰNG-NÊN MỌI SỰ

Điều thứ I : Về sự Đ. C. T. dựng-nên, quản-trị, gìn-giữ mọi sự.

Điều thứ II : Về loài trọng Đ. C. T. đã dựng-nên.

ĐIỀU THỨ NHỨT

VỀ VIỆC DỰNG-NÊN, CÀI-TRỊ, GÌN-GIỮ MỌI SỰ

31 — H. — *Dựng-nên là làm sao ?*

T. — Là làm cho có vật. Mọi vật đời này có được,

thì tại ba cách nầy: 1) là dựng-nên; 2) là sinh nên; 3) là làm nên.

Làm nên, là lấy đồ nọ vật kia mà làm ra : như lấy gỗ làm nhà, lấy đất làm nồi, v. v.

Sinh nên, là sinh-ra một loài một thứ với mình ; như người sinh người, vật sinh vật, cây mọc cây.

Hai cách nầy thì Chúa dùng người dùng vật cho sinh, cho làm theo ý Chúa.

Còn dựng-nên, là khi không có vật gì, đồ gì, mà hoá-ra cho có : như khi chưa có trời đất, chưa có vật gì, bởi không mà làm ra cho có trời đất muôn vật.

Ấy là việc phép-tắc vô-cùng, Chúa chẳng ban phép cho loài nào làm được.

32 — H. — *Sao mà biết Đ. C. T. dựng nên trời đất muôn vật ?*

T. — Một là, bởi đạo thánh Chúa đã truyền, là đều đích thật, phải tin.

Hai là, bởi không mà dựng-nên cho có trời đất muôn vật, ấy là việc phép-tắc vô-cùng. Vì vậy dầu thiên-thần, ma-quỉ, hiệp với loài người, bởi không-không, thì cũng chẳng làm ra cho thành một con kiến thật được. Mà có một mình Đ. C. T. phép-tắc vô-cùng ; ắt là có một mình Người dựng-nên được mà-thôi. Cho-nên mọi loài mọi vật có ra vậy, thì là Đ. C. T. dựng-nên mà-chớ.

33 — H. — *Sao rằng : bởi không mà dựng-nên trời đất muôn vật ?*

T. — Hễ là vật thọ sinh, thì chẳng phải là có từ đời-dời ; ắt phải có hồi chưa sinh-ra. Mà hồi đó là không-không, chưa có vật gì ; có mình Đ. C. T. mà-thôi, thì

Người lấy vật gì mà dựng-nên muôn vật, mà chẳng phải bởi không ?

Vả trong Sách thánh đã dạy tỏ-tường : Thế-gian này mới có hơn sáu ngàn năm nay. Vả sử-ký các phương các nước cũng đều nói thế-gian này mới có từ đời nọ đời kia. Lại ta có sánh-so hơn-số, xét nghề-nghiệp văn-chương, thì thấy càng ngày càng đông càng giỏi, càng thông hơn lần-lần, nên biết đặng thế-gian này mới có, không phải là từ đời-đời.

34 — H. — Đ. C. T. dựng nên trời đất cách nào ?

T. — Cứ Sách thánh chép, thì Đ. C. T. dựng-nên trời đất muôn vật trong sáu ngày (nghĩa là sáu kỳ).

Ngày thứ nhất : Đ. C. T. dựng-nên sự sáng.

Ngày thứ hai : dựng nên bầu-trời vững-chắc.

Ngày thứ ba : dạy nước chảy về một chỗ làm biển, cùng dạy đất sinh cây-cối hoa-quả.

Ngày thứ bốn : dựng-nên mặt-trời mặt-trăng cùng các ngôi-sao trên-trời.

Ngày thứ năm : dựng-nên các thứ chim trời, cùng mọi món cá nước.

Ngày thứ sáu : dựng-nên các thứ thú-vật côn-trùng.

Cũng một ngày ấy Đ. C. T. dựng-nên nguyên-tổ loài-người.

Ấy Chúa sắm đủ mọi vật rồi sinh-ra loài ta, cho ta hưởng dùng, khác nào cha sắm gia-nghiệp cho con ; nên ai-nấy hằng phải ngợi-khen tạ ơn Người.

Vả Đấng phép-tắc vô-cùng, phán một lời, liền có trời đất muôn vật ; muốn dựng đủ mọi sự trong một giây-phút cũng đặng ; chẳng phải hao công tốn giờ cho đặng

làm việc như ta. Song tự ý Chúa muốn hồi nào, thì dựng hồi nấy, muốn mấy ngày, thì làm mấy ngày, chẳng ai dò-xét dựng.

35 — H. — *Chúa vô hình mà dựng-nên vật hữu hình làm sao dựng ?*

T. — Vật trọng thì gồm được vật hèn : như một đồng-bạc gồm đựng giá bảy quan. Linh-hồn ta dầu không có sinh hồn, giác hồn, nhưng cũng làm đủ việc sinh hồn, giác hồn làm. Trong hột giống chẳng có nhánh, lá, bông, trái ; mà cũng có sức sinh-ra cây, lá, hoa-quả. Vậy bản-thể Chúa thiêng-liêng cao-trọng vô-cùng, gồm mọi sự tốt-lành, kiêm các tài-năng phép-tắc ; cho-nên Người dựng-nên mọi vật, có hình, vô-hình, thì chẳng khó gì.

H. — *Cây nào sinh trái ấy, mà mọi vật khác nhau ngàn trùng : lẽ nào một Chúa sinh-ra dựng ?*

T. — Vật tuy khác nhau, mà gốc chung phải có một ; là bất-kỷ vật gì, trước hết phải dựng sự có đã, rồi mới thành thể nọ, thể kia, tính nầy tính khác dựng ; cho-nên sự có là gốc chung cần-kíp cho mọi vật thấy-thấy. Vậy có một mình Đ. C. T. hằng có đời-dời ; cho-nên có một mình Đ. C. T. ban được sự có cho các vật mà-thời. Các vật phải dựng sự có, rồi mới sinh-sản nhau dựng. Bằng Đ. C. T. chẳng ban sự có cho mỗi một vật, thì hằng không-không hoài cho đến đời-dời ; chẳng có vật gì, hầu sinh vật khác dựng.

Vì vậy cho-nên có một mình Người là chính gốc chung sinh-ra muôn vật mà-thời. Cũng như cây, lá, hoa-quả, tuy là hình sắc, thú vị khác nhau ; song vốn bởi một hột giống mà ra ; thì mọi loài mọi vật dầu khác nhau, song thật bởi một Chúa mà ra thấy-thấy.

36 - H. - Đ. C. T. có ý gì mà dựng-nên muôn vật ?

T. — Có ý cho sáng danh Chúa, cùng cho ta đặng nhờ.

Một là, cho sáng danh Chúa, là vốn Chúa hằng gồm no mọi sự tốt-lành, tuy chẳng cần phải dựng thế-giới, mới thêm sáng danh ; nhưng bởi lòng nhơn-từ Chúa muốn thông những sự tốt-lành Người ra trong mọi loài mọi vật. Như dựng-nên mọi sự chói-loà rực-rỡ, trong bầu thế-giới, thì làm chứng Người tốt-lành vô-cùng. Dựng đủ no mọi món, thì chỉ Người gồm no mọi sự. Dựng-nên mọi phép-tắc thứ-tự trên trời dưới đất, thì tỏ ra đức khôn-ngoaan trí-huệ vô-cùng. Dựng-nên thần nhơn linh-tính, thì biết Người thiêng-liêng sáng-láng vô-cùng. Thật như lời thánh nhơn rằng : « Mỗi một vật trong trời đất là mỗi bài sách dạy ta cho biết Đ. C. T., mà thờ-phượng ngợi-khen tạ ơn Người. »

HAI là, cho người-ta nhờ, là dựng-nên mọi vật vì một loài người. Như trời che, đất chở, mọi vật cho ta dùng. Muốn ăn, có của ăn ; muốn uống, sẵn đồ uống ; muốn làm, có đồ làm... Khác nào mọi loài mọi vật xúm lại mà giúp một loài người, để cho loài người có trí-khôn biết ngợi-khen tạ-ơn Chúa thay vì nó.

Ay vậy, mọi loài mọi vật là một món đồ Chúa sắm cho người-ta dùng mà thờ-phượng tạ-ơn Chúa ở đời này, cho đời sau được an-nhàn tự-tại, mà ngợi-khen Chúa chẳng cùng.

Vậy mọi người là vật Chúa sinh, mọi sự là của Chúa lập ; nên ai-nấy phải nhìn-biết thờ-phượng, tạ-ơn Đ. C. T. mới nhằm thánh ý Chúa, mới được hưởng phước cõi trời. Bằng chẳng, thì mắc tội vong-ân bội-ngãi với Đấng sinh-dưỡng mình, mà phải phạt vào hoả-ngục chẳng sai.

37 — H. — *Sao rằng : Chúa quản-trị mọi sự ?*

T. — Mọi vật trong trời đất, phần thì khác nhau nghịch nhau ; phần thì muôn vàn vật vô tâm vô trí ; nhưng-mà mỗi vật lớn nhỏ, sang hèn thấy đều nương nhau, giúp nhau làm việc theo bản-tính mình. Chẳng sai thì, lỗi liết : ắt phải có Đấng khôn-ngoaan tài-phép vô-cùng điều-chế, mới dựng-như vậy. Nước có vua trị mới an, nhà có chủ sửa-sang mới tề-chỉnh. Trời đất này là một nước rất lớn, một nhà rất to ; nếu chẳng có Chúa tài cao phép cả hằng thống-trị, sao cho khỏi loạn ?

38 — H. — *Đ. C. T. gìn giữ mọi sự là làm sao ?*

T. — Mọi vật thọ sanh vốn xưa là không ; mà Đ.C.T. dựng-nên mới có ; nên phải giữ-gìn luôn mới còn. Nhược-bằng thôi giữ hồi nào, thì mọi vật hư hồi nấy. Ví-dụ : vốn trên quăng không là tối, có yểng-mặt trời mới sáng. Vậy mặt-trời hết soi hồi nào, thì nó tối hồi nấy. Lại như hòn đá vốn nằm dưới đất, muốn đề trên không, thì phải đỡ nó luôn ; có buông tay hồi nào, thì nó rơi-xuống đất hồi nấy. Cũng một lẽ ấy, mọi vật vốn xưa là không, như Đ. C. T. chẳng gìn-giữ nữa, tự-nhiên nó phải hồi về không mà-chớ.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ LOÀI TRỌNG CHÚA ĐÃ DỰNG-NÊN

39 — H. — *Loài thọ sinh chia ra mấy thứ ?*

T. — Vật thọ sinh gần vô số ; song gồm được ba thứ này :

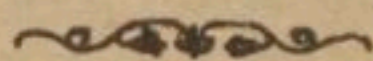
Một là, loài thiêng-liêng linh-tính không hình-tượng ; như thiên-thần, ma-quỉ.

Hai là, loài có tính-linh, có hình, hiệp nhau, là loài người.

Ba là, những vật có hình mà không có tính-linh : như trời đất, cầm-thú, cỏ cây, v. v.

Đây chỉ nói hai loài trọng hơn mà-thời, nên phân làm hai mối :

A) Nói về loài thần ; — B) Nói về loài người.



A — Về loài thần.

40 — Thuở xưa Đ. C. T. dựng-nên loài thần sáng-láng tốt-lành. Nhơn bởi có một vị thần, tên là Luxiphe, thấy mình cao trọng hơn các thần khác, bèn sinh kiêu, mống lòng ngụy-ngịch, xưng mình bằng Chúa chí-tôn, và rủ thần khác bỏ Chúa, mà quí-phục mình. Nên Đ. C. T, liền phạt nó và những nịnh thần theo nó, xuống hoả-ngục chịu khổ-hình muôn đời. Cũng một khi ấy, Chúa định thưởng các thần trung-nghĩa đặng vinh-hiễn phước-lộc đời-đời, chẳng còn phạm tội gì được nữa. Từ đó mới phân thần lành, thần dữ khác nhau ; nên mỗi này chia làm ba khoản :

§ I — Về bốn-tính thần ; — § II — Về thần lành ; — § III — Về thần dữ.



§ — Về bốn-tính loài thần.

41 — H. — *Thần là đi gì ?*

T. — Là vì thiêng-liêng, vô hình-tượng, đủ tam tứ thất tính, như linh-hồn người-ta ; mà thông-minh sáng-láng

trời xa hơn mọi vật thọ sinh, Đ. C. T. đã dựng-nên để mà châu-chực, vâng-lệnh Người, và hưởng phước đời-đời.

42 — H. — *Vì lẽ gì mà biết có thần ?*

T. — Một là, trong đạo thánh Chúa đã dạy tỏ-trưng, là điều đích-thật, nên ta phải tin.

Hai là, biết mấy nơi trong Sách thánh đã chép về việc thiên-thần !

Ba là, muôn dân thiên hạ xưa nay đều tin đều biết có vì thiêng-liêng thông hiểu hơn loài người.

Bốn là, vua đời còn có quan-quyền hầu-hạ mới sang ; phương-chi Vua cả trời đất, đã dựng-nên muôn vật cho sáng danh Người, mà chẳng dựng-nên các vị thần linh, để mà châu-chực, ngợi-khen, vâng-lệnh Người, hầu làm sao ?

43 — H. — *Thiên thần có ở khắp mọi nơi chẳng ?*

T. — Chẳng ; vì là vật thọ sinh, nên chẳng phải là vô-cùng ; một ở có chỗ ; song được tính lệ-làng mau-kíp, dầu đông tây nam bắc, muốn đi, một nháy mắt cũng tới được. Cũng như linh-hồn ta, muốn nghĩ tới đâu, liền tới đó tức-thì,

44 — H. — *Thiên thần có biết hết mọi sự chẳng ?*

T. — Hễ là vật thọ sinh thì ở có chỗ, biết có chừng ; dầu trí-huệ cao xa, trời hơn người thế, song chẳng phải là thông-minh vô-cùng. Vì vậy những việc người-ta tưởng muốn, trong lòng, chưa lộ ra dấu gì, thì thiên-thần không biết được. Có một Đ. C. T. là chính gốc sinh-ra trí hiểu trí muốn ta, mới thấy biết rõ-ràng mà-thôi.

H. — *Thiên thần có biết sự hậu lai chẳng ?*

T. — Có điều biết được, có điều không. Những việc hậu lai có mỗi mang chỉ trước, như nhứt thực, mưa gió, v. v. ; người-ta học-hành suy-tĩnh mới hiểu được ; mà thiên-thần thấy mỗi liền hiểu, chẳng lựa phải suy-tĩnh như người đời. Còn những việc bất thường, một bởi thánh ý Chúa ; như khi Chúa cho thủy hạn, tai-ương phạt chỗ nọ xứ kia ; cùng những việc tình-cờ, như sét đánh người nọ, cọp bắt đứa kia ; các việc thế ấy, như Chúa không soi-sáng cách riêng, thì thiên-thần cũng chẳng biết trước đặng. Lại những việc dầu có mỗi-mang trước, song không chắc, hoặc khi có, khi không. Ví-dụ : đau chùng ấy chùng nọ thì phải chết, mà bởi ơn riêng Chúa cho khỏi, nên nhiều khi thấy kẻ mạnh chết sớm, kẻ yếu sống lâu. Những việc thế ấy, thiên-thần cũng không biết trước cho chắc đặng.

45 -- H. — *Thiên thần có khi nào chết chẳng ?*

T. — Hễ những vì thiêng-liêng không có hình-thể, thì chẳng hề sinh-sản thêm, hay-là chết mất đặng. Lại Chúa đã dựng-nên thiên-thần để mà châu-chực Người ; và hưởng phước đời-dời.



§ II -- Về thần lành

46 — H. — *Thần lành là thần nào ?*

T. — Là những thần hăng giữ nghĩa cùng Đ. C. T. thường kêu tiếng chung là Thiên-thần, hay-là Sứ-thần ; vì hăng châu-chực Chúa trên trời, cùng vâng lệnh Chúa giúp loài người thế.

47 — H. — *Thiên thần chia ra mấy phẩm ?*

T. — Thiên-thần đông vô-số, song có phẩm-cấp khác nhau : cũng như trong nước có cửu phẩm văn võ, có quan nội triều, đề châu-chực sai-khiến, có quan ngoại-quận đề coi-sóc dân-sự.

Hết thấy thiên-thần chia ra ba hội và mỗi hội có ba phẩm, nên có đủ chín bậc, thường kêu là chín phẩm Thiên-thần.

1° XÊRAPHIM (*đầy lửa sốt-sắng*)

2° KÊRUBIM (*thông-minh*)

3° THRONI (*ngai*)

4° DOMINAXIONÊ (*làm chủ*)

5° VIRTUTÊ (*phép-tắc*)

6° POTESTATÊ (*quờn-phép*)

7° PRINCIPATUS (*cai-trị*)

8° ARCHANGELI (*Tổng-lãnh thiên-thần*)

9° ANGELI (*Thiên-sứ ; thiên-thần*)

Có nhiều câu Sách thánh nói về việc thiên thần ; vì chung thần lành khác bậc cũng có việc khác nhau.

Xưa khi thắng Luxiphe bởi lòng kiêu-ngạo, muốn lên bằng Đ. C. T., thì Chúa sai Thiên thần Micae, là tổng thống đạo binh thiên quốc mà đánh trận thắng nó.

Thiên thần Raphaê đã chữa ông Tobia cho khỏi tối mắt. Lại đấng thánh Gabiriê là Thiên-sứ đã hiện đến cùng Đức Mẹ mà truyền sự mầu nhiệm Ngôi thứ Hai ra đời.

48 — H. — *Mỗi loài mỗi vật có thần riêng coi-sóc chăng ?*

T. — Mọi vật thọ sinh đều nương-nhờ nhau mà thành một thế-giới. Đ. C. T. đã định cho bậc dưới nhờ bậc trên ;

nên mọi người mọi nước, mỗi xứ mỗi họ, đều có thiên-thần riêng gìn-giữ. Chẳng phải có thần riêng giữ bếp, thần riêng giữ vườn... như nhà Nhu tin đâu. Một quan đủ cai một huyện, một vị thiên-thần cai một xứ cũng được, chẳng khó gì.

H. — *Mỗi người có mỗi thiên-thần gìn-giữ chẳng ?*

T. — Có, vì người ta là giống trọng hơn các vật dưới thế này ; lại ma-quỉ hằng quyết hại loài người cho tận-tuyệt. Nên mỗi người từ khi mới sinh ra, thì Đ. C. T. đã cho một thiên-thần gìn-giữ phần hồn phần xác luôn.

H. — *Thiên-thần hộ-thủ làm việc gì mà giúp-đỡ người-ta ?*

T. — Một là ngăn-ngừa, cứu-vớt ta cho khỏi sự dữ phần hồn phần xác, và thối-thức làm lành lánh dữ.

HAI là chế-trị ma-quỉ, kéo nó làm hại ta.

BA là dâng việc lành và lời cầu-nguyện ta trước toà Chúa ; lại hiệp với ta mà chúc tụng ngợi-khen Chúa.

BỐN là cầu thay nguyện giúp cùng Chúa, cho ta khỏi sự dữ dặng sự lành.

NĂM là khi ta phạm tội, thì người quở-trách sửa-phạt cách nhiệm.

SÁU là chết đoạn, đưa linh-hồn ta lên thiên-đàng ; bằng phải ở chốn luyện-hình, thì người hằng viếng-thăm an-ủi.

H. — *Ta phải làm đi gì mà đáp nghĩa thiên-thần hộ-thủ ?*

T. — Phải làm ba sự này : thứ nhứt là phải kính vì tăng-trượng thiên-thần giữ mình ta. Người hằng ở cùng

ta, nên bất kỳ khi nào, chỗ nào, ta chẳng nên làm, nói, hay là ở cách nào vô phép với người.

Thứ hai phải hiếu-thảo biết ơn. Bởi người hằng làm ơn cho ta luôn ; nên ta phải mến-yêu ân-hậu chí-thiết, mà trả nghĩa người.

Thứ ba là phải ở trung-nghĩa tin cậy người. Bởi người hằng sẵn lòng bảo-hộ ta, nên khi ta gặp hoạn-nạn phần hồn phần xác, hoặc mắc cơn cảm đồ, hay là gặp hiểm-trở tai-ương, liền kêu-xin người cứu-chữa mà rằng : Lạy thánh thiên-thần bảo hộ, này tôi hòng phải khốn, xin cứu-chữa tôi cùng.

§ III — Về thần dữ.

49 — H. — *Thần dữ là thần nào ?*

T. — Là những thần kiêu-ngạo phản-ngụy, Đ. C. T. đã phạt khốn-nạn vô-cùng.

H. — *Thần dữ phải phạt thế nào ?*

T. — Một là, mất chức thiên-thần, mất hết mọi sự sáng-láng, hoá ra tối-tăm góm-ghiếc. Vì vậy kêu nó là quỷ-thần u-ám. Nên nó hiện ra những hình quái-dị góm-ghiếc, như thiên-hạ thường thấy.

Hai là, mất hết mọi sự tốt-lành, ra tính dữ-dần độc-ác, đến đôi chẳng còn làm được hay là chịu được việc gì lành, một trăm-luân trong sự dữ mà thôi ; cho nên gọi nó là quỷ dữ.

Ba là, phải cách-xa mặt Chúa tốt-lành, đến đôi đời đời chẳng còn nhờ phần phước chút nào nữa, mà lại bằng nhó, hằng tiếc mọi phước-lộc mình đã mất ; nên phát buồn-sầu đau-dớn chẳng khi dừng.

BỐN là, phải thiêu-đốt hăng giây hăng phút, rác-rao nhức nhối cho đến đời-đời kiếp-kiếp. Những thần dầu đảng phải giam trong lửa hoả-ngục. Còn những nổ a-tùng, cũng được vãn lai nơi tối-tăm trên thế giới ; nhưng-mà Chúa đã cho các hình phạt thâm-nhập vào tình nó, nên nó ở trên thế này, cũng phải thiêu-đốt cực-sỉ, như ở trong hoả-ngục vậy. Ví dụ : kẻ phát nhiệt trong mình, dầu ở trong phòng kín, hay là ra ngoài trống, cũng nóng như nhau cả, vì nóng ấy bởi bề-trong mà ra.

50 — H. — *Vì sao Chúa để ma quỷ cám-dỗ người ta ?*

T. — Vì những lẽ này : Một là, cho sáng danh Chúa ; hai là, làm ích cho kẻ lành ; ba là, phạt kẻ dữ ; bốn là, sỉ-nhục cho ma-quỷ.

Một là, *cho sáng danh Chúa.* — Vốn ma-quỷ giận-ghét Đ. C. T. mà không làm gì được. Nó thấy Đ. C. T. dựng-nên loài người ta giống hình-ảnh Người, và cho đặng hưởng phước-lộc thế vì nó đã mất, thì quyết hủy-hoại loài người ta cho tuyệt. Mà bởi phép Chúa ngăn-cầm chế-trị, và bởi ơn Chúa ban cho người ta thắng, nó chẳng làm gì được ; cho nên càng tỏ ra oai quờn cao-trọng vô-cùng Chúa. Dầu quỷ-thần cũng phải dầu phục phép Người.

HAI là, *làm ích cho kẻ lành.* — Như lửa luyện vàng, thì sự cám-dỗ cũng thử kẻ lành, và làm cho kẻ lành thêm công trọng : Nước loạn mới biết tôi trung, tướng mạnh ; có quỷ cám-dỗ, người lành mới tỏ lòng trung-nghĩa, đức mạnh mẽ dặng. Như chẳng vào đám chiến trường, thì lấy gì mà lãnh phần thưởng toàn công thắng trận ?

Lại người lành thấy có ma-quỷ nghịch-thù, thì càng lo tập rèn hơn-đức làm khi-giới đánh-trả, càng thêm lòng khiêm-nhượng trông cậy kêu xin Chúa ban ơn thần

lực, hầu thắng đặng kẻ thù. Cho nên sự cảm-dỗ làm ích cho kẻ lành.

BA là, *phạt kẻ dữ*. — Kẻ dữ, kẻ bất-trung thất-hiểu bỏ Chúa, thì Chúa để cho ma-qui bắt làm tội. Hoặc nó bày đều dị-đoan đối-trá ; hoặc hiện hình yêu-quái dị-kỳ, làm cho kẻ theo nó ra tối-tăm mé-mẩn, chẳng còn biết dàng ngay nẻo chánh mà trở lại. Đời này những lao tâm tiêu tứ làm tội ma, đời sau phải phạt vô cùng trong ngục qui.

BỐN là, *làm sỉ-nhục cho ma-qui*. — Ma qui cảm dỗ người ta, hoặc thắng hoặc thua. Ai chẳng nghe theo chước nó, ấy là thắng ; thì nó càng thêm hồ thẹn, vì phải thua người hèn yếu đuối. Bằng đỗ được người nào, là tại tính yếu đuối người ấy tự ý theo mà thôi, chẳng phải bởi tại lực nó thắng đặng. Cho nên những kẻ Chúa chọn lên thiên đàng, ma qui chẳng làm chi đặng.

Vã khi nó cảm dỗ, tự nhiên nhớ các phước lộc mình đã mất, mà người ta sẽ đặng, thì càng thêm tiếc thêm rầu ; cho nên như thêm hình phạt cho nó mà chớ.

51 — H. — *Ma-qui có hại được người ta chăng ?*

T. — Cứ theo tài lực tự nhiên thì nó hại người ta dễ lắm ; nhưng mà bởi phép Chúa ngăn-cầm chế-trị, nhứt là từ khi Chúa đã giáng-sanh cứu-chuộc loài người về sau, thì nó chẳng còn phép gì nữa. Chúa để cho hại ai ngăn nào, thì đặng ngăn ấy mà thôi. Như thấy truyện ông Giób trong Sách thánh,

Lại thấy xứ nào đã có nơi làm lễ, đọc kinh, cao-rao danh thánh Chúa, thì ma-qui chẳng mấy khi thấy tung-hoành. Như thấy rõ trong nước Annam này ; rày nghề phù-pháp chẳng còn làm được mấy việc lạ-lùng như bấy

năm trước. Những chùa-miếu trước tiếng linh-thính lắm ; mấy chỗ xưa ma-quỉ hay làm nhiều chuyện dị-kỳ, rày chẳng mấy khi thấy sự gì lạ đó nữa. Một đứa con-nít làm dấu thánh Giá, hay-là kêu tên cực-trọng Giêsu Maria, đã đủ mà phá phép-tắc muôn vàn ma-quỉ.

52 — H. — *Việc lạ-lùng ma-quỉ có phải là phép-lạ chẳng ?*

T. — Chẳng phải : chính phép-lạ như cho mặt-trời đứng lại, cho kẻ chết sống-lại, dạy một lời mà kẻ tật-nguyên bình-hoạn liền-đã, v. v... thì có một mình Chúa phép-tắc vô-cùng làm đặng mà thôi. Còn các loài thọ sanh, dầu sức thiên-thần, cũng chẳng làm đặng, huống-chi ma-quỉ.

Vả nhiều khi Đ. C. T. dùng thiên-thần các thánh, làm phép lạ cho sáng danh Chúa, cho người-ta được nhờ, chẳng phải các đấng ấy có sức làm đặng. Còn ma-quỉ là tù-phạm Chúa đã phạt rồi, chẳng còn dùng tới nữa. Cũng như hoàng-dế muốn làm việc đại sự, thiếu chi quan đại thần, tể-tướng, mà phải dùng quân tù-phạm.

Vả ma-quỉ vốn là loài thần, trí lực trời hơn người đời, nên tự-nhiên làm đặng nhiều việc quá sức loài người, song chẳng phải là phép-lạ ; nhưng-mà Đ. C. T. để cho nó làm ngăn nào, thì đặng ngăn ấy mà-thôi.

53 — H. — *Người-ta cầu thần phật, vái tổ-tiên, khấn ma-quỉ, cũng có khi mưa, khỏi bệnh, thì sao ?*

T. — Kẻ cầu thần vái tổ trăm lần, may cũng trúng một đôi lần. Song chẳng phải là tại phép ma-quỉ, tổ linh mà đặng ; một hồi gặp việc chung Chúa làm mà-thôi. Ví dụ : khi ướt lên làm mây, mây dày tự-nhiên mưa xuống, Thường nắng lâu người ta mới cầu, nên cũng có

khi cầu gặp lúc gần mưa ; hoặc ma-quỉ thấy gần mưa, liền giục đảo-vỗ, cho đặt qui công về nó ; song nó chẳng có phép làm mưa làm nắng tự ý đặt.

Còn khi cầu mà khỏi bệnh, thì hoặc gặp hồi bệnh đã gần lành ; vì chẳng biết là mấy trăm thứ bệnh đau theo thời tiết, dầu không cầu, không thuốc, năm ba bữa cũng khá. Hoặc ma-quỉ nhập vào mình người-ta, hay là tra thuốc độc cho sinh bệnh ; đoạn giục khẩn-vái cầu-cứu, thì nó ra, hay-là tra thuốc giải độc vào cách nhiệm, cho người ta khá, mà tin nó.

54 — H. — *Khi biết bệnh tại ma-quỉ, và có cầu nó thì khá, có nên cầu chẳng ?*

T. — Chẳng nên cầu, hay-là để kẻ khác làm phép ma cho mình khá bệnh ; vì hễ là tôi trung thì chẳng hề dám thông-công với đảng nguy. Vậy ma-quỉ là loài đối-trá nguy-ngịch cùng Đ. C. T. ; nên kẻ làm tôi ngay con thảo Chúa, chẳng nên cậy nhờ ma-quỉ, hay-là thông công với nó cách nào. Vì vậy cũng chẳng nên chơi bời với nó, hay là thử nó cách nào sớt.

Bằng ai mắc bệnh ma-quỉ ; thì phải thưa với linh-mục xét-đoán : hoặc phải làm phép trừ quỉ, hay-là uống thuốc-thang, cũng đặt lạnh đã.

55 — H. — *Vu y là làm sao ?*

T. — Là khi ma-quỉ dựa vào người nào từ hồi, (chẳng ở trong mình nó luôn như khi quỉ-ám) làm cho xây-xâm, nói đặt việc kín nó chưa nghe thấy ; cùng lấy những lá cây rể cỏ, bất luận thứ nào, góp lại một đồng, đoạn lấy đó cho uống, bất kỳ bệnh gì. Thường thấy hay dựa đòn-bà hơn đòn-ông ; dựa 5, 3 tháng, hay-là một đôi

năm, rồi bỏ. Hồi nó dựa, thì người ấy ra khờ-khờ ; quen kêu là Bổng, Cốt. Kẻ dối-nát không suy, thấy nó nói đặng một hai chuyện kín, tưởng là tài tình, đua nhau tới xin thuốc, cùng hỏi việc hậu-lai. Sao chẳng nghĩ ma-quỉ là loài gian-ác dối-trá, chẳng làm ích thật cho ai ; một có ý phỉnh-phờ làm hại người-ta mà-thôi. Nên kẻ xa lánh nó mới khôn, mới khỏi mắc tội với Đ C T.

56 — H. — *Ma-quỉ thiêng-liêng vô-hình mà hiện ra hình nọ hình kia, thì làm sao ?*

T. — Vốn tai mắt người-ta chẳng nghe thấy vật vô-hình ; nên nhiều khi thiên-thần thừa lệnh Chúa, hiện hình mà truyền dạy. Ma-quỉ hiện hình mà cảm-dỗ, thì người-ta mới nghe thấy được. Song hình ấy chẳng phải thật hình, một lấy khi hiệp lại làm hình bóng mà-thôi. Cho-nên thoạt thấy, thoạt biến đi, theo nháy mắt. Việc ấy người-ta làm không đặng, mà thiên-thần ma-quỉ làm chẳng khó gì.

H. — *Ma-quỉ, thiên-thần, hiện hình có khác nhau chẳng ?*

T. — Khác : Thiên-thần hiện hình tốt-lành đẹp-đẽ, làm cho kẻ nghe thấy vui lòng về đàng lành. Còn ma-quỉ thường hiện những hình xấu-xa dị-kỳ ghê-gớm ; cũng có một hai khi hiện hình tốt-lành, giả thánh nọ thần kia, cho người-ta dễ lầm.

H. — *Nếu vậy, biết đâu là thiên-thần, đâu là ma-quỉ ?*

T. — Thường cứ những điều này :

Một là, dạy đều lành việc tốt, làm ích cho kẻ nghe thấy, hay-là cho kẻ khác được nhờ.

Hai là, đừng pha sự gì xấu, sự gì nghịch Đạo thánh Chúa.

Ba là, kẻ nghe thấy được thêm lòng kính Chúa yêu người.

Bốn là, kẻ ấy sẵn lòng vâng lệnh bề-trên, mà chẳng dám tự quyết theo điều mình đã nghe thấy.

Có đủ điều như vậy, mới kể là việc thiên-thần, song chẳng nên vội đoán, vì nhiều khi bởi bệnh hoạn, người-ta tưởng thấy thần, thấy quỷ dạy điều nọ việc kia, mà vốn không có gì sốt ; nên ai có thấy như vậy, phải trình với Cha linh-hồn, cho người đoán-định, chẳng nên cứ ý riêng.

57 — H. — *Người-ta chết rồi có ra ma, thành thần như kẻ ngoại tin chẳng ?*

T. — Chẳng : vì thần quỷ là loài riêng Đ C T. đã dựng nên, bôn tính trời xa loài người ; cũng như tính người trời xa tính vật. Vậy loài vật dầu còn sống, dầu chết rồi, cũng chẳng hoá ra người-ta được. Cũng một lẽ ấy, người-ta khi sống khi chết, cũng chẳng hoá ra thần ra quỷ đặng. Vì vậy vua-chúa chẳng có phép phong cho kẻ chết thành thần được, dầu có phong, cũng chẳng thành.

Vả có một hai khi ma-quỷ mượn hình, mượn tiếng kẻ chết, mà làm những chuyện dị-kỳ ; hoặc hiện ra nơi gò hoang mả loạn, có ý cho người ta tưởng kẻ chết đã thành thần hoá quỷ, mà kính-sợ, cho dễ hại người đời. Song vốn loài nào đã có tính nấy : loài người chẳng lộn ra loài quỷ đặng.

58 — H. — *Quỷ thần có phải âm dương thân khuất, như đạo Nhu dạy chẳng ?*

T. — Chẳng phải ; khi là vật có hình vô tâm vô tri, không có sự sống ; người ta lấy đặng ngăn được, hút và

thở ra được ; cho-nên chẳng biến-hoá làm quỷ thần là vật thiêng-liêng vô-hình-thể đặng, vốn nhà Nhu biết có thần có quỷ, lại thấy hoặc hiện, hoặc biến trong nháy mắt ; thì luận là khí tán khí tụ, khí khuất, khí thân ; song chẳng xét vật thiêng-liêng và vật có hình, thì khác nhau như trời với đất.

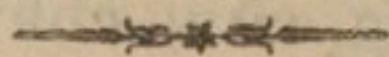


B — Về loài người.

59 — Về loài người xét đặng ba thể : một là con người-ta bởi đâu mà ra, gặp sự lành dữ thể nào ; hai là, ở đời này phải làm những sự gì ; ba là, chết rồi ra sao. Về việc đời sau sẽ giải trong Đoạn nói về tận thể, phán-xét, thiên-dàng, hoả-ngục. Về việc làm đời này để giải trong Cuốn thứ hai ; nên đây chỉ giảng về bản-tính và gốc-tích loài người mà-thôi. Vậy mỗi này chia hai khoản :

§ I — Về bản-tính loài người ;

§ II — Về gốc-tích loài người-ta.



§ I — Về bản-tính loài người.

60 — H. — *Loài người là di gì ?*

T. — Là vật có linh-hồn có xác : Linh-hồn giống hình-ảnh Đ C T., tương-tợ thiên-thần ; có trí hiểu để xét biết việc lành dữ, phải trái ; có lòng muốn để làm lành lánh dữ, chọn-lựa mặc-thích ; có trí-nhớ để ghi-tạc việc đã qua, đặng sánh-so việc bây-giờ, việc sẽ đến. Phần xác như các vật có hình ; sinh trưởng dường cỏ cây ; giác động như cầm-thú. Thật là loài trọng nhất dưới thể này.

81 — H. -- *Làm sao mà biết loài người có linh-hồn ?*

T. — Bối đạo thánh dạy phải tin, ắt là đều đích thật ; và các dân các nước đều tin người-ta có hồn thiêng-liêng, chẳng phải như cầm-thú thảo-mộc. Lại cứ lý mà suy, thì cũng biết người-ta có linh-hồn.

1 — Hễ có gốc mới có ngọn, có kẻ làm mới thành việc : Như thấy khói, liền biết có lửa, thấy đồ khéo, thì quyết có thợ giỏi đã làm. Vậy thấy loài người suy-xét luận lý được, thì liền biết có tính linh, vì phần xác suy-luận chẳng được. Như xác suy-luận đặng, thì sao cầm-thú cũng có xác như ta, mà chẳng biết suy-luận.

Vật có hình thì hạn việc có hình mà-thôi. Ví dụ : con-mắt thấy được những vật có hình sắc mà-thôi. Vậy ta suy hiểu những vật vô-hình thể đặng, thì ắt là trong mình ta phải có hồn thiêng-liêng, mới hiểu đặng việc vô-hình thể ấy.

2 — Hễ thú nào lo bề thú ấy, không chịu hại đến vóc mình. Mà con người-ta nhiều khi ham khổn-khó cho đặng tu nhưn tính đức, đành chịu chết cho rạng tiếc trung-trinh. Vậy muốn sống ham vui là việc xác ; còn đành gian-nan, cam chịu chết, ấy là việc hồn thiêng-liêng, nên mới nghịch cùng xác mình thể ấy.

Vả cầm-thú một lo cho xác no lòng ấm cật mà-thôi. Còn loài người chẳng những lo phần xác, mà lại lo bề danh-tiếng, lo nhưn-nghĩa, đạo-đức, là những điều xác-thịt chẳng ưa. Kìa ta lo hai ngả khác nhau, nghịch nhau, ấy là dấu chắc trong mình ta có hai phần khác nhau.

3 — Thoạt khi ta muốn việc nọ việc kia, mà lương-tâm ngăn-can chẳng chịu, vì đoán là việc chẳng nên ; hoặc đã làm, mà lương-tâm trách, thì biết trong mình ta có hai phần nghịch nhau : phần xác hoặc muốn, hoặc

làm, còn phần hồn thì ngăn, thì trách. Ấy là lẽ làm chứng con người có linh-hồn thiêng-liêng chủ-trương trong xác.

62 — H. — *Có mấy thứ hồn ?*

T. — Có ba thứ : một là *sanh-hồn*, là thứ làm cho cỏ cây sinh-sản, lớn lên theo tính nó. Thứ hồn này bởi thấp khí mà ra, cho-nên hễ khí khô, thì hồn mất.

Hai là, *giác-hồn* làm cho các vật vận-động, biết đau, biết đói, sinh-sản, lớn lên theo loài mình. Thứ hồn này bởi khí-huyết mà ra, và nương theo vật ; cho-nên hễ vật chết, thì nó tan đi.

Ba là, *linh-hồn*, là thứ hồn riêng loài người.

63 — H. — *Linh-hồn là đi gì ?*

T. — Linh-hồn chẳng phải là khí, — chẳng phải là của cha mẹ sinh-ra, — song thật là vật thiêng-liêng vô-hình, — bởi không mà Đức Chúa Trời dựng-nên, cho ở trong mình người-ta, — làm chính tính loài người, mà cai-trị phần xác. Cho-nên mỗi người có một linh-hồn ; dầu xác chết, thì linh-hồn chẳng hề chết mất. Vậy sẽ giải từ đều cho tường-tận.

H. — *Vì lẽ nào mà biết linh-hồn chẳng phải là khí ?*

T. — Linh-hồn thiêng-liêng, mà khí là vật có hình, nên hai ấy khác nhau xa lắm. Giả-như linh-hồn là khí, thì một là nguyên-khí, hai là khí lực. Như linh-hồn là *nguyên khí*, thì thú-vật phải có linh-hồn như ta, vì thú-vật cũng thở ra thở vào, có khí trong mình như ta, như sao nó chẳng có linh-hồn ? Bằng linh-hồn là *khí lực*, thì người mập-mạnh phải có trí-lực nhiều, mà kẻ ốm-o ắt là ít trí. Cớ sao thường thấy nhiều người mập-mạnh mà

ngu-độn, có kẻ ốm-yếu lại thông-minh ? Cho-nên đã rõ linh-hồn không phải là khí lực, cũng không phải là nguyên-khí.

64 — H. — *Cha mẹ có sinh hồn con-cái chẳng ?*

T. — Chẳng đặng. Như sinh đặng, thì một là, bởi linh-hồn cha mẹ ; hai là, bởi khí-huyết cha mẹ mà ra. Song hai sự ấy chẳng có thể sinh đặng :

Một là, vì linh-hồn là giống thiêng-liêng, vô hình, nên chẳng sinh-sản đặng, cùng chẳng phân-chia nhiều phần như vật có hình đặng, hầu một phần trong cha mẹ, một phần trong con-cái. Cho-nên tục-ngữ rằng : *Nhơn mạc tri kỳ tử chi ác* : nào ai biết đặng lòng xấu con mình.

Hai là, vì khí huyết là vật có hình, không có tính linh ; nên chẳng sinh được vật thiêng-liêng có tính linh. Ví dụ : thú-vật chẳng sinh ra người được. Vậy cha mẹ sinh phần xác con-cái, mà chẳng sinh đặng linh-hồn ; như ngôn-ngữ rằng : *sinh tử bất sinh tâm* : sinh con ai dễ sinh lòng.

H. — *Cha mẹ chẳng sinh hồn con-cái, sao linh con-cái hằng giống tính cha mẹ ?*

T. — Khi giống khi không : nên nhiều khi thấy cha mẹ lành sinh con dữ. Còn khi giống là tại ngũ quan tứ thể phần xác giống cha mẹ ; vì ngũ quan tứ thể là đồ linh-hồn dùng làm việc tính người. Vậy đồ tốt thì việc hay, đồ xấu thì việc dở.

65 — H. — *Vậy thì ai sinh linh-hồn ?*

T. — Đ. C. T. dựng-nên. Vì hễ vật gì trước không, mà sau có, thì phải có đấng dựng-nên mới có. Vậy việc bởi

không mà dựng-nên cho có, là việc tài phép-tắc vô-cùng. Cho-nên có một mình Đ. C. T. phép-tắc vô-cùng sinh dựng đặng linh-hồn mà-thôi.

66 — H. — *Làm sao mà biết linh-hồn thiêng-liêng vô hình-thể ?*

T. — Điều này đã giải trong số 61, đây thêm một lẽ nữa cho rõ hơn.

Vã vật hữu hình, thì làm đặng việc có hình vừa chừng vừa hạng mà-thôi. Như con-mắt thấy vật có hình ở nơi trống, vừa lòng con-mắt mà-thôi. Còn linh-hồn thì suy thấy những việc vô-hình : như khi nghĩ đến Đ. C. T., thiên-thần, nhơn-nghĩa, đạo-lý, v. v., là những vật thiêng-liêng ; ấy là dấu linh-hồn thiêng-liêng, mới đặng như vậy mà-thôi.

67 — H. — *Linh-hồn làm chính tính loài người là làm sao ?*

T. — Người-ta khác tính thú-vật, thì tại biết suy-luận phải trái ; mà sự biết suy-luận là việc linh-hồn. Cho-nên linh-hồn là chính tính loài người, làm cho người-ta ăn-ở xứng-đáng làm người.

H. — *Sao rằng mỗi người có một linh-hồn ?*

T. — Vì hồn là chính tính làm cho vật sống khác nhau, từ giống, từ vật, khỏi lộn với nhau : Sanh-hồn là chính tính riêng loài sảng cổ ; giác-hồn là chính tính riêng loài cầm-thú ; linh-hồn là chính tính riêng loài người. Vậy nếu người-ta có hai ba thứ hồn, ắt là có hai ba tính khác nhau ; có hai ba tính khác nhau, thì phải thành hai ba vật khác nhau. Mà một người thành hai ba

vật khác nhau, là đều nghịch lý. Cũng một lẽ ấy, trong một loài, thì một hồn cũng là chính tính một người, làm cho tính người này khác, chẳng lộn cùng tính người kia. Vậy giả-như một người có hai ba linh-hồn, thì thành hai ba tính khác nhau ; mà hễ có hai ba tính khác nhau, thì ra như hai ba người khác nhau. Cho-nên mỗi một người phải có một linh-hồn mà-thôi. Như tục-ngữ rằng : *bá nhơn bá tánh*.

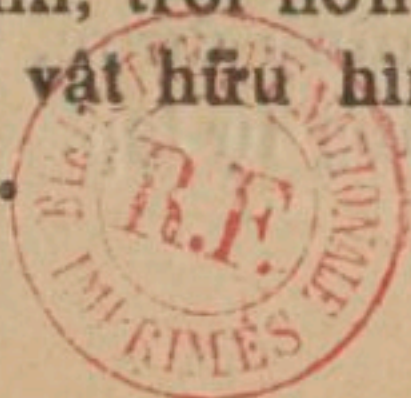
Còn tiếng người-ta kêu ba hồn chín vía, hoặc tin lắm, hay-là nói cho mạnh miệng tráng câu ; cũng như tiếng tám kíp, ba mươi đời, năm thuở mười thì, v. v. ; không phải là chỉ số, chỉ hạng cho thật đâu, vốn một người có một linh-hồn mà-thôi.

68 — H — *Làm sao mà biết linh-hồn chẳng chết mất ?*

T. — Là vì đạo thánh dạy tin như vậy, cho-nên là đều chắc-chắn chẳng sai. Lại xưa nay thánh hiền, và muôn dân thiên-hạ đều tin như vậy. Sau nữa cứ chính lý mà xét, cũng biết đặng linh-hồn chẳng hề chết mất :

THỨ NHẤT. — Những vật gì có hình thể, có phần-phía khác nhau, đến khi các phần ấy rã-ra, mới hư-mất đặng. Ví dụ : vóc mình người-ta bởi có nhiều phần, đến khi các phần ấy chẳng điều hoà với nhau, xác mới chết ; và các phần thân-thể ấy rã-ra, cho-nên tiêu-mất. Mà linh-hồn là vật thiêng-liêng vô-hình, chẳng có phần-phía gì ; cho-nên chẳng rã-ra được, mà phải hư-mất.

THỨ HAI. — Những vật hư-mất là tại có vật khác thắng nó, thì nó phải hư. Ví dụ : đồ nước nhiều, thì tắt lửa. Mà linh-hồn là vật vô-hình, trội hơn các vật có hình trong trời đất ; nên chẳng có vật hữu hình nào thắng nó đặng, hầu làm cho nó hư-mất.



Thứ BA. — Những giống nương-nhờ vật khác, đến khi vật khác ấy hư-mất, thì nó phải mất theo. Ví dụ : lửa nương theo củi-than, khi hết củi-than thì lửa cũng mất. Mà linh-hồn là vật thiêng-liêng tự lập, Chúa đã dựng-nên để mà cai-trị xác, chẳng phải là nhờ xác mà có, cho-nên xác chết, thì chẳng can chi đến hồn ; cũng như tôi-tớ chết thì chẳng can chi đến chủ-nhà, mà chủ-nhà phải chết theo.

Thứ BỐN, — Hoặc gốc cầm giữ linh-hồn mất, hay-là làm cho mất, thì linh-hồn mới hư-mất. Như mặt-trời lặn, thì sự sáng mặt-trời cũng mất ; vì mặt-trời là gốc cầm giữ sự sáng. Vậy gốc linh-hồn là Đức Chúa Trời ; mà Chúa hằng có đời-dời ; lại chẳng thấy lẽ gì mà Chúa phải làm cho nó hư-mất. Cho-nên linh-hồn hằng còn đời-dời.

Thứ NĂM — Đã biết Đức Chúa Trời công-bình vô cùng, ắt là thưởng lành phạt dữ đích-dáng. Mà đời này thấy nhiều kẻ lành bị hoạn-nạn cho đến chết, hiếm đũa dữ vinh-vang mãi đời ; chưa thấy thưởng phạt cho đích-dáng. Vậy như chết rồi linh-hồn tan-mất, thì còn gì mà thưởng phạt ? Cho-nên linh-hồn phải còn, cho được thưởng công phạt tội, thì mới hiệp đức công-bình vô-cùng Đức Chúa Trời.

69 — H. — *Linh-hồn có phải là vật tự lập chăng ?*

T. — Phải. Vì vật tự lập thì đứng một mình, làm một mình được. Mà linh-hồn ở trong xác, dầu chẳng dùng ngũ quan, thì cũng suy-hiểu đặng, và bắt xác phải tùy theo. Vả suy-luận đạo lý là việc vô hình, vốn xác chẳng làm đặng, có một mình linh-hồn hiểu biết đặng mà-thôi. Vậy hễ làm việc một mình được, thì cũng đứng một mình được ; cho-nên kêu-rằng tự lập.

H. — Vậy sao khi còn bé, hay-là khi liệt-lão bất tỉnh, không thấy linh-hồn làm được việc gì ?

T. — Chưa cho linh-hồn hiệp với xác đang dùng ngũ quan tứ thể mà làm việc theo tính loài người ; chẳng khác nào thợ dùng đục-chàng mà chạm trổ. Vậy nếu đục-chàng chưa mài sắc, hay-là hư di, thì không lẽ thợ chạm trổ được. Cũng một lẽ ấy, ta còn thơ-bé, ngũ quan tứ thể yếu-đuối, khi đau bất tỉnh, ngũ quan đã liệt đã hư, cho-nên linh-hồn cũng không dùng nó làm việc gì được.

70 — H. — Kể dữ chết đoạn, thì linh-hồn có lộn ra thú-vật, như đạo Phật dạy chẳng ?

T. — Chẳng đúng, vì những lẽ sau này :

THỨ NHẤT. Người có tính người, vật có tính vật ; linh-hồn là chính tính người, giác-hồn là chính tính loài-vật. Như linh-hồn ở trong loài-vật, thì loài-vật phải có tính người : ắt là cầm-thú phải biết suy-luận đạo lý như người-ta. Sao xưa nay chưa từng-thấy thú-vật nào biết luận đạo lý như loài người ?

THỨ HAI. Tính người là linh là khôn, tính vật là xuẩn là khờ. Mà khôn với khờ khác nhau như sáng với tối, nóng với lạnh. Không sáng mới có tối, không nóng mới gọi là lạnh. Vậy không linh mới kêu là xuẩn. Cho-nên chẳng lẽ gì linh xuẩn ở lộn làm một với nhau đúng.

THỨ BA. Phật rằng : hồn kẻ dữ lộn ra vật, hồn kẻ lành lộn ra người. Nếu có như vậy, chẳng khỏi mấy năm loài người tận tuyệt, mà loài vật phải thêm đông. Vì trong thiên-hạ nhiều người dữ, ít kẻ lành. Cớ sao người-ta càng ngày càng đông ?

THỨ BỐN. Phật rằng : lộn kíp làm vậy, là hình phạt kẻ dữ. Như có hình phạt thể ấy, thì chẳng phải là phạt cho

đích-đáng, vì phạt là làm cho biết đau biết buồn-rầu vì tội mình đã phạm. Mà lộn ra loài-vật thì chẳng còn biết nhớ biết rầu, biết hổ-người ; một bụng lung thông-thả, không còn biết sợ tội nữa. Như kẻ mê dâm-dục, lộn kíp ra con heo con chó, như Phật dạy, thì càng vớ ý nó, mà chẳng phải là phạt gì.

H. — *Linh-hồn đã không lộn kíp vào thú-vật đặng, mà có lộn kíp làm người khác chăng ?*

T. — Chẳng đặng, vì linh-hồn là tính riêng mỗi người, Đ. C. T. dựng-nên từ hồn, mà phú cho từ người. Giả-như linh-hồn có lộn đi lộn lại làm vậy, thì một là xưa có mấy người, nay cũng phải có mấy người, không thêm được ; vì linh-hồn là vật thiêng-liêng, chang hề sinh-sản, như đã giải trước. Cớ sao người-ta xưa ít, nay đông ?

Hai là như có lộn lại thế ấy, ắt người-ta cũng nhớ việc kíp trước mình. Sao xưa nay chẳng ai nhớ kíp trước linh-hồn mình đã ở với người nào, đã làm việc gì ? Cho-nên đã rõ linh-hồn người đời nay chẳng phải linh-hồn người đời xưa lộn lại.

§ II — Về gốc tích loài người.

71 — H. — *Đầu hết ai sinh ra loài người-ta ?*

T. — Khi Đ. C. T. dựng-nên trời đất muôn vật đoạn, Người dựng-nên một người nam, đặt tên là Adong, một người nữ, đặt tên là Evà, làm nguyên-tổ cả loài người, như đã thấy trong Sách thánh. Sách Nhu cũng chép rằng : *Hữu thiên địa vạn vật nhiên hậu nam nữ*. Có trời đất muôn vật, rồi mới có người nam người nữ.

H. — Các dân các nước có phải bởi một nguyên-tổ ấy mà ra chăng ?

T. — Phải ; vì những người đông, tây, nam, bắc, cũng đều có tam tư thất tình, tứ chi, bá hải, như nhau cả ; cho-nên biết được mọi người bởi một gốc mà ra. Hoặc tiếng nói khác nhau, hình-dạng trắng đen, cao thấp, thì tại phong-thổ thói-tục, tùy khí lạnh, nóng, độc, hiền ; còn chính tính thì giống nhau hết. Bởi đó ngạn-ngữ rằng : *Tứ hải giai huynh đệ*. Vì vậy muôn dân thiên-hạ đều bởi một nguyên-tổ ấy mà ra.

72 — H. — Đ. C. T. sinh loài người làm chi ?

T. — Có ý cho đặng thờ-phượng Chúa và hưởng phước đời-dời. Vì chưng :

Một là, bòn phần thiên-thần hăng thờ-lạy ngợi-khen Chúa, mà bởi có phần nguy-nghịch, phải phạt rồi, thì Chúa dựng-nên loài người, ắt là có ý cho được làm việc chức phận thiên-thần ấy là thờ-phượng ngợi-khen Đ. C. T.

Hai là, đấng có trí-khôn, hễ làm việc gì, thì đã có ý quyết. Ví dụ : kẻ làm ruộng quyết cho được lúa ; nuôi tôi-tớ cho được sai-khiến. Vậy Đ. C. T. khôn-ngoan vô-cùng, sanh-dưỡng loài người, mà chẳng có ý gì sao ? Ắt là phải có ý cho sáng danh Người, là cho ta thờ-phượng ngợi-khen Người mà-chớ. Cũng như Chúa tạo-thành muôn vật cho ta hưởng dùng, thì dựng-nên loài ta cho được Chúa dùng, là thờ-phượng Chúa.

Ba là, sinh ra ta có trí-khôn cho biết trung quân hiếu phụ, kính quờn phục phép, chuộng lành ham tốt. Ấy là có ý cho ta nhìn-biết Chúa là Cha rất nhơn-từ, là Vua rất oai-quờn, là Chúa rất cao-trọng tốt-lành, mà kính-tôn khâm-phục, yêu-mến thờ-phượng Người trọn hết mọi sự.

Bổn là, bổn-tính người-ta hằng hưởng-chiêu về việc thờ-phượng : nên nước nào xứ nào, bất luận thờ nhằm thờ quấy, cũng đều lấy việc thờ-phượng làm cần làm trọng hơn hết các việc. Ấy chứng rõ-ràng, việc thờ-phượng là chính việc bổn-tính loài người, Đ. C. T. đã dựng-nên, đề mà làm việc ấy.

Còn sự hưởng phước đời-đời sẽ thấy trong Phần V.

73 — H. — Đ. C. T. dựng-nên nguyên-tổ thế nào ?

T. — Phần xác, thì tốt-lành xinh-đẹp, cân-xứng con người ; chẳng có tí-tích tật-nguyên, hằng khoẻ-mạnh an-nhàn ; khỏi mệt-nhọc ốm-đau, hằng tiêu-diêu tự-tại ; khỏi giẫm sương giãi nắng, hằng ấm cật no lòng ; khỏi chết, hằng sống hằng vui.

Phần hồn, thì giống hình-ảnh Chúa, mĩ-tợ thiên-thần ; được xem-thấy Chúa, được Chúa yêu-đương. Tam-tư sắc-sảo, trí-huệ thông-minh ; lòng thú phục lòng thần ; hằng phỉ nguyên toại chí, khỏi lo sợ ưu-phiền.

Xác hồn, đủ bề tài đức, chẳng khiếm-khuyết điều gì. Vì những vật Chúa đã dựng-nên biết bao-nhiều thứ tốt-lành thanh-qui. Phương-chỉ nguyên-tổ loài người-ta, là vật nhứt, giống quý hơn hết mọi vật thế-gian ; Đ. C. T. có ý đặt làm vua làm chúa cả-và thế-giới ; làm cha làm thầy khắp hết mọi người ; mà Chúa chẳng dựng-nên cho tốt-lành thanh-qui, gồm no tài đức hầu làm sao.

74 — H. — Nguyên-tổ ở nơi nào ?

T. — Vua lập toà cho hoàng thái-tử thế nào, thì Đ. C. T. lập nơi cho nguyên-tổ càng quý-trọng hơn nữa bội phần. Trong Sách thánh nói Chúa lập một chỗ, gọi là Địa-dăng, là nơi an-nhàn vui-sướng khi mát trời xuân, cảnh

vật thanh-bai rực rỡ, cầm thú ngư hà đều vâng-phục ; hoa quả đủ mọi vẻ mọi mùi, rất mỹ-vị ngon-ngọt, cho nguyên-tổ ở đó hưởng dùng mặc thích ; chỉ cấm một cây biết lạnh biết dữ mà-thôi.

75 - H. — Đ. C. T. cấm cây biết lạnh biết dữ làm chi ?

T. — Có ý cho hai ông bà nguyên-tổ hằng nhớ có Thiên-Chúa cầm quyền cai-trị mọi sự ; còn mình là vật thọ sinh. phải vâng phục quyền Người luôn. Vì đáng cầm quyền cai-trị có dạy đều nọ, cấm việc kia, kẻ bề-dưới mới có thể lập đức khiêm-nhượng, đức khâm-phục đặng.

H. — Nguyên-tổ có phạm cấm chẳng ?

T. — Bồi ma-quỉ phỉnh-dỗ ăn trái ấy cho biết mọi sự như Đ. C. T., người mống lòng kiêu-ngạo muốn thông-biết bằng Chúa, đã cả lòng phạm cấm nên mắc tội, mất ơn nghĩa cùng Chúa.

76 - H. — Nguyên-tổ phạm tội đoạn Chúa phạt thế nào ?

T. — VỀ PHẦN XÁC :

Một là, phải đuổi ra khỏi Địa-dàng ; mất sự sung-sướng, mắc phải trăm bề khốn-khó ; trời nắng mưa lạnh nóng thất thường, đất sinh gai gổc, cầm-thú chẳng còn vâng-phục như trước. Trai phải làm ăn đồ mồ hôi xót con-mắt ; gái phải cực-khổ gian-nan, nhứt là khi sinh-dưỡng.

Hai là, phải ốm-đau bệnh-hoạn, rồi sau hết phải chết mà huờn về bụi đất.

VỀ PHẦN HỒN :

Một là, mất mọi ơn siêu tính, mất chức con thảo tội ngay ; hoá ra tội-tờ ma-quỉ.

HAI là, trí-khôn ra tối tăm, hay lăm-lạc, yếu-đuối về đàng lành, hướng-chiêu về sự dữ ; lòng thù nghịch lòng thần.

BA là, mắc án phạt hoả ngục đời-đời. Nếu chẳng nhờ ơn Cứu-chuộc, thì chẳngặng rồi linh-hồn.

Những hình phạt ấy chẳng phải một mình nguyên-tổ, mà lại khắp cả loài người đều phải chịu.

77 — H. — *Con cháu mắc tội ấy thế nào ?*

T. — Trừ một mình Đ. Bà Maria, thì mọi người đều mắc tội như nguyên-tổ thấy-thấy, gọi là tội tổ-tông. Nghĩa là mất hết mọi ơn siêu-tánh, mắc phải sự khốn-khó bởi tội ấy mà ra, cùng phải án phạt đời đời. Ấy là đều Hội-thánh dạy phải tin.

Mà có xét, cũng là việc phải lẽ :

THỨ NHẤT, Nguyên-tổ đứng đầu gánh số-phận loài người-ta. Vậy người nghịch cùng Chúa, mất ơn siêu-tánh, thì con cháu cũng phải mất theo. Cũng như việc đời, cha mẹ rủi mất hết gia nghiệp, thì còn gì mà để lại cho con.

Lại như quan lớn có mống nguy cùng vua, thì con cháu người cũng phải mất tước-lộc thấy-thấy.

THỨ HAI, Cội rễ bệnh, ắt nhánh ngọn phải héo-don : đầu mạch đục chẳng chảy ra nước trong đặng. Chính tổ hư, thì con cháu phải lâm lụy, ấy là lẽ thường.

THỨ BA, Nguy với vua đời, còn phải phạt cả toà : phương-chi tội nguy với Vua cả trời đất.

78 — H. — *Ăn trái cấm coi ra việc nhẹ, mà sao phạt nặng-nề dường ấy ?*

T. — Xét cho tường ý đặng ra luật, và kẻ lỗi luật, thì biết chẳng phải là việc nhẹ :

Một là, vì chính Đ. C. T. phán dạy nguyên-tổ đừng ăn mà phải chết. Song cả gan ăn, ấy là khinh phép.

Hai là, Chúa ban đủ no mọi món mĩ-vì ngon-ngọt, ban muôn vàn ơn phần hồn phần xác ; mà còn cả lòng nghịch mạng Chúa, thì bất nghĩa vong ơn là dường nào !

Ba là, cấm có một điều rất dễ giữ, mà chẳng giữ, thì còn lẽ gì mà chữa mình được.

Bốn là, nguyên-tổ là người thông-minh lực-lượng, chẳng phải là kẻ dốt-nát yếu-đuối ; đã biết hễ phạm, thì mình và con cháu phải khốn-nạn muôn đời, nên tội người là tội cố phạm.

Năm là, ý muốn nên thông-minh bằng Đ. C. T. ; ấy là tội loạn thần tặc tử.

Sáu là, mình rất hèn-mạt mà dám phạm đến đấng cao-trọng vô cùng, ắt là tội ra nặng vô-cùng mà chớ.

79 — H. — Nguyên tổ phạm tội rồi, Đ. C. T. có bỏ loài người chẳng ?

T. — Đ. C. T. quở trách nguyên-tổ, đoán phạt ma-quỉ, đoán lấy lòng lân mẫn nhân-tử vô cùng, mà phán hứa cho tổ-tông biết ngày sau có Chúa giáng sinh cứu-chuộc loài người cho khỏi tội, mà đặng phước đời-đời. Vì vậy hai ông bà nguyên-tổ hết lòng ăn-năn đền tội, trông nhờ ơn cứu-chuộc, thì đã đặng rồi linh-hồn.

80 — H. — Nguyên-tổ phạm tội rồi, sinh con-cái thế nào ?

T. — Trong các con ông Adong, thì đã có người xấu, là Cain, giết em là Abêlê ; nên Đ. C. T. phạt đi đông-dài lưu-lạc xứ nọ sang xứ kia. Khỏi chín trăm ba mươi năm, ông nguyên-tổ chết đoạn, thì người-ta ra xấu một ngày

một hơn : Những theo tính hư xác-thịt, chẳng còn mấy người noi, tánh giáo, và giữ lời cha ông truyền dạy. Nên Đ. C. T. phạt chung cả thế. Còn để lại một nhà ông Noe mà thôi.

H — Đ. C. T. phạt chung cách nào ?

T. — Từ tạo thiên lập địa dặng một ngàn rưởi năm, Đ. C. T. thấy thiên-hạ ra hư-hốt, thì dạy ông Noe đóng một chiếc tàu lớn lắm. Dạy gộp các loài cầm-thú, mỗi thứ mỗi đôi, cùng nội nhà là hai ông bà, và ba con, ba dậu vô tàu ấy. Đoạn Chúa cho lụt cả bốn mươi ngày đêm, nước ngập quá đỉnh núi cao mười lăm thước. Dẫu người dẫu vật thấy đều chết hết, còn nội trong tàu ông Noe mà-thôi.

81 — H. — Con cháu ông Noe có giữ trọn nghĩa cùng Chúa chẳng ?

T. — Tính người-ta đã ra tối-lắm, yếu-đuối : mau quên, hay sa ngã trong đàng tội-lỗi. Trong ba con ông Noe thì đã có một người tên là Cam lỗi nghĩa với cha mình, nên phải chửi dữ. Ông Noe chết rồi, con cháu sinh ra đông-đáo, rủ nhau xây tháp cho cao tận trời : hoặc để tiếng hậu lai, hoặc có lụt cả lên đó, cho khỏi phép Chúa phạt. Chẳng hay nửa chừng Đ. C. T. phạt nói tiếng khác nhau, chẳng còn hiểu nhau dặng, nên phải bỏ việc ; đoạn đi ở tản-tác trong thế-gian.

Từ ấy chẳng còn mấy người giữ tánh giáo, lần lần quên lời tổ phụ di-truyền, mới bày ra thờ-phượng thứ nọ vật kia, mà bỏ Đ. C. T.

82 — H. — Đ. C. T. có chọn dân nào để mà thờ-phượng Người luôn chẳng ?

T. — Trước khi Chúa ra đời, chừng hai ngàn năm, Đ. C. T. chọn ông Abaraham, dạy đi ở biệt ra một xứ, làm đầu dân riêng Chúa chọn. Lại phán hứa ngày sau Chúa Cứu-thế sẽ sinh bởi dòng người, mà cứu-chuộc thiên-hạ. Ông Abaraham có đức-tin rất mạnh; xứng-dáng làm tổ kẻ thờ-phượng Đ. C. T. Người sinh dặng một con trai là Isaac, và cháu đích tôn là Giacob, là chính dòng-dõi Chúa Cứu-thế. Abaraham sống dặng một trăm bảy mươi lăm tuổi.

H. — Con cháu ông Abaraham có thờ phượng Đ. C. T. luôn chẳng ?

T. — Hằng thờ-phượng Chúa luôn. Song về sau sinh đông-đảo, cũng phạm nhiều tội-lỗi : Chúa phạt phải làm tội nước Êgyptô lâu năm. Tới nước cực, mới hồi tâm ăn-năn, kêu van cùng Chúa ; thì Người lại chọn ông Moisen làm đại tướng, đem dân trở về đất Đ. C. T. đã hứa cho ông Abaraham xưa.

83 — H. — Ông Moisen là ai ?

T. — Là kẻ Đ. C. T. chọn mà rao truyền Thor-giáo cho dân Chúa. Đ. C. T. thấy người-ta càng ngày càng ra mê-muội, hay lỗi tánh giáo và lời di-truyền, thì tỏ ra lòng thương-xót. Vậy khi ông Moisen đem dân ra khỏi Êgyptô dặng năm mươi ngày, đến núi Xina, thì Đ. C. T. ban mười điều răn, dạy tạc vào hai bia đá, mà truyền cho dân-sự. Đoạn chép vào trong sách cùng các điều Chúa truyền-dạy, để nhắc lại, và cắt-nghĩa tánh giáo cho rõ ràng tường-tận. Ông Moisen đã làm nhiều phép-lạ cả thể làm chứng Đ. C. T. chọn người rao truyền Thor-giáo cho dân-sự.

H. — Dặng Thor-giáo, về sau dân ấy thế nào ?

T. — Dân ấy hết lòng cung-kính linh Chúa, và thờ-phượng Đ. C. T. cách trọng-thề, sốt-sắng hơn trước.

Đặng vào đất Đ. C. T. đã hứa ; lập nên một nước lớn, có danh tiếng : sau quen gọi là nước Giudêu. Khi thì Chúa dùng các đấng chánh-tể thượng-phẩm, mà chuởng quản dạy-dỗ dân ; khi thì đặt vua-chúa thống-trị. Trong các vua Giudêu, có vua Đavit đạo-đức, danh tiếng hơn cả : Người là chính dòng-dõi, và nói tiên-tri nhiều điều về Chúa Cứu-thế.

84. — H. — *Nước Giudêu có giữ nghĩa cùng Chúa luôn chẳng ?*

T. — Tinh người-ta thất thường , dầu đã dặng Sách thánh, nhiều đấng thánh dạy-dỗ, thấy nhiều phép-lạ, nhiều lời tiên-tri ; nhưng mà khi thì vâng giữ luật Chúa, dặng bình-an thanh-trị ; khi thì nguội lòng đạo, bắt chước thói tà : Chúa phạt phải giặc-giã, phải làm tội dân nọ nước kia lâu năm, mới hồi tâm ăn-năn cải quá. Đắp đổi khi thanh khi suy, đến chừng một ngàn rưởi năm, thì Chúa Ngôi Hai giáng sanh cứu-chuộc thiên-hạ.

Vậy từ ông Adong cho đến Chúa ra đời, mọi sự đã ký chép trong Sấm truyền cũ. Đây lật sơ ít khoản đại cái, đã đủ biết loài người rất hư-hốt, mà Chúa nhân-từ lân-mẫn là thế nào.

H. — *Trước khi Chúa ra đời, người-ta có thể rồi linh-hồn chẳng ?*

T. — Chính mình nguyên-tổ phạm tội, mà nhờ ơn cứu-chuộc dặng rồi, hưởng chi con cháu. Vì bề-ngoài đã có lời Đ. C. T. hứa sẽ giáng sanh cứu-chuộc, cho trông-cậy ; có lời tổ-phụ di-truyền cùng thơ-giáo, cho khỏi lằm-lạc ; có

các thánh tổ-tông, các thánh tiên-tri, giục-bảo khuyên-răn. Có nhiều khi phạt nhần tiền, cho kiêng-sợ chừa-cải. Bề-trong có tánh-giáo lương-tâm, cho biết đàng ngay nẻo vậy ; có ơn Chúa ban cho tin, cậy, kính-mến, cùng trông nhờ ơn cứu-chuộc, đủ thể cho rồi linh-hồn. Vậy ai chẳng đứng rồi, là tại lỗi mình ; chẳng trách Đ. C. T., hay-là trách tổ-tiên đặng.

Sau nữa thấy loài người càng tối-tăm yếu-đuối, thì biết rõ ơn cứu-chuộc rất cần-kíp, và may phước cho ta là thế nào.



PHẦN THỨ BA

GIẢNG VỀ CHÚA CỨU-THẾ

Đoạn I — Nói chung về sự Giáng-sanh và cứu-thực.

... II — Về sự giáng sanh.

... III — Về sự cứu-thực.

... IV — Về rất thánh Đức Bà.

ĐOẠN THỨ NHẤT

NÓI CHUNG VỀ SỰ GIẢNG SANH CỨU THỰC

1 — H. — *Việc Chúa Giáng-sanh cứu-chuộc có phải là việc mầu-nhiệm, và hệ trọng lắm chăng ?*

T. — Một là việc rất mầu nhiệm ; vì tính Đ. C. T. thiêng liêng cao trọng vô cùng, hiệp với tính loài người có hình, hèn hạ, thành một Vi Cứu Thế, làm Chúa thật, làm người thật ; mà giảng truyền đạo thánh, cùng chịu nạn chịu chết, mà chuộc tội cho thiên hạ. Ấy là sự rất lạ quá trí khôn lường ; là ơn rất mực quá sức ta trông ước.

Hai là việc rất hệ trọng ; vì các thánh đã luận việc Chúa Giáng-sanh cứu thực, là việc rất trọng hơn mọi sự Chúa đã làm ra trong trời đất này. Dầu ơn sanh dưỡng là ơn rất trọng ; giả như chẳng có ơn cứu chuộc, mà mọi người phải trầm luân khổn nạn đời đời, thì nào đáng ích gì ? Vậy việc Giáng-sanh cứu chuộc là chính gốc đạo thánh, chính phần rồi loài người ta : Ai chẳng tin Chúa Cứu Thế, thì chẳng phải là người chính đạo, và chẳng đáng rồi linh-hồn.

2 — H. — Lấy lẽ gì mà tin có Chúa Giáng-sanh cứu-thế ?

T. — Việc Giáng sanh cứu-thế là ơn riêng Chúa ban cho loài người, là việc đã rồi ; mà ta là kẻ hậu sanh, như chẳng có ai truyền, chẳng có sách vở, chẳng thấy dấu tích chứng cứ bề-ngoài, một cứ lẽ tự nhiên mà xét, thì biết làm sao đặng ?

Nhưng mà 1) Hội thánh đã truyền dạy, nên là đều đích-thật, ta phải tin ; lại có sách Sấm Truyền đã chép rõ-ràng minh-bạch mọi việc Chúa Giáng sanh ; từ khi mới đầu thai cho đến khi chịu chết thăng thiên.

2) là những dấu tích Chúa Giáng-sanh chịu nạn, bây giờ cũng còn tại thành Rôma, và nhiều chỗ khác : Như thánh Giá Chúa chịu nạn ; nhà Đ. Bà Maria chịu truyền tin, v. v... và các nước phương tây đều lấy niên hiệu Giáng-sanh làm niên hiệu chung nhà nước.

3) Những kẻ kính thờ Chúa Cứu thế, thì hơn-đức ngay-lành hơn các kẻ giữ đạo khác.

4) Khắp bầu thế giới, nước nào cũng đều có kẻ tin-kính thờ-phượng Chúa Cứu-thế. Lại các dân, các nước, các đời, biết là mấy muôn vàn kẻ đã cam lòng chịu chết mà làm chứng Chúa Cứu-thế.

5) Những phép lạ trong đạo Chúa Cứu thế thì vô ngần vô số, như thấy trong truyện các thánh, và các đấng thánh hiền, các kẻ thống-minh thượng trí, đã tin, đã thờ, đã giảng, đời nọ sang đời kia.

Còn các cổ là những người thông-minh đức hạnh, bỏ cha mẹ quê-hương, chịu gian-nan tàn khổ, chẳng phải là cầu danh trục lợi, một hao công tổn của, có khi liều mình chết, cho đặng giảng Chúa Giáng sanh.

6) Họ kêu đến tên cực trọng Giêsu, hay là làm dấu

t hành Giá, thì quỷ thần liền tháo lui vỡ chạy. Kẻ tin-kính thờ phượng Chúa Cứu thế, thì ma quỷ chẳng còn dám khuấy-khoả như kẻ ngoại.

Ấy là những chứng nhân tiên, còn lẽ gì mà nghi chẳng có Chúa Giáng sanh Cứu thế.

3 — H. — *Phải tin những điều gì về Chúa Giáng-sanh Cứu-thế ?*

T. — Tóm lại những điều sau này :

1) Là phải tin có Chúa Cứu-thế.

2) Tin Chúa Cứu-thế là Ngôi thứ Hai, là con một Đ. C. Cha, cũng một tính, một phép bằng Đ. C. Cha ; cũng thật là Đ. C. T., hằng có đời đời.

3) Tin bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà Người xuống thai trong lòng rất Thánh Nữ đồng-trình Maria, trọn đời đồng trình, mà sinh ra, làm người có hồn có xác như ta ; đặt tên là Giêsu, nghĩa là Cứu-thế.

4) Tin Ngôi thứ Hai ra đời rồi, thì có một Ngôi mà hai tính : một là tính Đ. C. T. ; hai là tính người ta.

5) Tin về tính Đ C T. thì Người cũng bằng Đ C Cha, và hằng có từ trước vô cùng. Về tính người ta, thì Người là con một Đ. Bà Maria đồng trình, mới sinh ra đời trung cổ.

6) Tin Ngôi thứ Hai ra đời rồi, thì cũng thật là Chúa, vì có bốn tính Đ. C. T. ; mà cũng thật là người ta, vì có bốn tính người như ta.

7) Tin Người ở thế-gian này 33 năm, giảng truyền đạo thánh, sau hết chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, mà chuộc tội loài người ta.

8) Tin Người chịu chết 3 ngày đoạn sống lại. Rồi ở thế này 40 ngày nữa, mà dạy dỗ các thánh Tông-đồ, hầu giảng truyền đạo cho thiên-hạ. Đoạn Người ngự về trời.

9) Tin xác Chúa Cứu-thế khi đã sống lại rồi, thì chẳng hề chết đặng nữa.

10) Tin loài người nhờ công-nghiệp Chúa Cứu-thế, mới đặng rồi linh hồn.

11) Tin kẻ nào vâng giữ đạo Người ; thì mới đặng nhờ công-nghiệp Người, mà hưởng phước đời-đời ; ai chẳng tin chẳng giữ, thì phải phạt vô cùng.

12) Tin về tính Đ. C. T. thì Chúa Cứu-thế hằng ở khắp mọi nơi. Còn về tính người ta, thì bây giờ Người ở trên trời, và ở trong phép thánh Thể.

13) Tin đến ngày tận thế, Người lại xuống phán xét chung cả loài người ta.

ĐOẠN THỨ II.

VỀ SỰ GIÁNG SANH

4 — H. — *Giáng sanh là làm sao ?*

T. — Là Đ. C. T. Ngồi thứ Hai, bởi phép Đ. C. Thánh Thần, xuống thai, mặc lấy tính loài người trong lòng rất Thánh Đ. Bà Maria, trọn đời đồng trinh, mà sinh ra ở thế. Nghĩa là Đ. C. T. lấy phép Đ. C. Thánh Thần, dựng nên một linh hồn, một xác trong lòng Đ. Bà Maria đồng-trinh ; đoạn Đ. C. T. Ngồi thứ Hai mặc lấy linh hồn và xác ấy làm một người, sinh ra ở thế-gian, có tính Đ. C. T. ; có tính người ta.

Vậy đoạn này chia làm ba điều :

I — Nói về cách Chúa ra đời.

II — Nói về Đ. C. G. có tính Đ. C. T.

III — Về Đ. C. G. có tính loài người ta.

ĐIỀU THỨ NHẤT

VỀ CÁCH CHÚA RA ĐỜI



5 — H. — *Chúa là đấng tự hữu hằng có đời-dời, sao rằng : Bối đức Nữ đồng-trình mà ra ?*

T. — Chúa Cứu-thế có hai tính : Tính Đ C T. thì hằng có từ trước vô cùng. Người dựng nên muôn vật, mà chẳng ai sinh ra Người đặng. Đức Nữ đồng-trình sinh Chúa Cứu-thế, là sinh về một tính loài người mà-thôi. — Cũng như cha mẹ vốn chẳng sinh được linh hồn con, một sinh phần xác mà-thôi ; song phải nói cha mẹ sinh con. Cũng một lẽ ấy, dầu Đức Mẹ chẳng sinh được tính Đ C T. trong Chúa Cứu-thế, thì cũng kêu rằng : Đức Mẹ sinh Chúa Cứu-thế.

6 — H. — *Đồng trình mà sinh làm sao đặng ?*

T. — Kia thuở xưa chưa có loài người, mà Chúa dựng-nên ông Adong làm nguyên-tổ loài người còn đặng ; rày Chúa muốn dựng-nên một xác một linh hồn rất thanh-sạch trong lòng Đức Nữ đồng trình, để cho mình mặc lấy linh-hồn và xác ấy, mà sanh ra làm tái tổ cứu-chuộc loài người, thì nào ai ngăn-trở phép-tác vô cùng Đ C T., hầu Người làm chẳng đặng ? Nguyên-tổ không cha không mẹ còn có đặng. Vậy tái-tổ có mẹ không cha chẳng đặng sao ?

7 — H. — *Đ C T. ở khắp mọi nơi, sao rằng : xuống thai ở trong lòng rất thánh Đức Bà ?*

T. — Thánh tính Đ C T. rất sâu-nhiệm vô lượng vô biên, trí ta thấp-hèn suy không thấu. Song có một ví dụ

mĩa mai : Kia mặt trời chiếu vào kính lửa, thành một mặt-trời riêng cho ta lấy lửa được ; mà khi ấy mặt-trời cũng còn soi-sáng mọi nơi như thường, chẳng kém bớt phần nào. Cũng một lẽ ấy, thánh tính Đ C T. dầu hiệp với tính loài người, trong lòng Đức Bà cách riêng, cho thành một Vì Cứu-thế mặc lòng, thì thánh tính Chúa cũng còn khắp mọi nơi như thường, chẳng kém bớt chút nào.

8 — H. — *Tính Đ C T. rất thiêng-liêng cao-trọng, hiệp với tính hèn hạ loài người, thì sao cho được, sao cho xứng ?*

T. — Thứ nhứt, hãy coi linh-hồn thiêng-liêng, Chúa cho hiệp với xác thành một người ; mà phần nào riêng phần nấy, hồn chẳng lộn với xác. Cũng một lẽ ấy, Chúa làm cho tính cao-trọng mình hiệp với tính loài người, cho thành một Vì Cứu-thế mà tính nào riêng tính nấy chẳng lộn cùng nhau ; thì chẳng thấy đều gì nghịch lý.

Thứ hai, xét về sự cao trọng tính Chúa với sự hèn-hạ tính người-ta, thật thì chẳng xứng chút nào. Nhưng mà Chúa hạ mình xuống cho đến đỗi này, mà nhắc tính loài ta lên, thì một bởi lòng thương-yêu vô cùng mà-thôi. Bởi tính Chúa hiệp với tính người mà cứu-chuộc, thì loài người-ta mới có thể phạt tạ đền bồi đủ, mới khỏi tội, đăng nghĩa lại cùng Chúa, mà được phước đời-đời. Trước bởi tội, nên đã cách-xa mặt Chúa, làm tôi tá ma quỷ, đã ra hèn-hạ quá chừng ; mà bởi ơn Chúa giáng-sanh, thì được hiệp cùng Chúa được thắng ma-quỷ, được sang trọng. Bởi đó càng tỏ ra Chúa rất công-bình, mà hay thương-xót ; rất phép tắc và thánh-trí vô cùng. Cho nên sự Giáng sanh, đã sáng danh Chúa, phước cho loài người, mà lại vinh cho thế-giới.

Vả tính Chúa hiệp với tính người, thì chẳng ra sứt-

kém phần nào, mà lại làm cho tính người nên cao trọng. Cũng như mặt-trời dầu soi nơi bùn lấm, thì cũng chẳng đúng bợn-nhơ. Giả-như đức vua thấy tên dân hèn sa xuống vực thăm-sâu do-dây, đương chơi-với hầu chết, thì động tình thương, nhảy xuống vớt lên cho sống. Ai nghe thấy mà chẳng đem lòng kính trọng ngợi-khen việc nhơn lành vua sao ? Ai dám trách vua làm thế ấy chẳng xứng đáng sao ?

9 — H. — *Đ C T. xuống thai làm con rất Thánh Nữ, chẳng ra nhẹ thế ỉm sao ?*

T. — Mọi sự cao-trọng vinh-hiễn Chúa thì bởi bề-trong, chẳng phải nhờ việc bề ngoài mới có. Cho-nên chẳng có sự gì làm cho nhẹ thế Chúa được. *Vi dụ* : Vàng thượng thập đựng trong bình bạc, hay là trong bình đất, thì vàng cũng chẳng kém giá chút nào. Lại giả-như hoàng-đế có chọn một người tử-nữ trong dân gian làm hoàng-hậu, thì quờn cao sang vua chẳng kém ; mà lại vinh-hiễn cho tử-nữ, và họ-hàng người bội phần.

Vả Đức Nữ đồng-trình ấy, tuy là người thế, song vốn Chúa đã chọn làm mẹ về tính loài người ; nên đã ban cho Người gồm no mọi phước-đức cao-sang, cho xứng chức làm Mẹ Chúa Cứu-thế.

10 — H. — *Ngôi thứ Hai ra đời chọn Đức Bà làm Mẹ, chọn ông thánh Giuse làm cha nuôi làm chi ?*

T. — Thứ nhứt — chọn Đ. Bà làm Mẹ :

1) là cho đồng máu đồng loài với ta mà cứu-chuộc ta.

2) là cho tính loài người hiệp với tính Chúa, mà được thông phần công-nghiệp Chúa.

3) là cho ta được thêm lòng tin cậy yêu mến, vì thấy ta đã nên phần thân-thể mẫu-nhiệm Chúa.

4) là làm gương khiêm nhượng, khó-khăn, vâng-phục, cho ta học đòi bắt-chước.

Thứ hai — Chọn ông thánh Giuse làm cha nuôi :

1) là cho rõ dòng-dõi Đ. Bà ; vì luật Giudêu xưa, người một dòng mới được đôi bạn với nhau ; và phép kể dòng-dõi, thì cứ kể phía người nam.

2) là cho người đời ấy khỏi nghi cho rất thánh Nữ.

3) là cho có kẻ giúp đỡ Đức Bà và Hải Nhi.

11 - H. — *Chúa Giáng sinh khi nào và nơi nào ?*

T. — Đời vua Augustô thứ tám, trị nước Rôma được 24 năm ; đời nhà Hán vua Ai-đế trị nước Đại-Minh ; ngày 25 tháng 12 lịch tây, là ngày thứ ba sau Đông chí, thì Đ C T. Ngôi Hai giáng-sinh trong nước Giu-dêu, đất Giuđa, thành Bêlem.

12 - H. — *Vì lý nào mà giáng sinh trong nước ấy, và để chừng đó mới giáng-sinh ?*

T. — Chúa là đấng thông-minh thượng trí, mọi việc Người làm thì đã chỉ-định từ trước vô cùng, không lẽ trí thấp-hèn ta hiểu thấu ; song cũng thấy được ít lẽ sau này :

Thứ nhất, giáng-sinh trong nước Giudêu, vì nước ấy chẳng khác chi nước riêng Chúa chọn ; từ tạo thiên lập địa cho đến khi ấy, có một nước Giudêu hằng thờ-phượng Đ C T., và giữ toàn-vẹn pho Sách thánh, là sách chép luật Chúa phán truyền, cùng những lời tiên-tri chỉ về Đấng Cứu-thế Giáng-sanh.

Thứ hai, việc siáng-sanh là ơn trọng phi thường, nên

Chúa để truyền-báo cho loài người biết trước lâu năm, hầu trông đợi, dọn mình cho phải thể. Kia vua đời đi viếng dân gian, còn rao-báo trước đôi ba tháng, cho dân kịp sửa-soạn ; phượng-chi Vua cả trời đất muôn vật, xuống thể cứu dân. — Vả càng để lâu, thì loài người càng thấy rõ những sự tai nạn bởi tội mà ra, càng biết rõ ơn Cứu-thể cần-kíp, và trông-vọng là dường nào. Cũng như kẻ ở nơi tối-tăm lâu, mới biết rõ sự sáng là cần-kíp, và quý báu là thể nào.

Lại những kẻ trước Chúa ra-đời, tuy cũng đáng nhờ ơn Cứu-thực, nhưng mà những kẻ sau Chúa ra đời, càng nhờ hơn bội phần. Chẳng khác chi ban đêm có đèn đèn lửa, có trăng, cũng đáng sáng ít nhiều, song chẳng bằng ban ngày, khi mặt-trời đã mọc ra chói-lói. Vì vậy có Giáng-sanh đời thượng-cổ, hay là để đời hậu-lai, coi ít tiện cho bằng đời trung cổ.

13 — H. — *Ngôi thứ Hai ra-đời đặt tên là gì ?*

T. — Đặt tên là GIÊSU : theo tiếng tây nghĩa là cứu-thể ; cũng gọi là Kirixitô : nghĩa là kẻ có chức làm tiên-tri, làm chánh-tể, làm vua.

H. — *Đấng Cứu-thể có gồm đủ ba chức ấy chăng ?*

T. — Có, vì một là Người có tính Đ. C. T., nên biết mọi sự trên trời dưới đất, mọi điều kín-nhiệm, mọi việc trước sau ; cho-nên thật là tiên-tri trên hết các đấng tiên-tri.

HAI là, Người dâng mình làm của lễ cực thánh cực trọng, chịu chết trên cây thánh Giá, mà tế-lễ Đ. C. Cha, và hằng ngày hằng dâng mình tế-lễ trên các bàn-thờ, trong lễ misa cho cả-và thiên-hạ được nhờ. Cho-nên Người là Đấng tế-lễ cao-trọng hơn hết mọi đấng.

Bà là, Người cai-trị cả-và Hội thánh, khắp bầu thế-giới, lập lẽ-luật, ban phép Bí-tích, và ngày sau phán-xét kẻ sống và kẻ chết, bất luận vua quan dân-sự, và nước Người trị chẳng hay cùng, chẳng hay hết ; cho-nên Người là Vua trên hết các vua.

ĐIỀU THỨ HAI.

ĐỨC CHÚA GIÊ-SU CÓ TÍNH ĐỨC CHÚA TRỜI

14 — H. — *Làm sao mà biết Đ. C. G. có tính Đ. C. T. ?*

T. — Chính ý giáng-sanh là cho sáng danh Chúa, và cho người-ta rồi linh-hồn, là việc rất hệ-trọng ; phải có chứng-cớ chắc-chắn, vững-vàng, mới xứng-dáng. Vì vậy Đ C T. đã truyền bảo lâu đời, cho người-la biết trước, đoạn mới xuống thế tỏ mình ra giữa thiên-hạ ; rồi ngự về trời, để dấu-tích lại cho muôn dân muôn đời dạng nhìn biết mà thờ-phượng.

Vậy những điều làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T., thì phân làm bốn khoản : 1) trước giáng-sanh ; 2) khi Đ C G. ở thế ; 3) khi ngự về trời rồi ; 4) sau hết, xét cho tường-tận chứng-cớ ba khoản trước.

§ I — Những chứng trước giáng-sinh

15 — H. — *Trước giáng-sanh, những sự gì chỉ Đ. C. G. là Đ. C. T. thật ?*

T. — Các lời tiên-tri chỉ về Chúa Cứu-thế. Vì lời tiên-tri chỉ các việc về Đấng Cứu-thế cùng chỉ Đấng Cứu-thế là Đ. C. T. thật : Như lời rằng : Người là Chúa trên hết các chúa, là Vua trên hết các vua. Ấy vậy Đ. C. G. thật là Chúa Cứu-thế ; cho-nên Đ. C. G. là Đ. C. T. thật.

Giả như ta chưa thấy chưa biết Phê-rô là ai, mà có kẻ vẽ hình tích Phê-rô, chỉ ngày giờ Phê-rô sẽ đến, và chỉ đủ điều, cho ta nhận được Phê-rô. Vậy đến ngày giờ đã chỉ, có một người đến, ta nhắm trước xem sau, hình-duông diện-mạo, in hết như trong bức vẽ, đủ các điều như người kia đã chỉ trước ; thì ta nhận người ấy là Phê-rô, ắt là trúng-dịch chẳng sai. Cũng một lẽ ấy, có Sách-thánh đời thượng-cổ đã chép những lời tiên-tri chỉ Chúa Cứu-thế ra đời cách nào, chỉ dòng-dõi chỗ-nơi, chỉ năm tháng, chỉ những việc Người sẽ làm, các điều Người sẽ chịu ; chỉ tỏ mọi sự trước sau, cho ta nhận được Chúa Cứu-thế chắc-chắn. Vậy hễ có người nào đủ các điều đã chỉ đó, ấy là Chúa Cứu-thế chẳng sai. Mà có một Đấng Giê-su Kirixitô cò đủ các điều đã chỉ trước. (*Như đã giải trong Phần thứ 1*). Cho-nên phải nhận Người là **thật** Chúa Cứu-thế, là Đ. C. T. thật.

§ II -- Những chứng khi Đ. C. G. ở thế.

16 — H. — *Sự gì làm chứng Đ. C. G. là Đ C T. thật ?*

T. — 1) Các phép-lạ Đ C G. làm ; 2) tánh-hạnh Đ C G. rất cao rất thánh ; 3) những dấu lạ trong trời đất muôn vật ; 4) sự Đ C G. sống lại thăng thiên.

H. — *Phép lạ làm chứng Đ C G. là Đ C T. là thế nào ?*

T. — Luận được thế này : Chính phép-lạ, có một mình Đ C T. làm đặng mà-thôi. Vậy Chúa Kirixitô đã làm đặng phép-lạ bởi sức riêng mình ; cho nên Chúa Kirixitô là Đ C T. thật. Vả xưa nay các thánh làm phép-lạ, đều bởi ơn riêng Đ C T. ban cho ; nên hễ khi đấng nào làm phép-lạ, thấy đều xưng là việc bởi ơn Đ C T., chẳng phải bởi sức riêng mình ; như thấy rõ trong sách sử. — Còn Chúa

Kirixitô làm phép lạ, thì bởi phép-tắc riêng mình ; như thấy rõ trong sách Evang, và lời Người làm chứng rằng : « Người ta thấy có phép nhiệm bởi mình Tao mà ra Bay lấy tên Tao mà làm phép-lạ... » Ấy vậy chẳng những là Đ C G. có sức làm phép-lạ đặng, mà lại ban phép cho các môn-đồ Người làm. Cho nên Người là Đ C T. thật.

17 — H. — *Tánh hạnh Đ C G. làm chứng Người là Đ C T. thế nào ?*

T. — Đức hạnh Đ C G. cao-trọng quá khỏi hơn-đức thần thánh ngàn trùng ; cho nên phải tin Đ C G. là Đ C T. thật. Như lời Người phán rằng : Bay chẳng tin lời Tao, thì phải tin việc Tao làm. Nhưng-mà chẳng biết lấy lời gì ngợi-khen cho xứng, một nói được : hơn-đức quá tính loài người mà-thôi.

1) Ba mươi năm Người còn ở nhà Nazareth thì hằng khiêm-nhượng thảo-thuận, sốt-sắng khó-khăn, ngoan-ngũy hiền-hậu, đủ mọi vẻ nét-na, đủ mọi mùi đức hạnh, nên gương rất trong sạch, treo trong cửa nhà láng-diềng.

2) Ba năm Người ra giảng-day thiên-hạ, thì lời Người vừa dễ hiểu, vừa cao sâu, rất dịu-dàng, mà phép-tắc, có sức làm cho hơn dân cải dữ về lành ; dầu Người ần tính Chúa cao sang, song kẻ nghe thấy đều tung-hô Người là Chúa Cứu-thế.

Cách Người ăn-ở rất nên khuôn-phép thẳng mực, cho người-ta kính Chúa yêu người. Việc Người làm, rất nên meo-mực, cho thiên-hạ tu đức lập công ; thật đã rất nên gương thần-hiệu, dẫn đường phước-đức ; chẳng khác chi mặt-trời đứng ngọ, soi-sáng thiên-hạ ; có một kẻ xấu con-mắt xem chẳng đặng mà-thôi ; cho-nên quân Phariseu và Ký-lục sinh lòng ghen-ghét.

3) Đến chừng Người chịu nạn, càng tỏ đức nhơn-tửu nhĩn-nhực, khác thể con chiên hiền-lành, chẳng hề mở miệng năn-nỉ một lời. Dầu phải bắt cách nhuộm-nha xấu-hỗ, song chẳng mất phép-tắc oai-linh ; vì Người phán một lời, quân dữ liền ngã ra tản-tác. Dầu chịu muôn vàn hình khổ, độc-ác dữ-dẫn, song mặt mũi an-hoà vui-vẻ ; lại ngửa mặt xin tha cho những kẻ đương làm khốn mình. Ôi ! Đấng có phép làm cho trời đất rung động, núi lở đá tan, mà chẳng nổi động mấy lòng kẻ làm khốn mình. Ấy thật chẳng phải là sức loài người làm đặng. Như lời ông thánh Bênadô rằng : « Xem nội đó, đã đủ biết Người là Chúa trời đất, chẳng lựa là thấy các sự lạ khác mới tin. »

Đây nói qua một hai điều, coi trong sách Êvang mới rõ.

Ta thấy xưa nay có muôn vàn đấng thánh làm gương nhơn-đức, ta lấy làm quá trí ; mà nhơn đức các thánh sánh cùng nhơn-đức Chúa Cứu-thế, chẳng khác chi đóm-đóm sánh cùng mặt-trời ; vì Chúa Cứu-thế là căn-nguyên mọi nhơn-đức.

18 — H. — *Trời đất muôn vật làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thế nào ?*

T. — 1^o Khi Đ. C. G. sinh ra. — a) Có thiên-thần hiện ra trên không mà chúc tụng rằng : « Sáng danh Chúa cả trên trời, phước bình-an cho người lành dưới thế. » Có thiên-thần truyền bảo mục-đồng đến thờ lạy Hài-nhi. — b) Có ngôi sao lạ hiện trên không bảo-dẫn ba Vua phương đông đến dâng lễ vật, và kính-lạy thờ-phượng Người.

2^o Khi đem Đ. C. G. vào Đền thánh, có ông thánh Xi-mêon và bà thánh Anna nhận Người là « Chúa muôn dân trông đợi. »

3^o Khi Đ. C. G. ra giảng dạy. — a) Ông thánh Gioan Baotixita chỉ cho môn-đệ mà rằng : « Đây là con chiên Đ. C. T., gánh tội muôn dân mà cứu-chuộc. » — b) Biết là mấy ngàn người theo nghe, quên ăn quên nghỉ, đến đổi Người phải làm phép-lạ hoá bánh cho mấy ngàn người ăn no. — c) Đ. C. G. dạy phán một lời, nước lã liền trở-nên rượu, sóng gió liền lặn-an, Người dạy ông thánh Phêrô đi câu con cá, lấy tiền trong bụng nó mà nộp thuế, thì đãặng như lời. Ngày khác Người phán quở cây vả liền héo chết theo lời. — d) Con một bà kia chết đương khiêng đi chôn, ông Ladarô chết chôn đã bốn ngày, Đ. C. G. phán một lời đều sống lại mạnh-khỏe. — e) Biết là mấy người bị quỷ-ám, Người phán một lời, ma-quỷ phải xuất ra, mà phò kẻ ấy đặng an-lành mạnh-khỏe.

4^o Khi Đ. C. G. chết trên cây thánh Giá, thì đá vỡ ra ; màn đền thánh tự-nhiên bứt ra, đất động núi lở, mặt-trời mất sáng, v. v.

Những cách-thể muôn vật làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T., khôn-kẻ cho cùng ; đây lược qua ít điều, đã đủ biết.

Vậy giả như chẳng có các lời tiên-tri chỉ trước, mà ta thấy các điềm lạ khi Người mới sinh, các nhơn-đức cao-trọng, các phép-lạ Người làm, cách Người sống lại, hiện ra sáng-láng, thăng-thiên vinh-hiễn, thì đã đủ cho ta phải chịu Người là Đ. C. T. thật, mà nói như ông thánh Tôma tông-đồ rằng : « Lạy Chúa, Chúa là thật Chúa trời tôi. »

19 — H. — *Sự sống-lại thăng thiên làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thế nào ?*

T. — Từ xưa nhần nay, loài người-ta chẳng ai chết thật mà bởi sức riêng mình sống-lại đặng. Dầu Chúa cho

người nào sống-lại, như ông thánh Ladarô, thì cũng còn xác-thịt như thường, và mãn đời cũng phải chết. Có một mình Đ. C. G. đã chịu chết thật, khỏi ba ngày đoạn sống-lại, sáng-láng oai-nghi, thông linh như thiên-liêng, chẳng hề phải chết nữa ; cùng thăng-thiên vinh-hiển trước mặt thiên-hạ. Ấy là việc quá sức các loài thọ sanh. Cho-nên phải tin Đ. C. G. là Đ. C. T. thật.

§ III — **Những chứng sau khi Đ. C. G. thăng thiên.**

20 — H. — *Sự gì làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thật?*

T. — 1) Việc các môn-đồ Đ. C. G. ; 2) dân Giudêu phải phạt, thành Giêrusalem tan-nát, ứng-nghiem như lời Đ. C. G. đã phán trước ; 3) đạo Đ. C. G. càng ngày càng thanh ; 4) việc cao-trọng trọn-lành trong đạo thánh Người.

H. — *Việc các môn-đồ làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thế nào ?*

T. — 1^o Các thánh Tông-đồ, thánh Sử, là kẻ đã thấy Đ. C. G. chịu chết cách rất sỉ-nhục, mà tin thật vững-vàng Người là Chúa trời đất ; nên mới bỏ cha mẹ quê-hương, đi giảng truyền các nước, cam lòng chịu gian-nan, chịu chết mà làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thật. Giả-như các Môn-đồ chẳng tin, lẽ nào dám đi làm việc đại-sự thế ấy !

2^o Các đấng ấy đã hoá nên thánh cả, làm muôn vàn phép-lạ, đem được thiên-hạ vô số thờ-phượng Đ. C. G., cùng nên người đức-hạnh. Giả-như Đ. C. G. chẳng phải Đ. C. T. thật, thì Môn-đồ lấy phép ai, mà làm đặng các việc quá sức loài người đương ấy ! Vậy ta phải tin Đ. C. G. là Đ. C. T. thật.

21 — H. — *Lời Đ. C. G. phán tiên-tri về thành Giêrusalem ứng-nghiem là làm sao ?*

T. — Khởi bảy mươi năm, nước Giudêu phải phạt rất nặng vì tội giết Đấng Cứu-thế. Thành lũy nó đã tan-hoang bình-địa, ứng-nghiem như lời tiên-tri Người đã phán, là chẳng khởi bao lâu thành này chẳng còn hoàn đá nào nằm trên hoàn đá nào ; và dân-sự phải tan-tác tứ phương thiên-hạ cho đến rày.

Cách 292 năm có vua Giulianô ghét đạo Kirixitô lắm, ra sức xây thành Giêrusalem lại, mà chống lời tiên-tri Chúa Cứu-thế. Cho-nên hạ sắc cho dân Giudêu đâu đó hồi về bổn-quốc ; mở kho-tàng, phát tiền-bạc, đặt tướng giỏi đốc công, qui thợ thầy dân-sự, sắm khí-cụ các cuộc xong rồi. Khỉ công xây vừa được ít ngày, bỗng chốc đất động, có lửa phun lên, người-ta chết, khí-cụ cháy, đá gạch đã xây được bao-nhiêu, thấy đều cháy sập. Song vua còn cưỡng phép, chưa chịu thua. Sau lại khỉ công đòi ba lần nữa, thì đều bị như trước. Đoạn có thánh Giá chói-loà hiện ra trên không, cho thiên-hạ thấy biết Chúa Cứu-thế phạt tỏ-tường, chẳng ai còn dám cưỡng phép nữa.

Ấy vậy tích này chỉ rõ Đ. C. G. là Chúa trời đất muôn vật, biết hết mọi sự trước sau, và phép-tắc vô-cùng, mọi loài phải đều phục.

22 — H. — Đạo Đ. C. G. làm chứng Người là Đ. C. T., thế nào ?

T. — Việc đạo đã giảng trong Phần thứ I, đây đón lại ít lời mà-thôi.

Đạo Đ. C. G. rất thanh rất bền, rất chơn-thật, trợn-lành, đủ phương pháp linh-nghiem, làm cho người-ta nên lành nên thánh. Đạo đã cao sâu mầu-nhiệm, lại êm-ái dễ-dàng ; đến đối kẻ thông-minh, người dốt-nát, đờn-ông, đờn-bà, lớn bé trẻ già, đều cam lòng thà chết, mà chẳng rời

đạo Chúa. Bởi đó phải xưng rằng : có một Đ. C. T, đã dựng nên bôn-tính loài người, và thông biết mọi sự trên trời dưới đất, mới lập đặng đạo trọn-lành âm-hạp tính Chúa tính người-ta dường ấy. Có một Chúa đã dựng-nên muôn vật đủ nuôi xác ta cho sống, thì mới lập đặng đạo nhiệm-mầu nuôi linh-hồn ta cho rồi mà-thôi. Cho-nên phải nhìn biết Đ. C. G. là Chúa cả trời đất, mà thờ-phượng, ngợi-khen, tạ-ơn đời-đời.

Ấy là những khoản đại cái làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thật.

§ IV — Xét các lẽ đã giải trong ba khoản trước.

23 — H. — *Những điều kể trước, nếu có như vậy, ắt phải nhận Đ. C. G. là Đ. C. T.. Nhưng-mà ta chẳng thấy, một nghe nói mà-thôi ; nên hoặc có hoặc không, biết lấy đâu làm chắc ?*

T. — Như chẳng tin lời người ta nói, thì hoặc là đoán cho kẻ ấy nói dối, hay là lầm mà thôi ; chẳng đoán thế khác đặng. Song trong việc này chẳng nghi đặng phía nào ; cho-nên phải tin chắc-chắn.

Một là *không* đoán cho kẻ truyền đạo nói dối được, vì pho kẻ ấy là những người ngay chính thật-thà, nhưn-đức cao trời ; lại nói dối trong việc này, nào đặng ích gì ? Nào có thấy ai bỏ cha mẹ quê-hương, sang nước nọ xứ kia, chịu gian-nan chịu chết, cho được nói dối một điều vô ích sao ? Dầu cho có, bất quá một đôi người đã lắm ; lẽ đâu đời nọ sang đời kia, kể ngàn kẻ muôn người sang nước nọ xứ kia mà dối thiên-hạ làm vậy !

Hoặc nghi những kẻ ấy có ý cầu danh lợi, thì hãy coi trong nước Annam, từ đời Lê-Tông hoàng-đế Gia Thái đến rày, đã hơn 300 năm, có dư ngàn tây sĩ tới

giảng đạo, đều là những người thông-minh hơn-đức, đã không tham của chúng, lại xuất phát của mình cho kẻ khó-khăn tàn-tật. Các thầy ấy chịu gian truân cơ-cực. Mới dễ lúc này, còn hơn 200 năm trước, biết là mấy thầy phải bắt-bớ, giam-cầm, hình-khổ, chết chém, chết đâm. Nào có ai cố tình nói dối cho được bấy nhiêu tai-nạn thế ấy sao ? thấy thầy này chết, thầy khác tới, cũng giảng một kiểu, dạy một điều, đời nọ sang đời kia, không thêm không bớt điều gì. Có lẽ nào hằng năm hằng có những kẻ nói dối rập một lời với nhau, đã gần hai ngàn năm nay, mà chẳng sai ngoa dạng ?

Lại xét cách ăn thói ở các thầy ấy, thì thấy cũng là tu kỷ hoá nhơn, không có ý gì khác nữa. Cho-nên đã đủ lẽ cho ta luận rằng: phò thầy ấy tin thật Đ C G. là Đ C T. thật, chẳng phải nói dối mà phỉnh-gạt ai.

Hai là *không lẽ nghi phò kẻ ấy tin lắm*, vì những chứng-cớ đã chỉ trước, thì bên tây chẳng có điều gì khó xét :

1) Những chứng cớ trước khi Giáng-sanh, chẳng có điều gì phải xét, một coi có Sách thánh chẳng, và trong sách ấy chép những lời tiên-tri chỉ về Chúa Cứu-thế chẳng, thì đã đủ biết.

Như nghi các điều ấy mới chép sau Giáng-sanh, thì coi Sách thánh dân Giudeu, là kẻ nghịch cùng Chúa Cứu-thế. Dân này tuy rằng tứ tán khắp phương thiên-hạ, nhưng mà ý nhiệm Chúa để nó hằng giữ Sách thánh đem theo mình luôn đến rày, hầu làm chứng đạo Kirixitô.

Lại cách 300 năm trước Chúa ra-đời, có một vua ngoại quốc, thỉnh pho Sách thánh chính bốn chữ vàng, tại thành Giêrusalem, đem về nước mình. Đoạn với bảy mươi hai hiền sĩ dịch ra, để tại nhà quốc học công-thơ

nước ấy. Cho-nên hễ có con-mắt mà coi, thì chẳng làm được. Còn các việc Chúa Cứu-thế ứng-nghiem theo lời tiên-tri, thì đã chép trong bốn sách Evang rõ-ràng, chẳng lẽ làm dặng.

2) Những chứng khi Người ở thế, là những việc người đời ấy mắt thấy tai nghe : Như các phép-lạ, các nhơn-đức, mặt-trời tối, đất động, núi lở, sự sống-lại thăng thiên, là việc người đời ấy nghe thấy dặng, chẳng phải kín-nhiệm gì mà phỉnh người-ta, hay là tin làm được. Giả-như chẳng có những phép lạ-lùng cả thể làm vậy, Đ C G. đã chết rồi, môn-đệ Người còn liệu mình chết, mà đi giảng truyền sự đối-trá về Người làm chi. Mà cho như có truyền dối giảng làm, thì đời ấy ai thêm tin. Giả-như đời ấy người-ta chẳng tin, thì lấy ai mà kế-tiếp giảng truyền cho đến rày. Vậy cả phương tây người-ta liệu mình chết mà tin, mà thờ, thì chẳng phải là vô cơ.

Giả-như chẳng có Sách thánh chỉ Chúa Cứu-thế, Đ C G. chẳng có đủ như Sách thánh đã chỉ, các Môn-đồ chẳng làm phép-lạ nào, mà cả phương tây, cả thiên-hạ còn cam chịu khốn-khó, chịu chết, cho dặng tin cậy kính thờ Người, còn nhận Người là Chúa trời đất muôn vật, thì mới lạ-lùng, mới mầu nhiệm hơn nữa !

3) Những chứng-cớ khi Người thăng thiên sắp về sau, thì chẳng có sự gì khó xét : Việc các môn-đồ Đ.C.G. thì đã ký- chép tường-lận trong hạnh các thánh Tông đồ, trong sách thơ các đấng ấy, và trong sử-ký Hội-thánh. Sự nước Giudêu tan-hoang, dân tản-tác, ở tứ phương thiên-hạ, bây-giờ hãy còn sờ-sờ đó. Sự vua Giulianô xây thành Giêrusalem lại, mà bị phạt, thì đã có sử-ký trong tay dân Giudêu ở các nơi đó, có sử nước Rôma.

Ấy những chứng-cớ đành-rành, không còn lẽ gì nghi

kẻ giảng đạo tin lầm, hay-là nói dối phỉnh thiên-hạ đặng. Cho-nên phải chịu Chúa Kirixitô là Đ C T. thật.

Vả lại việc cả và Hội-thánh xưa nay, những bậc thánh hiền thượng trí, các đấng khôn-ngoaan hơn-đức, các trường danh-tiếng, các nước trí tài, các phương danh sĩ, hằng tra đi xét lại chứng-cớ trước sau, đã gần hai ngàn năm nay, thấy đều tin thật, hằng thờ-phượng, hằng giảng truyền, hằng làm chứng Chúa Kirixitô là Đ C T. thật. Dầu mấy phe nghịch đạo kiếm lẽ bắt-bẻ thế nào, cũng chẳng chống-cãi đặng. Vậy ta là ai, vịn lẽ gì mà ngli-nan chưa chịu.

24 — H. — *Cứ những lẽ đã giải trước, thì chắc-chắn Đ C G. là Chúa cả trời đất muôn vật, lẽ thì bình vực kẻ kinh-thờ Người : hơn sao để kẻ ấy thường phải gian-nan khổn-cực hơn kẻ ngoại ?*

T. — Của quý khó tìm, lên cao đàng dốc, ấy là lẽ thường. Chúa để làm vậy, một là bồi lòng thương-yêu, muốn ban phần thưởng cao-trọng vô-cùng trên thiên-đàng. Vì cho được thưởng trọng, phải có công dày : muốn được công cao, phải trải qua tân-khổ. Như tục ngữ rằng : *có khó, mới có công. Càng cao danh-vọng, càng dày gian-nan.* Vậy Chúa để kẻ giữ đạo chịu gian-nan đời tạm, cho được phước thật cõi trời ; ấy là thương là bình mà-chớ. Như lời thánh Kinh rằng : *Phước thật cho kẻ gian-nan vì Chúa.*

HAI là bồi loài người mê phước giả thế-gian, nên mất phước thật trên trời. Chúa Cứu-thế đã lấy sự gian-nan khổn-khó mà chuộc phước thật cho ta, cùng làm gương cho ta bắt-chước. Rày để con cái chịu gian-nan đời tạm, cho được đồng công đồng đức, nên giống cha mẹ, thì

phước cho con cái là đường nào ! Những kẻ quyết lòng theo Chúa Cứu-thế, cho được đồng vinh đồng phước cùng Người, thì lấy sự khốn-khó đời tạm làm của châu-báu vô giá. Vậy Chúa phú của châu-báu cho con thảo tội ngay.

BA là coi trong trường thi, hàng văn nhơn tuần sĩ những lao tâm tiêu-tử, mệt-nhọc tù-túng cả ngày. Còn quân lính canh trường, thì thông-dong mặc thích đắc thể hùng-hào. Mới xem qua như quan trường khinh đẳng văn, trượng đẳng võ ; song mãi cuộc thi rồi, mới rõ ai khinh ai trọng. Cũng một lẽ ấy, đời này là trường thi, chết rồi mới mãi cuộc. Chừng đó mới rạng mặt anh-hùng, mới biết kẻ công-lao được chức trọng. (*Coi phần II, số 15*).

ĐIỀU THỨ BA

VỀ Đ. C. G. CÓ TÍNH LOÀI NGƯỜI

25 — H. — *Chúa Cứu-thế có linh loài người chăng ?*

T. — Có, vì có linh-hồn, có xác thật như ta, chịu sinh-ra, chịu nuôi-dưỡng, ăn nói đi đứng, biết vui buồn khoẻ mệt như ta ; cho-nên mới chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá đặng.

26 — H. — *Tính loài người trong Chúa Cứu-thế có mắc tội gì chăng ?*

T. — Chẳng những là chẳng mắc tội gì, mà lại chẳng hề có tính yếu-đuối nghiêng chịu về sự dữ chút nào sớt.

Vì một là bởi phép Đ. C. Thánh Thần mà Người chịu

thai, sinh bởi Đức Nữ đồng-trinh ; chẳng sinh như người thể thường ; nên chẳng hề mắc tội tổ-tông. Lại tính hay chịu về sự dữ, vốn bởi tội tổ-tông mà ra. Vậy Người chẳng mắc tội tổ-tông, cho nên cũng chẳng mắc tính xấu ấy.

HAI là tính người đã hiệp cùng tính Đ. C. T. Ngôi thứ Hai, thành một Ngôi, nhờ sự cả sáng thánh tính Chúa chiếu vào ; cho-nên chẳng có phạm tội, hay-là chịu về sự dữ dặng.

BA là linh-hồn và xác ấy đã hiệp với tính Đ. C. T. Mà tính Đ. C. T. rất nghịch cùng tội-lỗi ngàn trùng ; cho-nên không có tội-lỗi nào nhập vào linh-hồn và xác ấy dặng. Cũng như lửa và sắt hiệp nhau thành một cục đỏ, tuy tính sắt hãy còn, song chẳng còn lạnh được, vì tính lửa và lạnh ở với nhau chẳng dặng. Vì vậy linh-hồn và xác Người cực thanh cực tịnh, rất trọn-lành rất thánh.

27 — H. — Nếu vậy Chúa Cứu-thế chẳng có quyền chủ-trương chọn lựa mặc ý sao ?

T. — Chẳng chọn sự dữ dặng ; nhưng-mà muốn làm việc lành này, hay-là việc lành khác, thì mặc thừa ý Người chọn-lựa. Vì Chúa mặc-lấy tính loài người, có ý chịu khốn-khó lập công-nghiệp mà đền tội-lỗi thiên-hạ. Mà cho được công-nghiệp, phải có quyền chọn-lựa mặc thích, mới lập dặng. Bởi đó Người muốn chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, hay-là muốn dùng cách khác, mà cứu chuộc loài người cũng dặng, chẳng có đi gì ép được. Như lời Người phán rằng : *Chẳng ai cắt sự sống Tao dặng, một tại Tao muốn bỏ nó mà-thôi.* Lại có lời Kinh thánh rằng : *Người dâng mình chịu chết, vì Người muốn chết mà thôi.*

28 — H. — *Linh-hồn và xác Chúa Cứu-thế ra làm sao ?*

I. — Linh-hồn đã hiệp cùng tính Đ. C. T. thành một Ngôi ; cho-nên đầy-đủ các ơn phước, gồm no mọi tài đức, thông thấu mọi sự, hiểu biết các sự kín-nhiệm trước sau. Chẳng phải học cùng ai, chẳng lầm lỗi điều gì ; như lời Kinh thánh rằng : *Người đầy-dẫy mọi sự phước, mọi sự chọn thật.*

Phần xác tốt-lành đẹp-dẽ, cực thanh cực thánh, chẳng có chút gì tật-nguyên, ti-tích bợn-nhơ ; vì là của rất châu-báu, Chúa Ngôi Hai đã chọn, để mà chuộc tội muôn dân, tế-lễ Đ. C. Cha muôn đời, cùng nên lương-thực thần linh nuôi ta, cho đặng nên thánh.

29 — H. — *Linh-hồn và xác Đ. C. G. chịu khổn-khó thể nào ?*

T. — Chịu từ khi Người sinh-ra cho đến chết ; mà bởi linh-hồn Người rất sắc-sảo, xác rất thanh-sạch, nên khi chịu thương-khó, thì biết đau-đớn hơn người thể thường bội phần. Như khi Người cầu-nguyện trong vườn Giết-sê-ma-ni, lo buồn sầu-não, đến đổi đổ mồ-hôi máu ròng-ròng. — Khi Người đã sống-lại rồi, dầu cũng còn một xác-thịt như trước mặc lòng, song đã ra thông suốt chói-loà, giống tính thiêng-liêng, nên chẳng còn chịu được sự gì khổn-khó nữa.

H. — *Linh-hồn và xác đã hiệp với tính cao trọng Đ. C. G., mà còn chịu khổn-khó sỉ-nhục, chẳng nhẹ thể Đ. C. G. sao ?*

T. — Kẻ cao-trọng, cực-chẳng-đã phải chịu khổn-khó sỉ-nhục vô-ích, mới là nhẹ thể. Còn khi tự ý chịu cho đặng ích trọng cho mình, cho thiên-hạ, thì chẳng nhẹ thể, mà lại thêm vang danh. Kia thánh hiền xưa nay thiếu

chi kẻ chịu gian-nan sỉ-nhục ; và bởi đó được danh-tiếng ngàn thu. — Như đời Nhà Thương, phải đại hạn bảy năm, vua Thang bởi lòng thương dân, nhận tội dân làm tội mình, liền hót tóc cắt móng, mang lột tranh làm hi sinh, tế-lễ cầu mưa. Ấy vua đã hạ mình xuống, làm loài súc-vật, mà quan dân đời ấy chỉ nhân đời nay, đều khen người là vua nhơn-hậu, vua thánh. Vậy Chúa Cứu-thế chịu gian-nan sỉ-nhục, là tự ý Người muốn chịu, cho được tỏ đức thương-yêu, phép công-thắng, lòng khoan-duông, gương nhin-nhục. Người có ý phạt tạ Đ. C. Cha cho xứng-đáng, cùng bỏ thường tội thiên-hạ, cho khỏi phạt, mà đặt phước đời-đời. Nào có thấy điều gì nhẹ thể cho Chúa sao ? Một thêm sáng danh Chúa, và phước trọng cho loài người mà-thôi.

30 — H. — *Trong ba ngày Người chịu chết thì hồn xác thế nào ?*

T. — Khi ấy linh-hồn lìa xác, xuống ngục tổ-tông viếng-thăm các thánh tổ-tông đương giam-cầm đó. Vì từ tạo thiên lập địa cho đến ngày ấy, ai có khỏi tội mình làm, cũng còn mắc tội tổ-tông, nên chưa được lên thiên-đàng.

Xác thì nằm trong mồ lổt-lươi nguyên-vẹn, chẳng hư-hao hôi-thúi chút nào sốt. Vì là xác rất thánh bởi tay Đ. C. Thánh Thần đã dựng nên, là bạn rất thanh-sạch chi-thiết Đ. C. Con ; là của lễ rất châu-báu đã thượng-tiến Đ. C. Cha ; cho-nên Đ. C. T. chẳng để cho của thánh Người phải hư-nát. — Còn tính Đ. C. T. Ngồi thứ Hai, hằng ở cùng linh-hồn và xác ấy luôn chẳng khi nào lìa-khỏi. Vậy đến giờ đã định, thì linh-hồn lại trở-về hiệp với xác mà sống-lại sáng-láng tốt-lành.

31 — H. — *Xác Chúa Cứu-thế có ở khắp mọi nơi chăng ?*

T. — Dầu khi đã sống-lại rồi, đã ra như thiên liêng mặc lòng, song hãy còn y tính loài người, là vật thọ sanh có cùng ; nên chẳng ở khắp mọi nơi như tính Đ. C. T. đặng. Vậy đâu Người muốn tỏ mình là Chúa Cứu-thế, thì mới có đó mà-thôi. Như bây-giờ ở trên thiên-đàng, và trong phép thánh Thề. Cũng như mặt-trời tuy soi-sáng khắp bầu thế-giới, nhưng-mà hình mặt-trời thì ở trên trời, và chiếu trong nơi bóng-láng : như trong mặt kính, dưới nước trong. Cũng một lẽ ấy, Chúa Cứu-thế về tính Đ. C. T., thì ở khắp mọi nơi ; về tính người-ta, thì ở có chỗ.

ĐOẠN THỨ III

VỀ ƠN CỨU THỰC

I — Đ. C. G. CỨU-CHUỘC THỀ NÀO ?

II — VIỆC CỨU-THỰC RẤT PHẢI LẼ.

III — NHỜ ƠN CỨU-THỰC THỀ NÀO ?

ĐIỀU THỨ NHẤT

Đ. C. G. CỨU-CHUỘC THỀ NÀO.

32 — H. — *Cứu-thực là làm sao ?*

T. — *Cứu* là làm cho ai khỏi nạn, khỏi chết ; *thực* là lấy tiền tài, hay là công-lực, mà mua lại cái gì đã mất. Vậy Cứu-thực nói đây, nghĩa là loài người ta, bởi mắc tội tổ-tông, mất ơn nghĩa Chúa, mất phước vô cùng, phải án phạt đời-đời, ra như đã chết, đã hư mất trước mặt Đ.

C. T., thì Chúa Giáng-sinh lấy mình mà cứu-chuộc loài ta cho khỏi tội, khỏi vạ, dặng nghĩa lại cùng Chúa.

H. — *Lấy mình mà chuộc, nghĩa là làm sao ?*

T. -- Người chịu nạn chịu chết trên cây thánh Giá, mà phạt tạ Đ. C. Cha, đền tội loài người, và lập công-nghiệp cho ta được phước đời đời. Cho nên trong việc Cứu-thực này có hai điều khác nhau : một là bồi-thường ; hai là công-nghiệp. Bồi thường chỉ phần phạt ; còn công-nghiệp chỉ phần thưởng.

33 — H. — *Bồi-thường là làm sao ?*

T. -- Là đền-bồi những điều ta mắc nợ : Giả như ta có phạm đến kẻ lớn, ắt là ta phải phạt tạ cho xứng, hay-là như người ấy có dành cho kẻ khác gánh việc phạt tạ thế ta mới xong. Chẳng vậy, ta còn mắc nợ đó, chưa khỏi được. Cũng một lẽ ấy, Chúa Cứu-thế gánh tội lỗi loài người, mà phạt tạ Đ C Cha cho cân-xứng, thì ta mới khỏi tội, khỏi hình phạt đáng chịu bởi tội mà ra. Như lời Kinh thánh dạy rằng : Người gánh tội thiên-hạ... Người chịu nát thịt vì tội chúng-ta.

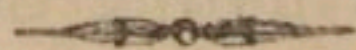
34 — H. — *Công-nghiệp là đi gì ?*

T. — Là giá đáng thưởng bởi việc lành mà ra. Như phạm tội có án phạt, thì làm lành cũng có công đáng thưởng. Vậy sự thương-khó Đ C G. chẳng những là đủ phạt tạ Đ C Cha., cho cân xứng tội loài người, cùng đền những hình phạt ta đáng chịu vì tội-lỗi ; mà lại có công vô cùng đáng phần thưởng đời-đời. Cho nên chẳng những là ta khỏi tội khỏi vạ, mà lại nhờ công vô-cùng ấy, thì dặng phước đời-đời. Như lời Kinh thánh dạy rằng : Người

chịu chết trên cây thánh Giá, cho những kẻ tin Người khỏi trầm-luân khổn-nạn, mà được sống vô-cùng. Ví dụ : đũa kia đói khát gần chết, vua cho nó một kho đầy của châu-báu, thì chẳng những nó đủ ăn, khỏi chết đói ; mà lại nên giàu có biết là chừng nào.

35 - H. — *Công-nghiệp vô cùng nghĩa là làm sao ?*

T. — Hễ việc lành càng lớn, càng nhiều, thì công-đức càng to, và chức kẻ làm càng trọng, thì công-nghiệp càng cao. *Thí dụ* : đũa hèn chịu khó vừa-vừa một chút, công cán chẳng bao nhiêu ; mà ông quan lớn chịu khó trăm bề, ắt là công trạng trời xa ngàn bức. Vậy đáng Cứu-thế bởi có tinh Đ C T. cao trọng vô cùng, và những sự Người làm Người chịu từ khi mới đầu thai, nhứt là khi chịu **nạn** chịu chết trên cây thánh Giá, thì nhiều vô số. Hình **khổ** rất dữ-dẫn độc-ác, sức loài người chịu chẳng nổi. Cho-nên các việc Người làm, mọi sự Người chịu, thấy đều có công-nghiệp vô-cùng. Bởi đó chẳng những là đủ cho cả loài người khỏi tội khỏi vạ, đáng ơn đáng phước vô-cùng ; mà lại dư dật vô-cùng nữa. Như lời Sách thánh dạy rằng : Tội lỗi thế-gian tuy đầy dẫy, mà ơn Chúa Cứu-thế càng đầy-dẫy hơn nữa..... Một hột máu Chúa, đã đủ rửa sạch tội-lỗi cả và thế-giới.



ĐIỀU THỨ HAI

VIỆC CỨU-THỰC RẤT PHẢI LẼ



36 — H. — *Loài người phạm đến Chúa, mà Chúa chịu thương khó bỏ-thương, sao cho phải lẽ ?*

T. — Chúa Cứu-thế có hai tính : tính Đ. C. T. chẳng chịu sự gì khốn-khó được ; có một tính người ta chịu nạn mà thôi. Vậy loài người phạm tội, mà cũng một loài người chịu khốn-khó bỏ-thường, thì chẳng có điều gì nghịch lý.

H. — *Nếu vậy sao rằng : Chúa chịu nạn chịu chết mà chuộc tội thiên-hạ ?*

T. — Việc chuộc tội có hai điều : một là công-nghiệp ; hai là giá vô-cùng.

Công-nghiệp thì bởi tính loài người ; còn giá vô-cùng, thì bởi tính Đ C T. ; cho nên việc chuộc tội muôn dân chẳng phải là một tính loài người làm đặng. Có một đấng có tính Đ. C. T. và có tính người ta mới đặng mà-thời. Bởi đấng Cứu-thế có tính Chúa, có tính người, hiệp nhau thành một Ngôi ; cho nên việc Người làm, Người chịu, phải kể là việc Chúa. Cũng như linh-hồn và xác hiệp thành con người-ta ; dầu việc đi, việc làm, là việc xác, thì cũng phải kể là việc người ta làm.

37 — H. — *Làm sao phải có công-nghiệp vô-cùng mới chuộc tội loài người đặng ?*

T. — Vì Đ C T. muốn phạt ta cho cân-xứng theo phép công-thẳng. Bởi loài người nghịch mạng Đ C T. nên đã phạm đến Người. Mà Đ C T. là đấng cao trọng vô-cùng, nên tội phạm đến Chúa ra nặng vô-cùng. Ví dụ : đưa hèn phạm đến kẻ càng lớn, tội càng thêm nặng, phạm đến đấng trọng vô-cùng, ắt tội cũng ra nặng vô-cùng. Vậy tội nặng vô-cùng, phải có công-trọng vô-cùng, mới phạt ta đền-bồi cân-xứng.

38 — H. — *Loài người phạm tội, hoặc Chúa bỏ đi,*

*dựng nên lớp khác ; hoặc tha, hay là phạt cũng được ;
nhơn sao phải xuống thế mà cứu-chuộc ?*

T. — Đã biết Đ C T. muốn sao nên vậy, chẳng có sự gì ngăn-trở đặng. Nhưng mà Chúa chẳng bỏ, chẳng tha, chẳng phạt ; một cứu-chuộc, để mà tỏ ra các tài đức, cho sáng danh Chúa, và cho loài người được nhờ, chẳng hay hơn sao ?

Thứ nhứt, Chúa chẳng bỏ, để mà tỏ ra phép-tắc khôn-ngoan vô-cùng. Vả chết làm cho sống, hư sửa lại nên, là đều rất khó ; vì vậy áo hư, ta phải bỏ, may cái mới, cây này chết, phải trồng cây khác. Vậy loài người chết, Chúa làm cho sống ; hư, Chúa sửa lại nên, thì biết phép-tắc là dường nào.

Vả bỏ đi mà lập loài mới, thì việc trước không thành, ra như thua mưu ma-quỉ. Vốn Chúa dựng nên loài người cho được thờ-phượng ngợi-khen Chúa, và hưởng phước đời-đời. Nhơn bởi ma-quỉ hại loài người, cho được phá việc Chúa, như Chúa bỏ đi, mà dựng loài khác, âu là ma-quỉ đặc ý.

Thứ hai, Chúa chẳng tha, chẳng phạt. Như tha hết, thì rạng đức nhơn từ lân-mẫn, song không thấy phép oai-nghiêm công-thắng ; và hoặc kẻ có tội càng đắc thế phạm tội hơn. Bằng phạt hết, thì tỏ ra phép oai-nghiêm công-thắng, song ai hầu thấy lòng khoan-duông nhơn-ái vô-cùng Chúa.

Vậy chẳng bỏ, chẳng tha, chẳng phạt, một giáng-sanh bổ-thục, thì tội cũng phạt xứng đức oai-nghiêm, đền đủ theo phép công-thắng, loài người khỏi tội được phước, càng tỏ ra đức nhơn-ái vô-cùng. Ấy việc Cứu-thục đã sáng danh Chúa, loài người được nhờ, ma-quỉ phải thua,

thật là việc khôn-ngoaan rất-mực, phép-tắc vô-cùng mà-chớ.

39 — H. — *Chúa muốn tỏ tài đức thể ấy, thì hoặc bắt mỗi người phạt tạ, bồi-thường ; hoặc sai thần thánh, chẳng hơn là Chúa phải chịu gian-nan mà chuộc sao ?*

T. — Chúa muốn tha nhưng-không cũng dặng ; nhưng mà ý Chúa muốn phạt tạ cân-xứng theo phép công-thắng, mới tha, thì chẳng thấy cách nào dền cho cân-xứng dặng.

Thứ nhứt, mọi người đều mắc tội tổ-tông, thành kẻ nguy-nghịch cùng Chúa, và mắc án phạt đời-đời ; ra như đã chết trước mặt Chúa rồi, chẳng còn lập được công-nghiệp dặng thưởng nữa. — Cũng như kẻ khởi nguy, đã bị án tử-hình, cầm trong tù, thì đã chết trước mặt nhà-nước rồi ; chẳng còn lập được công-trạng gì nữa, một đời ngày xử mà-thôi.

Mà cho như mọi người lập công-nghiệp còn được, thì cũng chẳng ích gì : vì tính người ta đã ra yếu-đuối, nghiêng-chiu về dặng trái ; càng sống lâu, càng thêm tội. Như Chúa đề mặc ý, thì chẳng mấy ai lo lập công dền tội. Bằng Chúa ép phải làm, thì việc làm thể ấy chẳng có công gì, vì chẳng phải là việc tự ý.

Cho dầu ai nấy sinh ra lo làm việc dền tội cho đến chết, thì sức loài người có cùng, chẳng thể lập công-nghiệp vô-cùng dặng, hầu chuộc khỏi án phạt vô-cùng.

Thứ hai, có sai dặng thánh nào hoặc mắc tội tổ-tông, hay là không.

Nếu mắc tội tổ-tông, thì dền một tội mình chưa dặng, hưởng chi tội kẻ khác. Bằng khỏi tội tổ-tông, thì chịu khó cũng chẳng được bao lắm, mà dền đủ tội cả và thiên-hạ ;

vì người ta sống có chừng, chịu khó có ngăn : khổ ít còn chịu được lâu, có cực hưng, liền chết.

Dầu cho sống lâu, chịu khổn mấy, thì những tội người ta phạm từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế, vô ngăn vô số, biết đâu cho hết mà đền. Giả như có biết hết, cũng chẳng lập công-nghiệp vô-cùng được, hầu đền cho cân-xứng.

Thứ ba, Thiên-thần là loài khác, không lẽ chịu phạt vì tội loài người. Giả-như cho dầu thai ra-đời, thì cũng là loài thọ sinh, lập công-nghiệp vô-cùng chẳng đặng, chẳng biết tội thiên-hạ là bao nhiêu, lại cũng không có sức chịu hình-khổ, mà đền cho xứng các tội cả và thiên-hạ.

Vả ơn Cứu-thực trọng hơn ơn sinh thành. Như Chúa để cho thiên-thần làm ơn cho người-ta, trọng hơn ơn Chúa, ắt là loài người sẽ yêu-mến thiên-thần hơn Chúa ; ấy là nghịch lý. Cho-nên dầu thần, thánh, dầu sức riêng mọi người cũng chẳng đủ đền tội cho cân-xứng. Có một mình Chúa Cứu-thế thông-minh vô-cùng, mới thấy hết tội-lỗi thiên-hạ ; hơn-từ vô-cùng, mới khấn chịu mọi sự gian-nan ; cao-trọng vô-cùng, mới lập được công-nghiệp vô-cùng, thì mới cứu-thực loài người đặng mà-thôi.

40 — H. — *Chúa Cứu-thế vô tội mà chịu phạt vì tội thiên-hạ, sao cho phải lẽ ?*

T. — Hễ là kẻ vô tội muốn linh-nguyên, và có sức phạt tạ cho xứng tội, mà đấng cầm quờn tha bắt đánh cho thế, thì đặng. *Thí dụ* : đưa kia phạm đến vua, nó chẳng còn thế gì phạt tạ cho xứng đặng ; nên vua ban phép cho kẻ khác phạt tạ cho cân-xứng thay vì nó. Có người thân hơn vô tội tình-nguyên chịu mọi sự thế cho nó, thì được, nào có đều gì nghịch lý.

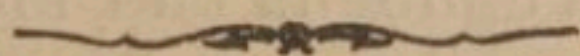
Vậy Đ C T. là vua cả cầm quờn thưởng phạt, thấy loài người không đủ sức phạt tạ bồi-thường cho xứng tội đã phạm đến Chúa, thì Ngôi Hai bồi thương-xót, tình-nguyên xuống thế mặc lấy tính loài người, chịu thương-khó mà phạt tạ bồi-thường cho cân-xứng ; mà Đ C Cha đã đành, nên cho Ngôi Hai xuống thế được, mà chẳng có điều gì nghịch lý.

Vả một ông nguyên-tổ làm cho cả và thiên-hạ mắc tội, thì Chúa dùng một Đấng Tái-tổ mà cứu cả và thiên-hạ khỏi tội ; ấy thật là đều rất xứng đối, rất phải lẽ.



ĐIỀU THỨ BA

NHỜ ƠN CỨU-THỰC THỂ NÀO ?



41 — H. — *Nhờ ơn Cứu-thực thì ta được sự gì ?*

T. — 1) Được khỏi tội tổ-tông, khỏi chết vô-cùng, khỏi làm tội ma-quỉ. Cho nên được sống lại phần hồn, được thẳng ma quỉ.

2) Khỏi các tội mình làm. Vì tội riêng ta cũng làm nghịch cùng Chúa, phải án phạt đời đời, cùng làm tội ma quỉ.

Vậy chính ý Cứu-thực, là cho loài người được rồi ; song giả như khỏi tội tổ-tông, mà chẳng khỏi tội mình làm, thì lẽ nào rồi dặng. Cho nên Chúa chuộc hết các thứ tội, chẳng trừ tội nào, thì loài người mới rồi dặng. Như lời ông thánh Phao-lô dạy rằng : Chúa Kirixitô đã phú mình mà chuộc ta cho khỏi mọi tội-lỗi.

3) Được hoà lại cùng Chúa. Vì Đ C G. chịu nạn chịu chết, chẳng phải là bồi-thường tội ta mà thôi ; mà lại làm

của lễ cực cao cực trọng, rất đẹp lòng Đ C Cha, cho ta được hoà lại cùng Chúa, hầu đáng chịu lấy các ơn lành đời này và đời sau.

4) Đặt mọi ơn cần-kíp phần hồn phần xác, cho ta được rồi linh-hồn, và nên thánh. Vì chẳng phải là cứu ta cho khỏi tội, mà lại cho ta được phước thiên-đàng. Cho nên ban đủ các phương-phép, cho ta được sự ấy.

5) Ngày tận thế xác ta được sống lại sáng láng tốt-lành. Vì Chúa đã cho tính loài người hiệp với tính Chúa, làm Tái-tổ, là đầu cả và thiên-hạ, mà làm cho đầu ấy sống lại tốt-lành sáng láng, thì các phần thân thể cũng được sống lại làm một với đầu mà chớ.

42 — H. — *Chúa có chuộc ta cho khỏi những sự khốn khó đời này chăng ?*

T. — Chẳng, một chuộc ta cho khỏi hoạn nạn vô-cùng mà thôi. Vì những sự gian-nan đời này, vốn cũng là hình phạt bởi tội mà ra, nhưng mà cũng làm ích cho ta nhiều bề ; lại chóng qua chóng hết, chẳng bao lâu. Bởi đó Chúa để cho ta chịu :

Một là, cho được nhớ tội tổ-tông mà biết ơn Cứu-thực.

Hai là, cho dặng học-đời gương Chúa, mà đền tội lập công.

Ba là, nên như chiến trường để tập luyện, mà thử kẻ lành, nên hình khổ mà phạt kẻ dữ ít nhiều.

Bốn là, cho ta khỏi để lòng dính-bén thế-gian này.

43 — H. — *Chúa chuộc tội cho hết mọi người chăng ?*

T. — Chuộc hết mọi người, từ tạo thiên lập địa cho đến tận thế, chẳng trừ ai ; làm vậy mới xứng đức nhơn-

ái vô-cùng Chúa. Như lời ông thánh Phao-lô rằng : Bởi một ông nguyên-tổ thì mọi người phải chết ; cũng một lẽ ấy, bởi một Chúa Giêsu Kirixitô, thì mọi người được sống. Toà công-đồng Tridêntinô dạy rằng : Chúa Kirixitô đã lấy máu mình mà chuộc tội ta, chẳng phải là chuộc chúng ta mà thôi, song chuộc hết mọi người cả và thế-giải.

Vả cho được nhờ ơn Cứu-thực, phải có lòng tin, cậy, kính-mến. Giả như người thì Chúa cứu-thực, người thì không, ắt là ai biết đặng có chuộc mình hay không, hầu đem lòng tin, cậy, kính-mến cho vững-vàng ? Vậy ơn tái tạo rất trọng rất cần cho mọi người đặng rồi, chẳng lẽ Chúa làm không trọn, để ta nghi nan bối rối, mất nhờ ơn trọng dường ấy. Cho nên Chúa chuộc hết mọi người thì mới phải.

44 — H. — *Chúa mới chịu nạn đời trung-cổ mà chuộc những người thượng cổ làm sao đặng ?*

T. — Ơn Cứu-thực chẳng khác chi mặt-trời đứng ngọ, đều soi tới phía đông, phía tây trên mặt đất này.

Vốn khi nguyên-tổ vừa phạm tội đoạn, Đ. C. T. đã phán-bảo cho biết ngày sau có Chúa ra-đời cứu-chuộc. Sau Chúa dạy các thánh tiên-tri chép các điều chỉ Chúa Cứu-thế vào Sách thánh, để lưu-truyền cho thiên-hạ biết ; cùng ban đủ ơn đủ sức cho người-ta được nhờ ơn cứu-chuộc. Cho-nên những người đời thượng-cổ, cứ lời tổ-phụ di-truyền, và coi trong Sấm-ký, đã biết đời sau có Chúa ra-đời cứu-thực. Vậy ai tin-kính cậy-trông, giữ đủ điều cho đặng nhờ ơn trọng ấy, thì đến kỳ Chúa chịu nạn huân tất, đều được nhờ ơn cứu-chuộc, và theo Chúa Cứu-thế mà lên thiên-đàng.

45 — H. — *Đã rằng : Chuộc hết mọi người, sao nhiều người không được rồi, mà lại phải phạt ?*

T. — Việc cứu-chuộc là ơn ; vậy ai chẳng biết dùng, thì chẳng được nhờ. Cũng như Chúa dựng-nên của ăn của uống cho mọi người đủ sống ; giả-như có kẻ chẳng thêm ăn uống, tự-nhiên phải chết, ắt là tại nó. Há rằng : Đ. C. T. chẳng sắm đủ cho nó sống sao ? Đã hay rằng : Chuộc hết mọi người, mà Chúa chẳng cho nhờ ơn trọng ấy nhưng-không, một dạ phải chịu phép bí-tích, phải ăn-năn chừa-cải, đền tội lập công, mới được nhờ. Ví dụ : kẻ mắc án tử-hình, vua ân tứ cho đái tội lập công ; hoặc khai phá đồng-điền, hoặc đi tiền quân hiệu lực, rồi mới được thông-dong, hay-là phục chức. Vậy nó có làm y lệnh, mới được ơn tha-thứ ; bằng chẳng tuân, dầu có ân-tứ, nó cũng phải tử hình.

H. — *Nếu vậy ơn Cứu-thực chưa trọn, còn phải đợi việc riêng ta nhập vào mới thành sao ?*

T. — Ơn Cứu-thực đã trọn, mà nhờ ơn ấy là chính việc ta. Như lời ông thánh Augutinô rằng : « Chúa dựng-nên mây, chẳng có công mây ; nhưng-mà chẳng có công mây thì Chúa chẳng cho mây rồi. » Giả như ai cho ta ruộng đất giống má nhiều ; ta có làm vừa sức, đủ giàu sang phú-qui. Mà bởi mình không thêm cày cấy gieo-trồng, nên nghèo-nàn đói rách ; thật là tại mình lỗi bòn-phận. Nào dám nói việc kẻ cho chưa trọn chưa thành sao ? Cũng một lẽ ấy, công cứu-chuộc chẳng những là đủ là trọn cho mọi người được rồi ; mà lại dư-dật ngàn trùng. Mà mình chẳng nhờ được, thì tại lỗi bòn-phận mà-thôi.

46 — H. — *Chúa Cứu-thế đã đền đủ, lẽ gì còn buộc ta phải làm nhiều điều, mới khỏi tội, mới đặng rồi ?*

T. — Tuy rằng Chúa Cứu-thế đền đủ cho mọi người khỏi tội, được phước ; nhưng-mà ta có bổn-phận riêng phải làm ; có làm trọn, mới xứng đáng làm người, mới nhờ được ơn ấy. Vì chưng :

1^o — Cứ phép công, hễ tội đâu, thì vạ đó. Ví dầu có kẻ khác chịu thế, thì kẻ có tội cũng phải chịu ít nhiều vạ sức, mới phải lẽ.

2^o — Như khỏi lo cái dữ về lành, mà được rồi, thì dứa dữ được thế, càng phạm tội hơn nữa. Kìa nhà-nước có ngũ hình nghiêm phạt, mà hiếm chi kẻ phạm hằng ngày. Như bãi hết các hình phạt, thì làm sao ?

3^o — Chẳng tin cậy kính-mến, chẳng thờ-phượng tạ ơn Chúa, ấy là người bất-trung bất-hiếu, bội-ngãi vong-ơn ; nên không lẽ Chúa cho nó nhờ ơn Cứu-thực như kẻ làm tội ngay con thảo.

4^o — Việc thờ Chúa, yêu người, làm lành lánh dữ, là chính bổn-phận loài người, là chính ý Chúa đã dựng-nên ta ; nên không có thể chuần cho ta khỏi các việc ấy.

5^o — Có đồng công, mới đồng phước ; Chúa Cứu-thế là đầu, ta là các phần thân-thể ; vậy thân-thể nào chẳng thông phần khổ với đầu, ắt cũng chẳng thông phần phước với đầu nữa.

6^o — Có tội thì phải lo phương mới khỏi, chẳng lẽ thông-dong vô sự mà khỏi dặng. Cũng như kẻ mắc bệnh phải lo tìm thuốc. Vậy Chúa Cứu-thế lập cho ta một phương rất linh-nghiệm, rất dễ, là phép bí-tích : ấy là chính lý.

7^o — Ơn Cứu-thực, là cho được phần thưởng vô-cùng trên thiên-đàng ; mà Chúa công-bình vô-cùng, không muốn thưởng kẻ có thể lập công được, mà chẳng thêm lập công linh chút nào.

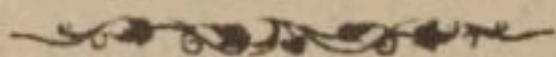
8^o — Cứu-thực là ơn rất trọng, mà ơn càng trọng, càng phải chịu khó mới được nhờ. Cũng như đời này, ai muốn quờn cao lộc cả, phải gia công phò vua giúp nước mới dặng.

47 — H. — *Phải làm thế nào cho dặng nhờ ơn Cứu-thực ?*

T. — Một là, phải tin và chịu phép bí-tích. Vì có lời Đ. C. G. dạy rằng : *Ai tin và chịu phép Rửa tội thì sẽ dặng rồi.*

Hai là, phải vâng-giữ mọi sự Chúa đã dạy và Hội-thánh truyền, vì có lời Đ. C. G. đã phán rằng : *Mày muốn dặng sống đời-đời thì hãy giữ điều răn Đ. C. T.... Ai nghe bay ấy là nghe Tao.*

Ba là, phải thật lòng giữ đạo Chúa bền-đồ cho đến chết, vì Đ. C. G. dạy rằng : *Ai bền-đồ cho đến cùng thì mới dặng rồi.*



Lời tóm kết

48 — H. — *Ta phải làm gì mà tạ ơn Đ. C. G. cho xứng đáng ?*

T. — 1^o — Ta phải dâng trót mình mà thờ-phượng Đ. C. G. trên hết mọi sự, vì Người là Chúa đã dựng-nên ta, lại chuộc lấy ta : nên trót mình ta phải thuộc-về Người.

2^o — Phải tạ ơn Người hết lòng hết sức. Vì đã cứu ta cho khỏi chết đời-đời, mà lại được phần vinh-hiến muôn đời.

3^o — Phải yêu-mến Người chí-thiết, vì Người đã thương ta đến đổi chẳng nệ chịu gian-nan, chịu chết tất-tưởi sỉ-nhục vì ta đường ấy.

4^o — Phải noi theo chơn Người, vì Người là chính đàng, là sự thật, là phần rỗi ta, cùng là gương mọi nhơn-đức.

5^o — Phải bền lòng trông-cậy Người. Vì thuở ta chưa có công gì, mà Người đã thương, đến đổi chịu chết cho ta đặng sống, huống-lựa rày ta thờ-phượng kính-mến Người.

6^o — Ta hằng cao-rao, ước-trông, và khẩn-cầu cho muôn dân thiên-hạ đều nhìn-biết công ơn cứu-chuộc, mà thờ-phượng ngợi-khen Người đời-đời chẳng cùng.

Sau hết ta dốc một lòng, gấn công ra sức đền ơn trả nghĩa Chúa, vì đã thương-yêu ta dường ấy.

ĐOẠN THỨ IV

GIẢNG VỀ RẤT THÁNH Đ. BÀ MARIA

49 — H. — Rất thánh Đức Bà Maria là đấng nào ?

T. — Là đấng Đ C T. đã chọn làm Mẹ ; cùng ban đầy-dẫy mọi ơn phước ; đã giúp việc Chúa Kirixitô cứu-chuộc thiên-hạ ; đã đặng phước-lộc, quờn-tước rất cao-trọng trên thiên-đàng, cùng bảo-hộ nhơn dân dưới thế. Nên ta phải kính-thờ Người. Đây giải lược qua năm điều này :

I — Về chức làm Mẹ Chúa Trời.

II — Về ơn phước Đức Mẹ.

III — Về việc đồng công cứu-chuộc.

IV — Về phước-lộc, quờn-tước Đức Mẹ.

V — Về cách thờ kính Đức Mẹ.

ĐIỀU THỨ NHẤT

VỀ SỰ LÀM MẸ Đ. C. T.

50 — H. — *Làm sao kêu Đức Nữ Maria là mẹ Đ C T. ?*

T. — Bởi Ngôi Hai xuống thế làm người, đã mặc-lấy máu thịt trong lòng rất thánh Nữ đồng-trình Maria, chịu thai, chịu sinh-ra, chịu nuôi-dưỡng, mà làm Chúa Cứu-thế ; cho-nên Người thật là Mẹ Chúa Cứu-thế. Mà Chúa Cứu-thế là Đ C T. thật ; cho-nên Mẹ Người là Mẹ Đ C T. Ấy là điều Hội-thánh dạy phải tin, như lời trong kinh TIN-KINH rằng : *Tôi lại tin kinh Con một Đ C Cha là Đ C G. Kirixitô là Chúa chúng-tôi... sinh bởi Bà Maria đồng-trình.* Kinh KÍNH-MÀNG rằng : *Thánh Maria Đ. Mẹ Chúa Trời.....*

51 — H. — *Chức làm Mẹ Chúa Trời là chức thể nào ?*

T. — Là chức trọng-vọng quá trí loài người, nên chẳng biết lấy lời gì mà ngợi-khen cho xứng-dáng. Vì một là, đã cứu-mang, sinh-dưỡng Đấng tạo thành muôn vật.

HAI là, Chúa cao-trọng vô-cùng đã hạ mình xuống vàng-phục kinh-yêu Người, như con thảo kính-phục mẹ lành.

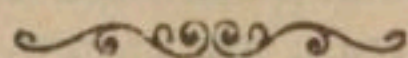
BA là, Chúa Cứu-thế đã lấy xác bởi máu thịt lòng Người, làm của lễ châu-báu vô giá, mà tế lễ Đ C Cha, cho thiên-hạ khỏi tội, đặng phước vô-cùng.

BỐN là, Người đã nên thân-nghĩa chí-thiết cùng Đ C Cha và Đ. C. Thánh Thần.

NĂM là, bởi đó đặng làm Nữ vương quản-trị mọi loài trên trời dưới đất.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ ƠN PHƯỚC ĐỨC MẸ



52 — H. — *Ơn phước Đức Mẹ thế nào ?*

T. — Ơn phước Đức Mẹ đã đặng, thì quá trí khôn-lường, không miệng lưỡi nào nói cho xiết. Đây kể một ít đều đại-cái mà-thời.

Từ khi mới dầu thai, thì chẳng hề mắc tội tổ-tông ; cùng đầy-dẫy mọi ơn thánh. Cả đời Người chẳng hề phạm một tội gì dầu nặng dầu nhẹ ; chẳng phải mắc tình tư dục như người thế thường ; mà hằng trọn mình đồng-trình sạch sẽ.

53 — H. — *Có lẽ nào cho ta biết Đức Bà chẳng hề mắc tội tổ-tông chẳng ?*

T. — Có : Một là, Toà-thánh dạy phải tin, phạt kẻ bất-khẳng chẳng tin đều ấy ; cùng đã lập kinh lập lễ trọng-kính Đ. Bà chẳng hề mắc tội tổ-tông hằng năm ; lại ban sắc-chỉ cho nhiều dòng, nhiều nhà-thờ, đặt Đ. Bà chẳng hề mắc tội tổ-tông làm bõn-mạng.

Hai là, Các thánh Sư, các giáo-hữu khắp mọi nơi, xưa nay đều tin, đều dạy như vậy.

Ba là, từ khi Toà-thánh hạ sắc-chỉ dạy phải tin Đ. Bà chẳng hề mắc tội tổ-tông, thì giáo-hữu khắp miền thế-giới càng thêm tin-kính ngợi-khen Đ. Mẹ Chúa Trời hơn nữa. Đoạn cách bốn năm, Đ. Mẹ hiện-ra tại thành Lộ-đức, mà xưng mình chẳng hề mắc tội tổ-tông, cùng ban nhiều ơn rất lạ cho muôn vàn kẻ trông cậy Người ; như thấy trong sách Lộ-đức.

Bốn là, như xét theo lẽ thường, thì cũng dễ hiểu, vì ý nào Đ C T. gìn-giữ Đức Mẹ cho khỏi mắc tội tổ-tông truyền.

1. — Đ C T. chọn ai lên bậc nào, thì ban tài-đức cho xứng theo bậc ấy. Vậy Đ C T. đã chọn Đức Nữ Maria làm Mẹ Chúa Cứu-thế, là đáng rất thánh, rất thanh-sạch vô-cùng. Ất là cũng ban ơn riêng cho Đức Mẹ chẳng hề vướng-vấn tội tổ-tông khi nào, mới xứng chức phẩm ấy.

2. — Đ C T. chẳng gồm sự gì cho bằng gồm tội, và chẳng đáng nào Chúa yêu-vì cho bằng Mẹ Người. Ất là chẳng ai dám đoán cho Chúa để Mẹ rất yêu-dấu, mắc phải bợn-nhơ ấy bao-giờ

3. — Ông thánh Gioan-Baotixita làm tiên-hô Chúa Cứu-thế, mà Chúa còn ban ơn riêng cho khỏi tội tổ-tông trong lòng mẹ. Huống-chi Đức Mẹ là đáng đồng công cứu-thế cùng Chúa, mà Chúa để cho Người mắc tội chung như thiên-hạ sao !

4. — Chúa ra đời có ý tẩy-trừ tội tổ-tông, tiêu-diệt phép ma-quỉ ; ầu là Chúa chẳng chịu mặc tính loài người bởi máu thịt kẻ đã mắc tội tổ-tông, đã ở dưới phép ma-quỉ. Vì hề mắc tội tổ-tông giây phút nào, thì ở dưới phép ma-quỉ giây phút nấy. Vì vậy Chúa ban ơn riêng cho Đức Mẹ chẳng khi nào lâm-phải tội ấy, mới phải. Như lời Chúa đã phán quở ma-quỉ xưa rằng : *Ngày sau sẽ có người Nữ giày-đạp đầu mày mà-chớ.*

5. — Đức Bà đãặng gồm no mọi phước, như lời thiên-thần Gabirie khi truyền tin chào mừng Đức Mẹ rằng : *Kính mừng Maria đầy ơn phước.* Vậy ơn chẳng hề mắc tội tổ-tông, là ơn rất trọng, rất xứng-đáng làm Mẹ Chúa Trời, ắt là Đ C T. đã ban cho Đức Mẹ. Giả-như thiếu ơn ấy, thì chẳng kêu là đầy mọi ơn phước đặng.

54 — H. — *Đầy ơn phước nghĩa là làm sao ?*

T. — *Biển cả đầy-dẫy nước thế nào, thì Đức Mẹ đầy-dẫy ơn thánh như vậy.*

Vì : Một là, hễ càng thương-yêu, thì càng cho nhiều. Vậy từ trước vô cùng, Chúa đã chọn Người làm Mẹ ; ắt là Chúa đã thương-yêu Mẹ mình trên hết các loài thọ sanh. Cho-nên chẳng có ơn nào Đức Mẹ có thể chịu đặng, mà Chúa chẳng ban cho Mẹ yêu-dấu mình. Dầu gộp mọi ơn phước Chúa đã ban cho các loài thọ sanh, cũng chẳng bằng ơn phước Chúa đã ban cho một mình Đức Mẹ.

Hai là, Đức Mẹ đã cru-mang Chúa Cứu-thế, là chính mạch mọi ơn thánh ; cho-nên Đức Mẹ đặng đầy-dẫy mọi ơn thánh.

Ba là, Chúa chọn lên bậc càng cao-trọng, thì càng ban ơn cho xứng-dáng chức quờn ấy. Vậy chức làm Mẹ Đ C T. là chức cao-trọng quá phẩm, quờn Nữ Vương cai-trị trời đất, là quờn cao khôn sánh ; cho-nên ban ơn phước vô ngần, mới xứng chức quờn ấy. Vậy ta chẳng biết lấy lời gì mà ngợi-khen ơn phước Đức Mẹ cho xiết, một mượn lời thiên-thần, mà tung-hô rằng : *Kính mừng Maria đầy ơn phước.*

55 — H. — *Cả đời Đức Mẹ có phạm tội gì chẳng ?*

T. — *Chẳng hề phạm một tội nào nặng hay là nhẹ bao-giờ. Như lời Kinh thánh hát mừng rằng : Đức Mẹ lốt lành toàn hảo, chẳng chút bợn nhơ. Công-đồng Tridentinô đã luận rằng : « Hội thánh hằng tin thật Đ. Bà dặng ơn riêng, trót đời chẳng hề phạm một tội nhẹ nào. »*

Lại cứ lý thì cũng hiểu được điều ấy :

1. — *Tội nhẹ sánh cùng tội nặng, thì kêu rằng nhẹ,*

song cũng là đều rất xấu trước mặt Đ C T ; cho-nên chẳng xứng đáng cho chức phẩm làm Mẹ Chúa Trời.

2. — Chúa đã cho Đức Mẹ đồng công chuộc tội thiên hạ ; nên chẳng lẽ gì mình mắc tội, mà cứu kẻ khác khỏi được. Cũng như kẻ chẳng sa hầm, mới có thể cứu kẻ dưới hầm đang.

3. — Lẽ thường con sang, cha mẹ cũng sang ; cha mẹ vinh-hiễn, con càng vinh-hiễn. Vậy Đức Chúa Con là Chúa cao-trọng phép tắc vô-cùng ; nên không lẽ Chúa để Mẹ yêu-dấu mình phạm tội bao-giờ.

4. — Phạm tội, hoặc bởi tính yếu-đuối, hoặc bởi lầm-lạc, hay là tình dục. Nhưng mà Đức Mẹ chẳng hề mắc tội tổ-tông, nên chẳng hề mắc phải các tính xấu ấy ; mà lại Người đang đầy đầy mọi ơn phước, nên chẳng hề lầm-lạc. Bởi đó nên chẳng hề khi nào phạm tội.

56 H. — Đức Bà trọn đời đồng-trình là làm sao ?

T. — Là khi chịu thai, sinh-đẻ, và trót đời hằng đồng-trình sạch-sẽ. Ấy là điều Hội-thánh truyền dạy, các thánh hiền, các bôn đạo xưa nay đều tin thật như vậy. Như trong kinh TIN KINH rằng : « Tôi lại tin kinh Con một Đ C Cha là Đ C G. Kirixitô : sinh bởi Bà Maria đồng-trình. »

Thứ nhứt, khi Người chịu thai Con Đ C T., thì bởi phép Đ C T T., chẳng như thói thường người thế ; cho-nên khi chịu thai cùng-sinh-đẻ, hãy còn trọn mình đồng-trình sạch-sẽ. Ví như yển sáng mặt-trời thấu qua cửa kính thủy-tinh, thấu vào trong nhà ; dầu yển sáng vào ra, thì mặt kính cũng còn tinh-hảo toàn-vẹn, chẳng hề bớt chút nào, mà lại thêm sáng chói hơn nữa. Cũng một lẽ ấy, Chúa Cứu-thế là sự sáng thật trên trời dưới đất, Đức Mẹ trong sạch như thủy-tinh ; cho-nên dầu khi dầu

thai, dầu khi sinh ra, chẳng làm cho Đức Mẹ mất phước đồng-trình ; mà lại làm cho đức trinh-khiết Đức Mẹ tinh-hảo chói-loà hơn nữa.

Thứ hai, từ khi sinh Chúa Cứu-thế cho đến trót đời, hằng trọn mình đồng trình vẹn sạch.

1. — Kêu Đ C G. Con một Đức Mẹ, thì đã rõ Đức Mẹ chẳng có con nào khác nữa.

2. — Đức Mẹ đã khẩn-giữ mình đồng-trình. Vì vậy khi thiên-thần truyền tin cho Người chịu thai Con Đ C T., thì Người thà mất chức làm Mẹ Chúa Trời, chẳng thà mất phước đồng trình, nên thưa rằng : Có lẽ nào đặng, vì tôi chẳng biết đến người nam. Vậy hồi chưa có chức làm Mẹ Đ C T., còn chuộng đức đồng-trình thể ấy ; hướng-chi khi đã cưu-mang Đấng rất thanh rất sạch, đã đặng chức làm Mẹ Đ C T., làm Nữ-vương các thánh đồng-trình.

3. — Ông thánh Giuse là thánh cả, đã biết Đức Mẹ khẩn giữ mình trinh-tiết, đã làm Mẹ Đức Chúa Con, đã nên bạn thanh sạch Đức Chúa Cha, nên ngai Đ C T T. ngự ; ắt là người phải giữ đức đồng-trình cho Đức Mẹ.

ĐIỀU THỨ BA

VỀ SỰ ĐỒNG CÔNG CỨU CHUỘC

57 — H. — Đức Mẹ đồng công cứu-chuộc là làm sao ?

T. — Một là, Người đành lòng chịu thương khó ngày sau, nên đã chịu làm Mẹ Chúa Cứu-thế.

Hai là, dâng Con mình mà chuộc tội cho thiên-hạ.

Ba là, đã chịu thương khó làm một cùng Con.

58 — H. — *Đành lòng chịu thương khó ngày sau, nghĩa là làm sao ?*

T. — Thứ nhất, dầu Đ C T. đã chọn Người làm Mẹ từ trước vô cùng, nhưng-mà Chúa đề tự ý Đức Mẹ có đành Chúa mới xuống thai. Cho-nên Chúa sai thiên-thần truyền-tin, cùng đợi Đức Mẹ tỏ lời ưng-thuận, đoạn Ngồi Hai mới xuống thai trong lòng Người. Ấu là Chúa định làm vậy, cho xứng đối việc tổ-lông : xưa Evà tự thuận theo lời ma-quỉ dỗ-dành, nghịch mạng Chúa, mà gia hại thế-gian ; rày Đức Mẹ ưng theo lời thiên-thần truyền lệnh Chúa, mà chữa thiên-hạ.

Thứ hai, cứ theo phép phải giữ trong việc giao-ước, thì khi truyền tin, phải tỏ cho Đức Mẹ biết các sự khốn khó ngày sau phải chịu làm một cùng Con mình trong việc chuộc tội. Giả như Đức Mẹ chẳng chịu làm Mẹ Chúa Cứu-thế, thì chẳng hề phải chịu các sự khốn khó ấy bao-giờ. Mà bởi Người đã cam lòng chịu khốn-khó ngày sau, cho-nên đã đành lòng làm Mẹ Chúa Cứu-thế.

59 — H. — *Dâng Con mình mà cứu chuộc là làm sao ?*

T. — Thứ nhất, Đức Mẹ đã biết Chúa ra đời lấy mình làm của tế-lễ Đ C Cha, mà bỏ-thường tội thiên-hạ. Mà Người chịu làm Mẹ Chúa Cứu-thế, thì máu thịt Chúa Cứu-thế là máu thịt Người : ấy là Người dâng máu thịt mình cho Chúa lấy mà làm việc cứu-chuộc. Chẳng những dâng hồi chịu thai, mà lại cưu-mang, nuôi-dưỡng, gìn-giữ cho đến khi chịu nạn chịu chết.

Thứ hai, Chúa Cứu-thế tuy là Chúa, mà thật là Con Đức Mẹ. Dầu Chúa đã chỉ định xuống thế cứu dân, nhưng mà Đức Mẹ đành lòng cho Con mình chịu nạn chịu chết ; ấy là dâng Con mình chuộc tội thiên-hạ. Ví-dụ : Chúa

tiền định cho ta giúp việc Chúa ; mà cha mẹ đành cho ta đi giúp, ắt là cha mẹ cũng dâng công dâng con mình cho Chúa.

60 — H. — Đức Mẹ đồng chịu thương khó thế nào ?

T. — 1. — Từ khi mới sinh Chúa Cứu-thế, cho đến khi chịu nạn, thì Đức Mẹ hằng suy, hằng nhớ các sự khốn-khó Con mình sẽ chịu vì tội-lỗi thiên-hạ. Cho-nên hằng đau đớn xót xa trong lòng, chẳng khác chi như thấy Con rất yêu-dấu đương chịu thương khó vậy. Vì Chúa đã cho Đức Mẹ biết trước các sự ấy, như đã giải trên. Lại trong 33 năm Đ C G. cũng chịu nhiều nỗi gian-nan, thì Đức Mẹ cũng đồng chịu cùng Con.

2. — Chính ngày Đ C G. chịu nạn chịu đóng đinh, chịu chết, mà Đức Mẹ đứng kề xem Con yêu-dấu, thì biết đau-đớn là trùng nào ! Kia trời đất, núi đá, vật vô tâm vô tri, còn ưu-phiền sầu-não thương-tiết Chúa, phương chi Đức Mẹ là nữ đồng-trình, là Mẹ có một Con yêu-dấu hết lòng hết sức, thì biết chịu thương khó là ngần-nào ! Cho-nên trong kinh rằng : Đức Mẹ khốn khó hơn các thánh trí-mạng ngàn trùng.

3. — Từ khi mất Con cho đến chết, Đức Mẹ chẳng còn thấy Con yêu-dấu ở cùng mình, thì hằng nhớ, hằng suy thấy các sự gian-nan, tất-tưởi Con mình đã chịu ; chẳng khác gì khi đứng kề thánh Giá thấy dựng treo Con ; cho-nên Đức Mẹ đồng chịu thương khó cùng Chúa chẳng khi dừng. Ấy là sức riêng Chúa ban, để cho Người đồng chịu thương khó cùng Chúa, mới chịu nỗi như vậy.

61 — H. — Một mình Chúa Cứu-thế chuộc tội chẳng đủ sao, mà phải có Đức Mẹ đồng công ?

T. — Vốn thật có một mình Đ. C. G. là chính Đấng Cứu-chuộc thiên-hạ, ai-ai đều phải nhờ công-nghiệp vô-cùng một mình Người, mới đặng rồi mà-thôi. Lại công-nghiệp một mình Chúa Cứu-thế chẳng những đủ chuộc cả-và thiên-hạ, mà lại dư-dật ngàn trùng.

Nhưng-mà Chúa để cho Đức Mẹ đồng công cứu-chuộc : 1 là), Cho Đức Mẹ đặng công cao trước mặt Đ. C. T., cùng ơn trọng với người thế.

2 là), Cho xứng-dáng chức Nữ-vương cai-trị trời đất; vì càng cao danh vọng, càng dày gian-nan.

3 là), Cho ma-quỉ càng thêm xấu-hổ ; vì chẳng những thua một mình Chúa, mà lại thua một người nữ yếu-duối.

4 là), Cho xứng đối việc loài người : xưa bị một người nữ mở đảng, mà muôn dân phải khốn ; rày nhờ một người nữ giúp, mà muôn dân khỏi nạn.

ĐIỀU THỨ BỐN

VỀ PHƯỚC-LỘC QUỜN-TƯỚC ĐỨC MẸ.

62 — H. — *Phước-lộc quờn-tước Đ. Mẹ là làm sao ?*

T. — Đến kỳ đã định, thì Chúa rước linh-hồn và xác Đức Mẹ về nước thiên-đàng ; ban mũ triều-thiên chói-loà rực-rỡ hơn hết các thần thánh ; phong quờn Nữ Vương cai-trị trời đất muôn vật ; cùng làm Mẹ bầu-chữa các giáo-nhơn dưới thế. Ấy là điều Hội-thánh đã truyền, các thánh đã dạy, các giáo-nhơn xưa nay đều tin như vậy.

63 — H. — *Khi nào Chúa mời rước Đức Mẹ lên trời ?*

T. — Cứ theo lời truyền, Chúa ngự về trời, còn để

Đức Mẹ ở lại thế-gian độ mười lăm năm nữa, mà dạy-dỗ an-ủi các giáo-nhơn. Khi Đức Mẹ biết đã gần giờ đặng hiệp cùng Chúa, nên ước-ao trông-mong quá sức. Linh-hồn lìa xác mà qua-đời, tại nhà ông thánh Gioan tông-đồ, thành Giêrusalem. Các thánh Tông-đồ, các giáo-nhơn táng xác Người trong mồ đá, tại vườn Giếtsemani. Trong ba ngày ba đêm ấy, nghe trên không, có tiếng thiên-thần ca-ngợi hát châu. Đến ngày thứ ba vắng nghe tiếng hát, các thánh Tông-đồ mở mồ ra coi, chẳng còn xác Đức Mẹ, thấy những khăn liệm mà-thôi ; cũng một cách như xác Đức Chúa Giêsu đã sống-lại xưa. Đoạn Chúa soi cho biết Đức Chúa Con, và các thần thánh đã rước linh-hồn và xác rất thánh Đức Mẹ ngự về trời. Bởi đó Hội-thánh lập lễ kính Đ. Bà Mông triệu thăng thiên, tại ngày 15, tháng 8 tây, mà nhắc lại sự Chúa rước linh-hồn và xác Đức Mẹ lên trời.

64 — H. — Sao mà Chúa cho xác thánh Đức Mẹ sống-lại thăng thiên hưởng phúc trước hết loài người ?

T. — Thứ nhứt. — Người đã đặng chức làm Mẹ Đ C T., nên cũng đặng ơn rất trọng khác thường thiên-hạ.

Thứ hai. — Nhơn-đức công-nghiệp hơn hết các vị thần thánh, nên Chúa thưởng Người cách riêng.

Thứ ba. — Đ C G. đã lấy máu thịt rất thánh Đức Mẹ làm nên máu thịt mình, cùng đã làm cho xác thịt mình sống-lại vinh-hiễn ; nên cũng làm cho xác thánh Đức Mẹ đặng phần vinh-hiễn làm một với mình.

Thứ bốn. — Đ C G. thương-yêu Đức Mẹ chí-thiết, nên chẳng nỡ để xác Mẹ mình phải hư-nát. Kìa người thế-gian còn biết lo cách nọ thế kia, cho xác cha mẹ mình khỏi hư-nát, phương chi Đ C T. lo cho Mẹ Người.

Thứ năm. — Đức Mẹ là bạn rất thanh-sạch Đức Chúa

Cha yêu-dấu, là ngài rất châu-báu Đ C Thánh Thần ngự, nên Chúa chẳng để cho xác thánh thể ấy phải hư-nát như người dương thế.

H. — *Sao mà Đức Mẹ đặng sáng-láng chói-loà hơn các thần thánh ?*

T. — Phần thưởng phải xứng theo chức-quờn, nhơn-đức, công-nghiệp. Vậy các quờn-chức trên trời dưới đất, mọi nhơn-đức công-nghiệp các thần thánh, góp lại cũng chẳng bằng quờn-chức, nhơn-đức, công-nghiệp Đức Mẹ. Cho-nên Đ C T. thưởng Người sáng-láng hơn các phẩm thiên-thần, vinh-hiễn hơn các thánh nhơn. Vì vậy các thánh sánh sự sáng-láng thiên-đàng, thì vì Chúa Cứu-thế như mặt-trời, Đức Mẹ như mặt-trăng, thiên-thần các thánh như các vì tinh-tú.

65 — H. — *Sao rằng : Nữ vương quản-trị trời đất ?*

T. — Hễ ai làm mẹ vua-chúa, ấy là nữ vương : Đức Nữ Maria là Mẹ đấng Cứu-thế, mà đấng Cứu-thế, là Chúa dựng-nên trời đất, là vua cai-trị mọi loài. Cho-nên Mẹ Người thật là Nữ Vương trời đất muôn vật. Vả chức-quờn, ơn phước, công-nghiệp Người rất trỗi xa muôn vật nên đã đáng chức Nữ Vương trời đất.

66 — H. — *Sao kêu rằng : làm Mẹ các giáo-nhơn ?*

T. — Một là, Chúa Cứu-thế đã khẩn làm đầu, làm anh chúng ta, và cho ta làm phần thân-thể, làm em Người. Ất là Mẹ Chúa Cứu-thế thành Mẹ thiêng-liêng chúng-ta.

Hai là, Đức Mẹ chịu thai sinh Chúa Cứu-thế, cùng đồng công cứu-chuộc, ta mới được sống-lại phần hồn.

Vậy đáng làm cho ta sống-lại, ấy là kẻ sinh ta lần thứ hai. Cho-nên Người thật là Mẹ thiêng-liêng ta.

BA là, khi Đức Chúa Giêsu treo trên cây thánh Giá, thì đã trối phú Đức Mẹ làm mẹ ông thánh Gioan. Theo lời các thánh cắt-nghĩa : là Chúa có ý trối Đức Mẹ làm mẹ các giáo-nhơn, mà ông Gioan đứng đầu lãnh thế cho mọi người giáo-hữu.

BỐN là, Đức Mẹ thương-yêu, lo-lắng cứu-giúp ta hơn mẹ lãnh thương-yêu con, nên đã đáng gọi Người là mẹ ta.

67 — H. — *Bảo-hộ các giáo-nhơn là làm sao ?*

T. — Bởi Người đặt chức Nữ-vương, và làm Mẹ các giáo-nhơn, ắt là đặt chức phù-trì bảo-hộ các con-cái mình. Tuy có một mình Đ C G. là chính đấng bầu-chữa ta trước mặt Đ C T ; mà dưới Đức Chúa Con, thì Đức Mẹ được chức bầu-chữa ta trước mặt Chúa. Có một mình Đ C G. là chính mạch mọi ơn lành, là chính đấng ban ơn cho ta được rồi ; song Đức Mẹ cũng được phân-phát các ơn ấy cho ta ; chẳng khác nào mương máng chuyên nước mạch ra cho đồng điền vậy.

68 — H. — *Vì sao Đức Mẹ đặt quyền phân-phát làm vậy ?*

T. — Một là, vì xưa Đức Mẹ tự ý lãnh việc đồng công cứu-chuộc, nên rày Chúa cho đồng công phân-phát ơn cứu-chuộc cho thiên-hạ : để cho kẻ nhờ ơn Chúa Cứu-thế, thì cũng biết ơn Đức Mẹ.

Hai là, xưa Chúa qua lòng Đức Mẹ mà ra-đời cứu-chuộc thiên-hạ. Rày phân-phát các ơn, cũng qua tay Đức Mẹ mà xuống cho ta được rồi, ấy là đều rất xứng đối.

BA là, vì Người là bạn thanh-sạch Đức Chúa Cha, là Mẹ yêu-dấu Đức Chúa Con, là đền châu-báu Đ C Thánh

Thần ; nên Chúa ban quờn phân-phát mọi ơn theo thánh ý Chúa, mà tỏ lòng yêu-dấu Đức Mẹ.

H. — Nếu vậy mọi ơn lành đều đề tại tay Đức Mẹ thì quờn hoành Chúa xem ra kém, mà việc nhơn-từ lân-mẫn sẽ qui về Đức Mẹ hết, thì sao cho phải lẽ ?

T. — Thứ nhứt, quờn Đức Mẹ là phân-phát mọi ơn theo thánh ý Chúa, chẳng phải tự chuyên một mình ; và quyền ấy vốn tại ý Chúa ban. Cho-nên chẳng có sự gì làm cho kém quờn hoành Chúa. Vì mọi ơn tuy là qua tay Đức Mẹ, nhưng-mà chính gốc bởi một mình Chúa mà ra. Chúa muốn ban cho ai thể nào, thì Đức Mẹ ban thể ấy mà thôi. Ví dụ : đức vua ban phép cho hoàng-hậu bổ-thí theo ý vua, thì chẳng thấy sự gì làm kém quờn vua. Vì mọi ơn bổ thí ấy, ai-nấy đều biết gốc bởi tại vua mà ra.

Thứ hai, tuy việc nhơn-từ lân-mẫn là việc Đức Mẹ, nhưng-mà ai-ai đã biết : hễ Đức Mẹ ban ơn gì, ấy là chính ơn Chúa, và Chúa cho Đức Mẹ ban. Cho-nên có qui công về Đức Mẹ, ấy là qui công về Chúa.

Vì vậy trong kinh nguyện thường đọc rằng : Xin Đức Mẹ cầu cho chúng tôi, mà chẳng xin Đức Mẹ ban ơn, như kiểu xin Chúa. Ấy là chính phép.

Còn nhiều khi nói rằng : xin Đức Mẹ ban ơn xuống phước..., thì cũng phải hiểu là xin Đức Mẹ cầu cùng Chúa ban ơn xuống phước... Ấy là kiểu thường ta quen nói với nhau. Như khi cậy ai xin quan ơn gì, thì thường rằng : xin anh thương, xin anh làm ơn cho tôi.

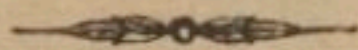
69 — H. — Đức Mẹ cầu bầu cho giáo-nhơn thể nào ?

T. — Thứ NHỨT, Đức Mẹ cầu bầu có hai cách : Một là, cầu chung : nghĩa-là Đức Mẹ hằng dâng công-nghiệp

mình, xin Chúa đoái thương các giáo-nhơn là con-cái Người, mà nhứt là những kẻ hiếu thảo cùng Người.

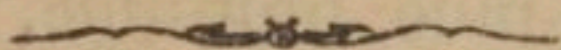
HAI là, cầu riêng : là Đức Mẹ lấy ý, lấy lời cầu kẻ trông cậy kêu xin Người, mà dâng trước toà Chúa chỉ tòn, xin Chúa đoái nhậm, mà ban ơn xuống phước cho kẻ ấy.

THỨ HAI, Đức Mẹ xin sự gì, thì dâng sự ấy chẳng sai. Như lời ông thánh Ephêrem rằng : « Đức Mẹ là Mẹ Chúa Trời, ắt là đã có phép làm mọi việc ; Đức Mẹ có quyền cai-quản các loài thọ sinh ; cho-nên làm dâng mọi sự ; bằng Đức Mẹ muốn, thì chẳng có điều gì Đức Mẹ làm cho tôi chẳng dâng. » Vốn Đức Chúa Con thương Đức Mẹ vô-cùng ; vậy hễ sự gì Đức Mẹ xin, thì Chúa nhậm lời hết. Vì Đức Mẹ hằng xin những việc lành, những điều phải lẽ, những sự đẹp ý Chúa luôn.



ĐIỀU THỨ NĂM

VỀ CÁCH KÍNH THỜ ĐỨC MẸ



70 — H. — Có luật nào buộc ta phải kính thờ Đức Mẹ chẳng ?

T. — Tuy rằng chẳng thấy luật nào buộc ta phải kính-thờ Đức Mẹ cho rõ-ràng, như luật buộc phải thờ-phượng Đ C T. ; nhưng-mà Hội-thánh đã lập một năm 23 ngày lễ, dạy mỗi năm lấy 2 tháng, mỗi tuần lấy 1 ngày, cùng đặt nhiều kinh nguyện đọc riêng trong ngày lễ, kinh đọc hằng ngày, mà kính-thờ kêu xin Đức Mẹ ; và ban nhiều ân-tử cho kẻ làm việc kính-thờ Đức Bà.

Các đức Giáo-tông, các thánh hiền, Giám-mục, linh-

mục, các hàng thông-minh lý-đoán, xưa nay đều rập một ý dạy các giáo-nhơn hết lòng kính-thờ Đức Mẹ ; và quả-quyết kẻ nào thật lòng kính-thờ kêu xin Đức Mẹ, là dấu kẻ ấy đang rồi linh-hồn ; chẳng có linh-hồn nào được lên thiên đàng, mà chẳng bởi nhờ ơn Đức Mẹ ; cùng kẻ nhiều ơn ích, nhiều phép-lạ Đức Mẹ đã làm cho kẻ kính-thờ Người, được nhờ phần hồn phần xác.

Vã coi trong sử sách, thấy xưa nay chẳng có đấng thánh nào, chẳng có người giáo-hữu nào giữ đạo nên, mà chẳng sốt-sắng kính-thờ Đức Bà.

Vậy đã đủ lẽ cho ta tin rằng : Kẻ chẳng chịu kính-thờ Đức Mẹ Chúa Trời, thì lỗi nhiều cách, thiệt-hại nhiều bề.

Một là, nó chẳng xem sao thánh ý Đ C T. đã tôn Đức Mẹ lên làm Mẹ Chúa, làm Nữ-vương trời đất muôn vật, làm Mẹ bảo-hộ các giáo-nhơn.

Hai là, nó chống ý Hội-thánh đã lập các lễ phép để mà kính-thờ rất thánh Đức Bà ; cùng đánh mất những ân-tử Hội-thánh đã ban.

Ba là, nó chẳng kể gì các Giáo-lông, các đấng thánh hiền, các hàng Giám-mục, linh-mục, các danh sư lý-đoán đã dạy-bảo.

Bốn là, nghịch thói phép kẻ có đạo sốt-sắng xưa nay.

Năm là, mất nhờ nhiều ơn lành phần hồn phần xác.

Sáu là, rất dôi hiểm-nghèo về phần rồi.

Bảy là, sau hết cứ lời các thánh quả-quyết : kẻ sốt-sắng kính-thờ Đức Mẹ, là dấu kẻ Chúa chọn, thì cũng được luận rằng : Kẻ cố tình bỏ Đức Mẹ Chúa Trời, ầu là Chúa Trời cũng bỏ nó mà-chớ.

71 — H. — Sao rằng : Kính mến Đức Mẹ là dấu kẻ được rồi linh-hồn ?

T. — Một mình sức riêng ta chẳng rồi đặng, phải có ơn giúp mới đặng. Mà Đức Mẹ có sức giúp đặng, và sẵn lòng giúp kẻ kính-mến Người. Cho-nên kẻ ấy chắc đặng rồi.

Thứ nhứt *giúp đặng*. — Một là, Đức Mẹ là Mẹ rất yêu dấu Đ. C. T. : cho nên xin sự gì cùng Chúa, thì đặng. — Hai là, Chúa đã tôn Đức Mẹ làm Nữ vương, làm Mẹ các giáo-nhơn : cho nên có quyền thế giúp đặng.

Thứ hai *sẵn lòng giúp*. — Một là, Đức Mẹ đã đồng công cứu-chuộc : khi ta chưa có công gì, mà Đức Mẹ còn thương giúp thể ấy, huống rày ta kính-mến, nỗ nào Người bỏ. Hai là, Người đã lãnh chức làm Mẹ các giáo-nhơn : cho-nên việc phù-trì bảo-hộ là chính việc Người. Nào thế-gian có thấy mẹ lành nào đành bỏ con thảo-kính mình sao.

Ba là, đã từng-thấy Đức Mẹ làm cho kẻ có tội trở-lại cách phi thường, vì nó làm một ít việc nhỏ mọn, đọc một hai kinh mà tôn-kính Đức Mẹ. Lại thiếu gì phép-lạ Đức Mẹ đã làm cho thiên-hạ, vì nhờ kẻ tôn-kính cầu-nguyện cùng Đức Mẹ. Cho-nên xưa nay chưa hề thấy ai hết lòng tôn-kính Đức Mẹ cho bền-đỗ, mà phải hư-mất bao-giờ.

72 — H. — *Thờ-phượng Đức Mẹ cách nào ?*

T. — Chẳng phải là thờ-phượng như thờ-phượng Đ. C. T., vì Người chẳng phải là Chúa. Cũng chẳng phải kính-thờ Người như kính-thờ các thần thánh, vì Người có chức-quờn, phước-đức, công-nghiệp hơn các loài thọ sanh ; cho-nên phải thờ-phượng Người bậc dưới Đức Chúa Trời, và trên hết các thần thánh. Vì vậy kẻ nói phải thờ Đức Mẹ bằng Chúa, thì lạc đạo ; mà kẻ nói chẳng cần gì phải kính-thờ Đức Mẹ Chúa Trời, thì cũng lỗi đạo.

H. — *Vậy thì phải làm sự gì mà thờ-phượng Đức Bà ?*

T. — Tóm lại năm sự này : tôn-kính ; hiếu-thảo ; mến-yêu ; tin-cậy ; noi-gương Người.

1 — *Sự tôn kính.* — Hễ quờn-chức càng cao, công-nghiệp càng dày, thì càng đáng cho ta tôn-kính. Vậy chức-quờn công-nghiệp Đức Mẹ quá hơn các thánh ngàn trùng : nên ta phải tôn Người trên hết các thần thánh.

2 — *Việc hiếu thảo.* — Kẻ có công ơn với ta chừng nào, ta phải trả chừng ấy. Vậy những công linh Đức Mẹ đã chịu thương khó đau-đớn trong việc đồng công cứu-chuộc ta : từ khi Chúa xuống thế cho đến chừng Đức Mẹ thăng thiên, thì lười nào kẻ xiết ; tri nào suy cùng ? Còn những ơn Đức Mẹ đã làm cho ta : ơn chung trong việc đồng công cứu-chuộc ; trong việc hằng dâng công-nghiệp mà cầu bầu cho ta trước mặt Chúa. Ơn riêng cho từ người trong lúc bình thường, hồi túng-ngặt ; ơn phần hồn, ơn phần xác : biết đã mấy lần ta nhờ ơn Đức Mẹ cứu-giúp ? Vậy thì phải lo hết phương, làm hết sức mà đền ơn trả nghĩa cho xứng-đáng công ơn Đức Mẹ, mới là hiếu thảo.

3 — *Đức mến yêu.* — Thật thì chẳng ai thương, cho bằng mẹ thương con ; vì chẳng ai phải mến, cho bằng con phải mến mẹ, nhứt là mẹ nào đã phải gian-nan khó-nhọc lắm, choặng sinh dưỡng con. Vậy Đức Mẹ đã sinh ta cách thiêng-liêng ; mà cho được sinh cách thiêng-liêng ấy, thì đã phải dâng Con một chịu đóng-dinh, chịu chết trên cây thánh Giá, và đồng chịu thương khó làm một cùng Con mình. Mà ta là con, thấy Đức Mẹ đau-đớn dường ấy, cho được sinh dưỡng ta, cũng vì lòng thương ta, thì ta phải thương mến Mẹ là dường nào.

4 — *Lòng tin cậy.* — Kẻ có quờn thế càng hay thương giúp ta, thì ta càng sở cậy. Vậy Đức Mẹ đã dặng quờn cao phép cả, và hằng sẵn lòng thương giúp cứu-chữa kẻ

kêu xin. Nên ta hãy tin cậy hết lòng, trông-cậy luôn-luôn, bây-giờ, hằng ngày, cho đến khi làm tử ; trong việc hồn việc xác, cơn cám-dỗ, hồi hiềm-trở ; việc khó việc thường, thì hãy sở-cậy Đức Mẹ hết, và nhớ lời ông thánh Bênadô rằng : « Xưa nay chưa từng nghe người nào lấy lòng trông-cậy chạy đến cùng Đức Mẹ, mà Người từ-bỏ bao-giờ. »

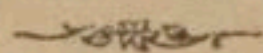
5 — *Nói gương Đức Mẹ.* — Ta kính yêu ai, thì ra sức bắt-chước đức hạnh kẻ ấy ; vậy cho được tỏ lòng yêu mến kính-chuộng Đức-Mẹ, ắt là phải gần công noi theo gương phước-đức Người : vì Đức Bà là « gương như-nghĩa phước-đức. Trót đời Đức Mẹ, là chính gương mọi nhưn-đức cho mọi người. »

Vậy ta hãy hết lòng hiếu thảo, tin, cậy, kính-mến Đức Mẹ cho chí-thiết, cho bền-đỗ ; vì có một đàng này rất dễ rất chắc chắn, đưa ta đến cùng Đ. C. G., tới nước thiên-đàng.



PHAN THỨ BỐN

GIẢNG VỀ ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN VÀ HỘI THÁNH



1 H. — *Việc Đ. C. Thánh Thần có phải là việc mẫu-nhiệm chăng ?*

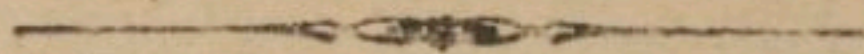
T. — Là việc mẫu nhiệm quá trí khôn lường. Vì trong một Chúa, mà ba Ngôi khác nhau dành rành, và việc làm ba Ngôi cũng khác nhau : Ngôi Cha gây-dựng, Ngôi Con cứu chuộc, Ngôi Ba khai-quang, gìn-giữ. Mà việc ba Ngôi cũng là việc một Đ. C. T. — Cũng tương-tợ linh-hồn ta : Việc xét-đoán về trí hiểu, việc yêu mến về trí-muốn, việc nhắc-lại về trí nhớ ; mà thật là việc một linh-hồn. — Cho-nên nói đặng ; nhờ ơn Ngôi thứ Nhất, mới có ở đời ; nhờ ơn Ngôi thứ Hai, mới trông khỏi tội được phước ; nhờ ơn Ngôi thứ Ba, mới biết, và giữ ơn phước ấy cho trọn. Ấy thật nhờ đủ ba Ngôi một Chúa mới đặng rồi linh-hồn.

Vả Ngôi Hai giáng-sanh cứu-chuộc, lập Hội-thánh, đoan ngự về trời, Đ. C. Thánh Thần xuống khai-quang, mở-mang, cùng gìn-giữ Hội-thánh Người. — Trong phần II đã giảng sự Ba Ngôi, nên phần này giải ba đoan :

Đoạn 1 — VỀ VIỆC Đ. C. THÁNH-THẦN.

... II — VỀ HỘI-THÁNH.

... III — VỀ SỰ THÔNG-CÔNG HỘI-THÁNH.



ĐOẠN THỨ I

VỀ VIỆC ĐỨC CHÚA THÁNH THẦN

2 - H. — *Chúa Thánh Thần là ai ?*

T. — Là Chúa Ngôi Ba, cũng bằng Ngôi thứ Nhất, Ngôi thứ Hai, và thật Đ. C. T.. Vì có một Đ C T. mà-thời, chẳng có chúa nào khác nữa. Như lời Đ. C. G. dạy rằng: *Bay đi giảng cho muôn dân rửa tội cho nó, nhơn danh Cha và Con và Thánh Thần. Ấy là chỉ rõ ba Ngôi bằng nhau, thật là một Chúa.*

Ông thánh Phê-rô tông-đồ quở Anania rằng: *Mày dối Chúa Thánh Thần: chẳng phải là dối người-ta, song dối Đ C T..* Quở vừa dứt lời, nó liền ngã chết tươi. — Lại Hội-thánh dạy tin, và kính-thờ Chúa Thánh-Thần là Đ C T. thật. Như trong kinh Tin-kính dạy rằng: *Tôi tin-kính Đ. C. Thánh Thần. Cùng các kinh ca-vịnh dạy kết rằng: Táng tạ khong-khen Đ C Cha và Đ. C. Con và Đ. C. Thánh Thần.*

Vả tiếng Thánh Thần là tên riêng Ngôi Ba, cũng như tiếng Cha, Con, đặt cho Ngôi Nhất và Ngôi Hai vậy. Dùng tiếng Thánh Thần mà chỉ bôn-tính và việc Ngôi Ba làm; chỉ Người là sự thương yêu rất thiêng-liêng rất thánh, bởi Ngôi thứ Nhất và Ngôi thứ Hai mà ra. Chỉ Người là Đấng xuống ơn thiêng-liêng làm cho linh-hồn ta nên thánh. Lại trong sách thường đặt nhiều tên mà chỉ việc Người làm. Như đấng làm cho sống, làm cho nên thánh. — Đấng soi-sáng. — Đấng hay an-ủi.

3 - H. — *Chúa Thánh Thần xuống thế này chăng ?*

T. — 1^o Người là Đ. C. T., nên thánh tính Người hằng ở khắp mọi nơi ; nhưng mà ngự cách riêng trong linh-hồn kẻ có nghĩa cùng Chúa. Như lời Đ. C. G. phán rằng : « Ai yêu mến Tao, thì giữ lời Tao dạy ; và Cha Tao yêu dấu nó, và Ta (chỉ ba Ngôi) sẽ đến ở cùng nó... Chẳng phải bay nói, song Chúa Thánh Thần nói trong bay. »

2^o Có khi hiện hình ra tỏ-tường, người-ta nghe thấy đặng : như khi Đ. C. G. chịu phép rửa trong sông Giordano, và khi tỏ mình oai-nghi sáng-láng trên núi Taborê, thì Đ. C. Thánh Thần lấy hình chim bồ-câu, cùng áng mây trắng hiện xuống trên Đ. C. G., mà phán-bảo Người là Con Đ. C. T. thật.

Lại khi Đ. C. G. thăng thiên khỏi mười ngày, thì Đ. C. Thánh Thần lấy hình lưỡi lửa hiện xuống đổ trên đầu các thánh Tông-dồ và mọi người đương nhóm hội đó. Như đã thấy trong sách Evang, và trong truyện các thánh Tông-dồ.

4 — H. — Đ. C. Thánh Thần hiện hình làm chi ?

T. — Cũng có khi dùng hình bề-ngoài, mà chỉ ơn thiêng-liêng Chúa xuống trong linh-hồn. Như hiện hình lửa : chỉ ban ơn soi-sáng, thông-hiểu lẽ mẫu-nhiệm đạo thánh Chúa, và nói đặng các tiếng lạ chưa học. Cũng như đèn lửa soi nơi tối-tăm cho sáng vậy.

Lửa làm cho nóng, chỉ ơn Đ. C. Thánh Thần làm cho linh-hồn sốt-sắng kính-mến Chúa, ái-mộ việc lành.

Lửa luyện vang cho sạch cho tốt, thì ơn Chúa Thánh Thần làm cho linh-hồn cõi tính hư thói cũ, trở-nên trong-sạch, cùng trau-giồi nhơn-đức cho ra xinh-đẹp trước mặt Đ. C. T.

5 H. Có lẽ nào làm chứng cho biết rõ sự ấy chẳng ?

T. — Xét việc các thánh Tông-đồ liền biết. Khi Đ. C. Thánh Thần chưa hiện xuống, thì các đấng ấy là những người thú-quê dốt-nát, lời Đ. C. G. dạy rõ-ràng cũng chưa hiểu ; — yếu-đuối hèn tin, đến đối Chúa phải quở ; — ham-hổ chức quờn, tranh tiên với nhau ; — nhát-sợ đến đối chối Chúa trước mặt đấng tột-tối nhà quan.

Mà khi Đ. C. Thánh Thần hiện xuống đoạn, hết thấy liền hoá ra người thanh trí ; thông hiểu lời Sách thánh, biết rõ việc mẫu-nhiệm Chúa giảng-sanh cứu chuộc. Liền giảng rao giữa thành-thị, chẳng kiêng-dè lo-sợ phép ai. Nội ngày ấy rửa tội ba ngàn người, và bữa sau năm ngàn nữa.

Đoạn phân nhau đi giảng các nước thế-gian ; làm gương các nhơn đức, làm muôn vạn phép-lạ, đem thiên-hạ trở-về đạo thánh vô-số. Cam lòng chịu gian-nan, chịu chết, mà làm chứng Đ. C. G. là Đ. C. T. thật. Ấy là chứng rõ Đ. C. Thánh Thần ngự trị sửa-sang, cho linh-hồn ta nên thánh. Còn ơn Đ. C. T. T. cần-kíp cho linh-hồn thể nào, sẽ thấy nơi nói về ơn thánh, trong Cuốn thứ hai.

6 — H. — *Khi nào phải xin riêng ơn Đ. C. T. T. ?*

T. — Hãy năng cầu-khẩn, nhứt là trong những dịp sau này : 1) Khi dọn mình chịu phép bí-tích ; như khi toan xét mình, ăn-năn, xưng tội.

2) Lúc khi sự làm các việc linh-hồn : như khi toan đọc kinh, nguyện gẫm, giảng dạy, học tập.

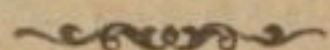
3) Khi công làm việc, nhứt là các việc về trí khôn ; như học hành, phân xử.

4) Trong việc rối khó, chẳng biết liệu đàng nào.

5) Trong cơn buồn-rầu áy-náy ; trong lúc thấy mình khô-khan lạt-lẽo ; trong hồi xao-xuyến việc xác việc hồn.

ĐOẠN THỨ II

VỀ HỘI THÁNH

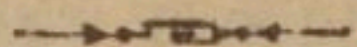


Điều thứ I — Hội-thánh Chúa là đi gì.

Điều thứ II — Về quờn hoành trong Hội-thánh Chúa.

ĐIỀU THỨ NHỨT

HỘI-THÁNH CHÚA LÀ ĐI GÌ ?



7 — H. — *Hội-thánh Chúa nghĩa là làm sao ?*

T. -- Nghĩa là các bôn-đạo ở khắp thế-gian vâng-phục Đức Giáo-tông Rôma, và Giám-mục coi-sóc thay mặt người, mà giữ nguyên đạo thánh Chúa Kirixitô, cho được rồi linh-hồn.

Chúa sinh người-ta, có hồn có xác, cho ở chung với nhau, giúp nhau nhờ nhau. Về xác tạm, thì Chúa để cho người-ta tùy địa thế phong-thổ, mà lập làng lập nước riêng, giúp nhau an-cư lạc-nghệp. Còn phần hồn quý-trọng, nên chính mình Chúa xuống thế lập một hội chung cho các nước cả-và thiên-hạ đặng nhờ phần rồi. Hội này có đủ phẩm trật quờn tước, có vua quan dân-sự cũng như nhà-nước. Có bôn chính luật, là sách Evang, có chỉ nghị là lệnh các thánh Tông-đồ truyền, và sắc-chỉ đức Giáo tông, để mà cắt-nghĩa bôn chánh luật ấy. Vậy hội này kêu là Hội-thánh.

8 — H. — *Ai đã lập Hội-thánh, và lập làm chi ?*

T. — Thứ nhứt, Đ. C. G. đã lập. Như lời Người đã phán rằng : *Hỡi Phê-rô, mày là đá : Tao sẽ lập Hội-thánh*

Tao trên hoàn đá này, và cửa hoả ngục (nghĩa là ma quỷ) chẳng làm chi đặng.

Trong sách nói về Hội-thánh, thường nói bóng nói tỉ nhiều cách : như rằng : Hội-thánh là bạn Đ. C. G., là Mẹ các giáo-hữu. Nghĩa là chi Đ. C. G. lập Hội-thánh và hằng gìn-giữ thương giúp cho Hội-thánh sinh con-cái thiêng-liêng, là làm cho con Chúa được sống phần hồn, và nuôi-dưỡng, dạy-dỗ, thương-yêu, chẳng khác chi mẹ lành sinh-dưỡng con mình vậy.

Thứ hai, là có ý cho sáng danh Chúa, cho người-ta được rỗi linh-hồn : Vì chính ý cho có kẻ nối tiếp giảng truyền cho thiên-hạ nhìn-biết, thờ-phượng Chúa thật, cùng phân-phát ơn phép cho người-ta được nhờ phần rỗi. Như lời Đ. C. G. phán dạy các thánh Tông-đồ là đầu Hội-thánh rằng : *Bay đi giảng cho mọi người thiên-hạ : ai tin mà chịu phép rửa tội, thì đặng rỗi linh-hồn.*

9 — H. — *Có dấu riêng nào cho ta biết đặng Hội-thánh Chúa chẳng ?*

T. — Có bốn dấu riêng đã chỉ trong kinh Tin-kính, đọc các ngày lễ Chúa nhật : Dấu thứ nhất là Một ; dấu thứ hai là Thánh ; dấu thứ ba là Chung ; dấu thứ bốn là thánh Tông-đồ đứng đầu.

10 — H. — *Sao rằng : phải có bốn dấu ấy ?*

T. — 1^o Phải có Một : Vì Chúa đã lập có một hội mà-thôi. Như lời Đ. C. G. phán rằng : *Còn các con chiên khác, Tao phải đem về cho nên một chuồng, một kẻ chăn, hầu cho hết thấy nên một ý một lòng như nhau.* Cho-nên Hội-thánh Chúa thì có một mà-thôi, và một đức tin, một phép luật, một quyền cai-trị.

2^o Phải là *Thánh* : Vì Chúa Cứu-thế là đấng thánh trên hết các thánh, đã dùng các thánh Tông-đồ mà lập ra, hầu giảng rao đạo thánh Chúa cho người ta được nên thánh.

3^o Phải là *Chung* : Vì mọi người, mọi nước, mọi đời, phải thờ-phượng một Đ C T. theo cách-thức Chúa đã truyền dạy, cho được rồi linh-hồn. Mà Chúa lập có một hội giảng truyền mà thôi ; cho nên hội ấy phải chung khắp cả và thế-giải, và bền-đỗ cho đến tận thế, thì thiên-hạ mọi đời mới rồi dặng.

4^o Phải có thánh *Tông đồ* đứng đầu : Vì Chúa đã dùng các thánh Tông đồ mà lập Hội-thánh Người ; lại mọi đều trong đạo thánh Chúa đã truyền cho các đấng ấy, hầu giảng rao cho thiên-hạ. Như lời Đ C G. đã phán rằng : *Hỡi Phê-rô, mày là đá... Bay hãy đi giảng dạy thiên-hạ giữ mọi điều Tao đã truyền cho bay.... Tao sẽ ở cùng bay hằng ngày cho đến tận thế. Ấy vậy hội nào có đủ bốn dấu ấy, mới thật là Hội-thánh Chúa.*

11 — H. — *Hội nào đủ bốn dấu ấy ?*

T. — Có một hội Đ G. tông ở thành Roma làm đầu, đủ bốn dấu ấy mà thôi : cho nên Hội-thánh Roma là thật Hội-thánh Chúa. Còn các hội như Grêcô chẳng nhận Đức Giáo-tông Roma làm đầu, và các phe chẳng tin giữ bảy phép bí-tích, thì chẳng có đủ bốn dấu riêng ấy, nên chẳng phải là Hội-thánh Chúa ; một phải kêu là hội *rối đạo, hội lạc đạo*. Những kẻ lập các hội ấy, vốn xưa cũng là con Hội-thánh Chúa, mà đã tách ra làm phe-đảng, nên đã phải loại ra khỏi Hội-thánh rồi.

12 — H. — *Hội Roma có dấu thứ như thế nào ?*

T. — Bởi các hội-hữu ở khắp thế gian đều giữ một đức tin, một phép thờ-phượng, vâng-phục đấng chính quyền cai-trị, là Đức Giáo tông Roma, và các đấng Giám-mục thay mặt người : cho nên thành một.

1^o *Một đức tin* : Vì lẽ sự gì Đức Giáo tông Roma dùng quyền cả dạy phải tin, thì mọi người hội-hữu đều phải vâng thấy thấy. Bằng ai chẳng chịu tin, liền phạt dứt phép thông công, bỏ ra khỏi hội này, là những người tin một cách như nhau thấy thấy.

2^o *Một phép thờ phượng*. Vì hội-hữu khắp phương thiên-hạ đều thờ phượng một Chúa Ba Ngôi, giữ đủ bảy phép Bí-tích như nhau. Dầu nước nọ phương kia có đọc kinh nguyện tiếng khác nhau mặc lòng, song chính nghĩa chỉ về một cách thờ-phượng Đ C T. và có lệnh Toà thánh Roma ban phép.

3^o *Một quyền cai-trị*. Vì các hội-hữu các phương, các nước, xưa nay đều nhìn Đức Giáo tông Roma là chính vị thay mặt ông thánh Phê-rô, mà thống trị bốn đạo khắp mọi nơi : các giáo-hữu vâng phục Giám-mục coi-sóc mình ; mà các Giám-mục phục quyền Toà thánh Roma. Như thấy rõ bây giờ, và trong sử ký.

Ấy vậy Hội Roma một quyền phép cai trị, một lễ luật, một đức tin, cho nên trong thế gian này thành Một hội mà thôi.

13 — H. — *Hội Roma có dấu thứ hai thế nào ?*

T. — Bởi có đủ đều cho được gọi là Thánh :

1^o Hội Roma cứ theo lời Đ C G. đã phán trong sách Evang, cùng đã truyền cho các thánh Tông-đồ, mà giảng dạy ; là những lời rất thánh, và làm cho người ta nên thánh.

2^o Có đủ phương linh phép thánh, là bảy phép Bí-tích ; lập những luật rất cao trọng khôn ngoan. Những lời kinh nguyện rất sốt-sắng. Các phương pháp ấy có sức làm cho người ta nên lành nên thánh.

3^o Xưa nay biết là mấy muôn người trong Hội Roma này đã nên hơn đức, nên thánh ; nói tiên tri, biết sự kín nhiệm trong lòng người ta : làm phép lạ, cho kẻ chết sống lại, kẻ tật bệnh đứng lành đã. Làm nhiều sự quá sức loài người, cho sáng danh Chúa, cho người ta được nhờ. Cho nên Hội Roma này thật là thánh.

14 — H. — *Hội Roma có dấu thứ ba thể nào ?*

T. — 1^o Đòi các thánh Tông đồ đã chung trong thiên-hạ, vì đã giảng ra tứ phương. Như lời ông thánh Phaolô rằng : *Tiếng các thánh Tông-đồ* giảng đã thấu đến khắp miền thế giới. Mà từ ấy nhần nay, càng ngày càng thêm đông. Rày các nước thế gian chỗ nào thông thương được, thì đều có người hội-hữu Roma. Số bôn đạo hội Roma rày đã hơn ba trăm triệu 300,000,000.

2^o Bất kỳ bôn đạo nước nào, phương nào, thấy đều nhìn một Cha chung là Đức Giáo tông Roma, thay mặt ông thánh Phêrô, thống trị khắp mọi nơi. Vì vậy có một Hội Roma này được chung cả và thiên-hạ.

15 — H. — *Hội Roma có dấu thứ bốn thể nào ?*

T. — 1^o Ông thánh Phêrô làm Giáo-tông đầu hết, đã lập Toà thánh tại thành Roma, ngự đó 25 năm, mà thống-trị Hội-thánh cho đến chết. Đoạn có Đức Giáo tông sau kế vị tại thành ấy, và nối tiếp cai-trị hội Roma cho đến rày, (năm 1935) kẻ đăng 261 Đức Giáo-tông.

2^o Các Đức Giáo tông Roma hằng lo giữ đạo các thánh

Tông đồ truyền cho nguyên vẹn. Như lời Đ. G. tông Xi-têphanô rằng : « Chẳng thêm bớt điều gì mới lạ ; một giữ y như các thánh Tông đồ đã truyền dạy. »

3^o Hễ thấy ai dạy thêm bớt điều gì nghịch đạo các thánh Tông-đồ, thì Đ. G. tông Roma hội công đồng các Giám-mục, mà định án. Như đã thấy phạt các phe lạc đạo xưa nay. Cho nên hội Roma hằng giữ trọn vẹn đạo các thánh Tông đồ đã truyền cho đến rày.

Ấy vậy có một hội Roma là Hội-thánh thật mà thôi. Vì đã có đủ bốn dấu riêng Hội Đ. C. G. đã lập.

16 — H. — Có buộc mọi người phải vào Hội thánh chăng ?

T. — Buộc, vì Đ. C. G. lập Hội thánh cho mọi người nhìn biết thờ phượng Chúa, và đặng rồi linh-hồn. Như lời Người đã dạy các thánh Tông-đồ là đầu Hội thánh rằng : *Bay hãy đi giảng cho mọi người thiên hạ... Ai nghe bay, ấy là nghe Tao ; ai khinh bay, ấy là khinh Tao..... Rằng nó chẳng vâng nghe Hội thánh, thì phải loại ra mà kể nó như kẻ ngoại.* Cho nên buộc mọi người phải vâng nghe Hội thánh, mà thờ phượng Đ. C. T. theo thể thức Chúa đã truyền. Vì vậy ai cố ý chẳng vào, hay là bỏ Hội-thánh, thì chẳng đặng rồi linh-hồn.

H. — Cho được nên con Hội-thánh phải làm thế nào ?

T. — Phải chịu phép Rửa tội, tuân giữ hết mọi điều Đ. C. G. dạy, và Hội thánh truyền, cùng vâng phục Đ. G. tông Roma, và Giám-mục coi-sóc thay mặt người.

Vì vậy trong những kẻ đã chịu phép Rửa tội :

1) Kẻ có ơn nghĩa Chúa trọng linh-hồn, thì mới thuộc về Hội thánh cách trọn vẹn.

2) Những kẻ mắc tội nặng, thì còn thuộc về Hội-thánh, nhưng mà nó chẳng ăn-năn trở lại, thì chẳng đáng nhờ phần rồi. Cũng như nhánh khô kia, tuy còn dính trong cây, mà chẳng được nhờ khí gốc rễ tư nhuận như nhánh tươi nữa.

3) Kẻ bỏ đạo, lạc đạo, rồi đạo tở tường, cùng những kẻ mắc vạ dứt phép thông công tổ lộ, thì chẳng còn thuộc về Hội thánh nữa. Cũng như nhánh đã rớt ra khỏi cây rồi.

4) Những kẻ chẳng chịu phép Rửa tội, thì chẳng thuộc về Hội thánh. Nhưng-mà người châu-nhưng có lòng tin, quyết giữ đạo thánh Chúa, dầu chưa chịu phép Rửa tội, thì cũng kể là con Hội-thánh cách thiêng-liêng. Cho-nên như nó có ăn-năn cách trọn, mà chết chưa kịp rửa tội, thì cũng đáng rồi linh-hồn.

5) Còn những người thượng cổ mà đáng rồi linh-hồn, thì cũng phải kể là con Hội-thánh ; vì Hội-thánh có ba phần khác nhau :

1^o Kêu Hội-thánh *khởi hoàn*, là những kẻ đã toàn công thắng trận ba thù, đương hưởng phước trên thiên-đàng.

2^o Hội-thánh *luyện hình*, là những người còn đương phải đền tội trong chốn luyện ngục.

3^o Hội-thánh *giao công*, là những kẻ có đạo còn sống ở thế này.

Ấy vậy, dầu trước Chúa ra đời, dầu sau, kẻ đáng rồi linh-hồn, là kẻ Đ. C. G. là dầu Hội-thánh đã cứu-chuộc, nên cũng phải kể thuộc-về Hội-thánh Chúa.



ĐIỀU THỨ HAI

VỀ QUỜN-HOÀNH HỘI-THÁNH

17 — H. — *Quờn-hoành Hội-thánh là đi gì ?*

T. — Là chức-tước Chúa đã ban cho người trong Hội, để mà làm việc thánh, và cai-trị hội-hữu. Chức làm việc thánh, là tế-lễ, làm các phép Bí-tích : như các thần-phẩm. Còn quờn cai-trị là lập khuôn-phép sửa sang trong Hội-thánh : là chức Giáo-tông, và dưới nữa có chức Giám-mục.

18 — H. — *Chúa có ban chức thánh cho Hội-thánh chẳng ?*

T. — Có : 1^o Chúa lập Hội-thánh để mà thờ-phượng tế-tự, và ban các phép Bí-tích cho người-ta nên thánh. Ấy là sự rất cao rất thánh hơn các việc dưới thế này. Vậy phải có chức phẩm cao-trọng, mới đáng làm các việc thánh ; nên Chúa đã ban chức thánh cho Hội-thánh. Như lời Đ. C. G. phán rằng : *Bay hãy chịu lấy Đ. C. T. T..... Bay hãy làm việc này mà nhớ Tao.*

2^o Hội-thánh hằng giữ chức thánh ấy luôn : Đầu hết Chúa ban cho các thánh Tông-đồ. Đoạn các thánh ấy truyền chức cho những kẻ thế vị, cùng hằng lưu truyền nối tiếp trong Hội-thánh cho đến rày, chẳng khi nào dứt. Vì vậy Toà-thánh đã ra sắc dứt phép thông-công những kẻ cả lòng dám chống-cãi chẳng tin điều ấy. Cho-nên ta rõ biết Chúa ban thần-phẩm cho Hội-thánh, để mà làm việc cực cao cực thánh trong đạo Chúa cho xứng-dáng.

19 — H. — *Chúa có ban quờn cai-trị cho Hội-thánh chẳng ?*

T. — Có : *Thứ nhất*. Hễ nhà-nước thì phải có vua quan dân-sự : vậy Hội-thánh là nhà-nước linh-hồn, cũng phải có phẩm trật quờn hoành. Vì vậy Chúa đã ban quờn cai-trị cho Hội-thánh. Như lời Đ. C. G. phán cùng các thánh Tông-đồ rằng : *Hễ sự gì bay buộc dưới đất, thì trên trời cũng buộc...*

Vì vậy 1^o Hội-thánh đặng quờn giảng dạy thiên-hạ, bất luận nước nào, xứ nào, theo như lời Đ. C. G. phán rằng : *Bay hãy đi giảng cho mọi người thiên-hạ.*

2^o Đặng quờn lập lẽ-luật mà cai-trị hội-hữu khắp thế-gian, theo lời Đ. C. G. dạy rằng : *Bay hãy coi sóc chăn giữ đoàn chiên Tao.*

3^o Đặng quờn xử-đoán cùng sửa phạt kẻ lỗi lẽ-luật ; theo lời Đ. C. G. dạy rằng : *Bằng nó chẳng vâng nghe Hội-thánh, thì phải loại ra, mà kể nó như người ngoại vậy.*

Thứ hai. Hội-thánh xưa nay hằng dùng quờn cả ấy mà cai-trị hội-hữu khắp thế-gian, bất kỳ vua quan dân-sự thấy đều vâng-phục ; và nên một nước thiêng-liêng rất uy-nghi, chỉnh-đốn thứ tự, thanh-trị, bền-đỗ, chẳng nước nào thế-gian ben kịp.

Ấy là chứng rõ quờn cả Chúa đã ban cho Hội-thánh cai-trị muôn dân cho được rồi.

20 — H. — *Hội-thánh có phải phục quờn-hoành vua chúa thế-gian chẳng ?*

T. — Phần hồn trọng hơn phần xác thế nào, thì quờn thiêng-liêng trọng hơn quờn phần đời thế ấy ; quờn trước phần đời thì Chúa phú cho thế-gian lập ; mà quờn-hoành Hội-thánh chính mình Chúa đã xuống thế-gian này mà lập. Phép đời thì làm cho người-ta an-cư lạc-nghiep đời tạm này ; mà phép Hội-thánh, thì làm cho người-ta được bình-

yên trong lòng ở đời này, mà đời sau được phước thanh-nhân vô-cùng trên trời. Vì vậy cứ chính lý, thì quờn-phép thế-gian phải phục tùng quờn-hoành Hội-thánh. Cho-nên vua quan, cha mẹ chẳng đặng ngăn-trở dân sự con-cái giữ luật phép Hội-thánh.

21 — H. — *Quờn-hoành Hội-thánh có ngăn trở phép đời chẳng ?*

T. — Chẳng ngăn-trở, mà lại giúp quờn phép phần đời lắm : 1^o Cho đặng nhà an nước trị, phải có thói tốt dân lành. Mà được thói lành, phải có lòng tốt. Vậy quờn Hội-thánh là chuyên chỉ sửa sang lòng mọi người cho ra tốt-lành đạo-đức : nên hằng dạy-bảo răn-khuyên, cùng phân-phát ơn thiêng Bí-tích, cho có sức lánh dữ làm lành.

2^o Hội-thánh buộc nhất bôn-đạo kính-tôn vâng-phục các đấng bề-trên phần đời ; như thấy trong điều răn thứ IV, và trong thư ông thánh Phao-lô dạy bôn-đạo Roma.

3^o Những kẻ phạm luật đời mà không tang án, phép nước chẳng làm chi đặng, thì Hội-thánh có quờn bắt kẻ ấy tiêu khai tự thú, và ăn-năn chữa cải.

Ấy vậy phải như mọi người thiên-hạ đều nhìn-biết vâng-phục quờn Hội-thánh cho trọn, thì quờn-hoành vua chúa hoá ra mạnh vững là dường nào !

22 — H. — *Hội-thánh đoán định việc đạo có sai-làm điều gì chẳng ?*

T. — Chẳng hề lầm đặng. 1^o Vì Đ. C. G. đã hứa hằng ở cùng Hội-thánh mà giúp luôn. Như lời Người phán hứa rằng : *Này Tao sẽ ở cùng bay hằng ngày cho đến tận thế... Tao sẽ lập Hội-thánh Tao trên hoàn địa này, mà các cửa hoả-ngục chẳng làm chi đặng.*

2^o Chúa đã lập Hội-thánh để mà giảng truyền đạo chính cho thiên-hạ. Như lời Chúa dạy rằng : *Bay đi giảng cho thiên-hạ giữ mọi điều Tao truyền cho bay*. Lại lời ông thánh Phao-lô rằng : *Hội-thánh Đ. C. T. hằng sống, là rường cột và chính nền sự chơn thật*.

3^o Chúa buộc mọi người phải tin Hội-thánh cho đăng rồi linh-hồn. Như lời Đ. C. G. phán rằng : *Ai tin mà chịu phép rửa tội, thì đăng rồi*. Vậy giả-như Chúa để cho Hội-thánh dạy lầm, ắt là Chúa dạy thiên-hạ phải theo sự lầm-lạc : ấy là điều rất nghịch lý phạm thượng, chẳng ai dám nghĩ đến.

4^o Hội-thánh rày còn đủ bốn dấu riêng đã giải trước. Giả-như có dạy sai-lầm đăng, ắt xưa đạo khác, nay đạo khác, chẳng còn y bốn dấu ấy nữa. — Bằng giữ đạo lầm-lạc, lẽ nào trong hội-hữu đăng nhiều đảng thánh, nhiều phép-lạ đường ấy ? Như lầm-lạc mà cũng đăng các sự ấy, thì sao các đạo khác chẳng có bấy-nhiều điều ấy ?

5^o Đ C T. muốn cho người-ta nhìn-biết sự thật, và rồi linh-hồn, ấy là lý-đoán ông thánh Phao-lô tông-đồ dạy. Vậy giả-như Chúa để cho Hội-thánh Chúa lầm-lạc đăng, thì trong thế-gian biết kiếm đâu cho có kẻ dạy sự thật, hầu nhìn-biết ; và thiên-hạ sẽ sinh nghi-nan, chẳng biết đảng nào cho rồi. Kia Chúa dựng-nên mặt-trời hằng soi-sáng thế-gian, xưa nay chẳng hề sai-chậy. Phương-chi Chúa đã lập một Hội-thánh soi-sáng sanh linh, mà để cho lầm lỗi sao.

Nhơn vì các lẽ ấy, phải tin vững-vàng, hề sự gì về đạo thánh, về phần rồi, thì Hội-thánh chẳng dạy lầm đăng : vì Đ C Thánh Thần hằng gìn-giữ soi-sáng Hội-thánh luôn.

23 -- H. — Ai đăng quờn trong Hội-thánh ?

T. — Trên thì ông thánh Phê-rô đặt quờn trên hết, và các Giáo-tông Roma kế vị người. Dưới có các thánh tông-đồ, và các Giám-mục nối quờn phò đấng ấy. Vì một là, Hội-thánh là một nhà-nước phần hồn, bao hàm cả-và thể giải : nên phải có một đấng làm đầu, có quờn thống-trị, mới đặt một luật lệnh, một khuôn-phép khắp mọi nơi.

Hai là, Hội-thánh phải bền-đỗ luôn cho đến tận thế : nên phải có kẻ nối quờn làm đầu thống-trị luôn.

Ba là, chẳng lẽ một Đ G. tông đi khắp thế gian đặt : nên phải có hàng Giám-mục cai-trị địa-hạt riêng, thay mặt người. Cũng như trong nước lớn, có hoàng-đế kim-trị, có các vua chư-hầu phục quờn người, mà cai-trị địa-hạt mình.

24 — H. — Ai đặt ông thánh Phê-rô làm đầu Hội-thánh ?

T. — Đ C G. đã đặt, mà phán cùng người rằng : « Hỡi Phê-rô, mày là đá, v. v. Tao giao chìa khoá nước thiên đàng cho mày : Hễ sự gì mày buộc dưới đất, thì Tao buộc trên trời... Mày hãy giữ đoàn chiên Tao, lớn nhỏ thấy-thấy. »

25 — H. — Vì sao các Giáo-tông Roma đặt quờn trên hết trong Hội-thánh ?

T. — Vì ông thánh Phê-rô đã lập Toà-thánh tại thành Roma, ngự-trị cả-và Hội-thánh cho đến chết, cùng trời quờn Giáo-tông cho kẻ kế vị người tại đó. Mà Giáo-tông ấy trời quờn cho kẻ kế sau, hằng nối-tiếp luôn cho đến Đức Giáo-tông bây-giờ. Nên các Giáo-tông Roma thấy đều kế-vị ông thánh Phê-rô. Mà kế-vị người, thì đặt quờn người ; như vua cha trời nước cho con vậy. Cho-nên các Giáo-tông Roma đặt quờn trên hết trong Hội-thánh như ông thánh Phê-rô xưa.

Vì vậy Đ. Giáo-tông Roma dùng quyền Toà-thánh mà dạy việc gì về đạo, thì chẳng hề sai-lầm dặng ; như đã thấy giải trên.

26 — H. — *Ai phong chức Giám-mục cho các thánh Tông-dồ ?*

T. — Đ C G. đã phong, mà phán rằng : « *Hễ sự gì bay buộc dưới đất, thì trên trời cũng buộc... Bay hãy đi giảng cho mọi người thiên-hạ... Bay hãy chăn giữ đoàn chiên Ta...* »

Vì vậy đã rõ các thánh Tông-dồ, dặng quờn giảng dạy, cai-trị, tha bắt trong Hội-thánh.

27 — H. — *Các Giám-mục có dặng quờn như các thánh Tông-dồ chẳng ?*

T. — Dặng : vì Hội-thánh còn bao-lâu, thì phải có quờn-phép bấy-lâu : nên quờn Chúa ban cho các thánh Tông-dồ, phải bền-đỗ trong Hội-thánh cho đến tận thế. Mà bởi các thánh ấy phần thì ít, chẳng đi giảng dạy khắp cả thế-gian dặng, phần thì chẳng sống ở đời hầu cai-trị Hội-thánh cho đến tận thế : nên đã truyền chức Giám-mục cho có kẻ nối quờn ; và các đấng ấy lưu truyền chức Giám-mục cho kẻ sau nối tiếp cho đến rày. Cho-nên hàng Giám-mục cũng dặng toàn quyền như các thánh Tông-dồ, mà cai-trị địa-hạt mình.

Nhưng-mà Giám-mục coi-sóc địa-phận mình chẳng xiết, thì chọn thêm ít nhiều người phong làm Linh-mục, để coi-sóc từ xứ riêng thay mặt mình ; cũng như hàng Giám-mục thay mặt Đức Giáo-tông. Song quờn cai-trị sửa-sang là chính quờn Giám-mục.

Vì vậy các Giám-mục hiệp nhau đoán định các việc

trong đạo, thì chẳng hề lằm dặng. Vì là chính việc chức phận Tông-đồ, là rường cột Hội-thánh : nên Đ. C. Thánh Thần soi-sáng gìn-giữ cách riêng, như đã giải trước.

ĐOẠN THỨ III

VỀ SỰ THÔNG-CÔNG TRONG HỘI-THÁNH

28 H. — *Thông-công trong Hội-thánh, nghĩa là làm sao ?*

T. — Là mọi người trong hội : các thánh trên thiên-đàng, những người trong luyện-ngục, các kẻ còn sống ở thế này, đều chung với nhau một vóc mình mẫu-nhiệm, và thông cho nhau các sự lành trong Hội-thánh. Vì vậy thông-công này có hai thể : Một là, thương-yêu nghĩa-thiết với nhau ; Hai là, giúp nhau nhờ nhau. Ví dụ : con trong một nhà, mấy anh em đều có nhhĩa tương liên với nhau ; và anh này làm cho lợi lộc, thì anh kia cũng dặng nhờ. Việc thiêng-liêng trong Hội-thánh cũng giống như vậy.

29 — H. — *Sự lành trong Hội-thánh là những việc gì ?*

T. — Một là, mọi công ơn Chúa Cứu-thế ; như Minh thánh, Máu thánh Chúa, các phép Bí-tích, các sự thương-khó, các lời Chúa dạy... Hai là, công-việc người lành trong Hội-thánh làm : như công-nghiệp Đ Bà, các thánh nam nữ, lời nguyện chung trong Hội-thánh, và các việc lành kẻ có nghĩa cùng Chúa. Vì những người lành người thánh là những phần thân-thể sống, hiệp với đầu là Đ C G., cho-

nên được thông phần ích lợi với nhau, nhờ với nhau trong Hội thánh.

Vả kẻ có nghĩa cùng Chúa làm việc lành được ba thứ ích lợi này : 1° là có công đáng thưởng trên thiên-đàng. Công này ai làm nấy nhờ, chẳng thông cho kẻ khác đặng. 2° là có sức đền tội ; 3° là có sức xin ơn Chúa. Hai ích lợi sau này thì được thông cho kẻ khác.

30 — H. — *Bổn-đạo thông-công với các thánh trên thiên-đàng là làm sao ?*

T. — 1° Bổn-đạo tôn-kính các đấng ấy, vì đã đặng thẳng trận ba thù, và hăng cai-trị cùng Chúa muôn đời ; — trông cậy, kêu xin các đấng ấy, vì biết các thánh đặng thần thể trước mặt Chúa, và sẵn lòng thương giúp mọi người giáo-nhơn.

2° Các thánh ân cần cầu-bàu cho hội-hữu còn ở giữa trần-gian : như lời ông thánh Xyprianô rằng : « Các đấng ấy khỏi lo cho mình nữa, một lo cho ta mà-thôi. »

H. — *Ta nhờ cậy các thánh thế nào ?*

T. — Bởi thông-công thì nhờ nhiều thế :

1° Ta tôn-kính các thánh thì tỏ lòng tôn-kính Chúa. Vì tôn trọng những người Chúa tôn-trọng. Như lời Đ C G. phán rằng *Ai tôn trọng Tao, thì Cha tao sẽ tôn trọng nó.*

2° Lời nói việc làm các đấng ấy, đã nên mọo-mực cho ta theo. Đức hạnh công phu phò đấng ấy, như tiếng giục ta tấn-tới đàng nhơn-đức ; phước-lộc vinh-hiễn các vì ấy, nên tiếng nhắc ta nhớ quê thật thiên-đàng.

3° Ta kêu xin, thì các thánh chuyển cầu cho ta được ích phần hồn phần xác : hoặc được chính điều ta xin, hoặc được sự gì Chúa biết cần-kíp cho ta hơn. Vì hồi còn ở thế,

các đấng ấy đã cầu cho kẻ chết sống-lại, kẻ liệt lành đã, kẻ có tội trở lại (coi trong sách Hạnh thánh). Huống-lựa rày đã đặt cai-trị cùng Chúa.

4. Các đấng ấy dâng công-nghiệp xin ơn mà cầu cho các giáo-hữu còn ở thế ; mà xin sự gì thì dâng sự ấy : vì xin những sự đẹp lòng Chúa, và Chúa hằng làm cho phi nguyên các đấng ấy luôn.

5. Công-nghiệp đền tội các đấng ấy còn dư lại bao-nhiêu, thì nhập vào kho chung Hội-thánh, hiệp với công-nghiệp Đ C G.. Ta cũng nhờ khi dâng ân xá, đại xá.

31 — H. — *Giáo-hữu thông-công cùng các linh-hồn trong luyện ngục thế nào ?*

T. — Một là, giáo-hữu dâng lễ Misa, giúp lời cầu-nguyện, dâng việc lành phước-đức, đại xá, ân xá, thì giúp dâng các linh-hồn ấy cho bớt, hay-là khỏi phần phạt trong chốn luyện hình.

HAI là, các đấng linh hồn cũng giúp đỡ cầu-nguyện cho giáo-nhơn dưới thế, nhưt là kẻ đã giúp mình.

H. — *Vì lẽ nào ta giúp dâng linh-hồn trong chốn luyện-hình ?*

T. — Một là, vì các đấng linh-hồn ấy cũng là thân-thể thuộc-về một vóc mình mẫu-nhiệm với ta.

HAI là, các linh-hồn ấy là kẻ Chúa thương-yêu, quyết cho hưởng phước thiên-đàng. Mà bởi còn mắc phần phạt tạm phải đền theo phép công-bình, lại kẻ ấy đã hết thể lập công đền tội, thì Chúa rất nhơn-từ, cho kẻ khác đền thế. Ví dụ : kẻ vua yêu-chuộng mắc lỗi nhẹ, phải vạ theo luật nhà-nước ; mà bởi chẳng lấy gì chạy vạ, nên phải ở tù thế lại. Giả-như có thân-nhơn giúp tiền tài chạy vạ đủ, ắt là vua sẵn lòng tha cho nó chẳng sai.

H. — *Vì sao linh-hồn trong luyện hình giúp đặng giáo-nhơn dưới thế ?*

T. — Vì các linh-hồn ấy có nghĩa cùng Đ C T. và thương-yêu người-ta. Dầu những linh-hồn ấy hết thì lập công cho mình, nhưng-mà thật là kẻ Chúa thương-yêu ; cho-nên có xin ơn gì cho người hội-hữu ở thế, ắt là Chúa nhậm lời ; vì chẳng thấy điều gì ngăn-trở. Ví dụ : Con thảo có lỗi nhẹ, đương phải cha mẹ phạt ; nó có xin cho em điều gì phải lẽ, thì cha mẹ lành sẵn lòng nghe.

Bởi vậy xưa nay bôn-đạo hằng thương giúp các đảng, cùng xin cầu thay cho mình việc nọ việc kia, mà nhiều khi đã đặng như ý.

32 - H. — *Giáo-hữu còn ở thế thông công với-nhau thế nào ?*

T. — 1. Mọi người là con một Chúa, đồng một thân-thể với nhau, tin một cách, trông về một quê thật thiên-đàng với nhau : cho-nên thiết-nghĩa thương-yêu, giúp đỡ nhau phần hồn phần xác. Như thường thấy bôn-đạo hằng cầu-nguyện cho nhau ; người bên Tây đem của qua, dạy-dỗ, giúp-đỡ người bên Đông.

2. Việc lành người này làm, người khác cũng đặng nhờ : hoặc nhờ cách chung như đã nói trước. Ví chẳng khác hội công-ti đậu vốn ; một người làm lợi, mọi người trong hội cũng có phần nhờ. Hoặc nhờ cách riêng, là khi kẻ làm việc lành có ý chỉ riêng cho ai, thì nấy nhờ. Ví dụ : Phê-rô cầu nguyện cho tôi. Tôi bố-thí, có ý xin ơn sốt-sắng cho anh tôi.

Nhưng-mà nhờ nhiều ít, thì mặc lượng Đ, C. G. là đầu Hội-thánh phân-phát, và mặc đòi khi mình có nghĩa cùng Chúa, hay-là chẳng. Vì kẻ mắc sự ngăn-trở, là tội

nặng trong linh-hồn, chẳng đặng nhờ mọi sự lành như kẻ sạch tội.

33 — H. — *Kẻ mắc tội trọng đặng nhờ cách nào ?*

T. — Kẻ mất nghĩa cùng Chúa, chẳng khác chi phần thân-thể đã hư, chẳng còn được thông lưu như các phần thân-thể lành. Nhưng-mà bởi còn dính trong mình, nên cũng được nhờ khi tư nhuận cho được lành đã.

Vậy kẻ ấy được nhờ : 1. lời Hội-thánh cầu-nguyện, ơn lễ Misa, việc lành hội-hữu, thì được ơn ăn-năn trở-lại.

2. Cũng có khi khỏi nhiều tai-nạn đã đáng phạt vì tội. Như khi Đ C T. phán cùng ông Abaraham : Phải chi trong thành này được hai ba mươi người lành, thì Đ C T. thứ-tha cho cả-và thành ấy.

3. Cũng có khi được ơn lành phần xác. Chẳng khác chi như xưa vì ông Giacob, vì ông Giuse, mà Đ C T. ban cho nhà ông Laban, nhà quan Butipha thanh lợi. Ấy vậy kẻ lành trong Hội-thánh, chẳng những làm ích cho mình, mà lại đại ích cho thiên-hạ lắm.

Lời tóm kết.

34 — 1) Cui trong Hội-thánh, các lẽ-luật lễ-nghi rất tốt lành, phương-phép rất hay, phép lạ rất nhiều, gương thánh rất cao-trọng, cách cai-trị vừa dịu dàng vừa công chính, dạy những lẽ rất khôn-ngoaan sâu-nhiệm. Thấy bấy-nhiều đã đủ tin thật là Hội-thánh Đ C T.. Vì dưới thế này chẳng có đạo nào, hội nào được toàn-hảo thể ấy.

2) Những người thông-thái, các đấng thánh hiền, đời nọ đời kia, đã tra xét, đã tin thật, cùng ra nhiều lẽ rất mạnh, rất chắc-chắn, làm chứng là Hội-thánh Đ C T..

Lại bây giờ các nước thế gian, đã mấy trăm ức triệu người tin thật vững vàng ; thì ta lấy lẽ gì mà nghi ngại.

3) Đ C G. ban quờn cả cho Hội-thánh, vì chẳng khác vua ban quờn sanh sát cho quan nào, thì quan ấy đặng quờn sanh sát như vua. Cho nên phải vâng nghe Hội thánh, như vâng nghe Đ C T., mới đặng rồi linh hồn.

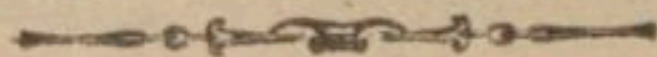
4) Mọi đều Hội thánh dạy là đều chơn thật. Vì có Đ C T T. hằng gìn giữ soi sáng luôn. Giả như có dạy lầm lạc đối trá, ắt Đ C T. thông minh phép tắc chẳng để Hội thánh mạo danh Chúa, mà được thanh trị lâu đời dường ấy đâu.

5) Thế gian tìm hết phương, ma quỷ dùng hết phép mà phá ; song Hội thánh càng ngày càng thanh : ấy là dấu có Đ C T. gìn giữ tỏ tường.

6) Thấy con cái Hội-thánh, đầy những người khôn ngoan đức hạnh, hay thương giúp người ta, cách ăn ở tốt lành, chẳng có đạo nào hội nào ví cho bằng. Ấy đã đủ cho ta nghiệm rằng : có một mình con cái Hội thánh là thật dân riêng Đ C T. chọn mà đem lên thiên đàng.

7) Ta được làm con Hội thánh, thì có phước là dường nào ! Bây giờ đã nên phần thân thể Đ C G., được thiết nghĩa với các thánh trên trời, các đấng trong luyện ngục các giáo hữu khắp miền thế giới. Đặng nhờ mọi phép mọi ơn, các việc lành, các công nghiệp các đấng ấy. Đời sau được hiệp cùng Đ C G., cùng các thần thánh trên trời, hằng vui hằng trị muôn kiếp chẳng cùng.

Ấy vậy một là ta phải cảm ơn Đ C G. hết lòng hết sức. Hai là phải kính phục và làm cho sáng danh Hội thánh. Ba là giữ mình sạch tội, thêm nhơn đức, cho xứng con Hội-thánh, hầu nhờ ơn phước đời này và đời sau vô cùng.



PHẦN THỨ NĂM

VỀ SỰ SỐNG ĐỜI SAU

1 — Đây giảng về việc kiếp sau người-ta, từ khi linh-hồn lìa xác cho đến đời-đời. Gọi sự sống, vì linh-hồn hằng sống, và xác sống lại đoạn, sẽ sống luôn đời-đời ; mà nhứt là chỉ về sự sống đời-đời trên thiên-đàng.

Đạo thánh dạy rằng : Mỗi người chết đoạn, linh-hồn phải chịu phán xét riêng, rồi hoặc lên thiên-đàng, hoặc xuống hoả-ngục, hay là vào luyện-ngục, mặc đời việc lành dữ đã làm khi còn sống. — Đến ngày tận thế xác cũ người-ta đều sống-lại, chịu phán xét chung đoạn, hồn và xác kẻ lành lên thiên-đàng hưởng phước đời-đời, hồn và xác kẻ dữ phải xuống hoả-ngục chịu phạt vô-cùng.

Ấy là việc rất đại-hệ về số-phận mỗi người, ai-nấy phải biết. Nên đây phân làm bốn đoạn, mà giải mấy đều đại-cái :

Đoạn I — GIẢNG CHUNG VIỆC THÂN HẬU NGƯỜI-TA.

... II -- VỀ HOẢ-NGỤC.

... III — VỀ LUYỆN-NGỤC.

... IV — VỀ THIÊN-ĐÀNG.

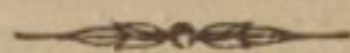
ĐOẠN THỨ I

GIẢNG CHUNG VỀ VIỆC HẬU NGƯỜI TA

Điều I — Về sự tận thế.

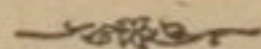
» II — Về xác cũ sống lại.

» III — Về sự phán xét,



· ĐIỀU THỨ NHỨT

VỀ SỰ TẬN THẾ



2 — H. — *Tận thế là làm sao ?*

T. — Là hết đời : nói dặng hai cách : Một là, riêng mỗi người ; hai là chung cả loài người. *Riêng*, là khi mỗi người linh-hồn lìa xác, bỏ hết mọi sự thế-gian, qua kiếp khác, quen kêu là sự chết.

Chung, là khi Chúa sẽ làm cho thế-gian này cùng-tận, chẳng còn nhơn vật nữa. Vì trong sách Evang Đ C G. đã dạy tỏ-tường, cùng chỉ những điềm sẽ có trước ngày tận thế cho ta biết.

3 — H. — *Sống lại nghĩa là làm sao ?*

T. — Bởi nguyên-tổ phạm lệnh Đ C T. nên xác loài người phải án chết, chẳng ai khỏi dặng. Như lệnh Chúa phán cùng nguyên-tổ xưa rằng : *Ngày nào mày ăn trái này, thì phải chết*. Khi nguyên-tổ phạm lệnh đoạn, Đ C T. lại lên án rằng : *Bởi mày ăn trái Iao cấm..., thì phải chịu cực-khổ làm ăn, cho đến khi trở về đất ; vì mày là bụi đất, nên phải rở-về bụi đất*. Ấy là án đã định cho mọi người phải chết chẳng trừ ai.

4 — H. — *Kẻ ngoại có thứ người, kêu là tiên, hằng sống chẳng chết, thì sao ?*

T. — Là đều bày-đặt phi lý. Vì con người-ta có sanh có tử, là việc thường thấy xưa nay. Sử các nước, nào có nghe thấy ai sinh ra ở thế khỏi chết bao-giờ ? Có một kẻ thuật sĩ đặt đều đối-trá ; lấy tám chữ là PHÚ, QUỚI, BẮN, TIỆN, LÃO, ẤU, NAM, NỮ, mà diễn ra tám tên người đời xưa, gọi là Bát Tiên, cho đăng làm việc phù-pháp mà-thôi. Song tám người ấy đã chết lâu đời, như các kẻ khác. Ma-quỉ mượn tám tên ấy mà đối-trá thiên-hạ, như thấy khi cầu tiên viết chữ, là việc ma-quỉ rõ-ràng.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ XÁC CŨ NGƯỜI-TA SỐNG-LẠI

5 — H. — *Sống-lại nghĩa là làm sao ?*

T. — Xác đã chết rồi, mà đến ngày đã định, thì xác nào hiệp với hồn nấy, trở-nên người sống. Linh-hồn hiệp với xác, thì xác sống ; lìa xác, thì xác chết, xác hư ; đã lìa, sau lại hiệp, nên kêu rằng sống-lại. Nói xác sống-lại mà-thôi, vì linh-hồn chẳng chết, nên chẳng nói sống-lại đăng.

6 — H. — *Xác mọi người có sống lại hết chẳng ?*

T. — Đến ngày tận thế đều sống lại hết.

Vì Một là, đời thượng cổ Đ C T. đã truyền cho người-ta biết. Cho-nên tiên-tri Isaia xưa rằng : *Những kẻ trong bụi đất sẽ sống lại mà ngợi khen Đ C T.* Ông Gióp rằng : *Đến ngày sau tôi sẽ sống-lại ; tôi sẽ mặc-lấy da thịt nầy lại, và xác thịt nầy sẽ thấy Chúa tôi lỏ-tường.* Tiên-tri Daniel

rằng : *Kẻ ngủ trong bụi đất, có kẻ thức-dậy cho được hưởng phước đời-đời, có kẻ thức-dậy cho được chịu sỉ-nhục.*

HAI là, Đ. C. G. đã dạy trong sách Evang rằng : *Kẻ lành sẽ sống-lại cho được sống đời-đời ; còn kẻ dữ sống-lại cho được chịu Đ. C. T. đoán phạt.*

BA là, Các thánh Tông-đồ dạy ta phải tin và xưng ra rõ-ràng. Như lời kinh Tin kính rằng : *Tôi tin thịt mình ngày sau sống-lại.* Cùng lời ông thánh Phao-lô tông-đồ rằng : *Chúng ta sẽ sống-lại hết thấy,... Trong một nháy mắt, thì những kẻ chết sẽ sống lại.*

BỐN là, Các thánh hiền xưa nay đều tin đều dạy thế ấy : như lời ông thánh Athanagiô dạy rằng : *Mọi người sẽ hiệp với xác thịt mình mà sống-lại, đến toà Đ. C. G. hiện xuống phán xét.*

Ấy vậy ta phải tin thật xác mọi người bất kỳ lành, dữ, ngày sau đều sống-lại hết. Vì là đều Đ. C. T. đã dạy, các thánh Tông-đồ đã truyền, các thánh tấn-sĩ đã cắt-nghĩa, cùng là sự rất có ích cho ta lắm.

7 — H. — Đ. C. T. cho xác ta sống-lại làm chi ?

T. — Một là, cho ta thấy phép công-bình Đ. C. T.. Vì thuở sống xác đã hiệp với linh-hồn mà làm-lành, hay là làm dữ, thì sau sống-lại đồng chịu thưởng, hay-là chịu phạt với nhau cho cân-xứng.

HAI là, cho ta biết phép-tắc và lòng nhơn-lành Đ. C. G.. Vì dầu ma-quỉ đã buông nọc độc giết hồn xác loài người, mà Chúa đã ra-đời mà cứu-chuộc ta, cho linh-hồn được rồi, và xác khỏi hư-nát đời-đời.

BA là, Đ. C. T. đã dựng-nên vật có linh-hồn có xác hiệp lại làm con người-ta, thành một loài quý-trọng, và cho linh-hồn hằng sống đời-đời. Giả-như xác chẳng hề

sống-lại, ắt là loài ta phải thiếu một phần cho đến đời đời.

Bốn là, Chúa cho xác ta sống-lại, ấy là lẽ rất mạnh giục ta làm lành lánh dữ, cho sau sống-lại được thưởng, khỏi phạt đời-dời. Vì vậy các thánh tử-đạo mới cam lòng chịu phân thân xẻ thịt ; các thánh tu-hành hăm mình phạt xác, cho sau đặng sống-lại an-nhàn vinh-hiễn muôn đời.

8 — H. — *Kẻ chết lâu đời, ra tro bụi tan-mất, kẻ bị loài vật ăn, đã tiêu-tan tận-tuyệt, lẽ nào còn sống-lại đặng ?*

T. — Đ. C. T. phép-tắc vô-cùng, muốn sao nên vậy : Kia khi chưa có vật gì, Chúa muốn có, tức-thì liền có muôn-vật. Vậy xác loài người dầu tiêu-tan thể nào, Chúa muốn cho sống-lại, tức-thì sống-lại. Nào có sự gì ngăn-trở phép-tắc vô-cùng Người ? Không, dựng-nên cho có, là đều rất khó, Chúa làm còn đặng ; huống-chi hư sửa-lại nên.

Vãi hột giống gieo xuống đất, phải hư đi, mới trổ sinh cây lá hoa quả. Ấy là hình bóng xác ta rày phải tiêu-hoá, cho sau đặng sống-lại, và sống đời-dời.

9 — H. — *Xác người-ta sống-lại thể nào ?*

T. — Một là, sống lại rồi, thì chẳng hề chết nữa. Hai là, sống-lại y theo xác thịt mình. Ba là, vừa tuổi tác đương thì xuân-xanh. Bốn là, khỏi ti-tích tật-nguyên. Nhưng-mà xác kẻ lành khác kẻ dữ lắm.

H. — *Xác kẻ lành ra làm sao ?*

T. — Đặng bốn ơn này : Một là, đặng sáng-láng chói-loà : kẻ thì sáng như mặt-trời, người thì như mặt-trăng ;

như ngôi-sao ; tùy việc lành phước-đức mình đã làm nhiều ít khi còn sống ở đời.

Hai là, khỏi mọi sự hoạn-nạn : chẳng còn phải mệt-nhọc, tai-hại, đau, chết nữa ; một hằng sống hằng vui đời-dời kiếp-kiếp.

Ba là, ra nhẹ-nhàng mau-kíp : muốn đi đâu liền đến đó tức-thì, khác nào thần linh vậy.

Bốn là, ra như thiêng-liêng : Chẳng có sự gì ngăn-trở nữa ; dầu kín như thành đồng lũy sắt, xác muốn ra vào, tự-nhiên thấu qua như không vậy. Vì vậy chẳng còn phải lo đông người chật chỗ, hay-là ăn uống vật gì nữa.

10 — H. — *Xác kẻ dữ sống-lại thế nào ?*

T. — Phần thưởng đối hình phạt thế nào, thì xác kẻ dữ sống lại khác kẻ lành thế ấy : vì xác kẻ lành sống-lại cho được thưởng, xác kẻ dữ sống-lại mà chịu phạt.

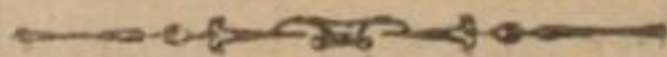
Một là, Xác kẻ lành rực-rỡ, xinh-tốt, vinh-hiến ; thì xác kẻ dữ đen-điu, xấu-xa, gớm-guốc.

Hai là, Xác kẻ lành hằng tiêu-diêu khoái-lạc ; thì xác kẻ dữ rất đối khổn-cực rát-rao.

Ba là, Xác kẻ lành chóng-vánh nhẹ-kíp như thần ; thì xác kẻ dữ tức-tối, nặng-nề, phải mang hình phạt trong mình quá hơn tù phạm.

Bốn là, Xác kẻ lành được thông-thấu dường thiêng-liêng ; thì xác kẻ dữ bị trần-trối buộc-cầm, quá nữa tội hơn.

Ấy vậy có thân thì phải lo thân ; hễ gieo giống nào, gặt giống nấy : đời này phải gặt làm lành, mới khỏi sự dữ kiếp sau.



ĐIỀU THỨ BA

VỀ SỰ PHÁN XÉT



11 — H. — *Phán xét là đi gì, và có mấy thứ ?*

T. — Phán xét là Đ. C. T. tra-cứu mọi việc lành dữ cả đời, mà định thưởng công phạt tội cho đích-dáng. — Có hai thứ : Một là, phán xét riêng ; Hai là, phán xét chung.

H. — *Phán xét riêng là làm sao ?*

T. — Mỗi người khi linh-hồn lìa xác, tức-thì phải đến toà Đ. C. G., cho Chúa cứ theo các việc lành dữ đã lo, đã nói, đã làm, hay-là đã bỏ, từ bình-sinh cho đến chết, mà đoán định cho linh-hồn ấy đăng lên thiên-đàng, hoặc vào luyện-ngục hay là phải xuống hoả-ngục. Ấy là việc tư mỗi một người, nên kêu là phán xét riêng.

H. — *Phán xét chung là làm sao ?*

T. — Đến ngày tận thế, mọi người đều sống-lại, tề-tụ một nơi, có các thiên-thần, ma-quỉ, đồng chịu Đ. C. G. tra xét, cùng tỏ ra mọi việc lành dữ cả đời mình trước mặt thiên-hạ.

12 — H. — *Làm sao mà biết có ngày phán xét ?*

T. — Một là, vì Đ. C. T. đã dạy, Hội-thánh đã truyền, buộc ta phải tin, và xưng thật vững-vàng. Như thấy nhiều nơi trong Sách thánh, trong những kinh nguyện Hội-thánh.

Hai là, có phán đoán phước tội, mới thưởng phạt đúng phép công-bình : vì tội phước người ta, có kẻ ít,

người nhiều, chẳng bằng nhau ; nên phải đoán-xét từ người, mới thưởng xứng công, phạt xứng tội.

13 — H. — *Phán xét riêng còn phán xét chung làm chi nữa ?*

T. — Một là, Cho mọi người đều thấy đức khôn-ngoan, phép công-thắng Đ. C. T., thấu-soi mọi sự, chẳng tây vị ai.

Hai là, Cho được thấy oai-quờn Chúa Cứu-thế ; thần, người, đều phải thờ-lạy khâm-phục.

Ba là, Cho việc thưởng công phạt tội trọng-thể trước mặt muôn loài ; thêm vinh-hiển cho kẻ lành ; càng nhuốc-nha cho kẻ dữ.

Bốn là, Người đời cũng có làm ích chung, hại chung cho nhau, nên phải chịu phán xét chung với nhau.

Năm là, cho ai nấy biết có ngày phán xét chung mọi việc kín đáo, mọi chước giả hình đều bày ra tổ lộ, dặng thêm sợ, mà lo làm lành lánh dữ ở đời này.

14 — H. — *Tựu trường phán xét thế nào ?*

T. — Một là, Mọi người sống lại đoạn, thiên thần dẫn đến trường phán xét đặt kẻ lành bên hữu, kẻ dữ bên tả.

Hai là, Có cờ thánh Giá bởi trời hiện ra chói-loà rực-rỡ, Chúa Cứu-thế ngự trên áng mây mà xuống, các thiên-thần tiền hô hậu h ủng, vinh-hiển oai quờn khôn sánh. Kẻ lành thấy thì nứt da hỉ-hoan, kẻ dữ thì nớp gan kinh-khiếp.

Ba là, Chúa Cứu-thế ngự trên ngai chói-loà rực-rỡ, oai thể khôn đàng, thiên thần và kẻ lành thờ lạy, vui-vẻ hỉ-hoan ; kẻ dữ và ma-quỉ sắp mình kính lạy run sợ kinh hoàng.

15 — H. — *Chúa phán xét tra hỏi thế nào ?*

T. — Chẳng đợi cung khai, chẳng cần chứng tá, như toà xét phần đời ; một làm cho tự nhiên mọi việc phước tội mỗi một người, từ bình-sinh cho đến chết, đều bày ra tỏ lộ trước mặt Chúa, trước mặt mọi người, trước mặt mình, chẳng sót đều gì kín-đáo. Cho nên mọi người đều thấy tội phước từ người, cũng như Chúa biết ; chẳng còn khuất lấp đều gì đặng. Ai nấy đều thấy tội phước riêng mình, cũng như Chúa thấy, chẳng còn quên sót được. Vì vậy chẳng còn đôi chối chữa mình đều gì đặng ; một cúi đầu vâng phục lý đoán rất công thẳng vô-cùng mà-thôi.

Vậy trong Sách thánh nói Chúa sẽ mở sổ sách đã biên mọi việc lành dữ người ta mà tra xét. Ấy là nói theo kiểu việc đời, cho ta dễ hiểu. Vốn chẳng phải sổ bộ có hình, thật là sổ bộ thiêng liêng, nghĩa là Chúa mở con mắt, và lương tâm mọi người, cho thấy nhần tiền mọi việc lành dữ mình, và tội phước mọi người đã làm khi còn sống.

16 — H. — *Chúa ra lý đoán làm sao ?*

T. -- Cứ theo lời Đ C G. đã dạy trong Evang, thì khi Chúa đã lấy lời nhơn hậu phán khen kẻ lành, cùng ra oai thanh nộ quở trách kẻ dữ, đoạn phán cùng kẻ lành rằng : *Ó các con, là kẻ Cha Tao yêu-dấu, hãy đến mà lãnh phần phước thiên đàng, đã sắm từ tạo thiên lập địa để dành thưởng các con.* Đoạn phán cùng kẻ dữ rằng : *Ó quân khốn nạn, bay hãy xở ra cho khỏi mặt Tao, mà xuống hoả-ngục chịu thiêu đốt đời đời : đó là nơi đã sắm để phạt ma quỷ, cùng những đoàn theo nó.* Tức thì đất rẽ ra, lửa hoả ngục bùng lên, cáo hết kẻ dữ và ma quỷ xuống, mà thiêu đốt đời đời. Cũng một khi ấy trời mở ra,

các kẻ lành khởi hườn vinh-hiền cùng Chúa Cứu thế về thiên đàng, hăng vui, hăng trị, muôn kiếp chẳng cùng.

ĐOẠN THỨ II

GIẢNG VỀ HOẢ-NGỤC.

Điều thứ I — Về sự có hoả-ngục phạt kẻ dữ đời-đời.
... II — Về hình-khổ trong hoả-ngục.

ĐIỀU THỨ NHẤT

CÓ HOẢ-NGỤC PHẠT KẺ DỮ ĐỜI-ĐỜI

17 — H. — *Hoả-ngục là đi gì ?*

T. — Tiếng hoả ngục có nghĩa chung, chỉ chỗ giam-cầm những kẻ chẳng dặng xem thấy mặt Chúa hưởng phước thanh nhàn. Như hải-sở là ngục giam con nít chết khi chưa mất tội mình làm. Ngục tổ-tông là nơi cầm các thánh tổ-tông, khi linh hồn Đ C G. lìa xác đã xuống đó an-ủi, và đem các thánh ấy lên. Hai nơi này trong Kinh thánh cũng kêu là hoả-ngục.

Nhưng mà chính hoả ngục nói đây, là chốn rất sâu-hiểm đầy những lửa, cùng các thứ hình khổ dữ dằn ghê-gớm, Đ C G. đã lập để phạt ma-quỉ và kẻ có tội nặng đời-đời.

18 — H. — *Làm sao mà biết có hoả-ngục ?*

T. — Vì Đ C T. đã truyền từ đời thượng cổ ; Đ C G. phân dạy rõ ràng ; Hội thánh buộc ta phải tin ; lẽ tự-nhiên làm chứng phải có hoả-ngục. Cho nên phải tin chắc chắn, mựa khá hồ-nghi.

Một là, Đời ông Moisen có tên đầu đảng trong dân Giudêu, tên là Corê, Đathan, Abiron, trở lòng nguyền cùng ông Moisen, nói lộng ngôn phạm đến Đ C T. Bổng-chức Chúa cho đất nở ra nuốt ba đứa ấy xuống hoả-ngục ; lại có lửa hoả-ngục bùng lên, đốt sống 250 đứa đã theo phe ba thằng ấy. Ông Gióp cũng nói kẻ bất nhơn bổng-chức sa xuống hoả-ngục. Cũng có nhiều chứng khác, đời thượng cổ đã chép trong Sách thánh.

Hai là, Đ C G. đã dạy nhiều lần trong sách Evang. Như lời rằng : *Ở những quân khôn nạn, bay hãy xỏ ra cho khỏi mặt Tao, mà vào trong lửa (hoả-ngục) thiêu đốt đời đời ; là nơi đã sắm cho ma quỷ và những đoàn theo nó.* Lại Đ C G. kể tích người giàu có kia chết sa xuống hoả ngục, chịu thiêu đốt khát khao, kêu khóc cùng ông thánh Abaraham.

Ba là, Sách chỉ Đức Giáo-tông Bênêđitô thứ bảy dạy về đức tin rằng : « Kẻ chết còn đương mắc tội nặng trong linh hồn, thì phải sa hoả ngục mà chịu gia-hình đó. » Trong sáu điều cần kíp rằng : Tôi tin có hoả ngục để phạt kẻ dữ đời đời.

Bốn là, Cừ lẽ tự nhiên cũng biết đặng phải có chỗ để phạt kẻ dữ cho xứng tội. Cũng như vua đời lập khám đường để giam phạt người lỗi luật. Đ C T. công bình vô cùng, sanh dưỡng cai trị loài người ta, ắt phải thưởng công phạt tội cho xứng-đáng. Nhưng mà đời này chưa thấy thưởng lành phạt dữ cho trọn : vì nhiều khi thấy kẻ lành hoạn nạn, kẻ dữ sung sướng mãn đời. Ấy vậy phải có chỗ để thưởng phạt đời sau cho cân xứng chẳng sai.

Vì vậy trong kẻ ngoại cũng biết mờ-mờ : có kẻ kêu là *Âm-phủ*, có kẻ nói *hoả-ngục*. Như lời tục ngữ ca rằng : Thiên đàng hoả ngục hai quẻ : ai khéo thời về, ai vụng thời sa.

19 — H. — *Lẽ gì mà biết Đ C T. thưởng phạt loài người ta ?*

T. — Một là, Bởi Đ C T. đã phán dạy tỏ tường nhiều nơi trong Sách thánh. Cho ta biết Chúa là chính đáng, trả công tùy việc mỗi một người, là đáng thưởng kẻ lành phạt kẻ dữ, chẳng thiên tư ai.

HAI là, Nhiều khi Đ C T. giơ tay công thẳng mà sát phạt cho ta thấy. Kia thiên thần phạm tội, Chúa phạt xuống hoả ngục ; người ta phạm đến Chúa, lẽ nào Chúa dung. Nguyên tổ phạm lệnh, Chúa đã phạt nặng ; con cháu còn phạm, lẽ chi Chúa tha. Đời thượng-cổ thiên-hạ say mê dâm tội-lỗi, Chúa đã lấy nước lụt hồng-thủy mà tẩy-trừ cả va thế-giới, còn nội nhà ông No-e mà-thôi. Thành Xodoma và mấy thành lân-cận, dâm mê sắc-dục, thì Đ. C. T. đã lấy lửa mà thiêu-đốt hết, còn một nhà ông Lót mà-thôi. Hay người-ta nghịch-mạng cùng Chúa, lẽ nào Chúa tha ; dầu chưa phạt hồi còn sống, chắc phải phạt khi chết rồi. *Vì thiên ác đão đàu chung hữu báo.*

BA là, Lẽ tự-nhiên hễ có cai-trị, thì có thưởng phạt. Bởi đó hằng thấy cha phạt con, thầy phạt trò, vua quan phạt dân-sự, khi nó lỗi luật. Vậy Đ. C. T. là chính đáng sanh-dưỡng, dạy-dỗ, cai-trị hết mọi người, lẽ nào không phạt những người lỗi lệnh Chúa. Vì vậy lời tục-ngữ quyết rằng : *Hoàng-thiên hữu nhân... Thiên bất dung gian đảng.*

BỐN là, Đ. C. T. đã in sự thưởng lành phạt dữ trong bỗn-tính loài người. Nên bất kỳ nước nào xứ nào, tuy dân ngoại không hiểu cho rõ, cũng biết dặng mờ-mờ. Cho-nên hễ người nào có lương-tâm, rui làm sự gì dữ nặng, dầu nơi kín-đáo không ai thấy, cũng ái ngại lo sợ hoải. Sợ ấy là sợ ai ? Chẳng qua là sợ đáng thiêng-liêng phạt tội. Theo

lời tiên nơn rằng : *Nhơn bất lục, thiên tất lục chi* : người-ta không giết, thì đấng trên trời cũng giết nó.

Ấy vậy tin Đ. C. T. chưa đủ, phải tin Đ. C. T. là đấng cầm quờn thưởng phạt, mới đặng rồi linh-hồn.

20 — H. — *Kẻ dữ chịu phạt trong hoả-ngục có khi nào được khỏi chăng ?*

T. — Chẳng đặng, một phải chịu luôn-luôn cho đến đời-đời. Ấy là điều Đ. C. G. đã phán-bảo cho ta biết. Như lời rằng : *Ở những quân khốn nạn... Vào lửa thiêu-đốt đời-đời... Những kẻ ấy phải vào (hoả-ngục) chịu hình-khổ vô-cùng.*

Lại Hội-thánh dạy ta phải tin điều ấy. Như lời dạy sự phải tin trong kinh ông thánh Athanagiô rằng : Kẻ lành sẽ đặng vào hưởng sự sống đời-đời ; kẻ dữ sẽ vào ngục lửa thiêu đốt đời-đời.

Nhưng-mà xét theo lẽ, thật là thậm phải ; vì phép công-thắng Đ. C. T. phạt kẻ có tội, thì chẳng hề thay-đổi ; lại kẻ ấy sống bao-lâu thì mang tội nặng bấy-lâu, vì đã hết thì ăn-năn cải quá. Vậy những người trong hoả-ngục sống đời-đời nên phải chịu phạt đời-đời.

21 — H. — *Kẻ ở trong hoả-ngục ăn-năn, thì Đ. C. T. có tha, có giảm bớt hình phạt chăng ?*

T. — Chẳng, vì mọi sự Chúa đã định có thì, có hạn ; còn phần người-ta có kiếp trước, có kiếp sau : hồi còn sống là thì lập công đền tội ; chết rồi là kỳ thưởng công phạt tội. Đời này như chốn chiến trường, đương lo thắng bại ; đời sau như chiến trường mãn cuộc, thưởng kẻ thắng, phạt kẻ thua, chẳng thể lập công nữa. Chừng đó có ăn-năn cũng vô-ích. Lại kẻ ở trong hoả-ngục, có ăn-năn bởi cực

quá mà-thôi, chẳng thảo gì cùng Chúa, hầu đáng ơn tha-thứ. Kia tù phạm đã khép án rồi, dũa nào chẳng thống hối. Nếu phải tha cho nó hết, thì phép công, hình phạt ra vô-ích, mà dũa dũa càng thêm lung.

Vã ăn-năn cho thật phải có ơn Chúa ; mà kẻ chết khi còn mang tội trọng, thì Chúa đã nhứt-định dứt bỏ rồi, chẳng còn ban ơn gì cho nó nữa, hầu ăn-năn thật, mà nhờ ơn tha giảm. Vì vậy Hội-thánh cấm cầu-nguyện cho những người trong hoả-ngục.

22. — H. — *Người-ta phạm tội ở đời này chẳng bao lâu, mà phạt luôn đời, làm sao cho phải lẽ ?*

T. — Hình phạt công-bình chẳng xét tội phạm lâu mau, một chiếu theo tội nặng nhẹ. Bởi đó kẻ phạm tội sát hơn trong giây-phút, mà phép nước phạt mãi đời.

Vậy thứ nhứt. Tội nặng vô-cùng, nên phải phạt vô-cùng. Vì dũa hèn phạm đến đấng càng cao, thì tội càng thêm nặng. Loài người-ta là vật rất hèn-hạ trước mặt Chúa, mà cả lòng phạm đến Đ. C. T. là đấng cao-trọng vô-cùng, ắt là tội ra nặng vô-cùng ; nên phải chịu hình-khổ vô-cùng mới đáng.

Thứ hai. Đ. C. T. hơn lành vô-cùng, công-thắng cũng vô-cùng. Kẻ làm lành chẳng mấy năm, mà Chúa thưởng đời-dời ; thì kẻ làm dữ chẳng mấy năm, Chúa cũng phạt đời-dời ; ấy là điều rất xứng đối.

Thứ ba. Ý theo đàng tội-lỗi bao-lâu, thì Đ. C. T. phạt bấy-lâu. Vậy kẻ dữ đến giờ chết chẳng ăn-năn chừa bỏ đàng tội-lỗi, tuy là hết thì phạm tội mà ý xấu đó hãy còn ; lại chết rồi chẳng còn cải dữ về lành đặng, nên ý xấu ấy hằng bền đồ luôn, thì Đ. C. T. phạt luôn.

Thứ bốn. Đ. C. T. đã rao truyền việc thưởng phạt đời-

đời ; lại đã ban quyền chủ trương cho mỗi người chọn-lựa đảng lành đảng dữ mặc ý, cùng ban cho mọi người đủ ơn đủ sức mà lo cho được thưởng khỏi phạt. Vậy kẻ theo đảng dữ, phải phạt đời-đời, là tự mình ưng chọn, chẳng còn than-trách đảng.

Vì vậy những người phải phạt đời-đời trong hoả-ngục, cũng phải chịu Đ. C. T. công-bình vô-cùng.

23 — H. — *Đ. C. T. sinh ra, rồi phạt vô số người-la thể ấy, sao cho xứng đức nhân-ái vô-cùng ?*

T. — Thứ nhất. Đ. C. T. chẳng có ý sinh ra người nào cho đảng phạt. Như lời Người phán trong Kinh thánh rằng : *Nào ý Tao có muốn cho kẻ dữ chết khổn-nạn đâu.* Ông thánh Phêrô tông-đồ rằng : *Đ C T chẳng muốn cho ai phải hư mất, một muốn cho mọi người ăn-năn trở-lại.* Cũng như ta trồng cây, có ý vun-quén hết thảy cho nên bông trái. Song khi phá mấy cây hư, thì chẳng phải là có ý trồng mà phá, một tại nó hư, nên phải phá mà-thôi.

Thứ hai. Mọi người đời được sinh ra cho có ở đời này, là tại lòng nhân-lành Đ. C. T. ; còn sự phải phạt muôn đời, là tại lỗi riêng người-ta ; nên chẳng trách Chúa đặng.

Thứ ba. Đ. C. T. phán xét mỗi người mà trả công tùy việc ; Người công-bình vô-cùng, chẳng hề phạt ai quá tội. Cho-nên mấy người bị phạt, thật là đáng phạt. Kìa vua quan phạt mấy người đáng phạt, thì thiên-hạ cho là phải ; mà Đ. C. T. phạt mấy người đáng phạt, chẳng phải lẽ sao ?

Thứ bốn. Lòng nhân-ái, đức công-thắng Đ. C. T., tuy là vô-cùng, mà Chúa tỏ ra có thì có ngăn. Kìa trong thế-gian biết mấy ức triệu người dễ-duôi khinh mạng Đ. C. T., mà Chúa chẳng ra oai sát phạt, một ban đủ ơn hồn

xác, đợi ăn-năn trở-lại. Vậy đời này thấy nhờn-ái, mà khó thấy công-thắng ; thì đời sau cũng phải thấy công-thắng, mà khó thấy nhờn-ái.

Ấy vậy lân-mẫn chừng nào, thì công-bình chừng nấy ; hết lúc nhờn-ái, đến thì công-thắng. Đừng tưởng Đ. C. T. ở độc dữ với người-ta làm chi.

24 — H. — *Phật muốn đời làm vậy nàoặng ích gì ?*

T. — Tuy chẳng ích gì cho kẻ phải phạt, nhưng mà cũng sáng danh Chúa, và làm ích cho người đời.

Một là. Cho xứng tội phạm đến Chúa cao-trọng vô-cùng ; như đã giải trước.

Hai là. Mọi loài hằng thấy hằng sợ phép công-thắng Chúa luôn.

Ba là. Kẻ lãnh trên thiên-đàng thấy mình may phước khỏi phạt vô-cùng làm vậy, thì vui-mừng là dường-nào !

Bốn là, Cho ta thêm sợ mà lo lánh dữ làm lành. Xưa nay biết là mấy người bởi sợ hoả-ngục vô-cùng, nên đã khử tà qui chánh, cùng đặng nên lành nên thánh !

25. — H. — *Những ai phải sa hoả-ngục ?*

T. — Những kẻ chẳng nhìn-biết thờ-phượng Đ C T., cùng những người có đạo khi chết còn mắc tội nặng trong linh-hồn. Chẳng những là kẻ hung-hoang làm nghịch cùng Chúa, làm hại người-ta ; mà lại kẻ chẳng làm việc trọng theo luật Chúa dạy, thì cũng phải phạt. Vì làm sự Chúa cấm làm, hay là chẳng làm sự Chúa dạy làm, thì cũng là tội nghịch lệnh Chúa. Mà nghịch trong việc trọng thì tội nặng. Một tội nặng mà khi chết chẳng ăn-năn, thì đã đủ sa hoả-ngục.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ HÌNH KHỔ HOẢ-NGỤC

26 — H. — *Hình phạt hoả-ngục thế nào ?*

T. — Hình khổ hoả-ngục thì rất dữ-tợn quá lời miệng nói, quá trí khôn lường. Trong Kinh thánh gọi là nơi tối-tăm khốn-nạn, là hầm lửa sinh diêm thiêu-đốt, là chỗ khốc lóc nghiêng răng rên siết, là nơi tụ tập các hình khổ.

Kìa vua đời dùng ngũ hình sát phạt tội nhơn, thì coi đã kinh-hãi ; phượng chỉ Vua cả trời đất, ra oai-quờn mà phạt kẻ nghịch cùng Người. Các thánh giải hình phạt hoả-ngục, thường kêu là hình-khổ khôn ví, dầu góp hết các sự dữ thế-gian, mà sánh với sự dữ hoả-ngục, thì các sự đời này ra như không vậy.

Thường tóm lại hai thứ này : một là *thất khổ* ; hai là *giác khổ*.

27 — H. — *Thất khổ là làm sao ?*

T. — Là phải khốn-cực thiết-tha, vì chẳng dặng xem thấy mặt Đ C T., cùng mất hết mọi ơn phước, mọi sự tốt-lành. Bởi vì kẻ phạm tội nặng, mà chẳng ăn-năn trở-lại, ấy là dứt bỏ Đ C. T. Cho-nên Chúa dứt bỏ nó đời-đời, chẳng cho được chút gì lành nữa. Như lời Chúa đã phán rằng : *Ở quân khốn-nạn, hãy lìa cho khỏi mặt Tao, mà chịu lửa thiêu-đốt đời-đời.*

H. — *Thất khổ là hình phạt thế nào ?*

T. — Là hình phạt rất khốn-cực nặng-nề hơn các thứ hình phạt trong hoả-ngục. Vì hệ mất của càng quý-trọng,

càng nhiều, càng đau lòng xót dạ ; nhứt là mất tại mình đại quá, thì càng thêm tức-tối cực sỉ hơn nữa.

Vậy kẻ ở trong hoả-ngục mất hưởng mặt Đ C T. là chính gốc mọi sự tốt-lành vui-vẻ ; mất thân-ngĩa sum-vầy cùng thần thánh ; mọi phước-lộc thiên-đàng Đ C T. đã sắm-đề cho mình, thấy đều mất hết. Các sự vui giả thế-gian cũng chẳng còn, thì biết nó lấy làm uổng, lấy làm tiếc là trùng nào !

Trí hằng nhớ tại mình đại-dột, ham mê sự hèn-hạ thế-gian, nên đời-đời phải mất hết mọi sự châu-báu mọi phước vô-cùng dường ấy, thì hằng tiếc hằng thốn-thức ưu-sầu rên-siếc chẳng khi dừng. Trí-khôn ra tối-tăm u ám, hằng biết một điều này, là mình phải cực làm vậy cho đến đời-đời kiếp-kiếp, thì kinh-hoàng sáng-sốt.

Lòng muốn chẳng còn trông được sự gì lành nữa, một trông chết đi cho rồi, song biết chẳng khi nào chết đặng, thì trách đất van trời, giận mình ghét chúng, đau đớn khổ-nạn là dường nào ! Ấy là những điều đại-cái về hình phạt bề-trong làm cho kẻ dữ phải khổ-cực, hằng giây hằng phút cho đến đời-đời.

28 H. — *Giác khổ là đi gì ?*

T. — Là những hình phạt bề-ngoài, làm cho kẻ có tội phải đau đớn khổ-cực quá trí khôn lường.

Kẻ phạm tội nặng, ấy là khinh mạng Chúa, mà yêu-chuộng vật hèn. Bởi nó khinh Chúa thì Chúa gia hình ; bởi yêu vật hèn, thì Chúa cho vật hèn báo hại, là lửa sinh diêm thiêu-đốt, ma-quỉ hành-hà, sâu-bọ rúc-rỉa, cùng muôn vàn hình-khổ khác, khôn kể cho cùng. Như lời Đ C G, phán rằng : *Bay phải sợ Đấng có phép phạt và xác và hồn bay trong hoả-ngục.*

H. — *Kẻ ở trong hoả-ngục phải chịu giác khổ thể nào ?*

T. — Cứ theo lời thánh hiền đã giải, hình-khổ thứ nhất, là lửa hằng thiêu-đốt tư bề luôn lý chẳng khi dừng. Ngũ quan tứ thể đều phải chịu gia hình : con mắt hằng thấy những hình yêu-quái, gớm-ghê kinh-hãi. Tai hằng nghe những tiếng van-siếc, chưởi-rủa, găm-tru. Mũi chịu những mùi thúi khét nồng-nà sặc-sụa, thở ra thở vào những lửa. Miệng ăn uống đều những lửa sinh diêm. Cả và mình đều thông hồng những lửa, khác nào đồng chảy trong giót vậy. Mọi sự trong ấy đều là hình phạt thấy-thấy, chang có chút gì vui lành. Mỗi thứ tội đều có hình phạt riêng. Hằng phải chịu luôn-luôn, chẳng khi nào ngớt.

29 — H. — *Phán xét chung rồi mới có xic trong hoả-ngục mà linh-hồn thiêng-liêng vô-hình, lẽ nào chịu hình-khổ dặng ?*

T. — Đ C T. đã dựng-nên linh-hồn dặng, mà phạt nó chẳng dặng sao ? Ất là Người cũng lập dặng hình-khổ có sức riêng, để phạt những linh-hồn bất trung thất hiếu. Đừng tưởng lửa hoả-ngục như lửa đời này đâu ; song Chúa đã phú tính riêng cho lửa hoả-ngục dặng làm khổ linh-hồn đời-đời.

Vả linh-hồn là gốc làm cho ta biết cực biết vui ; như khi ta suy đến sự khốn-nạn mình sẽ phải chịu, liền đau-đớn buồn-rầu. Vậy sự khốn-nạn ấy chẳng động đến ngũ quan tứ thể, mà mình phải cực, thì chẳng phải là một linh-hồn chịu cực sao ? Linh-hồn còn trong xác, chịu cực một mình dặng, thì ra khỏi xác chịu cũng dặng, mà chẳng thấy sự gì ngăn-trở.

30 — H. — *Kẻ ở trong hoả-ngục, có chịu phạt bằng nhau chăng ?*

T. — Đ C T. rất công-bình vô-cùng, trả công tùy việc mỗi người, cho-nên hình phạt cân-xứng theo tội. Mà tội thì có kẻ ít người nhiều, kẻ nặng người nhẹ hơn; cho-nên chịu phạt chẳng bằng nhau, nhưng mà có một sự như nhau là phải giam trong ấy đời-đời kiếp-kiếp.

Các điều về hoả-ngục, hãy coi trong sách Tứ-chung, sách Giảng về hoả-ngục, mới tường tận. Đây giải lược qua ít điều vừa đủ biết phải tin, phải sợ, phải dè giữ, cho khỏi sa xuống đó mà-thôi.

ĐOẠN THỨ III

GIẢNG VỀ LUYỆN HÌNH

Điều I — Về sự có luyện-hình.

, , , II — Về hình khổ trong luyện-hình.

ĐIỀU THỨ NHẤT

VỀ SỰ CÓ LUYỆN-HÌNH

31 - H. — *Luyện-hình là đi gì ?*

T. — Là ngục Đ C T. đã lập để giam phạt linh-hồn kẻ lành chưa đền tội đủ, hầu nên thanh-sạch mà vào nước thiên-đàng.

Một là, Nói kẻ lành, nghĩa-là những người đã khỏi hết mọi tội nặng, có ơn nghĩa thánh trong linh-hồn.

Hai là, Chưa đền tội đủ, nghĩa-là chưa chịu phạt tạm cho xứng tội-lỗi mình. Vì hễ có tội thì có vạ. Tội phải phạt, vạ phải đền. Tha tội nặng là tha án phạt đời đời,

mà chưa tha phần vạ ; nên kẻ dặng ơn tha tội, còn phải đền các phần vạ ấy cho đủ. Cũng như luật nước, kẻ mắc án tử hình, dầu được ơn giảm tử, cũng còn mắc án đồ ; có xuất công xuất của mà đền đủ, mới được thông dong.

BA là, Hầu nên thanh-sạch, mà vào nước thiên đàng, nghĩa-là linh-hồn còn mắc vạ chưa đền, cũng như áo còn lấm chưa giặt, nên chưa đáng xen hàng cùng các thần thánh trước toà uy-nghi Đ C T. Mà khi đã đền xong, sạch hết các vạ, mới được vào hưởng tiệc thường sanh trước mặt Chúa.

BỐN là, Bối đó đã rõ, những kẻ đã ăn-năn thống hối khỏi tội nặng, mà đền chưa đủ, cùng những kẻ phạm tội nhẹ mà chưa đền xong, thì chết rồi phải vào luyện hình chịu hình-khổ, mà đền cho cân-xứng.

32 — H. — *Vì ý nào mà tin có luyện hình ?*

T. — Vì là đều Hội-thánh đã dạy, đã tin bấy lâu nay ; hằng dâng lễ Misa, dâng kinh nguyện, cầu cho những linh-hồn trong chốn luyện-hình được mau lên hưởng phúc, như đã dạy trong công đồng Tridentinô. Các thánh sư, các hàng lý đoán, đều rập một ý mà làm chứng ; cho-nên là đều đích-thật, ta phải tin vững-vàng.

H. — *Có lẽ nào cho ta dễ hiểu đều ấy chăng ?*

T. — Có. — Thứ nhứt. Kẻ đã khỏi tội nặng, tuy còn phần vạ chưa đền, song thật là kẻ có ơn nghĩa thánh, là kẻ Chúa thương-yêu ; chẳng lẽ Chúa giam chung cùng kẻ nghịch trong một ngục đời-đời, là nơi đã sắm cho ma-qui, và những đoàn theo nó. Cho-nên Chúa lập ngục riêng phạt kẻ ấy là thậm phải.

Thứ hai. Hình phạt phải xứng theo tội. Cho-nên kẻ

mắc tội nhẹ, chẳng phải xuống hoả-ngục ; vì hoả-ngục là hình phạt rất nặng và đời-dời. Cũng chẳng dặng lên thiên-đàng, vì thiên-đàng là chỗ thưởng người đã thanh sạch mọi bề tội-lỗi. Ất là phải có chỗ riêng mà phạt tội nhẹ ấy cho cân-xúng.

Thứ ba. Đức công-thắng Chúa đòi kẻ có tội phải đền cho đủ, chẳng chây một ly : lòng nhơn-tử Chúa muốn cho mọi người được rồi. Giả-như Chúa chẳng lập luyện-hình, cho phép đền phần phạt tạm đời sau, âu là chẳng mấy người được rồi : vì ở đời này chẳng mấy ai khỏi tội nhẹ cùng chang mấy người đền đủ các phần phạt tạm trước khi lâm tử. Ấy vậy Đ C T. lập luyện-ngục phạt tạm, thật là đều rất xứng lòng lân-mẫn đức công-bình Chúa, và may phước cho ta.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ HÌNH KHỔ TRONG LUYỆN-HÌNH

33 — H. — *Hình-khổ trong luyện-hình là làm sao ?*

T. — Là những sự buồn-sầu khổ-nạn, làm cho kẻ ở trong ấy phải khổ-cực trăm chịu. Vì thấy mình chưa hưởng mặt Chúa là gốc mọi sự tốt-lành vinh-phước, còn phải giam-cầm trong tù-rạc, thì khát-khao bức-tức, rầu-rĩ là trùng nào ! Bởi tại lỗi mình nên phải thân tất bạc thể ấy, thì càng thêm đắng-cay chua-xót cực lòng là thể nào. Nhớ hồi còn sống chẳng thiếu chi những dịp những phương rất dễ lập công đền tội, mà đã bỏ qua chẳng màng, nên rày còn phải chịu cực hình thể này, thì phiền-muộn đau-đớn là dường nào ! Bởi xưa ham phong lưu vui giả, nên rày phải gia hình cho khổ-sở, ấy là phép Chúa chí công.

34 — H. — Các kẻ ở trong luyện-hình có chịu khổ-hình bằng nhau chăng ?

T. — Chẳng. Vì hình phạt cân-xứng theo tội. Cho-nên có kẻ nặng, người nhẹ, kẻ mau, người lâu, có kẻ phải chịu lâu lắm. Lại có linh-hồn nhờ kẻ còn sống giúp đỡ, (như đã giải Phần IV đoạn III) thì đặng giảm-bớt hay-là mau khỏi, tùy theo ơn giúp và lòng nhơn-từ Đ C T.

35 — H. — Các linh-hồn trong luyện-hình, sau đặng lên thiên-dàng hết chăng ?

T. — Đặng. Vì những linh-hồn ấy khi chết đã có ơn nghĩa thánh trong mình, và chẳng còn phạm tội đặng nữa, nên đã chắc-chắn về phần rồi. Tuy chưa đặng vào nước thiên-dàng, mà Đ C T. đã ban sức bền-vững trong ơn nghĩa thánh luôn ; nên hằng kính-mến Chúa trên hết mọi sự. Bởi đó dầu chịu hình-khổ rất nồng-nản cay-đắng, cũng cam lòng kính-phục phép công-thắng Đ C T. ; chẳng hề phàn-nản trách Chúa, chẳng ngã lòng trông cậy ; một trách tội-lỗi mình, cùng ước-ao trông đền mau đủ, cho đặng về châu Chúa, hưởng phước nghỉ-ngoi.

36 — H. — Luyện-hình còn cho đến khi nào ?

T. — Còn cho đến ngày phán xét chung mà-thôi. Vì từ ngày ấy thì mọi sự đời-đời, chẳng còn sự gì tạm nữa. Theo lời Đ C T. phán mời các kẻ lành vào thiên-dàng, đuổi các kẻ dữ xuống hoả-ngục, mà chẳng thấy nói đến luyện-hình nữa. Vậy lúc đó ai còn mắc nhiều phần phạt tạm chưa đền đủ, hoặc Chúa phạt nặng hơn xấp bội, hầu đền đủ kịp ngày thẩm phán.

37 — H. — Ta phải giúp linh-hồn trong lửa luyện-hình chăng ?

T. — Thứ nhất. Hội-thánh đã lập lễ các Đẳng, cùng nhiều kinh nguyện cầu cho những linh-hồn trong chốn luyện-hình, âu-là có ý khuyên ta thương-giúp các linh-hồn ấy.

Thứ hai. Đức kính Chúa yêu người buộc ta phải cứu-giúp. Vì kẻ thật lòng mến Chúa, thì lo cho người-ta được lên thiên-dàng ngợi-khen Chúa. Kẻ có bụng thương người, thì giúp người ta trong cơn túng-cực. Vậy những linh-hồn trong lửa luyện hình, chưa được về chầu Chúa, và túng cực quá chừng ; nên phải thương giúp tùy sức.

Thứ ba. Cũng có khi đức công-bình buộc giúp. Vì hoặc tại ta làm cớ, nên kẻ nợ người kia phải phạt trong chốn ấy. Hoặc kẻ nào có công ơn với ta, mà ta chưa trả ; như ta không công gì mà ăn gia-tài kẻ ấy để lại ; hay là mắc nợ cách nào, mà trả thế khác chẳng đáng ; thì đức công-bình buộc phải giúp các linh-hồn ấy.

Thứ bốn. Bằng những linh-hồn giam trong ấy, là ông bà, cha mẹ, quan thầy, thì đức hiếu-trung cũng buộc ta phải giúp.

Thứ năm. Ta ân-cần giúp các đẳng trong luyện-hình, thì mình cũng đáng nhờ : 1. Những linh-hồn nhờ ta, chẳng quên ơn ta trước toà Chúa. 2. Cũng là dịp nhắc ta năng nhớ luyện hình, mà lo lập công đền tội ở đời này cho huân tất. 3. Hoặc sau có rủi sa vào đó, âu là Chúa cũng xui lòng cho kẻ khác giúp ta lại.

Vì vậy thấy các thánh và những người đạo đức xưa nay hăng ra công xuất của mà giúp các đẳng, cho được mau về chốn tiêu-diêu.

Về cách giúp thế nào, hãy coi sách thánh các Đẳng, cùng đã lược-quá trong *Phần IV đoạn III*.

ĐOẠN THỨ IV

GIẢNG VỀ THIÊN ĐÀNG

Điều thứ 1 — Về sự có thiên-đàng.

, II — Về phước lộc thiên-đàng.

ĐIỀU THỨ NHỨT

VỀ SỰ CÓ THIÊN-ĐÀNG

38 - H. — *Thiên-đàng là đi gì ?*

T. — Thiên-đàng là chốn cao sang quý-trọng trên trời, Đ C T. đã dựng-nên, để thưởng thiên thần cùng các kẻ lành, hằng hằng xem thấy Chúa vinh-hiễn tốt-lành, mà hưởng phước vui-vẻ đời-đời.

Trong Kinh thánh thường gọi thiên-đàng là : thiên cung, cõi thọ, cõi trường sanh, quê thật, chốn bình-an, chốn tiêu-diêu tự tại, cõi phước trời...

39 - H. — *Làm sao mà biết có thiên đàng ?*

T. — Thứ nhất. Vì là đều Đ C T. đã truyền từ đời thượng cổ, như thấy trong pho Kinh thánh. Đ C G. đã nhắc đi nhắc lại trong sách Evang ; — Hội-thánh dạy ta phải tin ; — Thiên thần đã hiện xuống phán bảo nhiều lần ; — các thánh Sư đã giảng giải tường-tận.

Muôn vạn thánh nam nữ khắp bầu thế-giới, đã cam lòng chịu chết, mà làm chứng. — Các đấng giám-mục ; linh-mục đã bỏ cha mẹ quê-hương mà đi giảng giải cho thiên-hạ ; các viện tu ần-tu đã bỏ hết mọi sự thế-gian, mà lo một việc thiên-đàng. Giáo-hữu các phương, các nước,

các đời, đều tin chắc-chắn. Ấy là chứng vững-vàng, ta phải tin thật có thiên-dàng, chẳng còn lẽ gì nghi-nan-đặng.

Thứ hai. Cứ lẽ thường mà xét, cũng biết phải có thiên-dàng để thưởng kẻ lành.

Một là, Hễ cai-trị thì có thưởng phạt ; mà Đ C T. là chín h dấng cai-trị thần nhơn, cho-nên thưởng những kẻ t rung-nghĩa cùng Người. Kia vua đời còn biết thưởng kẻ có công với nhà-nước, phương-chi Vua cả trên trời.

Hai là, Đ C T. là Chúa rất công-bình, ắt là có thưởng lành phạt dữ. Ấy vậy trong người ta có kẻ lành, thì Người thưởng chẳng sai. Vì kẻ lành kẻ dữ ở với Đ C T., thì khác xa nhau lắm ; nên Chúa phải yêu người lành ghét kẻ dữ.

Ba là, Đ C T. là Đấng rất công-bình vô cùng, ắt là trả công xứng việc. Vậy đời này chưa trả xứng, chắc sẽ trả đời sau chẳng sai. Kia ta có biểu ai làm việc, ta còn biết trả công cho xứng ; mà Đ C T. dạy ta làm việc lành phước-đức, là việc khó-nhọc cả đời, lẽ nào Người chẳng huân công cho cân-xứng !

Bốn là, Giả-như chẳng có thiên dàng thưởng kẻ lành đời sau, thì công-việc tu nhơn tích đức đều ra vô-ích, vì khó-nhọc cả đời, mà chẳng được hưởng sự gì vui-sướng ở đời này. Nhưng-mà ai-nấy đã biết việc lành phước-đức là đều đáng khen đáng thưởng. Như lời tục-ngữ rằng : Làm lành gặp lành. Vậy chưa gặp đời này đặng, thì chắc gặp đời sau. Nên phải có chỗ thưởng kẻ lành, là thiên-dàng.

Năm là, Đ C T. dựng-nên loài người-ta cho được hưởng phước thật cõi trời : cho-nên bền-tính loài người chưa lấy phước đời này làm đủ. Vì vậy dầu kẻ đã được phước-lộc thế-gian thế nào, cũng chưa phỉ dạ, hãy còn mơ-uớc luôn. Cũng như cá chưa gặp nước, thì chang hề

yên lặng ; vì đã phú tinh cho nó phải ở dưới nước. Vả lại Đ C T. sắm nước thiên-đàng, chẳng những để thưởng kẻ lành, mà lại nên phước linh-nghiệm giúp ta ham đàng phước-đức. Vì tính ta yếu-đuối, hay lấy việc lành phước-đức làm khó làm nhàm ; như chẳng trông ích lợi cả thể, thì chẳng mấy ai ra tay phấn chấn, và bền-đỗ cho mãi cuộc. Nên thường thấy vua quan có muốn dạy ai làm việc gì khó-nhọc cho hẳn hỏi, liền hứa phần thưởng trước.

40 — H. — *Vì lẽ nào mà nói phước đời này chẳng xứng công kẻ lành ?*

T. — Vì phước đời này người-ta thường kể là quờn-chức, của-cải, danh-vọng, vui-sướng. Nhưng-mà bấy-nhiều sự ấy kẻ lành kẻ dữ đều hưởng chung ở thế này ; nên chẳng phải là phần thưởng kẻ lành cho thật. Lại hay pha sự khốn-khó đắng-cay, hay làm cho cực lòng rối trí. Phần thì hay ngăn-trở cùng hại đàng hơn đức. Phần thì chóng qua mau hết, chẳng bền đỗ bao-lâu. Phần thì của thế-gian có ngắn, chẳng đủ trả công cho các kẻ lành ; vì người này đặng nhiều, tự nhiên thiếu cho kẻ khác. Những phước thể ấy chẳng kể là phước thật, cho-nên Đ C T. chẳng lấy đó mà trả công cho kẻ lành ; một lập phước thật thiên-đàng mà trả công cho cân-xứng.

41 — H. — *Những ai đặng lên thiên-đàng ?*

T. — Những kẻ chẳng hề phạm tội, hay-là phạm tội mà đã ăn-năn đền tội xong rồi. Vì nước thiên-đàng là toà Chúa chí thánh, là nơi thần thánh hiệp cùng Chúa muôn đời ; cho nên kẻ đã sạch hết mọi bợn-nhơ tội-lỗi, mới được vào.

ĐIỀU THỨ HAI

VỀ PHƯỚC LỘC THIÊN ĐÀNG

42 — H. — *Phước thiên-đàng ra làm sao ?*

T. — Sự vinh phước thiên-đàng, thì quá trí loài người, trời xa mọi phước dưới thế, đời này chẳng có phước nào sách kịp. Như lời Kinh thánh rằng : Phước-lộc Đ C T. đã sắm cho những kẻ kính-sợ Người, mắt người đời chưa hề thấy, tai chưa từng nghe, miệng nói chẳng đặng, trí suy không thấu là thế nào. Đây ta cứ ý lời Kinh thánh, các thánh Sư, các hàng lý đoán, mà giải qua một hai điều dễ hiểu mà-thôi.

Giả-như lấy hết các sự tốt-lành trong trời đất này, góp lại một chỗ cho ta coi, thì đã lấy làm quý-trọng quá sức. Nhưng-mà bấy-nhiều sự ấy là của Chúa cho kẻ dữ kẻ lành hưởng chung nơi tạm ngụ. Ấy kẻ dữ đáng phạt, Chúa còn thưởng sự tốt-lành đời tạm thế ấy, vậy thì kẻ lành đáng thưởng, Chúa ban phước-lộc quý-trọng dường nào ! thật thì trí loài người suy không thấu.

Kìa cha mẹ thương con chí-thiết, thì muốn cho con nên sang-trọng hết sức, chẳng tiếc sự gì, song chẳng có thể làm được như ý mình muốn. Nhưng-mà Đ C T. yêu kẻ lành quá hơn cha mẹ thương con, ắt là chẳng tiếc sự gì với kẻ ấy ; lại Người phép-tắc vô-cùng, chẳng có phước nào sắm chẳng đặng. Cho-nên kẻ lành có sức hưởng đặng bao-nhiều, thì Chúa sắm bấy-nhiều.

43 — H. — *Kẻ lành trên thiên đàng hưởng phước thế nào ?*

T. — Một là, Về phần hồn, được thanh-nhận khoái-lạc

luôn : vì một là, tại đặng xem-thấy tổ-tường thánh tính Đ. C. T. ; hai là, bởi xem-thấy tổ-tường, thì đặng mến yêu Đ. C. T. chí-thiết. Bởi xem thấy tổ-tường, và mến-yêu chí-thiết, thì đặng vui-sướng phỉ tình, mà ngợi-khen Đ. C. T. chẳng khi dừng.

Hai là, Về phần xác đặng bốn ơn, như đã nói về xác kẻ lành sống lại ; cùng hưởng mọi sự quý-trọng vinh-hoa, an-nhàn sung-sướng, khôn kể cho cùng. Vì phần xét chung đoạn, linh-hồn hiệp với xác mà hưởng phước đời-dời. Vậy Chúa đã cho linh-hồn hưởng mọi phước thanh-nhàn đời-dời, thì cũng sắm mọi sự tốt lành vinh hiển cho xác hưởng đời đời mà-chờ ; nên đây một giảng về phước linh-hồn, đã đủ mà suy-nghĩ về phước phần xác.

43 - H. — *Xem-thấy Đ. C. T. tổ-tường cách nào ?*

T. — Cứ tính tự-nhiên ta chẳng thấy thánh tính Đ. C. T. đặng, phải có ơn riêng mới đặng. Cũng như con-mắt ta tự-nhiên chẳng thấy sự gì đặng, nhờ yển-sáng mặt-trời chiếu, mới thấy rõ-ràng những sự chẳng thấy đặng.

Ấy vậy kẻ lành lên thiên-đàng, nhờ sự thông-minh cả sáng Đ. C. T. chiếu cho, liền thấy tổ-tường thánh tính Chúa, thấy mọi loài mọi vật rõ-ràng, cùng lâu-thông mọi tánh lý. Kia ta xem trong mặt gương thấy mọi sự đã chiếu trong ấy thế nào : thì trên thiên-đàng sự cả sáng Đ. C. T. cũng chiếu cho ta thấy mọi sự như vậy.

H. — *Thấy thánh linh Đ. C. T. là thấy những sự gì ?*

T. — Những sự bây giờ đạo thánh dạy tin về Đ. C. T., thì khi ấy ta thấy đặng, hiển đặng rõ-ràng minh-bạch. Như lời ông thánh Phaolô tông-đồ rằng : Rày ta thấy Đ.

C. T. cách mừng-tượng như trong mặt kính trong bóng vẽ ; mà khi ấy ta sẽ thấy nhãn tiền tường-tận.

Một là, Thấy rõ tài-năng bốn-tính Đ. C. T. : sự phép-tắc vô-cùng ; sự tốt-lành, sáng-láng ; sự hơn-từ công-bình ; sự vô-thỉ vô-chung ; sự vô-lượng vô-biên Đ. C. T...

Hai là, Thấy rõ sự mẫu-nhiệm một Chúa Ba Ngôi : sự Ba Ngôi bằng nhau ; sự thứ-tự trong Ba Ngôi, sự vinh-hiễn trong Ba Ngôi...

Ba là, Thấy rõ sự mẫu-nhiệm Ngôi Hai ra-đời : sự Ngôi Hai hiệp với tính loài người ; sự Đ. C. G. ngự trong phép thánh-Thể...

44 — H. — *Thiên thần các thánh trên thiên-đàng có thấy trót thành tính vô cùng Đ. C. T. chăng ?*

T. -- Tuy thấy rõ-ràng minh-bạch, nhưng-mà chẳng thấy trót vô-cùng như Đ. C. T. thấy. Vì thiên-thần thánh hơn là vật thọ sanh có cùng, nên chẳng thấy trót vô-cùng đặng. Cũng như bình nhỏ chẳng có sức chứa hết nước biển vậy. Mà thấy đặng ngần nào, hưởng ngần ấy, đã đủ phỉ tình toại chí rồi, chẳng còn muốn thấy hơn nữa. Chẳng khác nào bình đã tràn-trề, chẳng còn muốn thêm được nữa.

H. — *Kẻ ở trên thiên-đàng thấy biết mọi loài mọi tính mọi lý, nghĩa là làm sao ?*

T. — Phước thiên-đàng thì gồm no mọi sự lành, mới phỉ lòng các thánh. Vậy thấy biết những đều làm sáng danh Chúa, và thêm ích cho mình, cho kẻ khác, ấy là sự lành ; cho-nên Đ. C. T. cho thấy biết. Vả các loài các tính các lý, đều bởi lòng hơn-từ phép-tắc Đ. C. T. đã dựng-nên cho sáng danh Chúa, và cho ta nhờ. Cho-nên những

kẻ đặng thấy tỏ-tường thánh tính Chúa, ắt là Chúa cũng cho biết các sự lành ấy chẳng sai.

Vì vậy kẻ dốt-nát đặng lên thiên-đàng, thì hoá ra thông-minh hơn các hàng thượng trí dưới thế này. Kẻ ở trên thiên-đàng cũng thấy bà-con thân-nhơn đương làm gì dưới thế, cùng thấy những kẻ ở đông tây nam bắc đương kêu xin mình cầu-khẩn việc gì.

Sự các thánh trên trời thông-công với người còn ở thế, đã giải trong *Phần thứ IV, Đoạn thứ III*.

45 — H. — *Thấy Chúa tỏ-tường thì sinh mến-yêu chí-thiết, nghĩa là làm sao ?*

T. — Một là, Hễ trí-hiểu biết sự gì là tốt thật, tự-nhiên lòng muốn phát ham ; càng biết rõ-ràng, càng sinh yêu-chuộng ; và thấy rõ tốt-lành chừng nào, thêm yêu-chuộng chừng nấy. Ví dụ : kẻ biết bạc là giống quí, mới ham ; mà biết rõ vàng quí hơn bạc, thì chuộng vàng hơn bạc. Ấy vậy trí-hiểu thấy nhân tiền thánh tính Đ. C. T. rất tốt-lành vô-cùng, gồm no mọi sự ta ước-ao ; cho-nên phải mến-yêu Đ. C. T. chí-thiết, chẳng yêu chẳng đặng.

Hai là, Những kẻ lên thiên-đàng thì Đ. C. T. đã nhắc trí-hiểu lên quá khỏi sức thường, cho đặng thấy Chúa nhân tiền tường-tận. Mà đặng thấy Chúa nhân tiền quá sức thường, thì mến-yêu Chúa chí-thiết, cũng phải quá sức thường như vậy, vì lòng muốn hăng theo trí-hiểu luôn.

Vì vậy những kẻ ấy yêu-mến Chúa quá hơn yêu mình, kính-mến Chúa thiết-tha quá đời, hiệp cùng Chúa cách sâu-nhiệm lạ-lùng. Khác nào hột nước nhỏ trong thùng rượu, bèn hoá ra giống tính rượu mọi đàng. Kìa thấy người sốt-sắng nguyện gấm trông thấy Chúa chút-đỉnh, liền phát yêu-mến sùng-sờ bất tỉnh, bay lên khỏi

đất. Phương-chỉ kẻ ở thiên-đàng xem-thấy Chúa nhần tiền.

H. — *Thấy Chúa tỏ-tượng và mền-gêu chi-thiết là chính phước thanh-nhàn các đảng ấy, nghĩa là làm sao ?*

T. — Một là, Đ. C. T. là căn-bồn và là cùng sau hết, kẻ lành ở thế hăng ngóng trông khao-khát luôn. Cũng như nước đầu đó đều tìm chảy về tới biển mới yên, vì biển là đầu là cùng các mạch. Ấy vậy kẻ lành đảng về thiên-đàng, đảng xem-thấy Chúa là chính đảng mình trông-ước trên hết, liền phỉ nguyện khoái chí biết là chừng nào. Kia con thảo phải đày ở phương xa xác lâu năm, khi đảng về thấy mặt cha lành phú quới và hưởng phước cùng người, thì mừng-rỡ hỉ hoan là dường nào !

Hai là, Chính phước cho linh-hồn, là biết đảng mọi sự thật mình muốn biết, được hết mọi sự lành mình ước-ao : vì trí-khôn muốn biết cho cùng, lòng muốn trông được cho hết. Ví dụ : như bây-giờ có ai hiểu thấy hết mọi sự trên trời dưới đất rõ-ràng tường-tận, biết nó vui-mừng phỉ chí là dường nào ! Có ai được hết mọi sự lành như ý mình muốn, biết nó lấy làm sung-sướng thích tình là ngần nào ! Ấy vậy kẻ lên thiên-đàng thấy nhần tiền Đ. C. T. là sự thật trên hết, là gốc mọi sự thật ; đảng yêu-mến Đ. C. T. là đảng tốt-lành trên hết, gồm no mọi sự tốt-lành, thì biết kẻ ấy phỉ lòng toại chí là trùng nào.

Vả lòng muốn tự-nhiên ham chức-quờn, thì ở đó thấy mình được chức cai-trị cùng Chúa Kirixitô muôn đời. Ham sang-trọng, thì ở đó thấy mình hưởng sự cao-trọng vinh-hiễn vô-cùng Đ. C. T.. Ham của-cải, thì ở đó thấy mình có đủ mọi giống quý-trọng châu-báu trong Đ. C. T. Ham vui-sướng, thì ở đó thấy mọi sự tốt-lành vinh-

hiền Đ. C. T., thấy mọi phước-lộc thanh-nhàn thiên-thần các thánh, thấy mình đặng mến-yêu Chúa chí-thiết, thấy mình hằng được mọi sự vừa ý, và hưởng chẳng hay cùng chẳng hay hết, thì biết vui-sướng là dường nào !

Mà mọi sự ấy bởi đặng thấy Đ. C. T. tỏ-tường cùng đặng yêu-mến Chúa chí-thiết mà ra, cho-nên chính phước thanh-nhàn là đó.

46 — H. — *Kẻ ở trên thiên-đàng có hưởng phước bằng nhau chăng ?*

T. — *Chẳng bằng nhau. Một là, nhà-nước thiên-đàng cũng tương-tợ nhà-nước thế gian, nên có nhiều phẩm trật. Như lời Đ. C. G. dạy rằng : Nhà Cha Tao có nhiều phẩm cấp.*

HAI là. Đ. C. T. trả công tùy việc. Mà công-nghiệp những kẻ ấy khác nhau ; cho-nên phần thưởng cũng phải khác, chẳng như nhau đặng.

H. — *Nếu vậy sao cho khỏi phân-bì, khinh-dễ nhau ?*

T. — *Kẻ ở bậc dưới chẳng ước-ao lên bậc trên, mà bậc trên chẳng khinh dễ bậc dưới ; bậc nào đều phải tỉnh toại chí theo bậc ấy, và vui-vẻ hỉ-hoan với nhau luôn.*

Một là, vì công-nghiệp làm chứng : ai đặng chừng nào, thì lãnh phần thưởng chừng ấy, chẳng muốn lãnh hơn. Cũng như con-cái cứ theo vóc mình mà lãnh áo : đứa cao lãnh áo dài, đứa thấp lãnh áo vắn, vừa theo vóc mình thì thôi. Em chẳng muốn lãnh áo dài quá thân mình, anh chẳng khinh-dễ em mặc áo vắn, vì thấy đã vừa vắn vóc mình em mọi đàng.

HAI là, vì sự mến-yêu Đ. C. T. chí-thiết, thành một ý với Chúa luôn ; hằng chuộng việc Chúa làm, yêu kẻ Chúa

yêu. Khác nào cục sắt ở trong lò lửa đỏ, tự-nhiên phải đỏ phải nóng phải sáng, giống-như lửa vậy. Cho-nên kẻ ấy hằng yêu hết các thần thánh như Chúa yêu, cùng vui-mừng phước-lộc các thần thánh như phước-lộc mình. Chẳng khác chi các ngôi sao hiệp yếng-sáng với nhau mà thêm chói loà trên bầu-trời.

47 -- H. — *Những kẻ ở trên thiên đàng có đang hưởng phước đời-đời chăng ?*

T. — *Đặng.* — Lễ thứ nhất. — Bởi có lời Hội-thánh dạy ta phải tin. Như trong kinh Tin-kinh rằng : *Tôi tin hằng sống vậy.* Cùng nhiều nơi trong Kinh thánh, như lời rằng : *Kẻ lành sẽ vào sự sống đời-đời... Sự khốn-khó ta chóng qua chóng hết, mà phần-phước để dành cho ta thì vô-cùng vô-lận.* Lại xưa nay các thánh hiền, các bôn-đạo lớn bé đều tin chắc-chắn như vậy. Ấy là điều đích-thật chẳng sai.

Lễ thứ hai. — Phước thiên-đàng là phước thật, chẳng pha chút gì khốn-khó ; nên phải bền-đỗ muôn đời. Giả-như chẳng bền-đỗ đời-đời, ắt là kẻ lành trên thiên-đàng phải lo-sợ áy-náy luôn. Vì phước càng trọng, càng sợ mất, và nghĩ đến ngày sẽ mất, càng thêm buồn-rầu. Nếu vậy chẳng khác nào phước giả thế-gian, pha lộn những điều cay-đắng. Chẳng lẽ Chúa lấy phước thế ấy, mà thưởng kẻ Chúa yêu-đương. Cho-nên phải có phần thưởng bền-đỗ đời-đời, mới đáng vui lòng thần thánh.

Lễ thứ ba. — Như chẳng đáng hưởng đời-đời, hoặc tại mình chết đi, hay-là nhàm-lờn chẳng muốn hưởng nữa, hoặc tại ai cắt đi chẳng cho hưởng nữa. Song ba sự chẳng lẽ nói dặng.

Vì, một là, linh-hồn là vật thiêng-liêng, chẳng hề suy

yếu, chết mất đặng, nên hằng sống muôn đời. Hai là, kẻ lành được về thiên-đàng là chính quê thật ; được hiệp với Đ. C. T. là chính căn-bồn và cùng sau hết ; được sum-vầy thiết-nghĩa với thần thánh ; được hưởng mọi sự tốt-lành mình ước-ao ; thì mừng-rỡ như cá kho gặp nước. Cho-nên chẳng lẽ nhàm-ngán phước trọng thể ấy đặng. Ba là, phần thưởng Đ. C. T. sẵn-đề cho kẻ lành chẳng ai cất đặng. Như lời Đ. C. G. phán rằng : *Chẳng ai cất đặng sự vui-mừng chúng bay*. Ấy vậy có một mình Đ. C. T. cất đặng mà-thôi ; nhưng-mà chẳng thấy lẽ nào Đ. C. T. cất đi, không cho hưởng nữa.

Lẽ thứ bốn. — Như kẻ ấy có phạm tội, thì Đ. C. T. mới phạt chẳng cho hưởng mà-thôi. Nhưng-mà kẻ ở trên thiên-đàng, chẳng hề phạm tội đặng.

Một là, bởi ơn Chúa soi cho hằng thấy Chúa tỏ-tường, biết rõ mọi sự thật, chẳng còn sai-lầm đặng ; cho-nên chẳng hề phạm tội đặng.

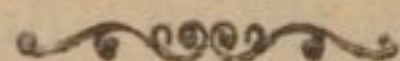
Hai là, bởi mến-yêu Chúa chí-thiết, ý mình hằng hiệp cùng ý Chúa luôn, hằng yêu việc Chúa yêu, ghét việc Chúa ghét. Cũng như cục sắt ở trong lò lửa đỏ, hằng phải nóng theo lửa luôn, chẳng hề lạnh đặng. Cho nên kẻ ấy chẳng hề phạm tội nghịch cùng Chúa.

Ấy vậy kẻ ở trên thiên-đàng, còn thiết-nghĩa cùng Chúa bao lâu, thì Chúa thương bấy lâu, vì lòng Chúa thương kẻ lành chẳng hề thay-đổi.

Mà những kẻ ấy hằng thiết-nghĩa với Chúa luôn, vì chẳng còn phạm tội được nữa. Cho nên đặng hưởng luôn cho đến đời-đời kiếp kiếp.

Hãy coi sách giảng về Thiên-đàng. Đây giải lược qua mấy điều đại cái, cho đủ biết phải tin phải trông mong, chí quyết, mà gần vào đi đàng chính lộ, là đạo thánh Đ. C.

T. Phải dè giữ cho khỏi vương vấn tội tình, cùng bươn theo đảng nhơn đức luôn, mới dặng về tới quê thật thiên đảng.



Lời tóm kết

48 — Một là, Đ C T. dựng nên loài người cho được lập công mà lãnh phần thưởng. Nên Chúa đã chỉ định cho mỗi một người có hai kỳ : một kỳ cho *tự ý* ; một kỳ *cứ phép công thẳng*.

HAI là, từ ngày sinh cho đến giờ chết, là kỳ *tự ý*, để mà làm việc lập công. Từ ngày chết cho đến đời-đời, là kỳ *cứ phép công thẳng*, mà trả công tùy việc.

BA là, kỳ *tự ý* này thì mỗi người được hai đảng, là đảng lành và đảng dữ. Đảng lành là đảng lên thiên-đảng ; đảng dữ là đảng xuống hoả ngục. Muốn chọn đảng nào mặc ý. Kỳ phép thẳng, thì mỗi một người có một chỗ mà-
thời : chẳng thiên đảng thì hoả ngục, không thoát ngõ nào dặng nữa.

BỐN là, giờ chết là chính giờ định thưởng : ai đã đi đảng lành, ấy là công, thì dặng thưởng ; ai đã đi đảng dữ, ấy là tội, thì phải phạt.

NĂM là, hưởng thiên-đảng đời đời, phạt hoả ngục cũng đời đời ; hai ấy xưng đối nhau. Thật là việc đáng cho mọi người trông ước, và kinh hãi hơn hết mọi sự.

SÁU là, phước cho kẻ được Chúa thưởng đời đời ! Khốn cho kẻ phải Chúa phạt đời đời ! Đời tạm dầu dặng lời lãi cả và thế gian, mà đời đời phải phạt, thì nào dặng ích gì ?

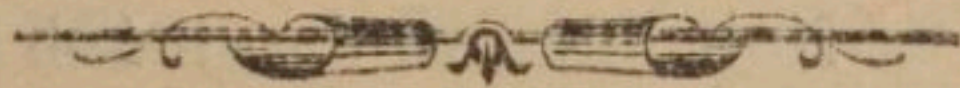
BẢY là, sự vui-sướng đời này mau tan mau mất ; mà hình phạt đời sau muôn đời muôn kiếp. Sự khốn khó đời

này chóng qua chóng hết ; mà phần thưởng đời sau vô-cùng vô tận.

Ấy vậy rày ai biết lo thân mình cho sau khỏi khổ-nạn đời-đời, mới thật khôn-ngoaan khéo liệu.

Cho nên phải nhớ bốn sự sau này luôn :

Một là, sự mình chết rất chắc chắn chẳng khỏi đặng, mà chẳng biết chết khi nào. Hai là, Chúa phán xét rất oai nghiêm thẳng nhất, chẳng lọt mảy lông. Ba là, hình phạt hoả ngục rất dữ dẫn kinh khiếp, thiêu đốt muôn đời. Bốn là, phần phước thiên đàng rất cao trọng vinh hiển khoái-lạc vô-cùng. Như lời Kinh thánh rằng : *Mầy hãy nhớ bốn sự sau hết, thì cả đời chẳng hề phạm tội.*



THÁNH ĐẠO ĐẠI NGUYÊN

Cuốn thứ nhất



MỤC LỤC

Tiêu dẫn.	5
Mục lệ.	8

PHẦN THỨ NHẤT

Nói về đạo

Đoạn I — Nói chung về đạo thánh Đ C T.	19
Đoạn II — Luận về đạo Chúa Kirixitô. .	29
Điều 1 — Về đăng lập đạo.	30
2 — Về ấn-tích trong đạo.	32
§ 1 — Về lễ luật lễ nghi.	32
§ 2 — Về việc giảng truyền.	37
§ 3 — Về kẻ giữ đạo.	39
§ 4 — Về đạo vững-bền.	41
Đoạn III — Về ba đạo dị-đoan nước này.	42
Điều 1 — Đạo Nhu.	43
2 — Đạo Phật.	46
3 — Đạo ông bà.	50

PHẦN THỨ HAI

Nói về Đức-Chúa-Trời

Đoạn I — Về sự có Đ C T.	56
Đoạn II — Về bản tính Đ C T.	58

Đoạn III — Về Đ C T. Ba Ngôi.	69
Đoạn IV — Về Đ C T. dựng-nên mọi sự.	74
Điều 1 — Về sự sinh-dưỡng, cai-trị.	74
2 — Loài trọng Chúa dựng-nên.	79
A — Về loài thần.	80
§ 1 — Về bốn-tính thần.	80
§ 2 — Về thần lành	82
§ 3 — Về thần dữ.	85
B — Về loài người.	92
§ 1 — Về bốn-tính.	92
§ 2 — Về gốc-tích.	100

PHẦN THỨ BA

Giảng về Chúa Cứu-Thế

Đoạn I — Nói chung về sự Giáng-sanh	110
Đoạn II — Về sự Giáng-sanh.	113
Điều 1 — Về cách Chúa ra đời.	114
2 — Đ C G. có tính Đ C T.	119
§ 1 — Chứng trước Giáng-sinh.	119
§ 2 — Chứng khi Đ C G. ở thế.	120
§ 3 — Chứng sau khi thăng thiên.	124
§ 4 — Luận lẽ ba khoản trước.	126
3 — Đ C G. có tính loài người.	130
Đoạn III — Về ơn Cứu-thực.	134
Điều 1 — Về cách cứu-thực.	134
2 — Về sự cứu-thực rất phải lẽ.	136
3 — Về sự nhờ ơn cứu-thực.	141
Đoạn IV — Về rất thánh Đ Bà Maria.	147
Điều 1 — Về chức làm Mẹ Chúa Trời.	148
2 — Về ơn phước Đức Mẹ.	149

- 3 — Về việc đồng công cứu-chuộc. 153
- 4 — Về phước-lộc quờn tước Đ. Mẹ 156
- 5 — Về cách kính-thờ Đức Mẹ. . 161

PHẦN THỨ BỐN

Giảng về Đ C T T. và Hội-thánh

- Đoạn I — Về việc Đ C T T. 167
- Đoạn II — Về Hội-thánh. 170
 - Điều 1 — Hội-thánh là di gì. 170
 - 2 — Quờn-hoành Hội-thánh. 177
- Đoạn III — Về sự thông công. 183

PHẦN THỨ NĂM

Về sự sống đời sau

- Đoạn I — Giảng về việc hận người-ta. . 190
 - Điều 1 — Về sự tận thế. 190
 - 2 — Xác cũ sống lại. 191
 - 3 — Về sự phán-xét. 195
- Đoạn II — Giảng về hoả ngục. 198
 - Điều 1 — Về sự có hoả-ngục. 198
 - 2 — Về hình-khổ. 205
- Đoạn III — Về luyện-hình. 208
 - Điều 1 — Về sự có luyện hình. 208
 - 2 — Về hình-khổ. 210
- Đoạn IV — Về thiên-đàng. 213
 - Điều 1 — Về sự có thiên đàng. 213
 - 2 — Về phước-lộc. 216

